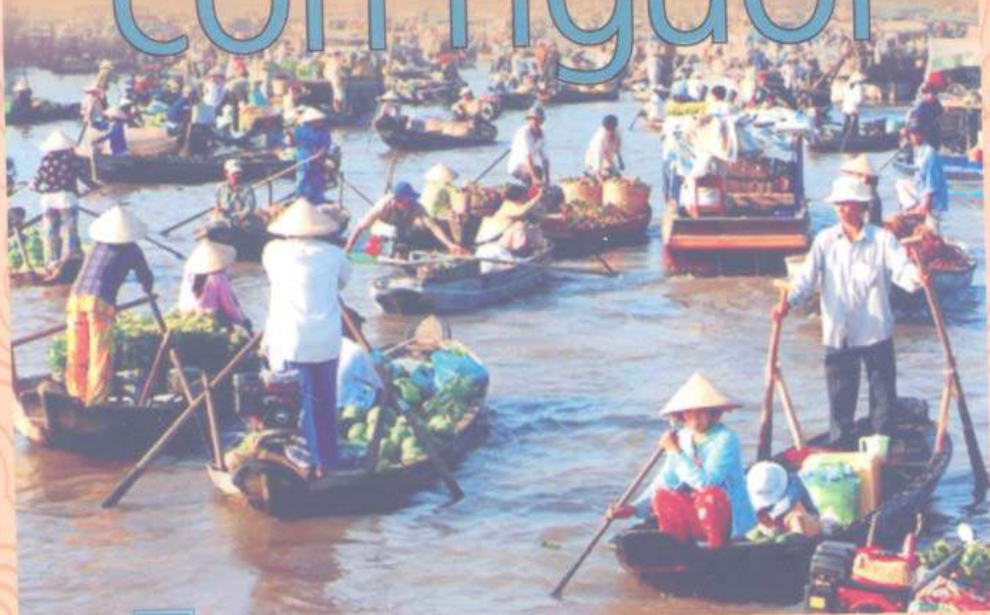


ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

vùng đất,
con người



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

DỒNG BẰNG
SÔNG CỬU LONG
VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI

**NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH**

9437 (V321)
1128 - 2010
QĐND - 2010

ĐỒNG BẰNG
SÔNG CỬU LONG
VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 2010

TỔ CHỨC BẢN THẢO:

Thượng tá, Thạc sỹ ĐINH VĂN THIÊN

Trung úy HOÀNG THẾ LONG

Cử nhân NGUYỄN TRUNG MINH

LỜI NÓI ĐẦU

Đất nước Việt Nam luôn được nhân loại biết đến như một đất nước anh hùng với những chiến công chói lọi trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Ngày nay, bên cạnh quá khứ hào hùng đó, đất nước ta ngày càng được bạn bè chọn làm điểm đến để tìm hiểu, khám phá bởi cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ tươi đẹp, rực rỡ sắc màu; bởi khí hậu chan hòa ánh nắng, quanh năm tươi xanh và bởi vẻ đẹp của những con người bình dị cần cù, chân thành mến khách. Trải dọc chiều dài đất nước, qua từng vùng, miền du khách càng thêm ngỡ ngàng khi hòa mình vào bầu không khí sôi động đầy nắng gió của miền Nam hay cổ kính trầm mặc của miền Bắc hoặc nhẹ nhàng sâu lắng của miền Trung. Đời sống tinh thần với những nét đặc sắc, tinh tế trong phong tục lễ hội, văn hóa ẩm thực cùng với các di tích thắng cảnh trở thành những “vẻ đẹp tiềm ẩn” mà chúng ta đang tập trung gìn giữ, khai thác, phát triển trong quá trình hội nhập vươn mình ra thế giới.

Đồng bằng sông Cửu Long, vùng đất của những cánh đồng lúa bao la, được mệnh danh là vựa lúa của Việt Nam. Nơi đây có những miệt vườn cây trái sum suê với nhiều loại trái cây nổi tiếng như xoài, chôm chôm, măng cụt, sầu riêng,... Thú vị biết bao khi du khách có dịp đến với vùng

Đồng bằng sông Cửu Long, du thuyền ngắm cảnh trên những dòng sông, những con kênh, cùng người dân tham gia các phiên chợ nổi, cùng du ngoạn, thưởng thức những món ăn độc đáo mang đậm nét riêng của từng điểm ghé qua... Hay cùng hòa mình vào khung cảnh thiên nhiên mang đậm tính hoang dã, kỳ thú của những cảnh quan, khu du lịch, vườn sinh thái... mà thiên nhiên ban tặng cho nơi này. Chúng ta sẽ thấy được những ngày tháng hào hùng của quân và dân Đồng bằng sông Cửu Long trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước của ông cha ta khi chúng ta đến thăm các khu di tích lịch sử, các khu triển lãm, trưng bày.

Cuốn sách **“Đồng bằng sông Cửu Long - vùng đất, con người”** nằm trong bộ sách **“Văn hóa các vùng miền”** do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tổ chức biên soạn. Nội dung cuốn sách cung cấp cho bạn đọc hiểu sâu hơn về thiên nhiên, văn hóa, con người, phong tục tập quán và các di tích thắng cảnh của Đồng bằng sông Cửu Long.

Cuốn sách được sưu tầm, biên soạn dựa trên nguồn tư liệu tại trang thông tin của các tỉnh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, website của Tổng cục Du lịch, kế thừa kết quả nghiên cứu về văn hóa, lịch sử của những tập thể và cá nhân đã được công bố trong những năm gần đây.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, song chắc chắn cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót. Mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Trân trọng giới thiệu!

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Phần thứ nhất

**KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN,
ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI
VÀ CÁC DI TÍCH, DANH THẮNG
CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm 13 tỉnh, thành phố: Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Kiên Giang, thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau. Phần đất liền trải dài từ $11^{\circ} - 8^{\circ}30'$ vĩ độ Bắc (từ Long An đến Cà Mau) và từ $103^{\circ}50' - 106^{\circ}50'$ kinh độ Đông (từ Kiên Giang đến Bến Tre), phía bắc và tây bắc giáp Campuchia, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh (vùng Đông Nam Bộ), phía tây và tây nam giáp với vịnh Thái Lan, phía đông và đông nam giáp với Biển Đông.

Đây là một trong những đồng bằng châu thổ rộng và phì nhiêu ở Đông Nam Á và thế giới, là vùng sản xuất lương thực, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, vùng cây ăn trái nhiệt đới lớn của cả nước. Vùng có bờ biển dài hơn 700km, với khoảng 360.000km^2 vùng đặc quyền kinh tế, giáp Biển Đông và vịnh Thái Lan có điều kiện thuận lợi phát triển vận tải biển, phát triển kinh tế biển (đặc biệt là phát triển khai thác thủy sản, công nghiệp khai thác khoáng sản dưới lòng biển, xuất nhập khẩu, du lịch biển...).

Đồng bằng sông Cửu Long nằm giữa một khu vực kinh tế năng động và phát triển, liền kề với vùng kinh tế trọng điểm phía nam, bên cạnh các nước Đông Nam Á, giáp Campuchia, gần Tây Nguyên là những vùng đất có nguồn

tài nguyên khoáng sản, rừng phong phú, thuận lợi cho việc phát triển giao lưu và hợp tác kinh tế.

Đồng bằng sông Cửu Long có vai trò quan trọng đối với môi trường sinh thái của cả khu vực Nam Bộ và Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS). Trên địa bàn vùng có nhiều vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên như Vườn quốc gia Tràm Chim, U Minh Thượng, Mũi Cà Mau, Phú Quốc, khu bảo tồn thiên nhiên Vồ Dơi, Vàm Hồ, Thạch Phú... chứa đựng những đặc trưng về tự nhiên và đa dạng sinh học, với các loài sinh vật quý hiếm. Có diện tích lớn rừng phòng hộ ven biển, cửa sông... Việc bảo vệ rừng và đa dạng sinh học, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất và nước có ý nghĩa quan trọng trong việc giữ gìn môi trường sinh thái cho cả Nam Bộ và Tiểu vùng Mê Kông mở rộng.

Đồng bằng sông Cửu Long có địa hình bằng phẳng. Nền đất Đồng bằng sông Cửu Long thuộc dạng đất yếu (bùn sét, bùn sét pha, bùn cát pha), có diện phân bố rộng rãi từ phía nam sông Vàm Cỏ Đông đến tận mũi Cà Mau (ngoại trừ các đồng bằng cao ở phía bắc Đồng Tháp Mười và các núi còn sót ở phía tây An Giang, Kiên Giang). Bề dày của đất yếu có khuynh hướng tăng dần từ bắc xuống nam, từ tây bắc xuống đông nam và về phía các sông lớn. Bề dày nhỏ nhất được ghi nhận ở vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang một phần Tứ giác Long Xuyên, phần lớn ở Đồng Tháp Mười. Ở phía nam Cà Mau, phần lớn khu vực giữa sông Tiền và sông Hậu, vùng duyên hải, bề dày của đất lớn hơn 20m.

Đồng bằng sông Cửu Long có nền khí hậu nhiệt đới ẩm với tính chất cận xích đạo thể hiện rõ rệt. Nhiệt độ trung

bình năm từ 24 - 27°C. Biên độ nhiệt trung bình năm chỉ từ 2 - 3°C, chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm không lớn, ít có bão hoặc nhiễu loạn thời tiết. Nhiệt và nắng là một trong những lợi thế ở Đồng bằng sông Cửu Long để phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới với nhiều loại cây trồng, tạo nên sự đa dạng sản xuất và trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất.

Mưa phân bố theo mùa. Mùa mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa chiếm tới 99% tổng lượng mưa cả năm. Mùa khô kéo dài từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình năm lớn nhất ở khu vực tây nam Cà Mau khoảng 2.000mm, nhưng cá biệt ở Gò Công lại chỉ có 1.300mm. Phía tây bắc và đông bắc, lượng mưa trung bình 1.700mm. Số ngày mưa trung bình trong năm khoảng 120 ngày.

Mưa theo mùa đã và đang gây ra những trở ngại đáng kể cho sản xuất nông nghiệp và đời sống cư dân: mùa mưa thường đi kèm với ngập lụt cho khoảng 50% diện tích toàn đồng bằng; mùa khô thường đi kèm với việc thiếu nước tưới, gây khó khăn cho sản xuất, nhất là khu vực bị ảnh hưởng của mặn, phèn và tất cả những điều đó làm tăng thêm tính thời vụ cũng như nhu cầu dùng nước không đều giữa các mùa của sản xuất nông nghiệp.

Tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng đất. Đồng bằng sông Cửu Long được tạo thành do trầm tích sông ngòi và khoáng sinh phèn (pyrite), trong các lớp trầm tích đầm lầy. Khoảng 60% diện tích đất của vùng từ chua đến rất chua. Đất ở Đồng bằng sông Cửu Long có độ phì trung bình khá, hàm lượng chất hữu cơ khá cao, hàm lượng đạm từ trung

bình đến khá, hàm lượng lân tổng hợp từ hơi nghèo đến trung bình.

Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều nhóm đất: Nhóm đất phù sa phân bố chủ yếu ở vùng ven và giữa hệ thống sông Tiền và sông Hậu, chiếm khoảng 31,66% diện tích đất đai toàn vùng, khoảng 1/3 tổng diện tích đất phù sa của cả nước. Hàm lượng phù sa của hệ thống sông Cửu Long ít hơn của hệ thống sông Hồng, ngay trong mùa lũ cũng chỉ đạt khoảng 250g/m^3 , nhưng tổng số lượng nước rất lớn (1.400 tỷ m^3) nên tổng lượng phù sa cũng lớn ($1 - 1,5 \text{ tỷ m}^3$). Lượng phù sa này theo hệ thống kênh rạch dài hơn 3.000km, trải đều trên mặt đồng bằng. Vì vậy, ngoài tăng cường dinh dưỡng đều hằng năm, phù sa còn tạo dần mặt phẳng hơn so với vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đây là một trong những loại đất được khai thác khá lâu, khả năng đáp ứng với phân bón tốt, có mức thuận thực cao, là khu vực năng suất cao và thích hợp với nhiều loại cây trồng (lúa, màu, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, cây ăn trái...).

Nhóm đất phèn với hai loại là đất phèn nặng và đất phèn trung bình hoặc nhẹ, phân bố tập trung ở vùng Đồng Tháp Mười, vùng Tứ giác Long Xuyên, trung tâm bán đảo Cà Mau với 40% diện tích toàn vùng. Hiện nay, đại bộ phận đất phèn đã được khai thác để trồng lúa 2 vụ (đông xuân và hè thu hay đông xuân và mùa). Số đất phèn còn lại ở Đồng bằng sông Cửu Long khoảng 10% dưới rừng ngập mặn (khoảng 160 nghìn ha) và những vùng rốn phèn sâu ở Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên và bán đảo Cà Mau khoảng 200 nghìn ha, trong đó có một số diện tích có thảm rừng che phủ.

Nhóm đất mặn phân bố dọc theo ven Biển Đông và vịnh Thái Lan, chịu ảnh hưởng của sự xâm nhập nước biển vào hệ thống kênh rạch, chiếm diện tích khoảng 744,5 nghìn ha. Đất này có độ phì tự nhiên khá, hàm lượng mùn và đạm ở tầng mặt tương đối cao. Đất mặn có 3 loại: đất mặn sú vẹt được, đất mặn nhiều, đất mặn trung bình và ít. Trong đó, đất mặn trung bình và ít chiếm 78,76% diện tích nhóm đất này. Hiện nay, đại bộ phận đất được trồng 2 vụ lúa, những nơi chủ động tưới tiêu thường có năng suất cao. Đây cũng là địa bàn trồng lúa có năng suất và chất lượng cao, cũng như thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản hơn vùng nội đồng.

Nhóm đất xám có diện tích khoảng 134.656ha, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang. Đất xám được hình thành trên nền phù sa cổ, có thành phần cơ giới nhẹ (cát pha thịt nhẹ) tầng đất mịn, dày, dễ thoát nước. Nhìn chung đất có hàm lượng dinh dưỡng thấp kể cả đạm, lân và kali, thích hợp việc trồng cây ăn quả và các loại cây hoa màu như đậu các loại, rau màu, thuốc lá... đối với nơi có địa hình cao. Nơi có địa hình thấp, có khả năng trồng lúa hoặc luân canh lúa, màu.

Nhóm đất than bùn phân bố chủ yếu ở Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau. Đất than bùn phèn tiềm tàng được hình thành ở địa bàn thấp trũng. Đất than bùn đang được sử dụng dưới nhiều hình thức khác nhau, có nơi lên luống trồng rau, sắn, dừa. Than bùn dưới rừng tràm còn là nơi dự trữ nước ngọt cho đời sống nhân dân và cho sản xuất.

Ngoài ra trong vùng còn có nhóm đất đỏ vàng chiếm 0,06%; nhóm đất xói mòn chiếm 0,23% diện tích, phân bố

chủ yếu ở An Giang, Kiên Giang; nhóm đất cát chiếm 1,16%, phân bố ở các tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

Nguồn nước mặt trong vùng khá dồi dào, bao gồm hệ thống sông và kênh đào chằng chịt, mang nguồn nước dồi dào như rộng khắp đồng bằng, mà lớn nhất, chủ yếu nhất là hai hệ thống sông chính: hệ thống sông Cửu Long và hệ thống sông Vàm Cỏ.

Dòng chảy sông Mê Kông được cung cấp bởi nguồn nước chính là mưa. Mưa biến đổi theo mùa, kéo theo dòng chảy Mê Kông cũng có sự biến đổi theo mùa. Vào mùa mưa, mưa lớn trên lưu vực là nguyên nhân chính gây ra lũ trên dòng chính Mê Kông và Đồng bằng sông Cửu Long. Chế độ dòng chảy ở Đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng mạnh của dòng chảy sông Mê Kông, thủy triều Biển Đông, vịnh Thái Lan và chế độ mưa nội đồng.

Nước ngầm được đánh giá là có trữ lượng lớn, trên 84 triệu m³/ngày. Với các nghiên cứu hiện nay về địa chất thủy văn thì sản lượng khai thác an toàn được đánh giá ở mức 1 triệu m³/ngày đêm, chủ yếu dựa vào tầng bên trên, là một trong 5 tầng chứa nước ở Đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay tổng lượng nước đang khai thác sử dụng là 854 nghìn m³/ngày, trong đó lượng nước ngầm mới chiếm hơn 12%.

Do chế độ thủy văn có tính chu kỳ hàng năm, nên có gần 2 triệu ha đất đai, trải rộng trên lãnh thổ của 9 tỉnh (An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Long An, Bến Tre và thành phố Cần Thơ)

ở Đồng bằng sông Cửu Long bị ngập lũ kéo dài từ tháng 8 đến tháng 12 với cấp độ ngập khác nhau. Ngập lũ đã và đang gây ra nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống dân sinh. Tuy nhiên, lũ cũng mang nguồn phù sa bồi đắp cho đồng ruộng, dòng chảy lũ có tác dụng tốt trong việc cải tạo môi trường nước và cải tạo đất, vệ sinh đồng ruộng. Mặt khác, nguồn nước ngọt quan trọng này được cung cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, kinh tế dân sinh và tạo nên một vùng sinh thái nước ngọt rộng lớn cho đồng bằng.

Thủy triều Biển Đông theo sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Cỏ xâm nhập sâu vào đồng bằng và ảnh hưởng lên phần lớn diện tích của vùng, gồm toàn bộ vùng tả sông Tiền, vùng giữa sông Tiền và sông Hậu, phần lớn vùng Tứ giác Long Xuyên và phần lớn vùng Bán đảo Cà Mau. Ở vùng ven biển, cửa sông và dòng chính, thủy triều thường có biên độ lớn, nhưng vào nội đồng biên độ giảm đi rất nhiều. Trong thực tế, sự truyền triều theo nhiều hướng đã tạo nên chế độ dòng chảy nội đồng rất phức tạp và hình thành nhiều “vùng giáp nước” nơi dòng chảy yếu, biên độ nhỏ, làm cho việc tiêu nước khó khăn. Sự xâm nhập của thủy triều kéo theo sự xâm nhập của mặn. Mặn đang làm ảnh hưởng (cả tích cực lẫn tiêu cực) đến sản xuất và đời sống cho khoảng 1,7 triệu ha đất ở vùng ven biển và ven các sông lớn.

Hệ thống sông và kênh rạch dày đặc ở Đồng bằng sông Cửu Long đã tạo lên sự ảnh hưởng mạnh mẽ của dòng chảy sông Mê Kông và thủy triều vào sâu nội đồng. Hệ thống kênh đào hiện đã nối thông sông Tiền với sông Vàm

Cỏ, nối thông các vùng nằm sâu trong nội đồng ra sông chính, nối sông Tiền sang sông Hậu và sông Hậu ra vịnh Thái Lan, ra sông Cái Lớn và các sông ở phía nam như Mỹ Tranh, Gành Hào, Ông Đốc.

Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích đất rừng trên 367 nghìn ha, chủ yếu là rừng ngập mặn và trên đất chua phèn ven biển, phân bố tập trung ở hai tỉnh Kiên Giang là 30,5% và Cà Mau là 32,8% diện tích rừng của cả vùng. Rừng ngập mặn ở Cà Mau và một phần Kiên Giang thuộc kiểu rừng đặc biệt, thuộc loại quý, hiếm trên thế giới. Ở các khu rừng ngập mặn có hai loài cây gỗ lớn chiếm ưu thế là cây đước và cây mắm. Hai loài cây này chi phối những yếu tố cấu trúc phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Diện tích có khả năng nuôi trồng vùng bãi triều khoảng 157 nghìn ha, đối tượng có thể nuôi chủ yếu là nhóm nhuyễn thể như nghêu, sò huyết. Diện tích có khả năng nuôi chỉ tập trung ở các vùng cửa sông Tiền và sông Hậu và một phần ở vùng bán đảo Cà Mau như các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Cà Mau, Kiên Giang và Tiền Giang.

Vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long với hệ sinh thái rừng ngập mặn trên 80 nghìn ha. Đây là tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản kết hợp với rừng ngập mặn.

Ngoài diện tích có khả năng phát triển nuôi mặn lợ, Đồng bằng sông Cửu Long còn có khả năng nuôi thủy sản nước ngọt. Thế mạnh phát triển nuôi thủy sản nước ngọt của vùng là dọc theo các triền sông Hậu, sông Tiền và các sông thuộc các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ, Tiền Giang, Hậu Giang và lưu vực sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây thuộc địa phận tỉnh Long An.

Vùng có tài nguyên khoáng sản đa dạng, mang tính chất đặc trưng của đồng bằng:

Dầu khí, phân bố trên thềm lục địa tiếp giáp Biển Đông và vịnh Thái Lan thuộc các bể trầm tích: Cửu Long, nam Côn Sơn và Thổ Chu - Mã Lai thuộc vịnh Thái Lan. Trong đó bể trầm tích nam Côn Sơn có tiềm năng lớn nhất trong các bể trầm tích chứa dầu của Việt Nam, khoảng 3 tỷ tấn dầu quy đổi.

Đá vôi, chủ yếu có ở khu vực Hà Tiên, Kiên Lương với diện tích không lớn, khoảng vài chục km², trữ lượng khoảng 440 triệu tấn, trữ lượng có khả năng khai thác công nghiệp khoảng 246 triệu tấn, hiện khai thác khoảng 2 triệu tấn/năm.

Đá andezit, granit, phân bố chủ yếu ở núi Sam, Châu Đốc, núi Tru Sự, Tịnh Biên, núi Cấm, núi Phi Lương, núi Bà Đới, Ba Đê và núi Sập, An Giang. Tổng trữ lượng các loại khoảng 450 triệu tấn. Hiện nay, các vùng mỏ đã và đang được khai thác phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng với trữ lượng khai thác hàng năm khoảng một triệu m³, chủ yếu là vùng An Giang.

Sét gạch ngói, trong toàn vùng có khoảng 30 - 40 triệu m³. Hiện nay khai thác sử dụng rất lớn cho sản xuất gạch ngói còn phục vụ cho công nghiệp, hóa chất, các phụ gia cho công nghiệp với lượng khai thác hàng năm khoảng trên dưới 1 triệu m³.

Cát sỏi, được khai thác tập trung trên các dòng sông như Vàm Cỏ và Mê Kông phục vụ cho xây dựng. Trữ lượng trong toàn vùng có khoảng 2 - 10 triệu m³. Hiện nay đã được khai thác sử dụng với lượng khai thác tới gần 1 triệu m³/năm.

Than bùn, được khai thác chủ yếu ở các đầm lầy, phân bố tại Tứ giác Long Xuyên (3.500ha), Hậu Giang (32.600ha), Cà Mau (2.900ha), Kiên Giang (3.000ha). Trữ lượng tính toán toàn vùng khoảng 370 triệu tấn, lượng khai thác hàng năm khoảng 500 nghìn tấn để phục vụ cho nông nghiệp, công nghiệp hóa chất và phụ gia công nghiệp.

Emelit, quặng emelit phát hiện dọc theo ven biển từ Thành phố Hồ Chí Minh qua Bến Tre đến Cà Mau mà tập trung chính tại cửa sông Hậu. Đây cũng là một trong những khoáng sản có giá trị, mới được phát hiện nên chưa xác định chính xác được trữ lượng và khả năng khai thác sử dụng, cần có quy hoạch điều tra chi tiết.

Nước khoáng, nước khoáng nằm sâu dưới bề mặt đồng bằng, chủ yếu là nguồn khoáng nóng, có tác dụng điều dưỡng và chữa bệnh. Hiện đã phát hiện được nguồn tại Trung Lương (Tiền Giang), Vĩnh Long, Sóc Trăng. Ngoài ra, còn có các loại khoáng sản có quy mô nhỏ, tiềm năng chưa được xác định rõ như môliphén núi Sam (An Giang), đá huyền vũ tại Phú Quốc (Kiên Giang), betonit (Hậu Giang)...

II. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI

Giai đoạn 1996 - 2000, mức tăng trưởng kinh tế toàn vùng bình quân đạt 7,96%/năm, trong đó GDP nông, lâm, ngư nghiệp tăng khoảng 7,55%/năm, công nghiệp xây dựng tăng 14,58%/năm, khu vực dịch vụ tăng

12,6%/năm. Sau năm 2000, Đồng bằng sông Cửu Long đã có bước phát triển mới, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, nhiều mô hình tốt trong sản xuất, kinh doanh đã xuất hiện và đang được nhân rộng, cơ sở hạ tầng từng bước phát triển, đáp ứng được một phần các yêu cầu bức thiết của vùng.

Cơ cấu kinh tế theo ngành đã có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng giảm tỷ trọng nông, lâm, thủy sản và tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Nông nghiệp, là ngành sản xuất nổi trội của vùng. Các cây trồng chính là lúa, cây ăn quả, các cây thực phẩm và các cây công nghiệp ngắn ngày.

Ngoài trồng cây lúa, ở vùng này còn trồng hoa màu với các cây trồng chủ yếu là ngô, khoai lang, sắn (mì). Ngô được trồng nhiều ở các bãi ven sông của các tỉnh, nhất là An Giang. Khoai lang được trồng nhiều ở Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng; sắn (mì) ở Long An, Vĩnh Long, Trà Vinh.

Các cây trồng khác như cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả chiếm khoảng 22-25% giá trị gia tăng của ngành trồng trọt. Cây ăn quả ở đây rất phong phú, trong đó các cây chiếm diện tích lớn gồm có cam, chuối, quýt, chanh, xoài, ổi, táo, nhãn,... Cây ăn quả ở đây được trồng theo 3 dạng: vườn tạp, vườn hỗn hợp và vườn chuyên.

Chăn nuôi, với các loại vật nuôi chính là lợn, bò thịt, gia cầm, dê. Chăn nuôi lợn vùng Đồng bằng sông Cửu Long là chăn nuôi hộ gia đình.

Thủy sản giữ một vị trí quan trọng trong đời sống và kinh tế của nhân dân trong vùng và của toàn quốc. Diện

tích nuôi thủy sản toàn vùng khoảng 685 nghìn ha (năm 2005) và chiếm hơn 70% diện tích nuôi của cả nước. Những tỉnh có diện tích nuôi lớn là Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, An Giang, Sóc Trăng. Tổng sản lượng thủy sản của cả vùng luôn chiếm trên 53% sản lượng thủy sản cả nước, riêng sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm khoảng 68%.

Lâm nghiệp, tỷ lệ đất lâm nghiệp chỉ bằng 8,8% diện tích tự nhiên. Tổng trữ lượng rừng hiện có khoảng trên 6,7 triệu m³, trong đó rừng tự nhiên chiếm khoảng 47%, rừng trồng chiếm 53%.

Đồng bằng sông Cửu Long có 3 hệ sinh thái rừng cơ bản là hệ sinh thái rừng tràm, hệ sinh thái rừng ngập mặn và hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh. Hệ sinh thái rừng tràm phân bố ở các vùng trũng, đất chua phèn, ngập nước một thời gian trong năm, thuộc các tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang và Cà Mau. Hệ sinh thái ngập mặn gồm các loài cây chiếm số lượng lớn: đước, mắm, vẹt, bần phân bố rộng rãi ở vùng ven biển, cửa sông, chịu ảnh hưởng của thủy triều. Hệ sinh thái rừng cây lá rộng thường xanh với thành phần loài cây khá phong phú gồm các loài thuộc họ Sao, họ Dầu, họ Đậu,... nhưng chỉ chiếm diện tích nhỏ phân bố ở đảo Phú Quốc và các vùng đồi núi thuộc miền tây các tỉnh An Giang, Kiên Giang.

Công nghiệp, là một vùng nông nghiệp nên ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm giữ vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng, chiếm trên 60% giá trị sản xuất công nghiệp của vùng (2005). Sản lượng chủ yếu của công

nghiệp chế biến ở đây: xay sát gạo, thủy sản đông lạnh, đường và các sản phẩm của công nghiệp vật liệu xây dựng như xi măng, gạch, ngói nung,... Công nghiệp chế biến thủy sản, đặc biệt là chế biến thủy sản xuất khẩu được phát triển mạnh, đóng góp nhiều giá trị xuất khẩu cho vùng và cả nước. Công nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu chủ yếu là công nghiệp làm lạnh bằng các tủ đông. Sản phẩm đông lạnh có tôm, cá, mực, nhuyễn thể và một số sản phẩm thủy sản khác có giá trị xuất khẩu. Công nghiệp chế biến đường của vùng tập trung ở Tây Ninh, Long An. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng ở vùng với một số mặt hàng có giá trị lớn là xi măng (Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ), gạch ngói (An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp,...), gạch me (Long An), đá ốp lát (An Giang)... nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng trong vùng. Ngoài ra, trong vùng còn phát triển các ngành công nghiệp hóa chất, phân bón, dệt may, công nghiệp cơ khí với các máy móc thiết bị phục vụ cho cơ giới hóa các khâu trước, trong và sau thu hoạch như dàn cày, máy gặt xếp dây, máy sấy, máy tuốt lúa, máy gieo hạt... Công nghiệp khai thác tài nguyên khoáng sản tập trung nhiều ở một số tỉnh như An Giang, Kiên Giang, Long An, Bạc Liêu, các sản phẩm chủ yếu là đá xây dựng đá vôi, than bùn, cát sông, sét, muối,...

Có thể khẳng định Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đảm bảo an ninh lương thực cho cả nước và là vùng nông sản xuất khẩu lớn, một trong những vùng có đóng góp to lớn vào sự ổn định kinh tế và tạo tích lũy cho tăng trưởng của đất nước.

III. ĐẶC ĐIỂM DÂN TỘC, TÔN GIÁO

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đồng bằng rộng lớn hình thành nhờ phù sa của sông Cửu Long ở phía tây và sông Đồng Nai ở phía đông. Là địa bàn có con người sinh sống từ sớm, gắn với nền văn hóa Óc Eo, có quan hệ với cư dân của các nền văn hóa: Sa Huỳnh ở Trung Bộ, Đông Sơn ở Bắc Bộ và Xam-rông-xen ở Campuchia. Nền văn hóa đó là cơ sở để hình thành Vương quốc Phù Nam vào đầu Công nguyên, đã hình thành các trung tâm kinh tế văn hóa lớn (cảng Óc Eo), có quan hệ thương mại với Ấn Độ và phương Tây, nhưng sau đó không phát triển.

Theo sử sách, khoảng thế kỷ XIII, người Khơ-me tiến hành khai phá vùng đất Nam Bộ. Từ thế kỷ XVI, người Chăm từ vùng Trung Bộ vào sinh sống, sau đó người Việt (từ cuối thế kỷ XVIII), người Hoa (cuối thế kỷ XVIII) dần dần chuyển cư đến đây.

Như vậy, có thể nói, vùng đất Nam Bộ là nơi cộng cư lâu đời của các tộc người thiểu số: Khơ-me, Chăm, Hoa và người Việt. Quá trình xen cư tạo ra sự giao thoa, tiếp thu tinh hoa văn hóa của các tộc.

1. Người Chăm

Theo truyền thuyết thì người Chăm xa xưa gồm hai thị tộc: thị tộc Cau về sau đại diện cho tầng lớp bình dân, sống ở trên núi cao và thị tộc Dừa đại diện cho tầng lớp quý tộc, về sau sống ở đồng bằng, ven biển.

Người Chăm sống bằng nông nghiệp lúa nước là chủ yếu kết hợp nghề thủ công. Do sống ở vùng biển có nhiều

vùng, vịnh nên người Chăm rất giỏi đánh cá và đi buôn trên biển, kỹ thuật đóng thuyền đi biển khá cao. Đây là yếu tố của cư dân Mã Lai - Nam Đảo, gắn với các hoạt động thương nghiệp trên biển và dọc biển.

Về xã hội người Chăm theo chế độ mẫu hệ. Con cái đều theo họ mẹ và họ mẹ là họ nội, họ bố là họ ngoại. Phụ nữ chủ động việc hôn nhân, lo thờ cúng tổ tiên (thị tộc mẫu hệ), được hưởng quyền thừa kế nên người nào không có con gái coi là tuyệt tự. Hôn nhân con chú con bác, con cô con cậu được coi là phù hợp nhất và tốt (trừ trường hợp con gái cô lấy con trai cậu), cấm ngặt con dì con già lấy nhau. Mỗi dòng họ do một phụ nữ đứng đầu, có kiêng kỵ riêng, nghĩa địa riêng.

Tuy chế độ gia đình là mẫu hệ, nhưng người Chăm sớm xây dựng được nhà nước Chăm Pa hùng mạnh, tồn tại một thời gian khá dài (từ đầu Công nguyên đến thế kỷ XVI). Đơn vị xã hội cơ sở là làng.

Trong quá trình tiếp thu với các tôn giáo và các nền văn hóa, cộng đồng người Chăm đã chia thành hai bộ phận:

- Bộ phận theo Bà La môn (Ấn Độ giáo) hay còn gọi là Chăm Kaphia (hay Chăm Chuh), chiếm khoảng hai phần ba người Chăm vùng Trung và Nam Bộ.

- Bộ phận theo đạo Hồi (còn gọi là Chăm Bà-ni). Bộ phận này về sau lại chia thành hai nhóm: nhóm theo Hồi giáo Bà-ni (Hồi giáo cũ, ở vùng Ninh Thuận, Bình Thuận) có tổ chức xã hội không khác mấy so với nhóm Phật giáo; nhóm kia theo Hồi giáo Ixlam (vùng Nam Bộ, xuất hiện vào thời Mỹ - nguy) có xu hướng gần với cư dân Ả rập, có những đặc điểm khác biệt về cơ cấu xã hội (gia đình phụ

hệ thay thế mẫu hệ), về sinh hoạt kinh tế, văn hóa, thậm chí cả việc sử dụng tiếng nói và chữ viết thông thường, hình thức kiến trúc của thánh đường, các tín ngưỡng dân gian bị lu mờ dần.

Các tôn giáo này có vị trí quan trọng, chi phối đời sống cộng đồng người Chăm, tạo nên các sắc thái văn hóa khác nhau trong nội bộ tộc người. Ý thức về tộc người của người Chăm rất cao và ý thức về cộng đồng tôn giáo cũng rất rõ nét, nhiều khi tạo ra cả những khác biệt, dẫn đến những mâu thuẫn về chính trị - xã hội giữa các nhóm theo các tôn giáo khác nhau. Trong thời gian từ 1954 đến tháng 4 năm 1975, đế quốc Mỹ đã lợi dụng sự khác biệt này để chia rẽ cộng đồng người Chăm.

Trong đời sống người Chăm ở tất cả các nhóm theo các tôn giáo khác nhau, tầng lớp tu sĩ có vai trò và ảnh hưởng rất lớn.

Trong quá trình sinh sống, người Chăm tạo ra nền văn hóa độc đáo của riêng mình. Trước hết, về văn hóa vật chất, nét độc đáo của các tháp Chăm, tập trung nhiều ở các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận (các tháp Chăm ở Mỹ Sơn - Quảng Nam đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới). Nguồn thần thoại, truyền thuyết về vũ trụ, về con người, và nguồn gốc tộc người, ca dao, tục ngữ, dân ca (các điệu hò, lý) của người Chăm khá phong phú.

Là cư dân theo chế độ mẫu hệ, người Chăm coi trọng việc thờ nữ thần. Đó là Thiên Yana Thánh Mẫu (Pónaga) - Mẹ Xứ Sở là thần đã sáng tạo ra đất đai, cây cối rừng gỗ quý, lúa ngô và dạy người Chăm cách trồng trọt. Thần

được thờ trong các làng tháp. Là cư dân thạo nghề đi biển, người Chăm còn coi trọng việc thờ cá voi (hay cá Ông), hóa thân thành thần Pô Riyak (thần sóng biển) hoặc thành thiên nga, cứu giúp người đi biển. Người Chăm có nhiều lễ thức liên quan đến nghề đi biển như cúng thuyền, các kiêng cử liên quan đến thuyền (ăn cá không lật ngược, không cho phụ nữ lạ bước lên thuyền...). Vùng Nam Trung Bộ, người Chăm còn thờ thần Pô Khong Garai (người xây đập nước ở Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận vào đầu thế kỷ XII) và Pôrômê (người có công xây dựng đập nước Marên ở Bình Thuận giữa thế kỷ XVI).

2. Người Khơ-me

Người Khơ-me cư trú tập trung tại các tỉnh: Hậu Giang, Kiên Giang, An Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu, Sóc Trăng; ngoài ra còn ở các tỉnh Tây Ninh, Vĩnh Long, Cà Mau và Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ.

Người Khơ-me sống bằng nông nghiệp ruộng nước, kết hợp chăn nuôi trâu bò, lợn gà, làm các nghề thủ công (đan lát, nuôi tằm, dệt vải, dệt chiếu, làm gốm, làm đường thốt nốt) và khai thác nguồn thủy sản trong các kênh rạch, đồng ruộng. Một số vùng có nghề chế tạo ghe, thuyền - phương tiện di lại, vận chuyển chính của vùng sông nước. Các nhóm cư dân sống ở các đô thị có nghề buôn bán, quan hệ mật thiết với người Hoa.

Người Khơ-me sống thành các phum (giống như làng của người Việt). Đơn vị hành chính trên phum là khum (gồm nhiều phum, giống như xã của người Việt). Nhiều trường hợp, phum lớn có thể là một đơn vị hành chính.

Sống lâu đời tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, người Khơ-me đã tạo ra nền văn hóa riêng rất rõ nét. Do mộ đạo Phật (chủ yếu là dòng Tiểu thừa) nên người Khơ-me đã tạo ra một hệ thống chùa (trước giải phóng, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có đến trên 400 ngôi chùa). Chùa không chỉ là nơi thờ Phật mà còn là nơi quản lý nhân khẩu (mỗi chùa có một sổ gia đình đến đăng ký hành lễ cố định), bàn bạc các công việc của cộng đồng, nơi tiếp khách và là trường học ở nông thôn. Trẻ em Khơ-me đến tuổi đi học thường vào chùa học và tu một thời gian rồi mới ra lập nghiệp. Mỗi chùa có ban quản trị riêng, gồm các thành viên có uy tín trong phum. Nhiều chùa có thư viện riêng, nghĩa trang riêng cho các tín đồ của chùa.

Ngoài đạo Phật, người Khơ-me có nhiều hình thức tín ngưỡng truyền thống. Trước hết là tín ngưỡng tô tem, thờ rông - do đồng bào sinh sống trên vùng đất sông nước, nhiều sinh lầy (mô típ con rông thường được gắn trên nóc chùa, nóc đền đài). Các thần bảo hộ có Aráck (thần bảo hộ dòng họ, gia đình, một khu đất, khu rừng) và Anesktà (thần bảo hộ của xóm, giống như thổ địa), điều đặc biệt là Aráck được thừa kế theo dòng nữ. Về tín ngưỡng nông nghiệp có lễ cầu mưa (giữa tháng 4 dương lịch, khi mùa mưa sắp đến), lễ cúng các vị thần nông (để xua đuổi các loại thú, côn trùng làm hại cây trồng), cúng hồn lúa khi gặt về...

Trong một năm, người Khơ-me có ba lễ tiết quan trọng nhất. Một là lễ mừng năm mới (Chon Chnam Thmây) vào 3 ngày 14, 15, 16 của tháng Chét (giữa tháng tư dương lịch). Các gia đình sửa lễ cúng gia tiên ở nhà và ở chùa, các

chùa làm lễ tắm tượng, tắm cho sư, các gia đình tắm cho các bậc ông bà, cha mẹ có tuổi. Lễ cúng tổ tiên (Xen Đôn ta) từ 29 tháng Tám đến mùng 1 tháng Chín và lễ cúng trăng (Óoc Om Bok) vào giữa tháng Mười âm lịch. Mục đích của Lễ này là cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi. Người lớn thường đưa một miếng cốm và chuối vào miệng đứa trẻ rồi hỏi năm nay muốn gì, căn cứ vào lời nói của đứa trẻ mà đoán định mùa vụ năm sau. Cũng trong dịp này, người Khơ-me có tục thả đèn bay, thả bè chuối gắn đèn trên sông, đua ghe Ngo hay đua thuyền.

Người Khơ-me có một kho tàng truyện kể (truyện cổ, thần thoại, truyện cười) phong phú. Bên cạnh đó, văn học viết cũng khá phát triển. Nghệ thuật điêu khắc, tạo hình nổi bật với kiến trúc và trang trí ở chùa, trang trí tượng, trang phục dân gian với màu sắc sặc sỡ gắn với các tích của đạo Phật. Âm nhạc Khơ-me thường gắn với sinh hoạt ca múa và sân khấu.

3. Người Hoa

Người Hoa đến vùng đất Nam Bộ vào thập kỷ 70 của thế kỷ XVII. Đa số họ là người dân lao động sang Việt Nam tìm kế sinh nhai, cư trú đông đúc tại các đô thị: Sài Gòn, Cần Thơ, Hà Tiên, Rạch Giá... Họ sang Việt Nam theo từng tỉnh của Trung Quốc (như Phúc Kiến, Quý Châu), sống thành các làng riêng, gọi là Minh hương, người đến trước thường được tôn làm Minh hương tiên hiền.

Về phương diện hành chính, mỗi cộng đồng người Hoa ở tỉnh gốc lập thành một bang, có một bang trưởng là người đại diện để liên hệ với chính quyền phong kiến Việt

Nam, có sổ hàng bang ghi chép về các hộ, giống như sổ hộ khẩu. Phần lớn người Hoa ở Nam Bộ sống bằng buôn bán và làm các nghề thủ công, số làm ruộng rất ít. Về sau, trong cộng đồng người Hoa dần dần phân hóa sâu sắc. Thời Pháp thuộc và thời Mỹ - ngụy, một bộ phận sống ở các đô thị lớn (tập trung ở Sài Gòn - Chợ Lớn) trở thành những nhà tư sản công nghiệp và thương nghiệp, làm chủ các khách sạn, các hãng buôn lớn; một số ở miền Tây Nam Bộ buôn ngũ cốc, phụ tùng xe máy, lâm thổ sản. Những nhà tư sản này trở thành tư sản mại bản, quyền lợi gắn chặt với chế độ thực dân, sử dụng đồng tiền vào mục đích chính trị, đi ngược lại quyền lợi của đa số dân nghèo thành thị, công nhân và nông dân trong cộng đồng người Hoa.

Trong quá trình cư trú tại Nam Bộ, người Hoa đã cùng người Việt, Khơ-me khai phá vùng đất màu mỡ này. Nhiều người Hoa có công khai phá cả một vùng rộng lớn, được nhân dân tôn vinh mà tiêu biểu là Mạc Cửu (khai phá vùng Hà Tiên).

Văn hóa của người Hoa ở Nam Bộ có nhiều yếu tố đặc sắc. Về ẩm thực, thể hiện ở các món ăn đặc trưng như: cơm chiên thập cẩm, cháo, mì vằn thắn, bánh bao; các loại chè uống. Về văn hóa vật thể, nổi bật là các ngôi quán, chùa và đình. Về tín ngưỡng người Hoa vùng Nam Bộ có tục thờ Tứ vị Thánh Nương, thờ bà Thiên Hậu, Quan Công, 108 anh em tử nạn trong quá trình di cư đến Việt Nam, thờ ông Bôn (giống như thờ thổ địa của người Việt). Về văn hóa tinh thần, người Hoa nổi tiếng với các loại hình sân khấu, lễ hội hoa đăng, các điệu múa lân, múa sư tử, các lễ tiết (Tết Nguyên đán, Nguyên tiêu...).

4. Người Việt (Kinh)

Trong 54 tộc người ở Việt Nam, người Việt là tộc người đa số, chiếm số đông nhất, chiếm phần đông trong dân số cả nước, trong đó còn lại là các dân tộc khác.

Người Việt là tộc người duy nhất cư trú thành các cộng đồng đông đúc ở tất cả các tỉnh, thành trong cả nước, trên tất cả các địa bàn (đồng bằng, trung du, miền núi, ven biển, hải đảo), song tập trung đông đúc ở các đồng bằng (đây là quy luật phổ biến của các nước Đông Nam Á, giống như trường hợp người Thái ở Thái Lan, người Miên ở Mianma, người Khơ-me ở Campuchia...). Người Việt còn tập trung ở các thành phố, thị xã, thị trấn, các trục đường giao thông lớn trong cả nước.

Các tư liệu khảo cổ học cho phép khẳng định, tổ tiên của người Việt chính là nhóm Lạc Việt nằm trong khối Bách Việt cư trú trên một vùng rộng lớn ở bắc Việt Nam và nam Trung Quốc. Về mặt nhân chủng, người Lạc Việt là trung gian giữa chủng Mônggôlôit và Ôxtralôit. Trên vùng lãnh thổ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ hiện nay, cách ngày nay khoảng 3.500 – 4.000 năm, nhóm Lạc Việt đã trực tiếp tạo ra những nền văn hóa có tính liên tục, từ Phùng Nguyên, Gò Mun, Đông Đậu và cuối cùng là nền Văn hóa Đông Sơn rực rỡ, với nghề trồng lúa nước, kết hợp các nghề thủ công, trong đó nghề đúc đồng nhất là nghề đúc đồng với sản phẩm mang tính đặc trưng là trống đồng. Cùng với quá trình hoạt động, sinh sống, do nhu cầu của phát triển kinh tế, mở mang diện tích canh tác và hoạt động sản xuất, người Việt đã phân tán rộng khắp miền Bắc, miền Trung, miền Nam của đất nước.

Song song với việc thiết lập cơ sở kinh tế và thể chế chính trị đi đến phát triển như ngày nay, người Việt còn tạo ra một nền văn hóa vô cùng độc đáo. Có chữ viết và tiếng nói cho riêng mình. Văn hóa vật thể người Việt thể hiện trước hết ở truyền thống ẩm thực (các đồ ăn, thức uống, phong tục tập quán) phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, miền. Về trang phục, nét độc đáo nhất của người Việt là bộ quần áo dài của nữ giới, đó là vẻ đẹp và duyên dáng và truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, ở Nam Bộ là bộ quần áo bà ba gắn với chiếc khăn rằn. Kết cấu làng và nhà cửa của người Việt được trang trí hài hòa với khung cảnh thiên nhiên của từng vùng. Trong mỗi làng đều có các công trình thờ cúng (gắn với kiến trúc và điêu khắc của từng thời kỳ) như đình, chùa, đền, miếu...

Nét độc đáo nhất về tín ngưỡng của người Việt, nét nổi bật nhất là sự kết hợp giữa ba tôn giáo Nho - Phật - Đạo (Tam giáo đồng tôn) với các yếu tố của tín ngưỡng bản địa, như tín ngưỡng thờ tổ tiên, tín ngưỡng vật hữu tình, tín ngưỡng nông nghiệp ruộng nước... Mỗi làng Việt đều có đình để thờ Thành hoàng (vị thần bảo vệ và che chở cho vận mệnh của cả làng, thường là các tướng lĩnh có công đánh giặc giữ nước, người có công khai phá đất đai, lập làng, người truyền nghề hay mở đường học hành khoa cử cho làng), có chùa để thờ Phật, có văn chỉ (hay văn tự) để thờ Khổng Tử (người sáng tạo ra đạo Nho) và những người đỗ đạt của làng. Trong làng còn có nhà thờ của các dòng họ, nhà thờ các danh nhân, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, biết ơn tổ tiên. Các làng ven biển từ Trung Trung Bộ trở vào đến tận Mũi Cà Mau đều có lăng thờ cá voi (hay cá Ông, nên còn gọi là lăng Ông).

Gắn với các công trình tín ngưỡng trên đây là các lễ thức thờ cúng, phát triển thành các hội. Chiếm phần lớn các hội là hội đình, một số là hội chùa, hội đền. Về nội dung, có hội lịch sử, hội nông nghiệp, hội thi tài, hội văn nghệ giao duyên... Về quy mô, chiếm phần lớn là hội làng, một số hội là liên làng (liên kết của nhiều làng có quan hệ thân thuộc về lịch sử, điều kiện địa lý và văn hóa), một số ít là hội vùng (hội của một vùng rộng lớn). Hội là một nét đẹp văn hóa trong cộng đồng người Việt, nhằm đáp ứng yêu cầu đời sống tâm linh, thưởng thức các giá trị văn hóa cho người nông dân sau một mùa sản xuất. Hội phản ánh ước vọng của cư dân nông nghiệp (mưa thuận gió hòa, phong đăng hòa cốc, đông con nhiều cháu, nhân khang vật thịnh). Hội cũng phản ánh đặc điểm tín ngưỡng phong tục tập quán, sự phân tầng xã hội trong làng xã (thể hiện ở vai vế trong tế lễ, đám rước, chia phần biếu sau tế lễ). Cùng với đình làng, hội là kết tinh của tinh thần cộng đồng làng xã (thể hiện ở mọi người cùng lo việc hội, cùng thưởng thức hội). Hội là yếu tố lớn nhất của văn hóa phi vật thể góp phần làm phong phú văn hóa làng xã.

Văn hóa phi vật thể của người Việt còn thể hiện ở các lễ tiết trong năm (Tết Nguyên đán và các tết khác), ở các phong tục liên quan đến chu trình đời người (lễ cúng mụ, lễ vào giáp, cưới xin, khao vọng, lên lão, mừng thọ và tang lễ). Các phong tục này biểu hiện riêng biệt của từng vùng, miền. Thêm vào đó người Việt còn xây dựng được một kho tàng văn học dân gian (cổ tích, thơ, ca, hò, vè...) và văn học hiện đại rất đồ sộ (văn, thơ, tiểu thuyết...) dưới dạng chữ viết hoặc truyền miệng.

Người Việt sớm hình thành nền giáo dục dân gian, từ trong gia đình, dòng họ và làng xã, nhằm trao truyền các kỹ năng lao động, các kinh nghiệm sản xuất dựa trên những nhận biết mang tính quy luật về sự biến chuyển của thời tiết, khí hậu từng mùa, sự thích ứng của các loại cây trồng với các điều kiện của thổ nhưỡng, nước và khí hậu. Trong giáo dục, người Việt chú trọng dạy con người từ tấm bé nhận biết để có một thái độ ứng xử đúng với trong các mối quan hệ: quan hệ nam nữ, quan hệ huyết thống, quan hệ tuổi tác, quan hệ làm ăn... nhằm duy trì tôn ty trật tự từ trong gia đình ra ngoài làng, duy trì các phong tục tập quán, các sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng. Ngay từ đầu Công nguyên, người Việt đã tiếp thu nền giáo dục Hán học của người Trung Quốc. Chữ Hán được dùng làm phương tiện chủ yếu để dịch kinh, in sách Phật. Một số người Việt có học lực khá, thi đỗ cao có tiếng vang sang cả Trung Quốc, như Trương Trọng, Lý Tiến, Lý Cầm (đời Lý); đời nhà Đường có Khương Công Phụ đỗ Trạng nguyên, được giao chức vụ cao trong triều đình phong kiến Trung Quốc.

Văn hóa Việt có sức lan tỏa, ảnh hưởng lớn đến các tộc người khác nhưng văn hóa Việt cũng tiếp thu nhiều yếu tố văn hóa đặc sắc của nhiều tộc người khác. Một nét nổi bật của người Việt là tính thích ứng, thích nghi rất cao với điều kiện sống, với hoàn cảnh mới, trước môi trường sống mới. Đến với bất kỳ môi trường nào, người Việt cũng dễ dàng, nhanh chóng thích nghi và hòa đồng với cư dân sở tại, từ đó, tạo ra những nét mới trong văn hóa, trên cơ sở "nguyên mẫu" ban đầu. Các sắc thái văn hóa Việt ở Trung Bộ và Nam Bộ cho thấy điều đó.

Người Kinh ở Nam Bộ nói chung và ở Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng cùng chung sống với cộng đồng các dân tộc anh em như Hoa, Khơ-me,... Trong quá trình cùng nhau hoạt động sản xuất, cùng nhau đoàn kết chống lại thiên tai, chống lại giặc xâm lược bảo vệ và giữ gìn quê hương đất nước của mình, các nền văn hóa đã giao thoa, ảnh hưởng mạnh mẽ lẫn nhau. Trong hầu hết các lễ hội đặc sắc của các dân tộc thiểu số nơi đây như: lễ Chon Chnam Thmây (lễ vào năm mới), lễ Xen Đôn-ta, lễ Óoc Om Bok (lễ cúng trăng),... của dân tộc Khơ-me; lễ đấu đèn của người Hoa,... đó là những sinh hoạt văn hóa, hoạt động lễ hội có sức thu hút đông đảo mọi người tham gia, thể hiện nét đặc trưng của vùng sông nước Đồng bằng sông Cửu Long. Không chỉ có đồng bào dân tộc thiểu số, mà còn có đông đảo người Việt, và đồng bào các dân tộc trong khu vực phụ cận cùng hưởng ứng một cách nồng nhiệt. Qua mỗi một lễ hội, tình đoàn kết, gắn bó giữa cộng đồng các dân tộc ngày càng được củng cố, bền chặt, nền văn hóa chung ngày càng phong phú, đặc sắc. Không chỉ trong lễ hội, mà trong phong tục tập quán, đồng bào các dân tộc thiểu số, trong quá trình giao lưu với người Việt, đã dần bỏ đi các phong tục tập quán lạc hậu, cải cách theo lối sống mới văn minh và tiến bộ hơn trong đời sống và trong sản xuất. Trong văn hóa ẩm thực người Kinh cũng đã tiếp thu rất nhiều những nét đặc sắc từ văn hóa ẩm thực của các dân tộc thiểu số khác, đặc biệt là của người Hoa. Nhờ vậy mà văn hóa người Việt ở Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng phong phú, thỏa mãn nhu cầu văn hóa của người dân.

IV. DI TÍCH LỊCH SỬ

*Chùa Phước Lâm

Chùa Phước Lâm tọa lạc tại ấp Xóm Chùa, xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Vào năm 1880, một lương y kiêm điền chủ ở làng Tân Lâm, ông Bùi Văn Minh, đã đứng ra dựng chùa này vừa thờ Phật, vừa làm từ đường cho dòng họ Bùi. Vì có công với làng nên ông Minh khi mất được dân chúng tôn làm hậu hiền và đưa vào phối tự trong đình Tân Lâm. Ngôi chùa do ông lập ra nên ngoài tên chữ hán là Phước Lâm Tự ra còn có tên là chùa Ông Miêng (do lệ cử tên húy ông Minh).

Nhìn về tổng thể, ngôi chùa gồm 3 phần: Chánh điện - hậu tổ, khu mộ tháp và nhà trù. Chánh điện là một ngôi nhà lớn được xây dựng theo kiểu "bánh ít", có móng đá xanh, tường gạch, lợp ngói vảy cá. Toàn bộ cột chùa đều bằng gỗ hình trụ tròn, được kê trên các tảng đá xanh, liên kết với nhau bởi hệ thống xiên, vì kèo, sườn mái tạo cho không gian bên trong sự rộng rãi thoáng mát. Nội thất chánh điện chùa Phước Lâm còn giữ được những nét cổ kính dù trải qua nhiều lần trùng tu với hơn 40 tượng Phật, Bồ Tát, Ngọc Hoàng, Thị Giả, Thập Điện Diêm Vương, Thiên, Ác, Hộ Pháp, Kim Cương... và nhiều bộ bao lam, hoành phi, liễn đối được sơn son thếp vàng rực rỡ. Đa số tượng Phật có chất liệu gỗ, đồng được chế tác từ thế kỷ XIX với một phong cách nghệ thuật mang đậm nét văn hóa Phật giáo Nam Bộ.

Chùa Phước Lâm đã được Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định xếp hạng di tích cấp quốc gia.

*Chùa Tôn Thạnh

Thuộc địa phận xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chùa Tôn Thạnh đã nổi tiếng từ lâu trong lịch sử và văn học: Chùa Tôn Thạnh đã được Bộ Văn hóa – Thông tin xếp hạng di tích cấp quốc gia năm 1997.

Chùa Tôn Thạnh ban đầu có tên là chùa Lan Nhã được Thiền sư Viên Ngộ sáng lập năm 1808. Thiền sư có thể danh là Nguyễn Ngọc Dớt, con của ông Nguyễn Ngọc Bình và bà Trà Thị Huệ ở làng Thanh Ba, tổng Phước Điền Trung, huyện Phước Lộc.

Chùa Tôn Thạnh đã đi vào lịch sử nước nhà với bài văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu. Trong ba năm 1859-1861 nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã về đất Thanh Ba, lấy chùa Tôn Thạnh làm nơi dạy học, làm thơ và làm thuốc. Lịch sử đã lưu danh ngôi chùa này của đất Long An qua những câu văn bất hủ: *"Chùa Tôn Thạnh năm canh ứng đóng lạnh, tấm lòng son gửi lại ánh trăng rằm. Đồn Lang Sá một khắc dặng trả hồn, túi phận bạc trôi theo dòng nước đổ"*.

Trải qua bao cuộc thăng trầm của lịch sử, chùa Tôn Thạnh ngày nay không còn nguyên vẹn cảnh "rừng cột tráng lệ, vàng son huy hoàng" như xưa. Thay vào đó là một tổng thể kiến trúc bao gồm tiền điện, chánh điện, nhà giảng, đông lang, tây lang mái lợp ngói, tường gạch. Tuy nhiên chùa Tôn Thạnh vẫn giữ được nét cổ xưa qua hệ thống cột kiểu tứ tượng ở chánh điện, những tượng Phật có từ đầu thế kỷ XIX, và các hoành phi câu đối chữ Hán sơn son thếp vàng. Bên phải chùa Tôn Thạnh hiện còn hai bia kỷ niệm được xây dựng vào năm 1973 và 1997 để lưu lại

dấu tích của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Mỗi khi du khách đến viếng chùa Tôn Thạnh, thăm lại một danh lam của đất Gia Định xưa, thấp nhen nhang tưởng niệm trước bảo tháp của vị cao tăng Viên Ngộ và tưởng nhớ nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu ngày nào đã từng ở nơi đây để viết nên những áng văn tuyệt tác.

*** Di tích lịch sử Bình Thành**

Bình Thành là một vùng đất trũng thấp có nhiều bưng thấp xen lẫn với những giồng đất cao tạo nên một địa hình khá phức tạp thuộc huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Khu vực này nằm ở vị trí tiếp giáp giữa miền Đông và miền Tây Nam Bộ, gần với Sài Gòn và dựa lưng vào nước bạn Campuchia. Với những điều kiện ấy, Bình Thành đã trở thành một căn cứ bưng biển độc đáo trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Trong kháng chiến chống Pháp, khu vực Bình Thành là căn cứ của Tỉnh ủy Chợ Lớn và Khu 7 với tên gọi "Quân khu Đông Thành". Các cơ quan: văn phòng Bộ Tư lệnh Nam Bộ, các sở trực thuộc Ủy ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ cũng có thời gian đóng quân ở Quân khu Đông Thành. Sau hiệp định Giơnevơ 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thẳng tay đàn áp các lực lượng cách mạng. Để bảo toàn lực lượng, một số cán bộ, đảng viên của hai tỉnh Tân An - Chợ Lớn đã rút lên Bình Thành. Khi chưa đủ điều kiện đấu tranh vũ trang, những chiến sĩ cách mạng đóng tại Bình Thành đã lợi dụng danh nghĩa quân giáo phái để thành lập nên Bộ Tư lệnh Trung Nam Bộ - lực lượng vũ trang đầu tiên của Khu 8 và Nam Bộ sau 1954.

Tháng 7-1957, Xứ ủy thành lập tỉnh Long An trên cơ sở sát nhập 2 tỉnh Tân An và Chợ Lớn.

Với kinh nghiệm từ cuộc kháng chiến chống Pháp, Tỉnh ủy Long An đã chọn Bình Thành làm căn cứ địa để lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Mỹ. Trong từng thời kỳ với những điều kiện khó khăn và thuận lợi khác nhau, Tỉnh ủy Long An đã linh hoạt, cơ động trong khu vực Bình Thành, có lúc phải tạm lánh sang Ba Thu, có lúc phát triển về Đức Hòa, Bến Lức và vùng hạ. Tuy nhiên nơi mà Tỉnh ủy Long An và các cơ quan trực thuộc đứng chân hoạt động lâu nhất chính là Giồng Ông Bạ thuộc khu vực Bình Thành trong thời gian mở đầu và kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Trải qua hai cuộc chiến tranh và tác động của tự nhiên, con người, đến nay khu căn cứ Tỉnh ủy đã thay đổi khá nhiều so với ban đầu. Ở Giồng Ông Bạ - nơi Tỉnh ủy đóng lâu nhất chỉ còn lại dấu vết của nhà cửa, cơ quan, hầm trú ẩn... và hàng chục hố bom lớn nhỏ. Đây đó xung quanh khu vực Bình Thành vẫn còn lại nhiều dấu tích, những địa danh vang bóng một thời phản ánh quá trình hoạt động của Đảng bộ và quân dân Long An trong hai cuộc kháng chiến như: Giồng Dinh xã Mỹ Thạnh Tây - Nơi đặt tổng hành dinh của Trung tướng Nguyễn Bình; Tráp Tre - nơi ra đời của Bộ tư lệnh Trung Nam Bộ; Hội đồng Sầm - nơi thành lập của Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Long An; Giồng Ông Tướng: nơi thành lập Tiểu đoàn 1 ba lần được phong danh hiệu anh hùng; xóm Công đoàn: nơi nhân dân đào địa đạo dưới lòng đất để bám trụ căn cứ, ủng hộ cách mạng.

Năm 1998, Bộ Văn hóa – Thông tin đã ra quyết định xếp hạng Căn cứ Bình Thành là di tích lịch sử cấp quốc gia.

***Di tích lịch sử Ngã tư Rạch Kiến**

Ngã tư Rạch Kiến là giao lộ 18 và 19 tại trung tâm xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Trong không gian khoảng 1km², nơi đây trước kia là những sân bay dã chiến, bãi pháo, cầu lạc bộ sĩ quan, khu doanh trại quân sự ... của căn cứ Mỹ, địa danh này đã gợi lại một thời gian khổ và hào hùng trên Vành đai diệt Mỹ Rạch Kiến - một thể trận chiến tranh nhân dân độc đáo, thể hiện ý chí và sáng tạo của Đảng bộ và quân dân địa phương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Khi ấy, căn cứ được bố trí dọc 2 bên lộ 18 (nay là tỉnh lộ 826) từ ngã ba Đài chiến sĩ (Long Hòa) đến Cầu Đồn (Tân Trạch). Khu vực chính nằm ở hướng đông ngã tư Rạch Kiến gồm hơn 20 doanh trại, phía tây là trận địa pháo với những bệ bằng bê tông đúc sẵn, phía bắc là sân bay dã chiến. Khu căn cứ được phòng thủ bằng 6 lớp rào đủ loại xen kẽ với 3 tuyến bãi mìn loại vương nổ, đập nổ, điều khiển bằng điện. Toàn bộ khu căn cứ chiếm diện tích khoảng 160.000m². Về mặt quy mô, căn cứ Rạch Kiến được xem như một mục tiêu quân sự lớn của Mỹ ở Nam Sài Gòn.

Ngày 23 tháng 12 năm 1966, Lữ đoàn 3 thuộc sư đoàn bộ binh số 9 quân viễn chinh Mỹ đánh chiếm Rạch Kiến lập căn cứ. Quân dân 2 huyện Cần Đước - Cần Giuộc với lực lượng vũ trang tỉnh lập nên "Vành đai diệt Mỹ Rạch Kiến". Gần 1.000 ngày chiến đấu dũng cảm, hy sinh gian khổ, quân dân ta tiêu diệt hơn 2.000 tên địch, 17 máy bay,

20 xe thiết giáp, thu nhiều phương tiện chiến tranh. Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Cần Đức - Cần Giuộc trên "Vành đai diệt Mỹ Rạch Kiến" là đỉnh cao của chiến tranh nhân dân ở Long An góp phần đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ ở miền Nam - Việt Nam.

Năm 1996 "Ngã tư Rạch Kiến" được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

"Di tích lịch sử "Khu vực Ngã tư Đức Hòa"

Ngã tư Đức Hòa nằm tại trung tâm thị trấn Đức Hòa, tỉnh Long An được tạo thành bởi sự giao nhau của hai con lộ 9 và 10, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 22km và cách thị xã Tân An hơn 40km về hướng Nam.

Tại đây, cuộc biểu tình hô vang khẩu hiệu đòi quyền dân sinh dân chủ, chống sưu cao thuế nặng, chống lính vào làng đàn áp nhân dân vào những năm 30 đã bị địch đàn áp trong máu. Cuộc biểu tình ngày 4 tháng 6 năm 1930 ở Đức Hòa được xem là đỉnh cao của phong trào cách mạng tỉnh Tân An - Chợ Lớn năm 1930. Nó chứng minh cho khả năng lãnh đạo, vận động quần chúng đấu tranh của Đảng, và niềm tin một lòng theo Đảng của người dân Đức Hòa trong kháng chiến chống Pháp.

Khu vực Ngã tư Đức Hòa với những địa điểm như: Đình Quận gắn với cuộc biểu tình ngày 4 tháng 6 năm 1930 của hơn 5.000 nhân dân Đức Hòa; Đài xử bắn các chiến sĩ tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 1940-1941... đây là những chứng tích lịch sử tố cáo tội ác của bọn thực dân xâm lược, và là niềm tự hào của người dân Đức Hòa nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung về tinh thần đấu tranh quật khởi để giành lấy nền độc lập tự do.

Năm 1989, Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận Khu vực Ngã tư Đức Hòa là di tích lịch sử cấp quốc gia.

***Di tích nghệ thuật đình Vĩnh Phong**

Bên vòm Rạch Cây Gáo, một ngôi đình cổ nằm soi bóng bên dòng nước - đó là đình Vĩnh Phong, nơi lưu niệm ông Mai Tự Thừa, người đã có công khai cơ lập làng, lập chợ tạo nên sự phồn thịnh của thị trấn Thủ Thừa ngày nay.

Qua nhiều lần trùng tu, gần nhất vào năm 1998, đình Vĩnh Phong vẫn còn giữ được phong cách kiến trúc cuối thời Nguyễn. Hiện tại đình Vĩnh Phong nằm trong khuôn viên 1.132m² với 3 lớp nhà: võ ca, võ quy, chánh điện trông ra kinh Thủ Thừa. Chánh điện đình Vĩnh Phong được xây dựng theo lối cổ với kết cấu cột tứ trụ, mái lợp ngói âm dương, trên nóc có đôi rồng bằng sành trong tư thế lưỡng long tranh châu. Bên trong chánh điện được bài trí rất trang nghiêm với 2 lớp bao lam, 3 bàn thờ, Long Đình và Lỗ Bộ. Bao lam bên ngoài là tuyệt tác của cánh thợ Thủ Dầu Một có niên đại Mậu Ngọ (1918). Các nghệ nhân đã thể hiện trên bao lam này các đề tài truyền thống như Tứ linh (Long, Lân, Quy, Phụng), Tứ hữu (Mai, Lan, Cúc, Trúc), Bá điệu quy sào. Bên trên bao lam có những khung gỗ kết cấu theo kiểu ô học chạm long hình tượng long mã, mai lộc, cuốn thư, cá hóa long, dơi, hết sức tinh xảo. Trước bàn thờ chính là bộ bao lam cổ có niên đại Bính Tuất (1886). Vẫn là đề tài tứ hữu, nhưng các chi tiết trên bộ bao lam này được tạo dáng to khỏe mang phong cách cuối thế kỷ XIX. Nét đặc biệt ở bao lam này là nghệ thuật sơn son thếp vàng hết sức tinh xảo. Trải qua thời gian hơn 100

năm mà bộ bao lam này vẫn còn nguyên vẻ rực rỡ như buổi ban đầu. Chánh điện đình Vĩnh Phong hiện còn 2 bức hoành phi cổ cùng 8 cặp liên đối có giá trị niên đại Bình Tuất (1886) và Bình Thìn (1916). Đa số các câu đối đều viết theo lối quán thủ (2 chữ đầu của 2 câu đối ghép lại thành tên Đình hoặc tên Thủ Thừa).

Đình Vĩnh Phong đã được Bộ Văn hóa – Thông tin quyết định xếp hạng là di tích lịch sử quốc gia năm 1998.

* Di tích Nhà Trăm Cột

Ở xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An có một ngôi nhà cổ mà nhân dân địa phương gọi là Nhà Trăm Cột (vì nhà có trên 100 cột). Theo lời truyền lại thì ngôi nhà được xây dựng vào những năm 1901-1903 do một nhóm thợ miền Trung thực hiện.

Với diện tích 882m², Nhà Trăm Cột tọa lạc trên một khu vườn rộng 4.044m², chính diện quay về hướng tây bắc. Nhà hoàn toàn bằng gỗ (cẩm lai, gỗ đỏ, gỗ mật), mái lợp ngói âm dương, nền nhà bằng đá tảng cao 0,9m, mặt nền lát gạch Tàu lục giác.

Dựa vào việc trang trí và kiến trúc của Nhà Trăm Cột cho thấy nghệ thuật điêu khắc của các nghệ nhân ngày trước ở vào trình độ bậc cao qua cách bố cục, thể hiện đề tài cũng như xử lý kỹ thuật. Toàn bộ hệ thống vì kèo được chạm nổi, chạm lọng rất công phu các đề tài "vân hóa long", "tứ thời" kiểu "dây lá hoa" đặc trưng của Huế rất sắc sảo. Các gian nội tự và ngoại khách là nơi tập trung cao nhất giá trị thẩm mỹ của công trình mà người xưa đã gửi gắm trên từng nét chạm. Tất cả được bố cục, xử lý một

cách hài hòa trong không gian kiến trúc làm toát lên nét trang nghiêm của một ngôi nhà thờ và cũng đầy tráng lệ của một công trình kiến trúc điêu khắc truyền thống.

Theo các nhà nghiên cứu, Nhà Trăm Cột là một ngôi nhà có kiểu cách thời Nguyễn, về đại thể mang dấu ấn rõ rệt của phong cách Huế. Nhưng do được làm theo đơn đặt hàng của gia chủ trong bối cảnh Nam bộ thời thuộc Pháp nên có nhiều nét biến tấu trong đề tài trang trí, tạo được sự phong phú và đa dạng. Đó cũng là một phần lịch sử, văn hóa đất phương Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Năm 1997, Nhà Trăm Cột đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa quốc gia.

***Lăng mộ và đền thờ Nguyễn Huỳnh Đức**

Tọa lạc ở phía tây thị xã Tân An, lăng Nguyễn Huỳnh Đức là một trong những kiến trúc lăng mộ cổ nhất ở Long An còn tồn tại gần như nguyên vẹn cho đến ngày nay. Đây là một quần thể kiến trúc bao gồm các công trình chính như cổng, lăng mộ, đền thờ Kiến Xương Quận công Nguyễn Huỳnh Đức, một công thần khai quốc của triều Nguyễn.

Khuôn viên lăng Nguyễn Huỳnh Đức có diện tích hơn 3.000m², được giới hạn bởi tường rào, có cổng tam quan mở về hướng đông, trên cổng đắp nổi dòng chữ "Tiền quán phủ". Lăng Tiền quân Nguyễn Huỳnh Đức được xây dựng năm 1817 (trước khi ông mất) bằng đá ong và vữa tam hợp theo hướng bắc-nam. Lăng được xây dựng theo lối cổ, đăng đối nghiêm ngặt, có vòng thành hình chữ nhật dài 35m, rộng 19m, cao 1.2m, dày 0.1m bao quanh. Ấn ngữ lối vào mộ ở phía bắc tường thành là bình phong đá ong cao 3m có

dắp nổi hoa văn mai - lộc. Từ bình phong có đường thân đạo dài 17m dẫn đến phần chính của mộ gồm biểu thành, các trụ biểu, hai bình phong và bia mộ. Trên hai bình phong có khắc 2 bài văn tế Nguyễn Huỳnh Đức của Trịnh Hoài Đức và Trần thủ Định Tường Nguyễn Văn Phong.

Đến tham quan di tích lăng Nguyễn Huỳnh Đức chúng ta được chiêm ngưỡng nghệ thuật kiến trúc lăng mộ đầu đời Nguyễn và những cổ vật quý giá cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Ta còn được biết đến cuộc đời và sự nghiệp của một "Hổ tướng" lừng danh đất Ba Giồng và cũng là người có công khai phá Giồng Cai Ẽn (Khánh Hậu), được nhân dân tôn thờ như một vị Tiên Hiền. Chính vì vậy, ngay từ đầu thế kỷ XX, chính quyền thuộc địa đã liệt hạng lăng Nguyễn Huỳnh Đức là 1 trong 404 cổ tích ở Đông Dương.

Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận lăng Nguyễn Huỳnh Đức là di tích lịch sử văn hóa quốc gia năm 1993.

***Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc**

Di tích cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc nằm cạnh chùa Hoà Long, ngay trong nội ô của thị xã Cao Lãnh.

Khu di tích cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc khánh thành ngày 13 tháng 12 năm 1977, là công trình ghi ơn cụ Nguyễn Sinh Sắc, một nhà nho yêu nước và là người đã sinh thành ra vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam - Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Toàn bộ khu di tích rộng 3,6ha, chia làm ba khu vực: mộ cụ Phó bảng, nhà sàn Bác Hồ và ao sen. Nơi đây mang lại cho bạn một cảm giác thư thái nhẹ nhõm khi dạo bước hòa cùng sắc hoa, màu lá, màu trắng tinh khiết, thanh

thoát của các công trình: vòm mộ, hồ sen, phòng lưu niệm, nhà trưng bày về Bác, nhà trưng bày giới thiệu về cụ Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan (thân phụ và thân mẫu của Bác Hồ). Nơi đây có hàng trăm loại cây trái, hoa, cây cảnh quý hiếm được bà con địa phương và các tỉnh bạn hiến tặng. Mọi thứ đều toát lên vẻ uy nghi mà giản dị, trang trọng mà gần gũi, khiến ta như sống trong không khí thiêng liêng, lòng không khỏi bồi hồi nhớ về công lao của Bác và các bậc sinh thành ra Người...

Hàng năm cứ vào ngày 27 tháng 10 âm lịch, bà con xa gần ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và các nơi hội tụ về đây tổ chức lễ giỗ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc trong không khí trang nghiêm, trọng thể, đông vui như một ngày hội lớn mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

Đây là quần thể di tích lịch sử văn hoá nổi tiếng của tỉnh Đồng Tháp nói riêng và cả nước nói chung, đã được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận năm 1992.

***Bửu Lâm Tự**

Bửu Lâm Tự là một trong những ngôi chùa cổ được xây dựng vào cuối thế kỷ XVII, tọa lạc tại ấp 3, xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Nằm bên bờ kinh Cái Bèo, Bửu Lâm Tự phong cảnh thật hữu tình. Hàng cây dầu cổ thụ vươn vút trời xanh, hòa cùng tiếng chuông chùa ngân nga. Hương trầm, hương huệ từ hàng miếu Bà Chúa Xứ, miếu Ngũ Hành tạo cho ta cảm giác hư ảo kì bí, những muôn phiền ưu tư như được rũ bỏ bởi chốn thiên môn cổ kính. Giữa sân chùa là Phật đài lộ thiên đứng trên bệ toà sen cao 3m. Tượng màu trắng

tuyết, ngợ giữa trời mây, gương mặt từ bi, nụ cười nhân hậu, tay cầm nhành dương liễu, mắt hướng về đông... Bao quanh tượng đài muôn hoa đua nở hương thơm ngát ngào, uy nghi và đĩnh đạc.

Đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, chốn thiền môn cổ kính này từng vận động tăng ni đầu quân, ủng hộ nhiều đồ đồng để cách mạng rèn vũ khí, nuôi dưỡng, bảo vệ, che chở cách mạng (xung quanh chùa có nhiều hầm bí mật). Ngoài ra, chùa còn là nơi nhân dân tập trung đấu tranh khi có giặc đàn áp, khủng bố.

Hàng năm chùa cúng thường lệ ba rằm lớn: tháng giêng, tháng bảy, tháng mười và một lần giỗ tổ vào rằm tháng hai. Khách thập phương từ khắp nơi đến hành hương lễ bái tấp nập, đông vui.

Bửu Lâm đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá.

***Đền thờ Thượng tướng Trần Ngọc (Đốc Binh Vàng)**

Đền thờ Thượng tướng Trần Ngọc tọa lạc tại phên ấp Nam, xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Thượng tướng Trần Ngọc tục danh là Đốc Binh Vàng, dưới triều vua Minh Mạng giữ chức Tổng binh kiêm nhiệm chức Chánh giải quân lương. Năm 1837 lúc quân xâm lăng lật ngược tình thế động quân quyết chiếm ba tỉnh miền Tây, ngài được giao nhiệm vụ chỉ huy đoàn quân thuyền giải lương đến biên thùy An Giang. Trên đường đi, được tin báo thành An Giang thất thủ trước khí thế rất mạnh của giặc. Quyết không để quân lương lọt vào tay giặc, ngài ra lệnh thiêu hủy đoàn thuyền, giải giáp binh sĩ sau đó rút gươm tự vẫn.

Sau khi mất, triều đình ban tặng ngài chức Thượng tướng Quận công. Dân chúng nhớ ơn và thương tiếc vị anh hùng của dân tộc bèn đặt tên con rạch nơi đoàn thuyền của ngài cập bến thành rạch Đốc Binh Vàng và cùng nhau lập đình thờ ngài tại địa điểm hiện nay. Trải qua bao thời cuộc chiến tranh cùng tuế nguyệt phong sương, ngôi đền thờ bị hư hỏng nặng, đến năm 1965 đền thờ được kiến trúc xây dựng lại bằng vật liệu kiên cố đẹp và rực rỡ, hài hòa với khung cảnh thiên nhiên nơi đây.

Đền thờ Thượng tướng Trần Ngọc là một trong những di tích lịch sử của tỉnh.

***Khu di tích Gò Tháp**

Đây là khu di tích lịch sử văn hoá độc đáo, nằm trên địa bàn hai xã Mỹ Hòa và Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi đây vốn là vùng đất mới được cư dân người Việt từ đàng ngoài vào khai hoang lập nghiệp, mở mang bờ cõi đất nước từ cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII, khi vùng đất này còn hoang vu với rừng rậm sinh lầy.

Tính từ con lộ Mỹ Hoà đi vào, quần thể di tích Gò Tháp gồm có 5 di tích tiêu biểu: Gò Tháp Mười, tháp Cổ Tự, mộ và đền thờ cụ Đốc binh Kiều, gò Minh Sư, miếu Bà Chúa Xứ. Tại đây, giới khảo cổ học phát hiện được nhiều di vật cổ rất giá trị, chứng tích của nền văn minh Óc Eo xưa.

Ở cực nam của quần thể di tích Gò Tháp là Gò Tháp Mười, cũng chính là gò cao nhất. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, di tích Gò Tháp Mười từng là căn cứ của các cơ quan ở Nam Bộ, Khu 8, Trường Quân chính Khu 8...

Đến Gò Tháp, bạn sẽ bất ngờ bởi đây không chỉ là khu di tích mà còn có cảnh quan thiên nhiên đẹp với môi trường sinh thái còn mang nhiều dấu vết hoang sơ. Cách về phía bắc của Gò Tháp Mười là tháp Cổ Tự, tương truyền rằng đã có từ đời Thiệu Trị (1841-1847), trước đó là ngôi tháp thờ Chân Lạp. Trải qua nhiều thế kỷ thăng trầm, ngôi chùa giờ đây đượm màu hoang phế, những dấu vết chiến tranh còn in đậm trên vách tường và các bức tượng thờ thần, Phật...

Ở đây có đền thờ cụ Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều và Thiên hộ Võ Duy Dương. Hai cụ đã chọn Gò Tháp làm căn cứ địa cách mạng của nghĩa quân yêu nước trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp với những trận đánh làm quân địch kinh hồn bạt vía. Đi tiếp về hướng bắc, bạn sẽ đến được gò Minh Sư và miếu Bà Chúa Xứ - nơi khách thập phương luôn kéo về rất đông.

Hàng năm, hai kì lễ hội truyền thống dân gian: vía Bà Chúa Xứ (rằm tháng 3 âm lịch) và tưởng niệm hai vị anh hùng dân tộc Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều (rằm tháng 11 âm lịch) đã thu hút hàng trăm ngàn lượt khách hành hương về Gò Tháp để chiêm ngưỡng những kiến trúc cổ của nền văn hoá Óc Eo, thưởng ngoạn sinh hoạt “học trò lễ”, “nhạc lễ”, “múa lân” và các hoạt động văn hoá nghệ thuật khác.

Đây là khu di tích cấp quốc gia được Bộ Văn hóa – Thông tin công nhận năm 1998.

***Chùa Kiến An Cung**

Chùa Kiến An Cung hay còn gọi là chùa Ông Quách tọa lạc tại phường 2, trung tâm thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Chùa do nhóm người Hoa ở tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) định cư tại Sa Đéc xây dựng để thờ cúng tổ tiên và dạy dỗ con cháu, khởi công xây dựng từ năm Giáp Tý (1924) đến mùa thu Đinh Mão (1927) thì làm lễ khánh thành.

Đến với di tích này, bạn sẽ được chiêm ngưỡng một lối kiến trúc độc đáo, lộng lẫy và trang trọng. Chùa quay mặt ra rạch Cái Sơn, được xây theo kiểu chữ “Công” uy nghi, bề thế, gồm 3 gian, trong đó gian giữa rộng nhất là diện thờ. Toàn bộ chùa không có kèo, chỉ có đòn tay ráp mộng lại chịu lực trên những cột gỗ tròn làm trụ. Mái chùa lợp ngói gợn sóng rồng, trải nền cho những ngọn sóng cong vút lên cao, tạo mái ngói theo chữ “ngũ hành”. Sáu đầu ngọn sóng là sáu cung điện thu nhỏ. Mái ngói được làm rất công phu, gồm 3 lớp: mặt trên là ngói, mặt giữa là gạch, cuối cùng là ngói.

Trước cửa chánh điện có hai con kỳ lân bằng đá xanh to lớn, miệng ngậm trái châu, chạm khắc tinh xảo. Hai bên tả, hữu là 2 vị thần Thiện - Ác. Bước vào bên trong là sân lộ thiên nhỏ để dành làm chỗ cúng tế theo cổ tục. Những cột lớn trong chánh điện, các tấm hoành phi, bao lam, đối liên đều được chạm trổ hoa lá, chim muông lộng lẫy, tôn nghiêm. Chánh điện chùa thờ Quan Công (Quan Vân Trường), Ngọc Hoàng Thượng Đế. Phía trong chánh tẩm là bệ thờ ngài Quảng Trạch (Ông Quách). Hằng năm chùa có 2 ngày lễ tế : ngày 22 tháng 2 và ngày 22 tháng 8 âm lịch. Cứ 3 năm lại thiết lập trai đàn, cúng cầu siêu cho bá tánh quá vãng và cầu cho quốc thái dân an.

Chùa là công trình văn hoá đã được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là di tích lịch sử quốc gia năm 1990.

*** Di tích Bến dò Phú Mỹ**

Làng Phú Mỹ xưa thuộc Tân Hiệp tỉnh Định Tường, ngày nay di tích Bến dò Phú Mỹ thuộc xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, cách Quốc lộ 1 khoảng 10km, nằm bên trái từ Mỹ Tho đi Thành phố Hồ Chí Minh, đường đi đến di tích bằng ô tô rất thuận lợi.

Di tích Bến dò Phú Mỹ là di tích lịch sử cách mạng - nơi ghi dấu tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta vào những năm 1945-1947 trong giai đoạn Pháp trở lại xâm lược nước ta. Đã hơn 60 năm qua, nhưng mỗi khi nhắc đến là người dân nơi đây không khỏi bàng hoàng nhớ về một thời kỳ đầy man rợ mà thực dân Pháp đã gây ra đối với dân làng Phú Mỹ. Khu bốt Tây xưa, nay đã xây dựng búa cày thù với bức phù điêu chạm nổi những hình ảnh, sự kiện thảm sát dã man của thực dân Pháp với đồng bào, đồng chí tại xã Phú Mỹ: tên Pháp đang giơ cao cây búa chặt đầu người, tên khác đang xách đầu người bị chặt... Những hình ảnh đau thương gợi nhớ một thời đất nước, nhân dân ta sống dưới ách thuộc địa của thực dân Pháp như nhắc nhở chúng ta về tội ác kẻ thù đã gây ra cho đồng bào ta trong những năm 1947-1949.

Di tích được được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1994.

*** Di tích Chiến lũy Pháo Đài**

Lũy Pháo Đài thuộc ấp Pháo Đài, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Di tích nằm ngay Cửa Tiểu trên cù lao Phú Tân nên đường đi đến chủ yếu bằng đường thủy hoặc đường bộ.

Để bảo vệ Cửa Tiểu, năm Minh Mạng thứ 15 triều đình nhà Nguyễn cho xây dựng tại đây một Bão bằng đất gọi là Đồn Từ Linh, chu vi 60 trượng (378m), cao 5 thước 5 tấc (2,57m), mở hai cửa. Năm Thiệu Trị thứ 3 và thứ 7 được sửa chữa lại.

Sau khi thành Định Tường thất thủ, tháng 4 năm 1861 Trương Định về Tân Hoà xây dựng căn cứ kháng Pháp. Đồn Từ Linh được sử dụng làm chiến lũy, gọi là Chiến lũy Pháo Đài, có trang bị súng thần công loại lớn. Suốt cả quá trình tồn tại, Chiến lũy Pháo Đài đã cùng nghĩa quân trấn giữ một cửa biển quan trọng của Đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 2000, Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) Tiền Giang đã tiến hành xây dựng nhà bia di tích Lũy Pháo Đài. Nhà bia với kiến trúc đẹp, thoáng mát và trang nghiêm với chiều cao 9,4m, rộng 84m², mái ngói, cột bê tông, nền tôn cao 2m so với mặt đất và đã tiến hành phục hồi 2 súng thần công, để nơi đây trở thành một điểm tham quan phục vụ nhân dân và du khách đến thăm viếng - hồi tưởng lại một quá trình dựng nước và giữ nước của cha ông.

Chiến lũy Pháo Đài là di tích lịch sử dân tộc, được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987.

***Khu di tích Chiến thắng Cổ Cò**

Địa điểm di tích Chiến thắng Cổ Cò nằm trên quốc lộ 1A thuộc xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Chiến thắng Cổ Cò là trận đánh lớn đầu tiên trên chiến trường Khu 8: diệt đại bộ phận tiểu đoàn bộ binh cơ giới thiện chiến của Pháp.

Chiến thắng Cổ Cò làm cho nhân dân ta liên tưởng đến chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa của anh hùng dân tộc Quang Trung:

"Trận Cổ Cò tưởng nhớ đến Quang Trung

Việt Nam xưa nay lắm anh hùng

Mùng một Tết thắng quân xâm lược

Trên đất này xuất hiện Quang Trung"

Di tích lịch sử Chiến thắng Cổ Cò được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia năm 2001.

***Di tích Giồng Dứa**

Giồng Dứa nằm cách trung tâm thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang) 10km về phía tây, tại đoạn km 1974 + 250 quốc lộ 1, thuộc ấp Đông, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Hiện nay nằm trong khu vực đất của Trường quân sự địa phương.

Chiến thắng Giồng Dứa là di tích lịch sử cách mạng thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta trong giai đoạn 1945-1954.

Chính tại nơi đây trong những ngày đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quân và dân Mỹ Tho (Tiền Giang) dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Văn Trà, Khu Bộ trưởng Khu 8, đánh tiêu diệt đoàn xe chở hàng và đoàn xe của chính phủ bù nhìn Nam Kỳ tự trị ngày 25 tháng 4 năm 1947.

Năm 1985 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang xây dựng tại đây 1 tượng đài chiến thắng gồm: tượng tròn và phù điêu mô tả trận đánh kể trên do hai nhà điêu khắc Đỗ Như Cẩn và Phạm Mười tạo mẫu, đồng chí Thượng tướng Trần Văn Trà làm cố vấn về tượng đài, mô tả lại cảnh chiến đấu đốt xe địch của quân ta bằng 3 thứ quân, với nhân vật được thể hiện: nữ dân quân, vệ quốc quân và một nông dân thổi tù và.

Năm 2000 do nhu cầu mở rộng quốc lộ 1, tượng đài đã được quy hoạch tôn tạo lại và di dời vào trong 40m, xây dựng trong một khuôn viên gần 1ha với các hạng mục công trình như: công viên, vườn hoa, cây cảnh, hồ cảnh bao bọc chung quanh. Tượng đài và phù điêu chất liệu bê tông cốt thép cao 7m, dài 24m.

Di tích Giồng Dứa được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia năm 2003.

***Chùa Bửu Lâm**

Chùa Bửu Lâm tọa lạc tại số 162B, khu phố 7, đường Anh Giỏi, Phường 3, thành phố Mỹ Tho.

Chùa là một di tích kiến trúc nghệ thuật thuộc loại hình kiến trúc tôn giáo được xây dựng gồm 3 phần: tiền đường, chánh điện, hậu tổ. Vào gian chánh điện mới thấy được vẻ tráng lệ của chùa được trang trí 9 bộ bao lam với những hoạ tiết và đường nét tinh vi, độc đáo, bộ bao lam trước bàn thờ chánh điện được chạm lộng công phu với bộ “Cửu long tranh châu” và đôi long trụ “Cá hoá long” sơn son thếp vàng óng ánh. Các bộ bao lam còn lại được chạm khắc mai điều, song phụng châu cuốn thư, mẫu đơn, chim

trí và các họa tiết tứ linh, tứ quý, sen áp tùng lộc... Chùa thờ Phật theo Phật giáo Đại thừa thuộc dòng Lâm tế Chánh Tông. Tất cả nằm trên một nền đất cao 1m có diện tích 987,68m², xung quanh có vườn cây ăn trái và khuôn viên cây cảnh.

Cho đến nay đã trải qua 10 đời truyền, qua nhiều lần tu sửa nhưng chùa vẫn còn giữ được nét kiến trúc ban đầu và còn lưu giữ khá nhiều hiện vật chạm khắc gỗ tinh xảo, có giá trị được làm từ những bàn tay của các nghệ nhân vùng Nam Bộ.

Chùa Bửu Lâm được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia năm 1999.

***Đền thờ Trương Định ở Gia Thuận**

Đền thờ Trương Định tọa lạc tại ấp 2, xã Gia Thuận, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đền thờ thuộc loại hình di tích lịch sử dân tộc, nơi thờ cúng vị anh hùng dân tộc Trương Định - Người có công khai phá mở mang vùng đất Gò Công. Ông là một trong những người lãnh đạo nhân dân Nam Kỳ đứng lên chống quân xâm lược Pháp trong giai đoạn đầu 1858-1864 trước sự nhu nhược của triều đình nhà Nguyễn.

Để tưởng nhớ công đức của ông, nhân dân Gò Công thường gọi là “Trương Công Định” hoặc “Ông Trương”, có nơi ở Gò Công gọi là “Ông Lớn”.

Di tích đền thờ Trương Định ở Gia Thuận được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích cấp quốc gia năm 2004.

***Di tích cách mạng Chiến thắng Ấp Bắc**

Ấp Bắc thuộc xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Nơi đây đã từng diễn ra trận đánh lớn nhất miền Nam kể từ sau Hiệp định Giơnevơ vào ngày 2 tháng 1 năm 1963, báo hiệu sự sụp đổ của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" mà Mỹ áp dụng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Đến với khu di tích, du khách sẽ được đi trong quần thể rộng lớn với hai phân khu chức năng, khu vực 1 gồm có tượng đài, nhà mộ ba chiến sĩ gang thép, 3 hồ sen lớn, nhà trưng bày xe tăng, máy bay, công viên với nhiều loại cây kiểng; khu vực 2 gồm có nhà trưng bày hiện vật, phía dưới nhà trưng bày là hồ sen, bên trái là quảng trường và công viên được trồng cây cảnh, tạo cảnh quan chung quanh khu di tích rất khang trang sạch đẹp, phía sau là những mô hình được phục chế tái hiện lại như cảnh dân quân tải thương, nấu cơm, tắm xê, hầm bí mật. Xa xa ngoài cánh đồng rộng lớn là những biểu tượng máy bay, xe tăng địch bị bốc cháy.

Hàng năm vào ngày 2 tháng 1 dương lịch, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương long trọng tổ chức lễ kỷ niệm tại khu di tích này.

Di tích Chiến thắng Ấp Bắc đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích cấp quốc gia năm 1993.

***Khu di tích Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút**

Khu di tích Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút tọa lạc tại ấp Đông, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nằm cạnh bờ sông Tiền, ngay cạnh tỉnh lộ 864, cách Mỹ Tho khoảng 12km về phía tây.

Rạch Gầm - Xoài Mút là nơi đầu tiên trên địa bàn phía Nam của Tổ quốc đã diễn ra một trận thủy chiến chiến lược đánh tan 300 chiến thuyền, 5 vạn quân Xiêm xâm

lược và tập đoàn phong kiến bán nước Nguyễn Ánh vào đêm 19 rạng sáng 20 tháng 1 năm 1785.

Di tích đã được đưa vào sử dụng ngày 20 tháng 1 năm 2005 nhân kỷ niệm 220 năm ngày chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, với diện tích 1,5ha gồm 3 nhà trưng bày các hiện vật liên quan tới trận đánh.

Nhìn tổng quan, đây là một khu di tích đẹp, thoáng mát, thơ mộng, nằm cạnh bờ sông xen giữa khu vườn cây ăn trái, bên cạnh có nhà hàng Rạch Gầm với lối kiến trúc gỗ, tre, nứa rất mát mẻ và lạ mắt.

Khu di tích Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích cấp quốc gia năm 1992.

“Di tích lịch sử cách mạng “Nơi ghi dấu tội ác”

Chợ Giữa thuộc ấp Vĩnh Hoà, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang cách thành phố Mỹ Tho 20km về phía đông, cách quốc lộ 1A khoảng 6km về phía bắc.

Di tích Chợ Giữa Vĩnh Kim là di tích lịch sử cách mạng nơi ghi dấu tội ác của thực dân Pháp xâm lược đối với nhân dân ta nói chung và nhân dân Mỹ Tho (Tiền Giang) nói riêng. Tại di tích này, tỉnh Tiền Giang đã xây dựng một tượng đài với chất liệu bằng đồng, cao 8m, biểu tượng một phụ nữ một tay bế con, một tay cầm cây đòn gánh bị gãy với những đường nét mạnh mẽ, đầy cảm thù, phía sau tượng đài là tranh gốm sứ tái hiện cảnh thảm sát năm xưa, phía trước là công viên được trồng cây cảnh rất đẹp mắt. Di tích Chợ Giữa Vĩnh Kim nằm trong khu tam giác giữa các di tích Rạch Gầm-Xoài Mút; di tích Nam Kỳ khởi

nghĩa (đình Long Hưng): di tích Chiến thắng Ấp Bắc, do đó rất thuận tiện cho tour du lịch khi quý khách đến tham quan khu di tích Chợ Giữa Vĩnh Kim.

Hàng năm vào ngày 5 tháng 12, Mặt trận Tổ quốc xã Vĩnh Kim cùng các đoàn thể của xã tổ chức mít tinh kỷ niệm, có đông đảo đồng bào các xã lân cận và các gia đình nạn nhân trong vụ thảm sát về dự.

Di tích Chợ Giữa Vĩnh Kim được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia năm 2003.

***Di tích Đình Long Trung**

Đình Long Trung nằm cách trung tâm huyện lỵ Cai Lậy 10km về phía nam.

Đình Long Trung do dân làng lập vào khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX để thờ cúng các vị thần Thành Hoàng mà họ tin ngưỡng cùng những người có công khai khẩn đất hoang lập làng.

Đình Long Trung thuộc loại hình kiến trúc nghệ thuật cổ, có giá trị về lịch sử. Theo sắc phong của Triều Nguyễn vào năm 1811 (thời vua Thiệu Trị) phong cho Thần làng Mỹ Đông Trung là Thượng Đẳng Thần, gồm có 6 lá sắc thần, 3 lá Đại Càn thờ ở Miếu, 3 lá thờ ở đình. Nhìn tổng thể kiến trúc, đình được xây dựng theo dạng chữ $\equiv$ gồm 3 dãy nhà ngang: Võ ca, chánh điện, hậu đường được xây dựng bằng các loại gỗ quý, gạch ngói và chất kết dính là hồ ô được theo kỹ thuật truyền thống; kèo cột, xiên trích và bộ sườn của mái kết cấu với nhau bằng hệ thống mộng, chốt rất tinh vi và sắc sảo mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc,

thể hiện qua kỹ thuật xây dựng, kết cấu vật liệu và các họa tiết trang trí bên trong, góp phần làm tăng nét uy nghiêm, lộng lẫy. Bên trong đình được trang trí các bao lam, hình vồng, các tấm hoành phi, câu đối, các bàn thờ... được chạm trổ công phu, tinh xảo, đặc sắc với các đề tài thể hiện sự trang nghiêm nơi thờ tự.

Đình Long Trung còn lưu giữ nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể rất độc đáo ở Tiền Giang. Đặc biệt là các tấm hoành chạm 3 lớp kết hợp với các tượng tròn trang trí bên trên, các nghi thức tế lễ và lễ hội chưng nghi của nhân dân vào ngày 16 tháng 11 (âm lịch) hàng năm.

Đình Long Trung được Bộ Văn hóa- Thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1999.

***Di tích khảo cổ Gò Thành**

Di tích Gò Thành thuộc ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nằm trong khu dân cư, cách chợ Ông Văn, xã Đăng Hưng Phước 200m và cách Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo 6km về phía bắc.

Năm 1987, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đến tham gia Hội nghị “Thông báo khảo cổ học” tại Tiền Giang và khẳng định Gò Thành là di tích thuộc nền văn hoá Ốc Eo. Di tích đã được khai quật nhiều lần, phát hiện 12 hố thờ và mộ có dạng hình giếng nằm rải rác trên mặt gò và nhiều hiện vật bằng vàng, đồng, đá, đất nung đang được trưng bày tại nhà trưng bày trong khuôn viên di tích.

Hiện nay, khu di tích Gò Thành đã được trùng tu, tôn tạo, có tường rào bao quanh, cổng chính được thiết kế theo

những hoa tiết, hoa văn thuộc nền văn hóa Óc Eo rất độc đáo, có một nhà bao che một số đền tháp quan trọng, một nhà trưng bày hiện vật của di tích và một đình thần trong khuôn viên rộng lớn, khang trang.

Tại đây còn ẩn tích những hồ thờ từng bị chôn vùi dưới lòng đất hàng ngàn năm, gợi nhớ cho chúng ta nhận thức mới về xã hội người Phù Nam, về các quy luật phát triển lịch sử, xã hội trên vùng đất Nam Bộ, trên đất nước Việt Nam và cả Đông Nam Á.

Di tích Gò Thành được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận di tích cấp quốc gia năm 1994.

***Lăng Hoàng Gia**

Lăng Hoàng Gia thuộc giống Sơn Quy, xã Long Hưng, thị xã Gò Công. Đường đi đến di tích bằng ô tô rất thuận tiện.

Lăng Hoàng Gia bao gồm mộ và nhà thờ dòng họ Phạm Đăng là thích lý của triều Nguyễn. Dòng họ Phạm Đăng đến đời thứ ba có ông Phạm Đăng Hưng làm quan dưới hai triều vua Gia Long và Minh Mạng. Ông chính là cha của Hoàng Thái hậu Từ Dũ, là ông ngoại của vua Tự Đức. Năm 1826, triều đình nhà Nguyễn cho xây dựng tại đây đền thờ và lăng mộ dòng họ Phạm Đăng gọi là Lăng Hoàng Gia.

Nhà thờ được kiến tạo năm 1888 thời vua Thành Thái và năm 1921 thời vua Khải Định. Đây cũng là lúc nước ta chịu 30 năm thống trị của thực dân Pháp. Do vậy, kiến trúc nghệ thuật cũng bị ảnh hưởng không ít nhưng vẫn giữ kiểu nhà ba gian đậm nét Việt Nam.

Di tích Lăng Hoàng Gia được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận di tích cấp quốc gia năm 1992.

***Lăng mộ và đền thờ Trương Định ở Gò Công**

Đền thờ Trương Định nằm tại phường 1 trung tâm thị xã Gò Công.

Sau khi Trương Định mất ngày 20 tháng 8 năm 1864, bà Trần Thị Sanh người vợ thứ của Trương Định đã nhận thi hài của ông mang về an táng trọng thể tại trung tâm huyện lỵ Tân Hoà nay là phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Mộ được xây bằng đá ong với hồ ô dước (vôi, đường mật và cây ô dước). Diện tích toàn ngôi mộ là 67,263m², chiều dài 9,95m kể cả vòng tường ngoài cùng; chiều ngang 6,75m; vòng tường ngoài có 4 trụ cao 1,16m mỗi cạnh 54cm trên 4 trụ bốn góc có 4 hoa sen, cao 70cm xây bằng đá xanh năm 1956. Mộ có 2 bia, 1 phía trước mộ, 1 phía cuối mộ. Mỗi bia đều có mái che hình thức màu như ngói nhưng bằng vôi, cát.

Ngôi mộ tuy không nguy nga, lộng lẫy nhưng nói lên sự tôn kính và ngưỡng mộ công đức của nhân dân địa phương đối với người anh hùng.

Di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1984.

***Lăng Tứ Kiệt**

Lăng Tứ Kiệt nằm trên đường 30 tháng 4 thuộc khu phố I, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Lăng Tứ Kiệt là tên gọi mộ và đền thờ của bốn vị anh hùng chống Pháp ở Cai Lậy gồm: Nguyễn Thanh Long,

Trần Công Thận (Trần Quang Thận), Trương Văn Rộng và Ngô Tấn Đức (Đức) đã lãnh đạo nhân dân và nghĩa quân Cai Lậy - Cái Bè đứng lên chống Pháp xâm lược trong những thập niên cuối của thế kỷ XIX. Sau khi 4 ông hy sinh ngày 14 tháng 2 năm 1871, nhân dân lập mộ và đền thờ tại thị trấn Cai Lậy và để tỏ lòng tôn kính nhân dân gọi là Lăng Tứ Kiệt.

Hàng năm chính quyền, các đoàn thể và nhân dân huyện Cai Lậy cùng 4 vị anh hùng dân tộc vào ngày 14 tháng 2 tại Lăng Tứ Kiệt.

Di tích Lăng Tứ Kiệt được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích cấp quốc gia năm 1999.

*** Di tích cuộc thảm sát 286 người của quân Pháp**

Di tích nằm tại ấp Cầu Hòa thuộc xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, cách thị xã Bến Tre 9km theo đường bộ.

Vào lúc 5 giờ sáng ngày 10 tháng 1 năm 1947 (ngày 19 tháng chạp năm Bính Tuất), hai trung đội lính lê dương do tên thiếu úy Tây lai Leon Leroy chỉ huy theo đường sông từ An Hóa theo kênh Chệt Sậy đổ bộ lên ấp Cầu Hòa và ấp Nhì càn quét vì nghi ngờ có Việt Minh đang trú đóng. Không tìm ra một chứng tích nào về Việt Minh, chúng quay ra nổ súng bừa bãi vào những người dân vô tội, giết chết 286 người, gồm phần lớn là phụ nữ, trẻ em và người già. Chúng đốt cháy hơn 100 ngôi nhà. Nhiều xác chết bị cháy thiêu. Có gia đình bị giết đến 17 người, có gia đình bị giết sạch không còn người nào.

Đây là cuộc tàn sát có quy mô nhất và dã man nhất ở Bến Tre trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954).

Một bia cảm thù được dựng lên ở đây để nhắc nhở những thế hệ sau biết rõ tội ác tày trời của giặc.

Di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử quốc gia năm 2001.

*** Di tích lịch sử căn cứ của Khu ủy Sài Gòn - Gia Định**

Khu căn cứ này còn có mật danh là T4, Y4. Từ thị xã Bến Tre theo quốc lộ 60, qua phà Hàm Luông đi đến ngã ba chợ Xếp rẽ phải đi tiếp 5km nữa là đến xã Tân Phú Tây và xã Thành An thuộc huyện Mỏ Cày.

Sau Tổng công kích và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), địch phản kích quyết liệt, tăng cường hành quân càn quét, dùng phi pháo đánh phá khốc liệt ở vùng giải phóng và những nơi mà chúng nghi là có lực lượng cách mạng đang trú đóng. Tháng 6 năm 1969, sau khi thống nhất giữa thường vụ Khu ủy và lãnh đạo tỉnh Bến Tre, cơ quan lãnh đạo của Khu ủy Sài Gòn - Gia Định chuyển về đóng tại xã Tân Phú Tây. Đây là vùng mới giải phóng, nhân dân kiên cường, có trình độ giác ngộ chính trị cao, địa hình lại rất hiểm trở, nhiều kênh rạch chia cắt, có nhiều vườn dừa liên tiếp che chắn, địch không thể hành quân bằng xe cơ giới, thiết giáp, kể cả việc dùng trực thăng đổ quân cũng bị nhiều hạn chế.

Thời gian đóng căn cứ ở đây không dài, nhưng cơ quan Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đã được sự hỗ trợ, cứu mang đầy tình nghĩa của quân và dân huyện Mỏ Cày nói riêng và tỉnh Bến Tre nói chung.

Sau chiến tranh, những di tích của căn cứ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định gần như bị bom đạn của địch xóa sạch. Để

lưu giữ lại dấu tích của một thời chiến đấu gian khổ, hào hùng, tỉnh đã phục chế lại hai hầm trú ẩn bằng bê tông, giả thân cây dừa và dựng bia lưu niệm tại xã Tân Phú Tây.

Di tích này đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia năm 1995.

*** Di tích lịch sử Chùa Tuyên Linh**

Chùa Tuyên Linh được xây dựng từ năm Tân Dậu (1861), dưới triều Tự Đức năm thứ 14, nằm sát bên rạch Tân Hương, trên đường từ Cái Bần đi Phú Khánh, thuộc xã Minh Đức, huyện Mỹ Cày.

Chùa được xây dựng năm 1861, do hòa thượng Khánh Phong trụ trì. Đến năm 1907, nhà sư Lê Khánh Hòa, pháp danh là Thích Như Trí về trụ trì tại chùa này. Năm 1930, nhân dịp chùa được trùng tu, hòa thượng Lê Khánh Hòa đổi tên Tiên Linh tự thành Tuyên Linh tự. Từ đây chùa được gọi bằng tên mới: Tuyên Linh.

Theo tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Đồng Tháp, thì vào khoảng cuối năm 1926, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh - đã cùng một vị cao tăng của chùa Từ Đàm ở Huế ghé lại và tá túc tại chùa Tuyên Linh một thời gian.

Thời kháng chiến chống Pháp, chùa Tuyên Linh là cơ sở nuôi giấu cán bộ cách mạng. Trong những năm trước Đồng khởi, trong thế kìm kẹp khắc nghiệt của Mỹ, Diệm, vùng Tân Hương - Minh Đức, nơi có ngôi chùa Tuyên Linh, vẫn là nơi có phong trào mạnh. Các cơ quan Huyện ủy Mỹ Cày và Tỉnh ủy Bến Tre đã từng trú đóng tại đây trong sự đùm bọc của nhân dân và tín đồ đạo Phật giáo giữa những ngày khó khăn nhất của cách mạng.

Chùa được Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1994.

***Di tích lịch sử Đền thờ và mộ thờ Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng**

Khu di tích nằm tại đình Mỹ Thạnh, ấp Chợ, xã Mỹ Thạnh, nằm bên cạnh đường tỉnh 885, cách thị xã Bến Tre 6,5km.

Nguyễn Ngọc Thăng quê làng Mỹ Thạnh, huyện Tân An, nay là xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, năm 1848 giữ chức Lãnh binh trong quân đội dưới triều Thiệu Trị. Năm 1859, quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, ông đem binh ứng cứu, nhưng chưa kịp đến nơi thì thành bị hạ. Ông được lệnh đóng giữ phòng tuyến Kỳ Hòa, ở đồn Cây Mai. Do lực lượng quá chênh lệch, sau một thời gian cầm cự, ông rút quân về Gò Công, cùng phối hợp chiến đấu với nghĩa quân Trương Định. Ngày 27 tháng 6 năm 1866, ông bị trúng đạn, tử thương trong một trận giao chiến ác liệt với Pháp. Thi hài ông được đưa về quê bằng ghe, quản tại một con giồng nhỏ cách chợ Mỹ Long gần 1km.

Sau khi ông chết, vua Tự Đức có phong sắc, áo mũ và một thanh gươm, nhưng vì chiến tranh nên những di vật này đặt ở đền thờ ông ở ấp Giồng Keo bị hư hỏng, thất lạc. Từ năm 1984, nhân dân địa phương đã đem bài vị của ông vào thờ ở đình Mỹ Thạnh như một vị thần đã có công trong sự nghiệp chống ngoại xâm. Ngày giỗ ông hàng năm là ngày rằm tháng 5 âm lịch.

Di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1997.

* Di tích lịch sử Mộ và khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu

Khu di tích nằm tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre cách trung tâm thị trấn 2km về phía nam.

Nguyễn Đình Chiểu, sau khi bị mù hai mắt, mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh ở Bình Vĩ, Gia Định. Khi quân Pháp chiếm thành Gia Định, ông về quê vợ ở làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc. Khi 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ rơi vào tay giặc, Nguyễn Đình Chiểu rời Cần Giuộc về Ba Tri (1862). Tại đây, ông tiếp tục mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân và sáng tác thơ văn chống Pháp cho đến cuối đời. Những tác phẩm có giá trị nhất của ông đều được viết từ nơi đây.

Ngày 3 tháng 7 năm 1888, ông trút hơi thở cuối cùng, hưởng thọ 66 tuổi. Người ta kể rằng, hôm đưa đám tang ông, cánh đồng An Bình Đông, nay là xã An Đức, huyện Ba Tri, trắng xóa khăn tang - khăn tang của học trò, của các thân chủ được ông chữa khỏi bệnh, của bạn bè và bà con xa gần mền mộ tài đức của ông. Khu mộ gồm có mộ nhà thơ, mộ bà Lê Thị Diễm, người vợ đồng thời cũng là người trợ thủ đắc lực của ông trong sự nghiệp sáng tác thơ văn cũng như trong các hoạt động xã hội khác, mộ bà Sương Nguyệt Anh, con gái nhà thơ, người nữ chủ bút báo *Nữ giới chung*.

Hiện nay, khu mộ được mở rộng thành khu di tích Nguyễn Đình Chiểu nhằm tỏ lòng kính yêu một nhà thơ yêu nước lớn của dân tộc ở nửa sau thế kỷ XIX, vừa để phục vụ cho việc tham quan, nghiên cứu, giáo dục truyền thống yêu nước đối với các thế hệ hôm nay.

Di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1990.

*** Di tích lịch sử Nhà ông Nguyễn Văn Cung và ngã ba cây đa đôi**

Vào cuối tháng 4 năm 1930, chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương đầu tiên của tỉnh Bến Tre được thành lập tại nhà ông Nguyễn Văn Cung. Chi bộ gồm 10 đảng viên, nguyên là hội viên của chi bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội trước đó, do đồng chí Nguyễn Văn An thay mặt Liên tỉnh ủy lâm thời Mỹ Tho - Bến Tre đứng ra thành lập. Đồng chí Nguyễn Văn Trí thay mặt Liên tỉnh ủy lâm thời Mỹ Tho - Bến Tre công nhận chi bộ do đồng chí Nguyễn Văn An làm Bí thư.

Chi bộ xã Tân Xuân, sau khi thành lập, đã tổ chức cuộc mít tinh quần chúng nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1 - 5 tại cây đa đôi, sau đó biến thành cuộc biểu tình tuần hành, thu hút trên 200 người tham dự.

Tại đây, sau ngày giải phóng (ngày 30 tháng 4 năm 1975), Sở Văn hóa - Thông tin đã tổ chức dựng bia lưu niệm về sự kiện lịch sử này.

Di tích đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1993.

*** Di tích Mộ nhà giáo Võ Trường Toản**

Khu di tích nằm tại làng Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Võ Trường Toản người huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, là người học rộng tài cao, thông đạt kim cổ. Thời

chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn Ánh, ông ở ẩn nơi quê nhà, mở trường dạy học, không tham gia vào chính trị, từ chối mọi điều ban phát.

Nhiều học trò của ông nổi tiếng như Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định (lúc bấy giờ được gọi là Gia Định tam gia thi), Ngô Tùng Châu, Phạm Ngọc Uân, Lê Bá Phẩm... Ông mất ngày 27 tháng 7 năm 1792.

Hiện nay, khu mộ của ông bà và con gái được xây dựng theo dạng voi phục, nằm trong khuôn viên thoáng rộng, có cây che bóng mát, có nhà thờ mái cong, 2 tầng để thờ Võ Trường Toản và làm nơi tưởng niệm của khách thập phương.

Di tích mộ Võ Trường Toản được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1998.

*** Di tích nghệ thuật Đình Bình Hòa**

Đình nằm trên khu đất giống ở ấp Bình Minh, làng Bình Hoà, nay thuộc thị trấn Giồng Trôm, nằm cạnh đường 885, cách thị xã Bến Tre 16km.

Đình Bình Hòa được xếp trong danh mục 20 ngôi đình lớn và đẹp của tỉnh Bến Tre, là ngôi đình cổ nhất ở cù lao Bảo. Những tài liệu còn lưu giữ được đến nay cho biết đình được lập vào thập kỷ thứ 2, thế kỷ XIX, tính đến nay gần 200 năm. Ngôi đình có quy mô kiến trúc tương đối lớn còn giữ được đến ngày nay, không phải là dạng nguyên sơ của nó, mà đã được xây cất lại vào năm 1903. Từ khi khởi công xây dựng đến khi hoàn tất phải mất trên 10 năm (1903 - 1913), kể cả công trình kiến trúc bên ngoài và trang trí nội điện, đặc biệt là phần điêu khắc gỗ. Đó là kết quả lao động

công phu của những nhóm thợ được mời từ miền Trung vào, có tay nghề và trình độ mỹ thuật cao. Đình được sắc phong vào năm Tự Đức thứ 6 (1852).

Về trang trí bên trong cũng như những công trình nghệ thuật khác ở bên ngoài của đình, vẫn là sự kết hợp yếu tố nghệ thuật cung đình với nghệ thuật tôn giáo và được dân gian hóa ở mức độ nhất định. Đó là những đề tài lân, long, quy, phụng, chim muông, sen-cua, trúc - tước, nho - sóc, bần - cò... Hiện còn hơn 100 hiện vật điêu khắc gỗ tinh vi, sắc sảo, gồm những bức hoành phi, liễn đối, bao lam, phù điêu, hương án, đồ lễ bộ... được lưu giữ.

Hàng năm vào rằm tháng giêng (âm lịch) diễn ra lễ cúng đình lần thứ nhất và vào rằm tháng chạp (âm lịch) lần thứ hai.

Đình Bình Hòa được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1993.

***Di tích nghệ thuật Đình Phú Lễ**

Căn cứ vào bia còn lưu lại tại đình cho biết niên đại xây đình vào năm 1826 trên cơ sở ngôi đình bằng gỗ lá, được sắc phong vào năm Tự Đức thứ 5 (1851). Thêm và móng được cấu trúc bằng đá xanh, bên trên xây gạch. Đình gồm tất cả 10 gian: 6 gian chính dính liền với mái và 4 gian phụ bố trí theo lối chữ "Đình". Đình chính gồm võ ca, viên đường, thính đường, chánh đường và hậu đường. Cột đình bằng gỗ lim, đường kính 40cm, mái lợp ngói vảy cá.

Do chiến tranh và thời gian, các công trình kiến trúc và các hiện vật bài trí bên trong (hương án, cuốn thư, hoành phi, bình phong, bao lam, đồ lễ bộ...) đã bị xuống

cấp và hư hỏng nhiều. Tuy nhiên, những phần cơ bản về kiến trúc vẫn còn nguyên, không bị bom đạn tàn phá, đặc biệt những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc gỗ sơn son, thếp vàng còn lưu giữ được đến hôm nay, đã nói lên rằng đình Phú Lễ là đình có quy mô lớn và đẹp nhất của các làng quê ven biển Bến Tre. Nét đẹp của đình một phần còn do cảnh quan thiên nhiên bên ngoài. Khuôn viên của đình khá rộng, trải ra trên khu đất giồng khô ráo, với hàng trăm cây cổ thụ toả bóng.

Hàng năm, lễ kỷ yên tổ chức vào rằm tháng 3 (âm lịch). Vì là làng lớn, đông dân, nên trước đây mỗi năm trong kỳ tế xuân đều có rước đoàn hát bội về biểu diễn nhiều đêm liền.

Đình Phú Lễ được Bộ Văn hoá - Thông tin quyết định công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1993.

*** Khu di tích lịch sử Đồng Khởi Bến Tre**

Khu di tích tọa lạc trên 3 xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh.

Thắng lợi cuộc Đồng Khởi đã mở màn, cổ vũ cho phong trào nổi dậy trong toàn tỉnh, sau đó lan ra trong toàn miền. Để bảo tồn những di tích và hình ảnh, tư liệu về sự kiện lịch sử to lớn này, nhằm giáo dục truyền thống yêu nước bất khuất của người dân, và để nâng cao lòng tự hào về những chiến tích đã đạt được, lãnh đạo tỉnh Bến Tre chủ trương xây dựng tại xã Định Thủy một "Nhà truyền thống Đồng Khởi". Khu di tích này được thiết lập trên một diện tích 5.000m², gồm nhà bảo tàng một trệt, một lầu, có

diện tích sử dụng 500m². Trên nóc nhà là một ngọn lửa được cách điệu bằng bê tông cốt thép cao 12m, màu đỏ - biểu tượng của ngọn lửa Đồng Khởi cháy sáng mãi trên xứ Dừa. Bên trong nhà là những gian trưng bày những hiện vật, nhân vật, hình ảnh, biểu đồ, những vũ khí tự tạo để đánh địch... Chung quanh ngôi nhà là những thảm cỏ xanh, sân rộng, những bồn hoa và cây cảnh, làm tăng thêm vẻ đẹp của khu di tích.

Di tích Đồng Khởi đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia năm 1993.

***Ngôi nhà của Nguyễn Văn Trác, nơi ở, làm việc của đồng chí Lê Duẩn**

Ngôi nhà ông Nguyễn Văn Trác (thường gọi là Mười Trác) ở xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm.

Đây là nơi Bí thư Xứ ủy Nam Bộ Lê Duẩn đã ở và làm việc từ tháng 11 năm 1955 đến tháng 3 năm 1956, để chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam, tổng hợp tình hình và dự thảo Đề cương cách mạng miền Nam. Nhà gồm 3 gian, hai chái bằng gỗ, xung quanh là vườn dừa, có lối thoát thuận tiện khi gặp biến cố. Đồng chí Lê Duẩn hàng ngày làm việc, ăn ở ngay trong căn buồng, có kê chiếc giường đôi, cạnh đó là một tủ đứng, bên trong bố trí thông với một hầm bí mật đào dưới đất. Việc canh gác theo dõi người lạ, dịch bên ngoài đều do vợ chồng ông bà Nguyễn Văn Trác đảm nhiệm.

Đồng chí Lê Duẩn sống và làm việc ở đây gần 5 tháng, khi nhận thấy có dấu hiệu nghi ngờ bọn mật thám có thể đánh hơi, nên đã chuyển sang một cơ sở khác bí mật ở xã

Tân Hào, huyện Giồng Trôm, sau đó chuyển tiếp sang một số gia đình cơ sở khác ở xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày. Năm 1956, đồng chí Lê Duẩn rời Bến Tre lên Sài Gòn.

Sau ngày miền Nam giải phóng, đồng chí Lê Duẩn có về thăm lại ngôi nhà xưa, cùng những đồng bào, đồng chí cơ sở đã nuôi dưỡng, cứu mạng và bảo vệ mình trong những ngày cách mạng miền Nam bị địch đánh phá khốc liệt. Ngôi nhà ngày xưa đã bị chiến tranh tàn phá, chỉ còn lại chiếc tủ đứng bằng gỗ làm hầm bí mật, hiện đang được trưng bày ở nhà bảo tàng tỉnh Bến Tre. Đồng chí Lê Duẩn giúp đỡ gia đình ông Mười Trác xây dựng lại ngôi nhà, để ghi dấu một di tích của thời đấu tranh cách mạng đầy khó khăn, gian khổ.

Ngôi nhà ông Nguyễn Văn Trác đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cách mạng quốc gia năm 1997.

*** Cây đa Cửu Hữu**

Trên gò đất cao nhất thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tại giao lộ 19 tháng 8 và đường Hoàng Thái Hiếu có một cây đa cao lớn, cành lá sum suê, rợp mát. Người dân lâu nay luôn giữ gìn cây đa bằng tình cảm trân trọng, thiêng liêng, vì đây chính là dấu vết duy nhất còn sót lại của thành Vĩnh Long xưa: Cây đa Cửu Hữu.

Thành Vĩnh Long trong suốt quá trình tồn tại luôn là thành trì vững chắc, chi phối về quân sự - kinh tế - văn hóa cả khu vực miền Tây Nam Bộ rộng lớn của Tổ quốc. Năm 1867, đánh chiếm Vĩnh Long xong, thực dân Pháp đập phá tất cả các công trình văn hóa, đồn lũy của nhà Nguyễn và san bằng thành Vĩnh Long.

Qua cơn tàn phá, rất may trước cửa hữu thành Vĩnh Long còn cây đa sống sót. Nhân dân giữ gìn, bảo vệ cây đa gọi tên cây đa Cửu Hữu để lưu dấu và hoài niệm về thành Vĩnh Long xưa.

Vào thập niên 50, cây đa mẹ - dấu vết duy nhất của thành Vĩnh Long xưa bị lụi tàn. Từ thân cây mẹ, mọc lên cây đa con vươn mình phát triển tươi tốt, tồn tại đến ngày nay.

Năm 2000 di tích Cây đa Cửu Hữu được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa.

***Di tích chùa Phước Hậu**

Chùa Phước Hậu nằm tại ấp Đông Hậu, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Chùa Phước Hậu gồm nhiều công trình: chính điện, trung điện, hậu tổ, tàng kinh các, hệ thống bảo tháp... Trừ chính điện là công trình xây năm 1962, bằng vật liệu hiện đại như bê tông, xi măng, gạch ngói, gỗ,... theo mô hình kiến trúc kết hợp Đông phương và Tây phương. Còn các công trình khác là các bộ phận của ngôi chùa cũ, có từ năm 1894, tất nhiên có sửa chữa và tu bổ.

Phước Hậu cổ tự là tổ đình Phật giáo dòng Lâm Tế. Dòng Phật giáo này từ Hội An vào Quảng Ngãi rồi vào Trà Ôn. Trong giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, chùa Phước Hậu là nơi nuôi chứa cán bộ cách mạng, ngay trong lúc khó khăn nguy hiểm nhất. Nhiều tu sĩ tu học ở chùa, đã tuân lời dạy dỗ của các vị hòa thượng nghe theo lời kêu gọi của Tổ quốc, đã "cởi áo cà sa, khoác áo chiến bào" và có

vị hy sinh trên chiến trường, đến ngày hòa bình không trở về ngôi chùa cũ.

Chùa Phước Hậu được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử cách mạng năm 1994.

• Di tích Chùa Tiên Châu

Chùa nằm tại ấp Bình Lương, xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, chùa Tiên Châu do Hoà thượng Huỳnh Đức Hội “khai sơn”. Hoà thượng Đức Hội có pháp danh Tánh Minh, đời thứ 39 phái Lâm Tế dòng Liễu Quán. Chùa ban đầu được lấy tên là Di Đà Tự (Tiên Châu Di Đà Tự) vì chùa này thờ phật Di Đà.

Mãi đến cuối thế kỷ thứ XIX, các vị sư ở chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho) qua hành đạo. Giai đoạn này chùa Di Đà đã bị xuống cấp nên tín đồ Phật tử đã trùng tu tái thiết lại ngôi chùa vào năm 1899. Từ đó ngôi chùa có tên chính thức là Tiên Châu Tự.

Hiện nay cảnh vật nơi đây đã có nhiều đổi thay. Xung quanh chùa Tiên Châu hiện nay trở thành khu lao động, cửa nhà san sát. Nhưng chùa Tiên Châu hiện vẫn giữ được quy mô năm 1899, gồm bốn nóc: tiền đường, chánh điện, trung đường và hậu tổ. Các khu vực vừa kể thường làm theo kiểu tứ trụ, được nối rộng theo chiều ngang dọc nhờ các kèo dầm kèo quyết. Bộ giàn trô bằng gỗ quý, mái ngói âm dương, xung quanh đóng vách bồ kho. Nội điện chùa Tiên Châu được trang trí đẹp, trang nghiêm, cổ kính.

Chùa Tiên Châu được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1994.

***Di tích Đình Long Thanh**

Đình nằm tại Khóm B, Phường 5, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Cách trung tâm thị xã khoảng 3km, bên bờ sông Long Hồ.

Khoảng năm 1754, sau khi năm họ: Mai, Hồ, Mạc, Võ, Đoàn và nhiều lưu dân khác khai phá thành lập thôn Long Thanh thì ngôi đình làng này xây cất tại vàm Bùng Bình, ấp Hưng Long.

Qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa mãi đến năm 1913, nhờ sự đóng góp to lớn của bà Nguyễn Thị Mai, đình Long Thanh được tái thiết toàn bộ và chính thức đổi hiệu là Long Thanh miếu võ. Nhìn tổng thể, đình Long Thanh có nhiều nóc. Giữa là chính tẩm phía sau là nhà khách. Phía trước là võ quy và võ ca. Phía bên tả là nhà bếp. Chính tẩm làm theo kiểu tứ trụ, có tám kèo dầm và tám kèo quyết. Còn võ ca, võ quy hoặc nhà khách cũng làm như thế hoặc ba gian hai chái. Khu vực nào cũng rộng, có thể chứa vài ba trăm người cùng một lúc.

Hàng năm, tại đình Long Thanh có hai ngày lễ lớn: lễ Hạ Điền ngày 14 và 15 tháng ba âm lịch và lễ Thượng Điền ngày 16 và 17 tháng 10 âm lịch. Lễ Hạ Điền có quy mô trọng thể hơn lễ Thượng Điền. Trong ngày lễ này đình Long Thanh thu hút đông đảo bà con ở địa phương và các nơi về tham dự. Đặc biệt, đình Long Thanh hiện còn lưu giữ được những nghi lễ truyền thống như lễ tế Túc Yết, Chánh Tế, tế Tiên Hiền, Hậu Hiền, xáy châu, đại bội, hồi châu, bài văn tế đình,...

Đình Long Thanh được Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định công nhận là di tích cấp quốc gia năm 1991.

*Di tích Đình Tân Hoa

Đình Tân Hoa tọa lạc tại ấp Tân Hưng, xã Tân Hòa, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Đình Tân Hoa nằm bên bờ sông Tiền, ngó mặt ra vàm rạch Cái Đồi nên dân thường gọi là đình Cái Đồi.

Đình gồm có sáu nóc làm theo kiểu xếp đội, mang dáng dấp chung đình làng Nam Bộ nhưng cũng có những nét riêng. Chánh diện là một ngôi nhà tứ trụ, được nở rộng ra bốn phía bằng kèo dầm và tám kèo quyết. Còn các ngôi nhà khác như võ ca, võ quy, hậu điện... đều làm theo kiểu ba gian hai chái. Nền đình xây bằng đá chẻ, lần trùng tu sau này đã xây tường gạch bao quanh và cũng không giấu được dấu ấn mỹ thuật của thời gian này là các hoa văn theo kiểu cách của Pháp trên đầu cột ngoài hàng hiên phía trước. Mái đình được lợp bằng ngói âm dương, nối liền nhau bằng hệ thống máng xối. Các bờ nóc, bờ mái được xây cao và gắn nhiều hình trang trí bằng sành như: cá hóa long, phượng hàm thư, rồng khoanh, bát tiên, ông Mặt trời và bà Mặt trăng,... Đáng chú ý nhất là bộ giàn trò bằng gỗ quý, cột đình to. Lòng căn đình rất rộng từ ba đến bốn thước. Các bộ phận chịu lực như xuyên, trình, kèo... đều làm theo kiểu lục lăng, võ đậu, đùi ếch... nên cứng cáp. Những lá dung đỡ cây đòn tay cuối tầng mái biến thành những đầu rồng, có thể nói đây là nét lạ về kỹ thuật, đẹp về thẩm mỹ mà khả năng chịu lực không hề suy giảm.

Trong đình Tân Hoa còn giữ được hàng chục bộ bao lam, hàng chục hoành phi, câu đối, rất nhiều tự khí như: lỗ bộ, lư, đỉnh, hương án, khánh thờ,... Đặc biệt, những tác phẩm chạm trổ đều do thợ Tân Nhơn (thợ ở địa phương) thực hiện.

Đình Tân Hoa là một công trình kiến trúc mang tính nghệ thuật minh chứng cho một giai đoạn lịch sử khá dài. Trải bao thế hệ thăng trầm, từ khi cha ông chúng ta bắt đầu khai hoang lập ấp. Thế nhưng, mặc dù trong hoàn cảnh nào cha ông chúng ta vẫn cố gắng bảo tồn di sản văn hóa.

Đình Tân Hoa được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa năm 1998.

***Lăng ông Tiên Quan Thống Chế Điều Bát Nguyễn Văn Tồn**

Lăng và mộ phần quan Thống Chế Điều Bát cùng phu nhân ở tại giồng Thanh Bạch, ấp Mỹ Hòa, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Ông Nguyễn Văn Tồn là người Khơ-me, quê làng Nguyệt Lăng, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Ông tên thật là Thạch Duồng. Ông là người giúp dân vùng Trà Ôn, Trà Vinh, Măng Thít khai khẩn đất hoang, thành lập xóm làng, được nhân dân địa phương xem là một vị Tiên hiền.

Toàn khu vực này ở trên khu đất trống trải, xung quanh có nhiều cây cao bóng mát và hoa quả tươi đẹp. Khu miếu thờ có ba ngôi: chính điện, võ ca và nhà khách. Tất cả các công trình kiến trúc đều làm bằng gỗ, lợp ngói, nền gạch, vách gạch. Trong miếu thờ vợ chồng Thống Chế Điều Bát và các danh nhân như Tả Quân Lê Văn Duyệt, Bình Tây Tướng quân Trương Định, Bình Tây Phó tướng Nguyễn An. Anh hùng Nguyễn Trung Trực, Quan Thống Chế Điều Bát Nguyễn Văn Tồn được nhà Nguyễn phong Trung đẳng Thần.

Phần mộ Thống Chế Điều Bát Nguyễn Văn Tồn và phu nhân làm theo kiểu song hôn, nằm phía sau lăng. Xung quanh mộ có tường hoa, có bình phong, trụ liểu,... trang trí hình lá, giao long và có cặp kỳ lân đứng hầu

Hàng năm, tại lăng Thống Chế Điều Bát Nguyễn Văn Tồn có các ngày lễ:

- Giỗ Tiên Quân phu nhân: 16 và 17 tháng hai âm lịch.

- Giỗ Phó Soái Nguyễn An, giỗ Tiên Hiền và Hậu Hiền: 20 tháng 12.

Nhưng ngày lễ quan trọng nhất là ngày giỗ quan Thống Chế Điều Bát Nguyễn Văn Tồn vào ngày mồng ba và mồng bốn tháng giêng âm lịch. Trong các ngày này, hàng ngàn người Việt, Hoa, Khơ-me ở vùng Trà Ôn, Cầu Kè, Trà Vinh, Sóc Trăng,... về tham dự.

Lăng ông Tiên Quân Thống Chế Điều Bát Nguyễn Văn Tồn được Bộ Văn hóa - Thông tin đã xếp hạng di tích lịch sử năm 1996.

***Thánh tịnh Ngọc Sơn Quang**

Đầu năm 1928, ông Trương Như Thị cùng các chức sắc đạo Cao Đài tạo lập nhà tịnh Kim Linh. Nhà tịnh Kim Linh được lập tại nhà ông Trương Như Thị, thuộc xã Tân Long Hội, huyện Cái Nhum (nay thuộc huyện Mang Thít), tỉnh Vĩnh Long. Họ đạo ở đây theo hệ phái Tiên Thiên. Năm 1936, ông Trương Hoàng Ngự một chức sắc Cao Đài hiến 7 công đất để xây dựng thánh tịnh mới. Năm 1936, Thánh tịnh Ngọc Sơn Quang tạo lập xong.

Giai đoạn chống Mỹ, cứu nước nhiều hoạt động cách mạng diễn ra có lúc âm thầm bí mật, có lúc diễn ra công

khai trục diện với kẻ thù giành thắng lợi lớn trên nhiều mặt. Nổi bật là sự kiện Thánh tịnh Ngọc Sơn Quang dựng đài Ngưỡng Thiên - tổ chức lễ Cầu nguyện Hòa Bình. Sự kiện này diễn ra từ ngày 12 đến ngày 16 tháng 11 năm 1970. Đại lễ quy tụ 18 Hội thánh ở miền Tây về tham dự. Lễ hội đã biến thành diễn đàn chống xâm lược Mỹ, khẳng định Việt Nam nhất định hòa bình độc lập.

Sự kiện này gây tiếng vang trong nước và quốc tế. Nhiều hãng thông tấn nước ngoài đã đến Ngọc Sơn Quang trực tiếp đưa tin ra toàn thế giới. Kẻ thù tìm mọi cách triệt phá buổi lễ, đàn áp tôn giáo. Đài Ngưỡng Thiên vẫn đứng vững trong sự đoàn kết bảo vệ của tín đồ, của quần chúng nhân dân. Sự kiện này đã làm cho kẻ thù run sợ.

Sự kiện thứ hai cũng tạo ra tiếng vang lớn diễn ra tháng 7 năm 1973. Tín đồ, chức sắc Ngọc Sơn Quang trực tiếp lên gặp quận trưởng Minh Đức, tỉnh trưởng Vĩnh Long, chỉ huy Vùng bốn chiến thuật, Bộ Nội vụ, Phủ Thủ tướng, Tối cao pháp viện, Bộ Chỉ huy Cảnh sát quốc gia của ngụy,... đấu tranh quyết liệt chống bắt lính. Thánh tịnh tổ chức truy điệu trọng thể ba tín đồ bị địch thủ tiêu vì chống quân địch. Trước làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của Ngọc Sơn Quang, địch phải nhượng bộ thả 181 tín đồ bị giam giữ, cam kết chấm dứt các hoạt động bóc lột, lừa gạt Thánh tịnh. Hàng năm đến ngày 14 tháng 11 Ngọc Sơn Quang tổ chức trọng thể kỷ niệm lễ cầu nguyện Hoà bình.

Thánh tịnh Ngọc Sơn Quang được Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia năm 1998.

*** Văn Thánh Miếu Vĩnh Long**

Văn Thánh Miếu Vĩnh Long ở tại làng Long Hồ, tổng Long An, huyện Vĩnh Bình, nay thuộc phường 4 thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Tuy đã trải qua các lần trùng tu và trải qua nhiều giai đoạn lịch sử nhưng vẫn giữ được nét cổ kính.

Khu vực chính của Văn Thánh Miếu gồm Đại Thành Điện và hai ngôi miếu ở trước sân đối mặt nhau gọi là Tả vu và Hữu vu. Khu vực này có tường hoa bao bọc, chỉ có thể ra vào bằng cửa Kim Thanh và Ngọc Chấn. Chính điện làm theo kiểu trùng thềm điệp ốc. Bên trong bài trí đơn giản, giữa khánh thờ bài vị “Đại Thành Chí Thánh Tiên sư Khổng Phu Tử” và bài vị bốn vị đứng vào hàng đệ tử của ngài gọi là “Tứ Phối”. Sau này, khi họa sĩ Philippine Trần vẽ chân dung Phan Thanh Giản có vẽ chân dung bán thân của Khổng Tử. Bức chân dung này thay thế bức tranh cũ. Cũng trong chính điện hai bên Tả ban và Hữu ban là khánh thờ “Thập nhị hiền triết”; Còn hai bên nhà Tả vu - Hữu vu thờ “Thất thập nhị hiền”, mỗi bên ba mươi sáu vị. Đồ tự khí trong ba khu vực thờ phụng này tuy có chạm trổ, sơn thếp nhưng mỹ thuật đơn giản. Đồ tự khí bằng gỗ, sành sứ, đồng thau.

Văn Thánh Miếu Vĩnh Long được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích văn hóa cấp quốc gia năm 1991.

*** Đền thờ Bác Hồ ở thị xã Trà Vinh**

Khu di tích nằm tại ấp Vĩnh Hội, xã Long Đức, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đền thờ Bác Hồ hay nói theo cách nói của nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng là “Công trình trái tim” - một biểu tượng của tấm lòng người dân Trà Vinh đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngay khi biết được tin Hồ Chủ tịch qua đời,

trong niềm kính yêu và nỗi tiếc thương vô hạn, chỉ bộ và quân dân Long Đức quyết định cùng nhau dựng lấy ngôi đền thờ Người ngay tại vùng quê lửa đạn của mình.

Trong chiến tranh, quân và dân ta không tiếc xương máu quyết bảo vệ bằng được đền thờ Bác. Sau ngày giải phóng, để xứng đáng với tâm vóc lịch sử, thể theo nguyện vọng của đồng bào các giới trong tỉnh, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Trà Vinh đã nhiều lần trùng tu, tôn tạo ngôi đền. Theo quy hoạch, toàn bộ công trình có diện tích hơn 4 ha với các hạng mục như bảo tàng lịch sử tỉnh, nhà trưng bày thân thế sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phiên bản nhà sàn Bác Hồ sẽ được xây dựng trong thời gian tới. Tất cả quây quần chung quanh hạng mục chính là ngôi đền được phục chế theo nguyên trạng tre lá, trên đúng vị trí tồn tại trong chiến tranh. Để bảo quản lâu dài theo năm tháng, một vỏ bao che được thiết kế theo dạng đóa sen hồng cách điệu che chắn cho ngôi đền khỏi nắng mưa, giông bão.

Ngày nay, cứ mỗi dịp lễ tết, đông đảo nhân dân Trà Vinh đến đây thắp nén hương kính dâng lên Bác. Đặc biệt, chiều ngày 2 tháng 9 hàng năm, tại đây diễn ra lễ hội tưởng nhớ Bác Hồ rất long trọng.

Vì những giá trị lịch sử lớn lao, thể hiện tấm lòng người dân Trà Vinh đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đền thờ Bác Hồ được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1989.

***Di tích Chùa Giác Linh**

Giác Linh Tự (thường gọi là Chùa Dơi) là ngôi chùa Phật giáo, hệ phái Đại thừa, tọa lạc tại ấp Nhứt, xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang, tỉnh Vĩnh Long.

Tuy ngôi chùa chỉ chiếm diện tích nhỏ, khiêm tốn về mặt kiến trúc nhưng Giác Linh lại là ngôi chùa giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, gắn liền với lịch sử đấu tranh cách mạng tỉnh Trà Vinh giai đoạn tiền khởi nghĩa. Đây là một “địa chỉ đỏ” chứng kiến sự ra đời của Chi bộ Mỹ Long, rồi Huyện ủy Cầu Ngang và Tỉnh ủy Trà Vinh vào năm 1930. Đặc biệt, ngày 1 tháng 9 năm 1943, dưới sự triệu tập và chủ trì của nhà cách mạng lão thành Dương Quang Đông, tại Giác Linh Tự đã diễn ra hội nghị trù bị tái lập Xứ ủy Nam kỳ sau giai đoạn “khủng bố trắng” của thực dân Pháp. Chính từ hội nghị này, phong trào cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, tích cực chuẩn bị thế và lực vươn lên giành thắng lợi trong cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, Giác Linh Tự luôn là một cơ sở trung kiên, là nơi nuôi chứa cán bộ, cất giấu vũ khí, tài liệu cách mạng.

Năm 1998, Giác Linh Tự (Chùa Dơi) được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

***Di tích Chùa Phước Minh Cung**

Phước Minh Cung (thường được gọi là Chùa Ông vì vị thần chính được tôn thờ là Quan Thánh đế, tức Quan Công), tọa lạc tại số 44 đường Điện Biên Phủ, Phường 2, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Chùa được xem là một công trình kiến trúc độc đáo tiêu biểu và là một “bảo tàng mỹ thuật truyền thống” của cộng đồng người Hoa trên địa bàn Trà Vinh. Ngôi chùa này có niên đại vài thế kỷ và được trùng tu vào đầu thế kỷ XX. Không gian kiến trúc của ngôi chùa theo kiểu “nội công

ngoại quốc” truyền thống Trung Hoa, với ba ngôi tiền điện, trung điện, chính điện theo hình chữ “Tam” và hai dãy tả điện, hữu điện hướng vào.

Toàn bộ công trình lợp ngói âm dương theo nhiều tầng bậc, điểm mái tráng men xanh ngọc, cột kèo làm bằng gỗ quý. Bên trong nội thất, từ khánh thờ, bàn thờ, đến cửa ra vào, hoành phi, liễn đối...đều được chạm khắc tinh xảo và trang trí theo phong cách mỹ thuật truyền thống Trung Hoa như lưỡng long châu nguyệt, long phụng tranh châu, tứ linh, tứ bình, bát tiên, đào viên kết nghĩa... Hàng năm, cứ vào dịp rằm tháng Giêng âm lịch, tại Phước Minh Cung diễn ra lễ hội Nguyên tiêu của cộng đồng người Hoa sống ở Trà Vinh.

Chùa Phước Minh Cung được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia vào năm 2005.

***Phế tích Lưu Cừ**

Di tích tọa lạc tại ấp Lưu Cừ II, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Khu phế tích được khai quật vào năm 1986 đã phát lộ một công trình kiến trúc đồ sộ bằng gạch có hình chữ nhật, chiều dài 30m, chiều ngang khoảng 18m, chiều cao hiện còn khoảng 1.5m. Các di vật phát hiện hết sức độc đáo bao gồm Linga, Yoni cùng các đồ thờ khác bằng đá sa thạch, đá thạch anh, bằng vàng, đồng....

Chứng tỏ phế tích này ngày xưa là một công trình kiến trúc thờ tự. Bằng phương pháp đồng vị phóng xạ C14, các nhà khảo cổ đã xác định niên đại của phế tích này được xây dựng vào thế kỷ thứ I sau Công nguyên và tiếp tục được tôn tạo vào thế kỷ thứ V. Đây là giai đoạn mà Vương quốc Phù Nam trị vì khắp miền Nam bán đảo Đông Dương.

***Di tích Chùa Tây An**

Chùa Tây An thuộc xã Vĩnh Tế, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Chùa kiến trúc theo kiểu Ấn Độ với các vật liệu bền chắc như gạch ngói, xi măng. Chính điện là ngôi chùa chính giữa cao 18m, thờ tượng Phật Thích Ca, còn hai bên là lầu chiêng và lầu trống. Trước chùa có 3 vọng cửa: cửa giữa tam quan thờ tượng Phật Quan Âm, 2 cửa hai bên có hai báng đề "Tây An cổ tự", bên trong cửa tam quan là sân chùa có một cột cao 16m. Dưới bậc thang chùa có đức bạch tượng và hắc tượng, vai có đắp nổi hai vị thần tiên ngồi bên trên mặt trăng lưỡi liềm, 2 bên là hai hành lang, phân biệt cho tín đồ nam nữ. Chùa theo phái Đại thừa, có tới 11.270 tượng lớn nhỏ bằng gỗ. Ngày rằm tháng Giêng, rằm tháng 7 và tháng 10 âm lịch là ngày nhân dân đến cúng lễ đông nhất.

***Lăng Thoại Ngọc Hầu**

Lăng Thoại Ngọc Hầu thuộc xã Vĩnh Tế, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang, là công trình đồ sộ nhất ở chân núi Sam. Khu lăng có đền thờ ông Thoại Ngọc Hầu, mộ ông cùng hai phu nhân được xây vào thập niên 30 của thế kỷ XX.

Thoại Ngọc Hầu - Nguyễn Văn Thoại là người có công đào kênh, đắp đường, góp phần xây dựng nên xứ sở An Giang tươi đẹp ngày nay, với các công trình như: lộ núi Sam - Châu Đốc dài 5km được đắp từ năm 1826 - 1827, kênh Thoại Hà dài 30km tại núi Sập được đào năm 1818. Người dân nơi đây gọi núi Sập là "Thoại Sơn" để ghi nhớ công lao Thoại Ngọc Hầu.

Từ năm 1819 - 1824, kênh Vĩnh Tế được xây dựng, với chiều dài hơn 90km, đây là một công trình kiến trúc tương

đôi quy mô, nối từ Châu Đốc đến Hà Tiên rồi chảy ra vịnh Thái Lan. Để ghi nhận công đức người vợ đức lực của Thoại Ngọc Hầu - bà Châu Thị Tế, vua Minh Mạng đã đặt tên con kênh là "Vĩnh Tế Hà", và núi Sam được đổi thành "Vĩnh Tế Sơn". Bên triền núi Sam, Thoại Ngọc Hầu cùng hai người vợ yên nghỉ trong ngôi lăng đường bệ và bên cạnh là ngôi đền thờ Ông.

Du khách có dịp đến Thất Sơn - An Giang xin mời đến viếng thăm lăng mộ Thoại Ngọc Hầu, ngắm dòng kênh Vĩnh Tế xanh biếc hiền hòa.

***Đôi Túc Dục**

Túc Dục - theo cách người Việt gọi tên ngọn đồi này, theo tiếng Khơ-me có nghĩa là *nước đêm*. Túc Dục nằm trong dãy núi Cô Tô có độ cao 216m và chu vi khoảng 2.200m. Nhìn từ xa, núi Cô Tô và đồi Túc Dục trông giống chim phượng hoàng nên còn gọi là Phụng Hoàng Sơn.

Đôi Túc Dục có một hệ thống hang động chi chít như tổ ong vĩ đại, thông nhau bởi muôn vàn ngõ ngách và kẹt đá. Từ những năm 1940, Túc Dục đã là nơi ẩn náu của các chiến sĩ cộng sản. Khi bị khủng bố nhân dân đem bánh trái đến trước cửa hang cúng Trời Phật, nhưng thực ra là tiếp tế cho cách mạng. Tại đây quân cách mạng đã bám trụ và hoạt động trong sự đùm bọc của nhân dân.

Đã hơn 30 năm từ ngày Túc Dục im tiếng súng, nhưng các trận đánh phá của kẻ thù vẫn còn hằn sâu dấu tích trên mặt đất. Chỉ cỏ cây là tươi xanh trở lại. Đôi Túc Dục thuộc xã An Ninh huyện Tri Tôn, bốn mùa nước trong xanh và rực rỡ hương sắc của các loài hoa như trong chuyện cổ tích. Đường lên đồi được lát đá phẳng và đẹp. Các hang động và

hàng trăm ngõ ngách vẫn nguyên vẹn như xưa, mở rộng vòng tay gọi mời bè bạn, đến với Túc Dụp bạn nhớ ăn mặc gọn nhẹ, đi giày thể thao, nhớ mang theo đèn pin vì trong hang có nhiều đoạn tối, nào là hang của Ban Chỉ huy Quân sự, hang của Ban Tuyên huấn, Hội Phụ nữ, Dân y, nào là hang cơm nguội. Lại có hội trường C6 với sức chứa khá lớn, mỗi hang là một vẻ độc đáo với những khối đá đan xen tài tình đủ kiểu.

***Chùa Xà Tôn (Xvay-ton)**

Chùa Xà Tôn nằm ở thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đây là một ngôi chùa thờ Phật nổi tiếng (theo phái Tiểu thừa), tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc chùa tháp của đồng bào Khơ-me vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Nam Bộ.

Đối với đồng bào Khơ-me vùng Đồng bằng sông Cửu Long và An Giang, chùa là nơi thờ Phật, là trung tâm văn hóa, nơi gìn giữ những phong tục, tập quán, kiến trúc, điêu khắc, nghệ thuật dân tộc cổ truyền; nơi thanh niên và bà con dân tộc Khơ-me đến tu học để trở thành người có tri thức, đức hạnh và chăm chỉ lao động.

Các vị cao niên người Khơ-me và các vị sư sãi ở đây cho biết, chùa Xà Tôn đã được xây dựng cách đây hơn 200 năm. Lúc đầu, chùa được dựng bằng gỗ, lợp lá, nền đất. Ngày xưa vùng Tri Tôn còn hoang vu, rậm rạp, dân cư rất thưa thớt. Trên những ngọn cây to cao nhiều cành, nhiều lá có từng đàn khỉ đu vào nhau, nối đuôi nhau mà chuyền đi. Bà con Khơ-me dựng chùa thờ Phật ở đây và đặt tên chùa là Xvay-ton.

Hằng năm ở chùa Xà Tón có 5 ngày hội lớn: Lễ hội Chon Chnam Thmây là lễ năm mới vào tháng tư; lễ Pisát Bôchia là lễ nhớ ơn Phật, lễ Phật sinh vào rằm tháng Tư âm lịch; lễ Chol Neasa là lễ cấm ba tháng sư không ra khỏi chùa (từ rằm tháng sáu đến rằm tháng chín âm lịch); lễ Dón-ta là lễ thanh minh cúng ông bà, lễ tỏ lòng biết ơn tổ tiên; lễ Kà Thận là lễ sắm quần áo cho sư sãi, sắm vật dụng cho chùa hay cho trường làng. Vào những ngày đó, bà con Khơ-me đến chùa lễ Phật rất đông vui.

Những ngôi chùa Khơ-me như ngôi chùa Xà Tón với hình tượng rắn thần Naga - biểu tượng cho sự Bất diệt, với các ngôi tháp có tượng thần Bayon bốn mặt - thần sáng tạo là những nét độc đáo, cổ kính của các làng Khơ-me ở Đồng bằng sông Cửu Long, Nam Bộ.

***Cù lao Ông Hổ và nhà lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng**

Cù lao Ông Hổ do phù sa sông Hậu bồi đắp. Trên cù lao có ngôi nhà gỗ, nơi gìn giữ những kỷ niệm về Chủ tịch Tôn Đức Thắng trong khuôn viên hoa trái xum xuê. Cù lao Ông Hổ thuộc xã Mỹ Hoà Hưng cách trung tâm thành phố Long Xuyên bởi một nhánh sông Hậu chảy qua. Bằng nhiều phương tiện và con đường thủy, bộ khác nhau, chúng ta có thể đến với cù lao Ông Hổ, nơi đây chúng ta sẽ có dịp thăm lại ngôi nhà lưu niệm thời niên thiếu của Bác Tôn Đức Thắng và các di vật ngày xưa của Bác.

Ngôi nhà được xây dựng vào năm 1887, do thân sinh của Bác là cụ Tôn Văn Đề xây dựng với lối kiến trúc hình chữ Quốc, sàn lót ván, mái lợp ngói ống, ngang 12m, dài 13m, rộng hơn 150m².

Để tưởng nhớ công lao to lớn của Bác Tôn, nhân dịp kỷ niệm sinh nhật lần thứ 110 của Bác Tôn, nhân dân tỉnh An Giang đã tiến hành làm lễ khánh thành khu lưu niệm của Bác Tôn với nhiều công trình mới được xây dựng trên khuôn viên gần 7ha với nhiều công trình kiến trúc độc đáo, như: Ngôi nhà thời niên thiếu; Đền thờ tưởng niệm Bác Tôn được xây dựng trong khuôn viên 1.600m² với kiến trúc cổ lầu tam cấp đặc sắc, nơi chính diện là tượng Bác Tôn bằng đồng bán thân; đối diện với đền thờ là nhà trưng bày về cuộc đời và sự nghiệp của Bác Tôn, nơi đây các hình ảnh, hiện vật, các tư liệu và phim hình sống động giúp chúng ta hiểu thêm về Bác Tôn, một tâm gương sáng của dân tộc ta.

Năm 1984, Bộ Văn hoá - Thông tin đã quyết định công nhận đây là một di tích lịch sử quốc gia.

***Khu di chỉ văn hóa Óc Eo - Thoại Sơn**

Khu di chỉ Óc Eo thuộc vùng núi Sập, Ba Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Thành cổ Óc Eo là một thương cảng thời trung cổ bị chìm dưới đất, được phát hiện khi nhân dân đào kênh xáng Ba Thê.

Đây là một địa danh được nhiều người trong và ngoài nước biết đến: là một khu di tích cổ rộng lớn, gắn liền với vết tích vật chất của Vương quốc Phù Nam, một quốc gia hùng mạnh ở vùng Đông Nam Á cách nay khoảng hai nghìn năm.

Ngoài khu vực được xem là "thành phố Óc Eo" có diện tích 4.500ha, còn có một vài vùng ở miền Tây Nam Bộ như: Đồng Tháp Mười, Châu Đốc, Kiên Giang,... mà cho đến nay vẫn còn nhiều điều bí ẩn đối với các nhà nghiên cứu, khảo cổ.

***Mộ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa**

Bùi Hữu Nghĩa sinh năm 1807 tại làng Long Tuyền, nay thuộc quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Năm 1835, ông đỗ Thủ khoa kỳ thi Hương ở Gia Định, năm Minh Mạng thứ XVI và mất năm 1872.

Ông là một nhà nho yêu nước, tiết tháo, cương trực, nghĩa khí và có những cống hiến to lớn cho nền văn học nước nhà. Cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa được nhân dân tôn vinh là một trong bốn Rồng vàng đất Nam Bộ. Cụ là tấm gương sáng, là niềm tự hào của người dân Cần Thơ và người dân Nam Bộ.

Vở tuồng nổi tiếng Kim thạch kỳ duyên của cụ được coi là cổ nhất Việt Nam, đã được trình diễn khắp đất nước và cũng là vở tuồng đầu tiên của Việt Nam được dịch ra tiếng Pháp.

Ngưỡng mộ công đức của ông, nhân dân trong vùng đã lập thần chủ, bài vị tôn thờ ở đình thần Bình Thủy và chùa Nam Nhã. Hàng năm vào ngày 21 tháng Giêng đều tổ chức lễ giỗ của cụ. Mộ xây bằng đá ong vào năm 1872. Toàn bộ khu vực mộ rộng khoảng 530m², có hàng rào bao bọc. Cách ngôi mộ chính về phía sau khoảng 1m là ngôi đền thờ cụ Bùi Hữu Nghĩa.

Khu bia mộ của nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa nằm tại phường An Thới, thành phố Cần Thơ, được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích văn hóa - lịch sử năm 1993.

***Hội Linh Cổ Tự**

Cổ tự nằm tại số 314/36 Cách mạng tháng Tám, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trải qua gần một thế kỷ với những thăng trầm của lịch sử, chùa đã được tu bổ, tôn tạo nhiều lần. Chùa Hội Linh

là một công trình kiến trúc có nhiều giá trị nghệ thuật điêu khắc công phu với nhiều tượng Phật độc đáo. Trong những năm kháng chiến, Hội Linh Cổ Tự vừa là Tam bảo, vừa là căn cứ điểm của nhiều cán bộ chủ chốt của tỉnh ủy, thị xã Cần Thơ và là nơi diễn ra nhiều cuộc họp triển khai các nghị quyết quan trọng của tỉnh và thị xã.

Có thể nói, Hội Linh Cổ Tự là một “căn cứ lăm” trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Chùa Hội Linh còn là nơi luôn mở rộng cửa chào đón những người có hoàn cảnh không may, cơ nhỡ. Từ năm 1959, Hòa thượng Thích Pháp Thân - nhà sư chủ trì chùa Hội Linh từ năm 1972 đến nay, đã cho xây cất nhà lưu trú, chăm sóc, nuôi dưỡng hàng trăm gia đình có người thân bị ngục quyền Sài Gòn bắt giam tại Cần Thơ. Chùa còn làm nhiều công tác từ thiện, giúp các gia đình bị thiên tai lũ lụt, hoả hoạn... trong và ngoài tỉnh.

Hội Linh Cổ Tự được nhà nước tặng thưởng “Huân chương Kháng chiến hạng Ba” và được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa năm 1993.

***Mộ nhà thơ Phan Văn Trị**

Khu di tích tọa lạc tại xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Tuy là nhà nho học, nhưng đứng trước cảnh nước mất nhà tan, ông không đi theo con đường hoạn lộ, mà cùng với các sĩ phu tiết nghĩa thời bấy giờ như Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt... dùng ngòi bút, tinh thần bất khuất để dả kích quân ngoại xâm và triều đình nhà Nguyễn nhu nhược trước sự xâm lược của thực dân Pháp. Khi còn ở Vĩnh Long (1862-1868), ông cùng với nhiều sĩ phu yêu nước đề xướng

và phát động phong trào bất hợp tác với giặc, khiến Pháp gặp nhiều lúng túng trong việc xây dựng bộ máy cai trị tại miền Nam. Về làng Nhơn Ái, Phong Điền, ông mở lớp dạy học, làm thơ ca ngợi ý chí của các sĩ phu yêu nước và mất tại đây.

Phan Văn Trị sống thanh bần, nhưng không là quy ẩn, cuộc đời và sự nghiệp văn chương của ông đã để lại trong lịch sử và văn học sử nước nhà một dấu ấn đẹp.

Khu di tích tiếp tục được cải tạo và mở rộng quy mô các hạng mục: mộ, nhà tưởng niệm, nhà thủy tạ, nhà truyền thống, bia đá hoa cương,...

Khu tưởng niệm nhà thơ Phan Văn Trị được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa quốc gia năm 1991.

***Chùa Nam Nhã Đường**

Tọa lạc tại số 612 đường Cách mạng tháng Tám, thành phố Cần Thơ.

Là nơi sinh hoạt tôn giáo nhưng đây cũng là một căn cứ hoạt động cách mạng ẩn mình của một số chí sĩ yêu nước trong cuộc chiến chống quân xâm lược ở địa phương.

Chùa toát lên vẻ cổ kính, trang nghiêm nơi cõi Phật. Ở đây đã gợi chúng ta nhớ lại những hoạt động sôi nổi của các sĩ phu yêu nước do ảnh hưởng của phong trào Đông Du. Nam Nhã Đường đã trở thành trụ sở với nhiệm vụ tổ chức cơ sở kinh tài ủng hộ học sinh xuất dương du học chống lại chính sách ngu dân của thực dân Pháp và truyền bá thơ văn yêu nước (Hải ngoại huyết thư, đạo Nam kinh...).

Do vị trí thuận lợi, yên tĩnh cũng như truyền thống yêu nước của tín đồ chùa Nam Nhã mà trong những năm đầu đây

khó khăn gian khổ của cách mạng Việt Nam, các tổ chức Đặc ủy Hậu Giang, Xứ ủy Nam Kỳ đã lấy nơi đây làm địa điểm liên lạc với các tổ chức cách mạng khác trong toàn miền.

Năm 1991, Bộ Văn hóa - Thông tin đã quyết định công nhận chùa Nam Nhã Đường là di tích lịch sử cách mạng.

***Đình Bình Thủy**

Đình nằm trên bờ sông Hậu thuộc địa bàn phường Bình Thủy (nay là quận Bình Thủy), cách trung tâm thành phố Cần Thơ 5km về phía tây bắc đi theo đường Cách mạng tháng Tám.

Đình Bình Thủy ra đời cách đây trên 150 năm, mang sắc thái địa phương rất độc đáo. Đình Bình Thủy là cách gọi của dân gian, còn có tên chính thống là “Long Tuyền cổ miếu”, có quy mô diện tích vào loại lớn nhất trong các đình làng Cần Thơ với khuôn viên trên 4.000m².

Đình được xây vào năm 1844 theo hình chữ Nhất, mặt hướng ra sông Bình Thủy. Lối dẫn vào đình có phù điêu, chạm nổi hình rồng, kỳ lân. Mái đình lợp ngói có sáu hàng cột tròn bằng gỗ quý nâng đỡ. Các bộ phận vì, kèo kết cấu theo lối “thượng lầu, hạ hiên”. Quanh các góc mái chạm khắc các vị thần tiên, cô cây hoa lá. Đình thờ nhiều vị anh hùng dân tộc, danh nhân chí sĩ cả ba miền như Trần Hưng Đạo, Phan Bội Châu, Bùi Hữu Nghĩa,... Gian giữa thờ Đình Công Tráng, vị thần có công lo việc đình miếu.

Tiềm ẩn dưới mái đình này không chỉ là lịch sử truyền thống cội nguồn của một làng cổ Nam Bộ mà còn là nơi gìn giữ những giá trị tinh hoa của văn hóa, văn minh sông nước miệt vườn Cần Thơ.

Năm 1989, đình Bình Thủy được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia.

***Di tích Chùa Ông**

Tọa lạc tại số 32 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Chùa Ông, tên gốc tiếng Hán là Quảng Triệu Hội Quán (theo đại tự ghi ở tiền điện), sở dĩ có tên gọi như trên là do nguồn gốc chùa vốn là hội quán của một nhóm người Hoa thuộc hai phủ Quảng Châu và Triệu Khánh (Quảng Đông, Trung Quốc) theo dòng di dân người Hoa sang lưu trú ở đất Trấn Giang (tức Cần Thơ xưa) vào thế kỷ XVII – XVIII. Chùa thờ Quan Thánh Đế quân (tức Quan Công) ở chính điện nên nhân dân địa phương quen gọi một cách dân dã là chùa Ông. Ngoài ra, một số người còn gọi di tích tôn giáo này là chùa Bà vì ngoài việc thờ các vị nam thần, nơi đây còn thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu và Phật Bà Quan Âm, đây cũng là một đặc điểm riêng trong tín ngưỡng thờ cúng của người Hoa.

Hầu hết vật liệu để cấu thành các chi tiết kiến trúc đều được đưa từ Quảng Đông sang như cột gỗ, đá làm trụ chân cột, liễn đối, kèo, đòn tay, chuông đồng, lư hương và đều có ghi niên đại 1896 do các nhà hảo tâm đóng góp. Riêng các bao lam ở bàn thờ Quan Công được làm tại đường Thủy Bình (đường Đồng Khánh, quận 5, Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh). Bệ thờ, tượng Quan Âm, ba bàn hương án trước bàn thờ Quan Thánh xây dựng vào năm 1974 bằng đá mài.

Toàn bộ kiến trúc chùa được xây dựng theo hình chữ Quốc với các dãy nhà khép kín vuông góc với nhau, ở giữa chùa một khoảng không gian trống gọi là sân thiên tỉnh

(giếng trời). Trên hai cột chính là một cột lặn bằng sành sứ nhiều màu, ở các cột khác là các hình nhân và cá hóa long. Nổi bật nhất trong nghệ thuật điêu khắc ở chùa Ông có lẽ là phù điêu, chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong trang trí. Phù điêu hiện diện khắp nơi từ các bao lam, hoành phi, liên đới, xà ngang, bằng nghệ thuật chạm nổi với nội dung vô cùng phong phú được rút ra từ các huyền thoại, lịch sử Trung Quốc: Tam Quốc chí, Ngũ hổ Bình Tây, Bát Tiên, Đông Chu Liệt Quốc, Thủy Cung hoặc thể hiện ở kỹ thuật chạm chìm những đề tài quy ước mai, lan, cúc, trúc, lưỡng long châu nguyệt, cá hóa tiên, chim phượng...

Chùa Ông là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia được Bộ Văn hóa – Thông tin xếp hạng năm 1993.

***Long Quang Cổ Tự**

Tọa lạc tại số 155, tổ 6, khu vực Bình Nhứt B, phường Long Hoà, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Chùa Long Quang là một trong những ngôi chùa cổ ở Cần Thơ. Tính đến nay đã trải qua gần 200 năm. Chùa có từ thời Minh Mạng thứ 5 (1825) với tên gọi ban đầu là “Long Quang Trường Tự” hay “Long Quang Tự”.

Thuở xưa, Long Quang Cổ Tự là một cái am nhỏ do nhà sư Võ Văn Quyền tự lập, đến năm 1853 phát triển thành ngôi chùa. Sau đó, nhà sư Võ Văn Quyền qua đời, hòa thượng Quảng Hiền về chủ trì, chùa được xây dựng lại và đổi tên là “Long Quang Tự”.

Năm 1966, nhà sư Nguyễn Văn Phước, pháp danh Thiện Chiến trùng tu lại ngôi chùa sau những năm chiến tranh, ông đổi tên là “Long Quang Cổ Tự”. Long Quang Cổ

Tự là một công trình kiến trúc nghệ thuật tôn giáo với hệ thống tượng Phật rất độc đáo bằng gỗ cách đây hàng trăm năm, tiêu biểu là nhóm tượng 18 vị La Hán.

Ngoài ra, về mặt lịch sử Long Quang Cổ Tự trong kháng chiến chống Pháp, Mỹ là nơi ở, điểm liên lạc của nhiều cán bộ hoạt động ở vùng ven và nội thành Cần Thơ.

Năm 1993, chùa được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

***Bảo tàng Cần Thơ**

Nằm tại số 1 Đại lộ Hòa Bình, thành phố Cần Thơ, với diện tích trên 3.000m², là một bảo tàng tổng hợp có quy mô lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long.

Bảo tàng trưng bày và giới thiệu về đất nước và con người Cần Thơ qua từng thời kỳ lịch sử, các thành tựu kinh tế - văn hóa xã hội của các dân tộc Kinh, Hoa, Khơ-me trong quá trình dựng nước - giữ nước và phát triển đất nước để có một hiện tại và tương lai tươi đẹp của vùng đất Tây Đô ngày nay.

Bảo tàng hiện đang trưng bày hơn 1.000 hiện vật, di vật quý hiếm.

***Di tích Chiến thắng 75 tiểu đoàn địch năm 1973**

"Chiến thắng 75 tiểu đoàn địch năm 1973" thuộc ấp 1, xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ (Hậu Giang), được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch) công nhận là di tích lịch sử "Địa điểm lưu niệm sự kiện".

Hàng năm, địa phương ở đây tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho đoàn viên thanh niên trong xã tham gia. Đồng thời, đây cũng là địa chỉ đỏ về

nguồn. Trong thời chiến tranh, địa bàn rất thuận lợi cho sự chỉ đạo và hợp đồng tác chiến giữa Khu ủy, Quân khu với Tỉnh ủy Cần Thơ và các tỉnh bạn trong khu vực nên ấp 1 được chọn làm địa điểm lưu niệm sự kiện.

Đến đây, trước mắt du khách đầu tiên là một tượng đài cao 8m nằm ngay trung tâm di tích. Sau lưng tượng đài là một lá dừa nước cao 20m, biểu tượng của vùng Long Mỹ sẽ là đỉnh cao thu hút khách từ xa. Bên cạnh tượng đài là một bức tranh hoành tráng, chạm nổi dài 20m, cao 4m với nhiều nhóm tượng cao to, nhỏ thể hiện 3 thứ quân và 3 mũi giáp công. Cùng nhiều sự kiện tiêu biểu khác của chiến tranh, nhân dân ghi lại và thể hiện trên phù điêu. Đặc biệt, hàng rào phía trước khu di tích được thể hiện bằng 75 cây súng Mỹ cắm xuống đất, với 75 nón sắt Mỹ đội trên, dấu ấn gục ngã của Mỹ và tay sai, gây ấn tượng khó quên. Vào bên trong khu di tích, có phòng trưng bày với diện tích khoảng 250m², ghi lại bằng hình ảnh, hiện vật, họa..., về các cuộc chiến tranh diễn ra trên địa bàn rộng như trận đánh tiêu diệt phân chi khu Cái Nai, yếu khu Quang Phong, diệt đồn Rọc Dứa, Cái Sơn, Cái Cao... và nhiều hiện vật thể khối có giá trị khác. Bên phải phòng trưng bày có sân khấu ngoài trời có sức chứa từ 3.000-4.000 người xem, có khả năng đáp ứng được nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau. Đây cũng là nơi được chọn tổ chức mít tinh kỷ niệm truyền thống và các ngày lễ hội khác.

***Đền thờ Bác Hồ ở Long Mỹ, Hậu Giang**

Đền thờ của Bác tọa lạc tại xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tưởng nhớ vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc, hết lòng vì dân, vì nước, Đảng bộ và nhân dân xã Lương Tâm quyết

định lập bàn thờ Bác tại ấp 3. Trong thời kỳ chiến tranh đền thờ của Bác nhiều lần bị địch phá hoại nhưng với lòng kính yêu vô hạn, bàn thờ Bác đã được nhân dân Lương Tâm lập mới lại và vẫn giữ thông lệ một năm ba lần làm lễ tưởng nhớ Người.

Năm 1995, Đền thờ Bác Hồ được xây dựng mới và lần lượt qua các năm tiếp theo luôn được trùng tu, nhằm đáp ứng tâm tư nguyện vọng của người dân mỗi khi về dâng hương. Mọi người đến để tưởng nhớ công ơn của Người, đến để cho lòng “trong sáng hơn”, đến để báo công với Người.

Có thể nói, Đền thờ Bác Hồ chính là nơi giáo dục đạo đức, tư tưởng cách mạng cho cán bộ, nhân dân xã Lương Tâm và nhiều nơi khác. Người dân đến đây xem Đền thờ Bác là biểu tượng của lòng dân luôn hướng về Bác và Bác sẽ mãi mãi trong lòng mọi người.

Đầu năm 2000, Đền thờ Bác được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia.

***Khu căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ**

Khu căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ nằm tại xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Toàn bộ khu này được xây dựng trên một khuôn viên rộng 6ha và được bao bọc bởi chiến hào: kinh xáng Lái Hiếu; kinh Cả Cường; kinh Cũ và kinh Bà Bái... Trung tâm di tích là hội trường, nơi diễn ra Hội nghị đánh phá kế hoạch bình định của địch. Hội trường được xây dựng dã chiến, vật liệu chính là tràm, đước, sắn và mù u. Bên hông hội trường là 2 căn hầm nổi được thiết kế hình chữ A cao 1,4m, dài 7,2m và 4 cửa ra vào. Qua nhiều lần trùng tu và

xây mới, nên toàn bộ cột hội trường và hầm tránh pháo được đúc bằng bê tông cốt sắt, nhưng hình dáng, màu sắc và quy cách giống như hiện vật gốc.

Đến căn cứ, du khách còn được tìm hiểu một số hình ảnh, hiện vật của quân dân Cần Thơ trong thời kỳ năm 1972 - 1975, sa bàn căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ và nhiều ảnh về chiến tranh. Đường nội bộ tham quan đã được bê tông hóa. Hiện, di tích không chỉ giữ lại cây dừa, một bằng chứng tội ác của Mỹ - ngụy, mà còn giữ lại những hố bom, các di vật liên quan đợt cần quét của địch,...

Khu di tích được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1990.

***Chùa Kh'leang**

Tọa lạc tại số 73 đường Tôn Đức Thắng, phường 6, thành phố Sóc Trăng.

Chùa Kh'leang là một trong những ngôi chùa cổ nhất của tỉnh. Chùa Kh'leang nằm trong một khuôn viên rộng 3.825m². Cổng ra vào vừa được xây dựng công phu, phía trong là ngôi chánh điện nằm biệt lập có kiến trúc khá phức tạp và độc đáo. Bờ mái gồm 3 cấp, mỗi cấp chia thành 3 nếp, hai nếp phụ hai bên nhỏ hơn nếp giữa và không có tháp nóc. Toàn bộ mái chùa là cả một công trình kiến trúc vĩ đại thể hiện quan niệm, triết lý về Phật, Trời của người Khơ-me. Chánh điện được dựng từ năm 1981 bằng 7 hàng cột ngang ở phía trước, mỗi hàng có 10 cây, gồm 70 cây cột trụ. Hiện nay, chùa vẫn còn lưu giữ bản sao tài liệu ghi chép từ thư tịch cổ, trong đó có nói đến nguồn gốc địa danh Sóc Trăng, lịch sử chùa. Hàng năm, chùa còn là nơi diễn ra những ngày lễ

truyền thống của dân tộc Khơ-me: Tết Chon Chnam Thmây, lễ Đôn-ta, lễ hội Óoc Om Bok và hội đua ghe Ngo.

Chùa đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử, văn hóa quốc gia.

***Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng**

Được xây dựng vào năm 1938, nhà Bảo tàng văn hoá Khơ-me tọa lạc tại trung tâm thành phố Sóc Trăng, gồm hai khu: Khu trưng bày hiện vật là nhà hội Xamacum và khu văn phòng mới được xây dựng. Đây là nơi trưng bày nhiều hiện vật quý giá, phản ánh nét sinh hoạt của đồng bào Khơ-me qua nhiều thế hệ.

Du khách có thể tìm thấy những dụng cụ sinh hoạt, sản xuất, các trang phục cưới hỏi, các kiểu nhà ở, mô hình chùa Khơ-me và một số loại nhạc cụ dân tộc. Những hiện vật này giúp ta hiểu rõ thêm về cuộc sống và nét văn hoá đặc sắc của dân tộc Khơ-me. một cộng đồng gắn liền với quá trình hình thành và xây dựng Sóc Trăng các thời kỳ.

***Nhà trưng bày Khu di tích lịch sử**

Nhà trưng bày Khu di tích nằm trong khuôn viên của trường Taberd cũ (nay là trường Trung học phổ thông Lê Lợi, thành phố Sóc Trăng). Vào ngày 23 tháng 9 năm 1945, đây là nơi đón tiếp đoàn tù chính trị Côn Đảo trở về đất liền. Trong đó, có các đồng chí sau này là lãnh đạo Đảng, Nhà nước như: Tổng Bí thư Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng...

Hiện nay, nhà trưng bày khu di tích có diện tích khoảng 300m². Đến tham quan, du khách được tiếp cận

nhiều hiện vật gồm hình ảnh, hiện vật, tư liệu về nhà tù Côn Đảo; các sơ đồ, tranh vẽ dựng lại cảnh đón rước đoàn tù về Sóc Trăng. Nhà trưng bày có một gian riêng giới thiệu về quê hương, cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Tôn Đức Thắng cùng nhiều hiện vật, hình ảnh có giá trị khác của quân dân Sóc Trăng trong kháng chiến.

Bộ Văn hóa - Thông tin phát bằng công nhận trường Taberd là Di tích lịch sử văn hoá vào năm 1995.

***Chùa Mahatup (chùa Dơi)**

Chùa Mahatup (chùa Mã Tộc) là một ngôi chùa Khơ-me được hình thành từ rất lâu, tọa lạc tại phường 3, thành phố Sóc Trăng.

Chùa gồm 3 công trình kiến trúc chính là chánh điện, Sala và nhà thờ cổ lục Thạch Chia, người có công trong việc trùng tu lại ngôi chùa. Tất cả đều được xây dựng theo lối kiến trúc truyền thống Khơ-me ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong khuôn viên chùa rợp bóng những hàng cây cổ thụ tạo không khí tươi mát, trong lành và là nơi cư trú của hàng vạn con dơi, quạ. Vì vậy du khách đặt cho chùa Mahatup cái tên rất dân dã - Chùa Dơi.

Năm 1999 chùa Mahatup được Bộ Văn hóa-Thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hoá.

***Chùa Bốn Mặt**

Cách thành phố Sóc Trăng 6km về hướng tây bắc theo tỉnh lộ về huyện Kế Sách, du khách sẽ đến chùa Bốn Mặt. Ngôi chùa được xây dựng theo kiến trúc chùa Khơ-me với hoa văn tinh xảo, thanh thoát. Ngoài những tượng phật

như các ngôi chùa khác của người Khơ-me, chùa này còn có tượng phật bằng đá với bốn mặt Phật quay về bốn hướng. Nguồn gốc tượng Phật này được lưu truyền với bao truyền thuyết hấp dẫn và huyền bí.

***Phước Đức cổ miếu (Chùa Bang)**

Di tích Phước Đức cổ miếu tọa lạc tại số 74 Điện Biên Phủ, phường 3, thị xã Bạc Liêu. Đây là ngôi miếu lâu đời nhất của người Hoa sống ở Bạc Liêu.

Chùa được một nhóm người Hoa xây dựng vào khoảng năm 1810, bàn thờ chính là thờ Ông Bốn - Một vị thần được coi là có công khai hoang đất đai và phù trợ cho mọi người sinh cơ lập nghiệp có cuộc sống an lành.

Đến với Phước Đức cổ miếu các bạn sẽ tận mắt thấy được kiến trúc đặc biệt theo cấu trúc của người Hoa cổ. Toàn bộ ngôi miếu là một kiến trúc nghệ thuật quy mô và hoàn mỹ từ đầu kèo, đầu tiên cho đến các linh thú và hoa văn trên các khánh thờ đều được chạm khắc tinh tế. Những tấm biển bằng đá cũng như bằng gỗ khắc chữ Hán và mạ vàng cũng là những tác phẩm có giá trị được khắc sắc xảo theo lối viết Hành thư và Khải thư trông uy nghiêm và hùng mạnh. Các tác phẩm nghệ thuật ấy đã được các nghệ nhân liên kết với nhau một cách hài hòa và chặt chẽ tạo thành một kiến trúc độc đáo vô song.

Nếu bạn đến di tích vào ngày 29 tháng 3 âm lịch bạn sẽ được dự lễ Đản Sinh ở Thần Phước Đức (Sinh nhật Ông Bốn), đây là lễ chính của miếu.

Ngoài lễ Đản Sinh Thần ở Phước Đức cổ miếu còn có tổ chức các lễ khác trong năm như: Lễ Thượng Nguyên tổ

chức vào ngày rằm tháng Giêng (15 tháng 1 âm lịch). Lễ Vu Lan vào ngày 24 đến ngày 26 tháng 7 âm lịch và Tết Nguyên đán vào mùng 1 đến mùng 3 âm lịch.

Phước Đức cổ miếu đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa.

***Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh ở tỉnh Bạc Liêu**

Sau khi Hồ Chủ tịch mất, để tỏ lòng kính trọng và thương tiếc Người, sau tang lễ, Huyện ủy huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Sóc Trăng (nay là huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu) đã chỉ đạo và phát động nhân dân trong toàn huyện xây dựng Đền thờ Bác. Địa điểm xây dựng ở ấp Bà Chăng A, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi.

Đến với di tích này bạn sẽ thấy được tinh thần anh dũng và sự mưu trí của quân dân Châu Thới, cũng như nhân dân Bạc Liêu nói chung thông qua những hiện vật được trưng bày tại di tích, bạn sẽ gặp được những chiến sĩ đã từng không tiếc sinh mạng mình để bảo vệ Đền thờ, và họ vẫn tiếp tục quang đời còn lại của mình bảo vệ Đền thờ Bác.

Sau ngày giải phóng đến nay, Đền thờ thường xuyên là địa điểm để tổ chức những hoạt động xã hội, là nơi họp mặt những ngày truyền thống.

Năm 1998, Đền thờ Bác đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa.

***Di tích Đồng Nọc Nặng**

Di tích này nằm ở ấp 4, xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu ngày nay.

Di tích này là nơi diễn ra cuộc đấu tranh anh dũng của nông dân để bảo vệ ruộng đất của mình trước sự cướp bóc

của bọn địa chủ cường hào dựa vào thế lực của thực dân Pháp. Họ đã bị tổn thất nhiều, nhưng không vì thế mà họ bỏ cuộc, và nhờ sự giúp đỡ của dư luận và quyết tâm của mình họ đã giành lại được đất.

Sự kiện Đồng Nọc Nạng năm 1928 là một bằng chứng, chứng minh tính đặc thù của chế độ thực dân Pháp cướp nước và bẽ lũ quan lại tay sai, nó cũng nói lên được tinh thần chống áp bức của người nông dân thật thà chất phác. Tuy cuộc đấu tranh của nông dân vùng Nọc Nạng là một cuộc đấu tranh tự phát nhưng cuộc đấu tranh ấy biểu hiện được đặc điểm sự đấu tranh của giai cấp nông dân ở Đồng bằng sông Cửu Long thời ấy, ở cuộc đấu tranh đó thể hiện được tinh thần kiên cường và nghĩa khí phóng khoáng của người nông dân Nam Bộ, tinh thần đó đã góp phần hun đúc cho truyền thống kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam.

Di tích Đồng Nọc Nạng được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa.

***Chùa Xiêm Cán**

Cách thị xã Bạc Liêu 7km về hướng đông nam, chùa Xiêm Cán là ngôi chùa của người Khơ-me lớn nhất và đẹp nhất trong vùng. Chùa được xây dựng hồi thế kỷ XIX với kiến trúc độc đáo.

Chùa Xiêm Cán mang kiến trúc Ăngko của người Campuchia, thể hiện ở những họa tiết độc đáo nơi mái vòm, tường, các hàng cột và cầu thang. Đối với chùa Khơ-me, chánh điện thường quay về hướng Đông vì họ cho rằng con đường tu hành của Phật đi từ Tây sang Đông.

Thông thường, với đồng bào Khơ-me chùa là nơi tập trung ở xung quanh để học chữ, học giáo lý và học nghề. Vì

vậy nên họ ví ngôi chùa là "trung tâm văn hóa của người Khơ-me". Chính vì sự gắn bó mật thiết như thế nên họ rất tự hào về văn hóa của dân tộc mình. Ngôi chùa Xiêm Cán này do chính tay các nghệ nhân địa phương xây dựng bằng những phương tiện hết sức thô sơ.

Vào những dịp lễ hội lớn như lễ Óoc Om Bok, lễ Chon Chnam Thmây, lễ Đôn-ta, không khí chùa thật rộn ràng. Ngày nay, người ta cảm nhận một sắc thái văn hóa đang phồn thịnh và rất đặc trưng của người Khơ-me đang từng ngày được gìn giữ, phát huy nhằm làm đẹp hơn, phong phú và đa dạng hơn cho văn hóa Việt Nam.

***Bảo tàng Cội Nguồn Phú Quốc**

Bảo tàng Cội Nguồn Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã chính thức đi vào hoạt động, đây là bảo tàng tư nhân đầu tiên của tỉnh Kiên Giang.

Đến với bảo tàng chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng phòng trưng bày chuyên đề "Quy trình nuôi cấy ngọc trai Phú Quốc", chuyên đề "Quy trình sản xuất nước mắm Phú Quốc truyền thống" rất hấp dẫn. Riêng đối tượng học sinh, sinh viên được bảo tàng phục vụ tham quan, học tập miễn phí.

Ngoài công tác trưng bày phục vụ tốt nhu cầu tham quan tìm hiểu, nghiên cứu của các đối tượng khách tham quan, bảo tàng Cội Nguồn Phú Quốc còn quan tâm tới công tác bảo quản, sưu tầm hiện vật mới như: sưu tầm hình ảnh, dụng cụ nuôi cấy ngọc trai, dụng cụ làm bánh tráng truyền thống... Do vậy từ 3.190 hiện vật, sau gần hai tháng đi vào hoạt động, đến nay bảo tàng Cội Nguồn Phú Quốc đã có 4.010 hiện vật, dự kiến đến cuối năm 2009 số hiện vật sẽ tăng lên khoảng 4.190.

***Nhà tù Phú Quốc**

Nhà tù Phú Quốc (Kiên Giang) là di tích lịch sử cấp quốc gia được xếp hạng năm 1993. Từ một nhà tù với quy mô gần 500 buồng giam, đến nay chỉ còn lại 4 nhà nguyên gốc cùng một số cổng chào, bộ khung cửa nhà thờ và các nền đá... Nhiều khách tham quan đã đến thăm khu di tích lịch sử này - nơi một thời từng được mệnh danh là “địa ngục trần gian”.

Những năm qua, tỉnh đã phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình như: 5 nhà tiền chế gồm nhà giam, nhà ăn, nhà bếp và hai nhà canh giữ của giám thị; phục hồi đường ngầm vượt ngục, một đoạn hàng rào kẽm gai, chòi canh, chuồng cọp, đài tưởng niệm ở nghĩa địa tù binh và nhà trưng bày bổ sung di tích... Năm 2005, các hạng mục này được hoàn thành đi vào hoạt động phục vụ khách tham quan, mỗi năm đã có hàng trăm ngàn lượt người đến thăm di tích.

Từ thời thực dân Pháp tiếp đến thời Mỹ-ngụy, nhà tù Phú Quốc đã tồn tại 20 năm (1953 - 1973). Đây là nơi tập trung điển hình về tội ác của chế độ thực dân, đế quốc. Ở đây kẻ thù tự do đặt ra nhiều kiểu hành hạ con người một cách dã man. Quản tù là những tên khát máu hành hạ tra tấn tù binh, vì thế hơn 4.000 người đã hy sinh trong tù. Với ý chí kiên cường, dũng cảm, mưu trí, anh em tù binh đã đối phó lại chúng bằng nhiều hình thức đấu tranh từ thấp đến cao, phân hóa hàng ngũ địch, diệt ác ôn, tổ chức nhiều cuộc vượt ngục... Nhà tù Phú Quốc thực sự là một bằng chứng xác thực ghi dấu tội ác vô cùng dã man của bọn xâm lược, đồng thời nói lên tinh thần bất khuất đấu tranh kiên cường của các chiến sĩ cách mạng.

***Di tích lịch sử Quan Âm Cổ Tự**

Quan Âm Cổ Tự nằm uy nghi dưới hàng cây bồ đề, thuộc địa bàn thuộc phường 4, thành phố Cà Mau.

Chùa được hình thành từ một am thờ do người nông dân tên Tô Xuân Quang sáng lập năm 1826. Trải qua bao thăng trầm lịch sử và sự biến thiên của đất trời, Quan Âm Cổ Tự được người dân Cà Mau nhiều lần trùng tu tôn tạo, qua hàng thế kỷ nhưng đến nay vẫn giữ được nét kiến trúc cổ xưa mô phỏng theo kiểu đình miệt Đồng bằng sông Cửu Long, thể hiện rõ nét nhất là những mái ngói lợp có hình quả ấu. Chùa có nhiều tượng Phật, tượng La Hán, tượng Bồ Tát, những bức hoành phi, câu đối... đó chính là những hiện vật minh chứng cho thời kỳ khẩn hoang của vùng đất Cà Mau.

Quan Âm Cổ Tự là một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu có giá trị nghệ thuật cao vào loại bậc nhất vùng. Tuy công trình này không đồ sộ, nhưng nó gắn liền với đời sống tâm linh bao đời của người dân nơi vùng đất Cà Mau.

Năm 2000, Quan Âm Cổ Tự đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

***Hòn Đá Bạc**

Hòn Đá Bạc có diện tích khoảng 6,34ha, gồm các hòn nằm liên nhau là hòn Trọi, hòn Ông Ngộ và hòn Đá. Trên các hòn có một số đỉnh đồi cây cối chen vào các hốc đá, mọc um tùm.

Quanh hòn, hàng ngàn viên đá granit đủ mọi kích cỡ nằm chồng lên nhau với nhiều hình thù kỳ lạ như những bàn tay, bàn chân Tiên, giếng Tiên, sân Tiên. Đây còn là nơi hội tụ nhiều giá trị tâm linh của người dân xứ biển với

lăng thờ cá Ông ghi lại câu chuyện huyền bí về cá Ông cứu người bị nạn trên biển khơi. Hiện nay, trên đỉnh đồi có một ngôi đền thờ cá Ông với bộ xương cá dài khoảng 12m.

Với vị trí như chốt tiền tiêu ven biển phía tây của tỉnh, Hòn Đá Bạc ngoài vẻ đẹp hoang sơ còn có giá trị lịch sử văn hóa quan trọng. Nơi đây, trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, địch đã chọn làm nơi đóng quân của trung đội pháo 105ly để khống chế vùng căn cứ cách mạng Khánh Bình Tây cũng như tuyến ven biển phía tây Cà Mau. Ngày 7 tháng 12 năm 1971, quân và dân xã Khánh Bình Tây đã tấn công, bức rút trung đội pháo này, giải phóng Hòn Đá Bạc, đồng thời bảo đảm an toàn tuyến ven biển của vùng căn cứ cách mạng.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước âm mưu chống phá chế độ của ta. Chúng đã chọn Hòn Đá Bạc và vùng phụ cận làm điểm nhập biên chế vũ khí, tiền Việt Nam giả và lực lượng xâm nhập vào vùng biển Cà Mau. Nhưng âm mưu của bọn chúng bị ta triệt phá bằng kế hoạch CM12. Thắng lợi này đã làm thất bại âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch, phản động. Lực lượng An ninh nhân dân Việt Nam cùng đảng bộ và nhân dân địa phương đã chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, lập nên những chiến công to lớn trên mặt trận thâm lặng, đập tan ý đồ xâm lược của bọn phản động, giữ gìn sự bình yên và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Ngày 22 tháng 6 năm 2009, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã công nhận di tích Hòn Đá Bạc - trung tâm chỉ huy kế hoạch phản gián CM12 (9 tháng 9 năm 1981 đến 9 tháng 9 năm 1984) là di tích lịch sử quốc gia.

***Di tích Biệt khu Hải Yến Bình Hưng**

Khu chứng tích tội ác chiến tranh Hải Yến Bình Hưng có diện tích khoảng 30ha bên bờ sông Cái Đồi thuộc ấp Thanh Dạm.

Từ năm 1959 - 1960, Nguyễn Lạc Hóa được chấp thuận tuyển mộ những phần tử ác ôn trong lực lượng di cư cùng một số thanh niên tại đây, thành lập các trung đội địa phương, đồng thời xin cấp phát trang thiết bị, súng đạn, phục vụ cho việc xây dựng Biệt khu Hải Yến Bình Hưng.

Đây là nơi giam giữ, tra tấn, và hành quyết các chiến sĩ cách mạng. Hiện nay khu còn giữ được một số chứng tích như Cầu Vành Biệt, Hồ chôn người tập thể... Những tội ác dã man của bọn Bình Hưng không sao kể hết, cách thức và thủ đoạn của chúng hết sức dã man. Dưới mắt của chúng, tính mạng con người không khác gì súc vật, dùng súng để bắn, dùng búa để đập đầu, chặt đầu, dùng dao, lê để mổ bụng lấy gan mật, cắt lỗ tai, thọc huyết... Theo thống kê chưa đầy đủ, đã có 1.675 cán bộ, chiến sĩ và đồng bào bị giết. Nó là một minh chứng hùng hồn cho tội ác của chiến tranh, chiến tranh qua đi song những gì nó đã gây ra nghĩ lại vẫn làm cho những thế hệ sau khiếp sợ.

Biệt khu Hải Yến Bình Hưng được công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia năm 2000. Việc xây dựng Khu di tích Biệt khu Hải Yến Bình Hưng là một việc làm cần thiết để giáo dục lòng căm thù giặc sâu sắc cho thế hệ trẻ Cà Mau và là một bài học về cái thiện - cái ác.

***Đình Tân Hưng**

Đình Tân Hưng tọa lạc tại ấp Tân Hưng, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đình Tân Hưng được xây dựng từ năm 1907, không chỉ thờ thần, các vị anh hùng dân tộc, những người chánh trực, mà nơi đây còn là nơi đầu tiên của tỉnh diễn ra sự kiện treo cờ Đảng trên cây dương trước đình. Nơi đây từng là vị trí đóng quân của Bộ Chỉ huy Mặt trận Tân Hưng, bố trí lực lượng hơn 3 tháng cầm chân địch, không cho chúng lấn ra vùng nông thôn, để bảo vệ căn cứ, tranh thủ xây dựng lực lượng, phát triển chiến tranh du kích, phục vụ kháng chiến lâu dài.

Đình Tân Hưng từng được sắc phong Bốn cảnh Thành Hoàng năm Tự Đức thứ 5 (tức năm 1852). Theo các vị cao niên địa phương, trên sắc thần có ghi 8 chữ: “Chánh trực - Hựu hiền - Dôn ngưng - Chi thần”; do chiến tranh loạn lạc, sắc thần của đình Tân Hưng đã bị thất lạc, người dân chỉ còn lưu giữ được ống đựng sắc thần cho đến nay. Tuy nhiên, hàng năm, vào lễ kỳ yên, người dân vẫn tổ chức cúng rất trang nghiêm, ngoài ý nghĩa tâm linh, tỏ lòng thành kính đối với các vị thần, thành hoàng phù hộ, tưởng nhớ đến những người có công với nước đã ngã xuống trên mảnh đất này. Đình Tân Hưng được xem như là chứng tích lịch sử của Cà Mau nói riêng và của Nam Bộ nói chung.

Đình Tân Hưng đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích cấp quốc gia vào năm 1992.

*** Hồng Anh Thư Quán**

Ngôi nhà Hồng Anh Thư Quán được xây dựng vào đầu thế kỷ XX dưới thời chủ quận Metaye - người Pháp, là một căn trong dãy nhà lầu hai tầng được làm nhà hàng, phòng ngủ có tên Á Châu.

Trong lúc cách mạng đứng trước khó khăn, sau bao năm bôn ba tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy chủ nghĩa Mác-Lênin là đường lối đúng đắn nhất, phù hợp nhất đối với tình hình Việt Nam. Bác đã mở trường huấn luyện chính trị và đào tạo cán bộ, phái về Việt Nam vận động cách mạng và phát triển nhanh chóng trong cả nước. Cuối năm 1927, đồng chí Đào Hưng Long được Kỳ bộ Nam Kỳ Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng, phái về hoạt động tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin cho nhóm thanh niên yêu nước, có ý thức cách mạng ở thị trấn Cà Mau. Qua tuyên truyền giáo dục, tháng 1 năm 1929, Chi hội Việt Nam Thanh niên cách mạng thị trấn Cà Mau được thành lập. Ngay sau khi thành lập, nhiệm vụ của chi hội được xác định là tuyên truyền giáo dục ý thức cách mạng, chủ nghĩa Mác-Lênin trong nông dân, công nhân, học sinh, trí thức và lãnh đạo đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, nhiều hội viên hàng hái thâm nhập vào các tầng lớp nhân dân để tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh. Chi hội còn mở hiệu sách báo tiến bộ lấy tên Hồng Anh Thư Quán và quán cơm Tâm Đồng làm cơ sở giáo dục tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết trong nhân dân, vừa làm nơi sinh hoạt, hội họp. Nhà có hai tầng, tầng dưới bán sách tiến bộ, thơ ca, trong đó có cuốn Trai Nam Việt, Gái Lạc Hồng. Hiệu sách được nhiều người đến xem và khen ngợi. Tầng trên là nơi hội họp để trao đổi ý kiến lãnh đạo hành động, là điểm nói chuyện thời sự của những người yêu nước. Qua những hoạt động ấy, Chi hội Thanh niên cách mạng đã gây được ảnh hưởng sâu rộng trong dân nghèo thị trấn Cà Mau, nhất là lực lượng thanh niên và nông dân ở các xã xung quanh.

Ngày 25 tháng 9 năm 1992, Hồng Anh Thư Quán được công nhận di tích lịch sử- văn hóa cấp quốc gia. Hồng Anh Thư Quán mãi là một địa chỉ đỏ giáo dục thế hệ trẻ về tinh thần cách mạng, tinh thần yêu nước.

V. DANH LAM THẮNG CẢNH

*Núi Đất

Từ thị xã Tân An (Long An) đi theo tỉnh lộ 49 khoảng 65km đến thị trấn Mộc Hóa, gặp ngã tư Biên Phòng, rẽ trái chừng 500m là gặp núi Đất.

Vào những năm 1957 đến 1960, cùng với việc chấn chỉnh địa lý hành chính và xây dựng tỉnh lỵ Kiến Tường ở Mộc Hóa, chính quyền Ngô Đình Diệm đã bắt tù chính trị đào đất xung quanh khu vực này đắp thành những ngọn giả sơn (núi giả).

Từ xa nhìn đến, núi Đất như hòn non bộ khổng lồ nổi lên giữa một hồ nước trong xanh, êm đềm, khá đẹp và thơ mộng. Nổi liền núi Đất với bờ là chiếc cầu bằng xi măng cách điệu uốn cong, mềm mại. Khu núi Đất chia làm ba tiểu đảo: Tiểu đảo 1 có núi lớn cao khoảng 10m, núi nhỏ cao 5m với nhiều tầng đá ong rêu phong theo thời gian, xen lẫn trong những cây cổ thụ tỏa bóng mát rượi, có đường lên xuống bằng các bậc đá. Xung quanh núi là những lối đi bằng đất được kê đá men theo mép nước đảm bảo độ an toàn cho khách du ngoạn. Tiểu đảo 2 là một ngọn núi nhỏ cũng được đắp bằng đất nối liền với tiểu đảo 1 bằng cây cầu dài nhỏ. Tiểu đảo 3 nằm phía bên trái hồ sen, được tạo dáng

như hòn non bộ bằng đá trồng hai cây bồ đề phủ lên... Trong lòng hồ còn có hai nhà thủy tạ nơi có thể ngồi hóng mát, trò chuyện, giải trí. Trên bờ là hệ thống nhà làm việc, nhà tiếp khách, nhà hàng ăn uống, khu trồng hoa kiểng, nuôi chim thú,... Một cảnh thiên nhiên trong lành, yên bình lạ kỳ, như được sống giữa thiên nhiên mệnh mang gió nước.

***Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn và phát triển được liệu Đồng Tháp Mười**

Ngược dòng sông Vàm Cỏ Tây, thuyền du lịch sẽ đưa du khách đến trung tâm Đồng Tháp Mười, vùng du lịch sinh thái đặc trưng của vùng đất trũng Nam Bộ, cách Tân An khoảng 50km thuộc các huyện Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Thạnh Hóa và Tân Thạnh.

Ở Trung tâm một khung cảnh thiên nhiên ngút ngàn với nét nguyên sinh của những tán tràm hàng trăm năm tuổi, mùi thơm thoang thoảng dễ chịu của các loài thảo dược, các loài thực vật đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long ở trung tâm được bảo tồn và phát triển, trong đó có nhiều nguồn gen quý hiếm như cây cừu lý hương, cây tùng thơm, trâm châu thảo...

Du khách có thể đến tham quan, hít thở không khí trong lành của thiên nhiên, ngắm nhìn các loài động vật đặc trưng của Đồng Tháp Mười như cò, diệc, giang sen, công cộc, sếu, thưởng thức ly đá chanh pha mật ong nguyên chất ngọt lịm, dùng cơm trưa với các món đặc sản của vùng đất phèn như cơm gạo huyết rồng ăn với cá rô kho tộ, cá lóc nướng trui cuốn lá sen, rắn bằm xào sả hoặc chuột hấp rau răm.

Ngoài những thú vui ấy, khách còn được nghe thuyết minh về công dụng của từng loại dược liệu và hướng dẫn cách giữ gìn sức khỏe và điều trị một số loại bệnh thông thường bằng các loại cây cỏ, rau lá dân dã.

Những tư liệu về nguồn tri thức bản địa vô cùng phong phú và cần được phổ biến rộng trong nhân dân nên tua du lịch đến với Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn và phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười là một tua lý tưởng mà ngành du lịch Đồng bằng sông Cửu Long đang hướng tới.

***Cụm vườn thanh long (Châu Thành)**

Khoảng 5km xuôi về phía Nam thị xã Tân An là huyện Châu Thành, huyện nổi tiếng về trái thanh long và dưa hấu. Thanh long là loại trái cây đặc sản được trồng phổ biến ở vùng này, có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao. Cảnh thanh long được thả leo trên cây đông uốn mình như những con rồng xanh ngậm quả chín mọng đỏ rất hấp dẫn khách tham quan và thưởng thức nét đẹp của vườn cây, vị ngọt mát của loại trái cây này.

***Chùa Bà**

Tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam, nơi nào cũng có ngôi chùa Bà. Đặc biệt, ngôi chùa Bà ở thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp có trên 100 năm nay vẫn còn nguyên vẹn mặc dù trải bao thời cuộc chiến tranh, cũng như phong sương tuế nguyệt.

Một số người Hoa của tỉnh Phúc Kiến, sau khi định cư tại Sa Đéc đã chung góp tiền của để xây dựng ngôi chùa thờ Bà. Chùa được kiến trúc theo kiểu chữ Thiện, mái ngói lợp âm dương tạo gọn sóng, không có kèo chỉ có đòn tay rập

mộng chịu lực trên những cột gỗ tròn, tường cao nóc, cổ, rục rở khang trang. Gian chánh điện của ngôi chùa thờ Bà Thiên Hậu Ngươn Quân, sắc phong đời nhà Hán ở Trung Hoa, là Thiên Hậu Thánh Mẫu hộ quốc, tế dân. Vì bà có công cứu độ những người đi ghe, thuyền ngoài biển bị sóng gió đánh chìm, tường niệm đến danh hiệu của bà thì được bà phù hộ tai qua nạn khỏi, vì thế người Trung Hoa tôn sùng bà như vị cứu tinh của họ. Bên hữu của gian chánh điện thờ Bà Kim Huê (Bà mẹ sanh), bên tả thờ ông Địa và ông Hổ (Bạch Hổ Sơn Thần). Ngoài ra chùa còn thờ Phật Di Đà, Quan Âm Bồ tát và Quan Thánh Đế quân.

Hàng năm, Ban trị sự hội tổ chức lễ cúng long trọng và tôn nghiêm vào các ngày 23 tháng 3 và mừng 9 tháng 9 âm lịch. Dân chúng đến chiêm bái ra vào tấp nập, nhất là giới Hoa Kiều tục trực dâng hương cúng kiến rất thành tâm.

***Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng**

Thuộc ấp 6, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp, khu du lịch sinh thái Gáo Giồng (hay mọi người thường quen gọi là vườn chim Gáo Giồng) từ lâu đã nổi tiếng là “ốc đảo xanh” với cảnh quan thiên nhiên quyến rũ, đặc trưng cho vùng đất trũng Đồng Tháp Mười.

Được xem là lá phổi của Đồng Tháp Mười, rừng tràm Gáo Giồng có diện tích khoảng 1.700ha, trong đó có 250ha rừng nguyên sinh, với những bưng trấp, lung, bầu đầy sen, súng, lau sậy, cà na, gáo,... Đến đây chắc chắn bạn sẽ ngợp mắt trước sân chim rộng gần 40ha cùng nhiều loài chim muông bay rợp cả một góc trời. Trên những vạt rừng rộng mênh mông, hàng chục loài chim nước sinh sống và làm tổ quanh năm như: trích mồng đỏ, công cọc, le le, diệc, vịt trời,...; nhiều

hơn hết vẫn là đàn cò trắng khiến rừng tràm này được xem là vườn cò lớn nhất hiện nay ở vùng Đồng Tháp Mười.

Đến với Gáo Giồng, không những nghe chim hót trên cây mà thủy sản ở đây vô cùng phong phú với nhiều loài cá như cá lóc, cá bông, cá sặc, cá chốt, cá lăng, cá bống, cá nhái..., đặc biệt là loài cá linh từ Biển Hồ Campuchia vào mỗi mùa nước lên lại lũ lượt kéo về từng đàn đông vui...

Gáo Giồng đẹp nhất vào mùa nước nổi. Lúc ấy, nước từ sông Mê Kông kéo về phủ ngập cánh đồng, biến Gáo Giồng thành một ốc đảo giữa trời nước mênh mông, rực lên màu vàng hoa điên điển, màu tím hoa súng pha lẫn sắc hồng của những cánh sen, màu xanh muốt của rừng tràm...

Thưởng thức những món ăn đậm chất Nam Bộ, nhâm nhi rượu đặc sản từ rượu nếp pha với mật ong tràm, ngả mình trên chiếc võng đong đưa, đón những luồng gió mát rượi, bạn sẽ cảm nhận hết sự thanh bình, yên ả nhưng cũng không kém phần độc đáo của khu du lịch sinh thái Gáo Giồng.

***Làng hoa cảnh Sa Đéc**

Nằm trên địa phận xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, làng hoa cảnh Sa Đéc nổi tiếng khắp cả nước với nghề trồng hoa cảnh, cây cảnh truyền thống. Sản phẩm hoa, cây cảnh của Sa Đéc hiện đang cung cấp cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Trung, thị trường Campuchia và đang hướng đến những thị trường xuất khẩu khác.

Vào làng quê hiền hoà Tân Quy Đông, vào bất cứ tháng nào trong năm bạn cũng có cảm giác như lạc vào thế giới của màu sắc và hương thơm kỳ ảo. Thược dược; tú cầu;

lan; cau bình rượu; mai chiếu thủy; tùng Nhật; vạn thọ Pháp; hoa dâm bụt vàng, đỏ, tím; ớt cảnh; mận đình hồng; cúc kim... có mặt khắp nơi, đua nhau khoe hương, khoe sắc. Nhưng nhiều nhất về số lượng, chủng loại ở đây chính là hoa hồng. Dường như các “nàng hồng” kiều sa, lộng lẫy nhất đều đã tụ hội về đây. Làng hoa hiện nay còn lưu giữ được trên 50 giống hoa hồng: hồng nhung đỏ thắm, hồng Grada tím sen, hồng Cleopatre màu hồng phấn, hồng Korokit màu gạch tôm nhạt, hồng Marseille màu trắng, hồng Elizabet phơn phớt hồng, hồng Confidence màu vàng hột gà, hồng Maccasa màu cam...

Không những vậy, làng hoa Tân Quy Đông bên bờ sông Tiền quanh năm lộng gió, màu mỡ phù sa còn là xứ sở của nhiều loại cây cảnh quý hiếm, tuổi thọ hàng trăm năm. Mỗi thế cây, dáng đứng đều thắm đượm nền văn hoá và triết học phương Đông. Có những loại cây rất bình dị, gần gũi với đời sống hàng ngày như khế, cau, bùm sum, si, mai... qua bàn tay khéo léo tài hoa của các nghệ nhân đã trở thành những cây cảnh quý, có hình dáng đẹp, lạ.

Ngôi làng có 4 mùa xuân này với mô hình trồng hoa, cây cảnh tập trung từ lâu đã thu hút đông đảo khách du lịch về tham quan cũng như mang lại lợi nhuận và góp phần đáng kể trong việc nâng cao đời sống cho bà con Sa Đéc. 1ha hoa cảnh ở đây có thể mang lại cho người trồng hoa thu nhập từ vài chục đến vài trăm triệu đồng một năm. Phát huy tiếng tăm và truyền thống vốn có, làng hoa Sa Đéc đang tiếp tục đưa thương hiệu hoa Sa Đéc vươn cao, vươn xa hơn nữa, trở thành một điểm du lịch hấp dẫn mà bạn không thể bỏ qua khi đến với tỉnh Đồng Tháp sen hồng.

Đến với làng hoa cảnh Sa Đéc, bạn được đắm mình trong thế giới của muôn hoa với vô vàn hương thơm thanh cao, quyến rũ, bao nhiêu mệt mỏi tan biến, chỉ còn lại cảm giác thanh thản yên bình.

***Vườn quốc gia Tràm Chim**

Nằm lọt thỏm giữa vùng đất trũng ngập nước của Đồng Tháp Mười, Tràm Chim Tam Nông có diện tích tự nhiên 7.612ha, thuộc địa phận 5 xã: Tân Công Sinh, Phú Đức, Phú Thọ, Phú Thành, Phú Hiệp và thị trấn Tràm Chim - huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Sau thời gian quy hoạch, phát triển và mở rộng, đầu năm 1999, nơi này chính thức được chính phủ công nhận là "Vườn quốc gia Tràm Chim" - niềm vui và tự hào lớn của nhân dân Đồng Tháp.

Nơi đây có cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp với bao la sông nước, rừng tràm xanh ngút ngàn và thảm thực vật phong phú với hơn 130 loài khác nhau. Vùng đất "sáu tháng đồng khô cỏ cháy, sáu tháng nước ngập trắng đồng" cũng chính là nơi cư trú của hàng trăm loài động vật có xương sống, hàng chục loài cá và hơn 198 loài chim nước, chiếm khoảng 1/4 số loài chim có ở Việt Nam.

Vào mùa nước lên từ tháng 8 đến tháng 11, dạo một vòng bạn sẽ cảm nhận được hết vẻ đẹp mà thiên nhiên đã hào phóng ban cho nơi này khi trải ra trước mắt ta là sen, súng, lúa trời, năng, lác... cùng các loài động vật lươn, rắn, rùa, trăn; các loài cá đồng và chim muông như cò, diệc, vịt trời, công cộc... Trong số đó có nhiều loài chim quý hiếm trên thế giới như ngan cánh trắng, te vàng, bồ nông, già đẫy Java và đặc biệt là sếu cổ trụi, hay còn gọi là sếu đầu

đỏ. Chúng được xếp vào những loài động vật cần được bảo vệ vì đang có nguy cơ tuyệt chủng trên thế giới.

Cái tên Tràm Chim đã trở nên quen thuộc với báo chí và nhiều tổ chức quốc tế. Đã có rất nhiều đoàn khách nước ngoài vào nước ta để đến Tràm Chim tham quan, nghiên cứu. Hiện nay, vườn quốc gia Tràm Chim được Nhà nước đầu tư, nâng cấp mở rộng thành một bảo tàng thiên nhiên, một trung tâm du lịch sinh thái hấp dẫn. Nhiều tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế cũng đã tài trợ để duy trì và bảo vệ Tràm Chim - vốn quý của nước ta nói chung và của Đồng Tháp nói riêng.

***Vườn trái cây Đồng Tháp**

Hai con sông Tiền và sông Hậu với dòng nước ngọt ngào hằng năm đã bồi đắp phù sa cho Đồng Tháp, khiến nơi đây đất đai màu mỡ, xóm làng trù phú, vườn cây trái xanh tươi trĩu quả. Trái cây Đồng Tháp từ xa xưa đã vang danh khắp mọi miền đất nước, gắn liền với những địa danh rất đời quen thuộc: xoài Cao Lãnh, nhãn Châu Thành, bưởi Phong Hoà, quýt Lai Vung...

Xoài Cao Lãnh là đặc sản quý của Đồng Tháp. Người dân Đồng Tháp đã tặng cho huyện Cao Lãnh cái tên “vương quốc của xoài” vì nơi đây có hơn 4.000ha vườn cây ăn trái, trong đó hơn một nửa là diện tích trồng xoài và trồng nhiều nhất là xoài cát Hoà Lộc và xoài cát Chu. Xoài cát Hoà Lộc và xoài cát Chu nơi đây vừa thơm ngon vừa ngọt lịm không nơi nào sánh bằng. Ở đây còn có rất nhiều loại xoài khác, nào là xoài Thơm, xoài Tượng, xoài Gòn, xoài Cóc, xoài Thanh Ca... Độ tháng 4 vào mùa xoài chín rộ, mỗi loại xoài có màu sắc và

hương vị riêng mà ai đã nếm thử thì không thể nào quên được hương thơm, vị ngọt đậm đà, chỉ riêng trái xoài ở miền châu thổ sông Cửu Long mới có.

Rời Cao Lãnh đến Châu Thành, ghé vườn trái cây, có một loại trái cây làm nên danh tiếng của Châu Thành đó là nhãn. Vườn nhãn Châu Thành bạt ngàn, vàng rực vào mùa trái chín. Nhãn tiêu Châu Thành trái to hạt lép, hương thơm, cơm dày trắng ngần ngọt lịm - thứ đặc sản có thể sánh ngang với nhãn lồng Hưng Yên...

Ngoài ra, đến với Đồng Tháp, bạn sẽ được nghe nhắc nhiều đến đặc sản quýt hồng Lai Vung, quýt hồng ở đây không chỉ cho nhiều quả mà đặc biệt là quả to, vàng óng, nhiều nước, vị ngọt thanh tao.

Hãy tham gia một chuyến du hành trên sông, vừa thưởng thức các loại trái cây vừa ngắm nhìn sông nước hữu tình, những cù lao xanh mượt trải dài, thấp thoáng vườn cây ăn trái... bạn sẽ cảm thấy vừa thích thú vừa thêm lưu luyến mảnh đất Đồng Tháp trù phú, yên bình.

*** Chợ nổi Cái Bè**

Khu vực buôn bán trái cây nằm ở Vàm Chợ Nổi. Dọc theo cù lao Tân Long trải dài cả cây số là ghe thuyền Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, An Giang, Cần Thơ, Cà Mau... đến để mua hàng. Ghe tam bản từ các vườn Cái Bè, Cai Lậy, Gò Công, Hòa Khánh, An Hữu... ăm ắp trái cây theo con nước ròng, từ ba, bốn giờ sáng đã có mặt ở chợ nổi, cân hàng cho các ghe thương lái để đưa lên bán ở chợ đất liền hoặc cho các ghe nhỏ chở đi phân phối dọc theo các kênh rạch vùng sâu của Đồng Tháp Mười.

Khi mặt trời vừa ửng đỏ ở phương Đông, khu chợ nổi đã nhộn nhịp như một thành phố nổi trên sông. Những chiếc xuồng nhỏ bán hàng rong như phở, cơm, hủ tiếu, đồ tạp hóa chạy luồn lách theo các mạn ghe, mạn tàu như những chú cá kình chạy đi tìm mồi. Những chiếc phà nhỏ chở chừng vài ba chục người đưa khách chạy qua, chạy lại như con thoi. Ghe tam bản chở chôm chôm đồ rực, ghe chở xoài màu vàng ửng, xuồng sâu riềng thơm nồng, ghe dưa hấu xanh tươi... với giá rẻ đến bất ngờ.

Khu chợ nổi Cái Bè là trạm trung chuyển trái cây và tôm cá đi khắp nơi. Đây có thể là một trong các chợ đầu mối lớn nhất ở miền Tây Nam Bộ.

Ban đêm chợ nổi, đèn đóm như sao sa, những chiếc đèn lồng nhỏ treo ở phía trước mũi thuyền nhấp nháy. Mùa nào thức ấy, nhất là vào các dịp lễ, Tết, ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch, chợ nổi Cái Bè càng náo nhiệt.

Khách phương xa về Tiền Giang đi chợ nổi mới thấy thú vị và sẽ khám phá ra những điều mới lạ của vùng sông nước miền Tây.

***Trại rắn Đồng Tâm**

Cách thành phố Mỹ Tho khoảng 9km, Trung tâm nuôi trồng nghiên cứu, chế biến được liệu Quân khu 9, hay gọi là Trại rắn Đồng Tâm (Châu Thành - Tiền Giang) từ lâu đã hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế. Đặc biệt, đây còn là nơi chứa trữ rắn cần cho bà con khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Tiền thân là Xí nghiệp 408 (trại rắn Đồng Tâm), đến năm 1988 được nâng cấp lên thành Trung tâm nuôi trồng, nghiên cứu, chế biến được liệu Quân khu 9, có nhiệm vụ

bảo tồn các nguồn dược liệu quý; sản xuất thuốc y học dân tộc; cấp cứu và điều trị rắn độc cắn cho quân và dân các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Gần 30 năm qua, hoạt động của Trung tâm đạt nhiều thành quả trong việc phục vụ cho nhân dân và quốc phòng.

Tại đây, du khách tận mắt chiêm ngưỡng hàng trăm loại rắn khác nhau, từ những loài rắn hiền lành (rắn nước, rắn ráo,...), đến các loài rắn độc (hổ ngựa, rắn hổ cạp nong, hổ mang gấm,...), những loài động vật quý hiếm như trăn, cá sấu, ba ba, cáo, gấu,... Hiện nay số lượng rắn, ngày càng được sưu tầm về nhiều hơn và được bảo vệ tốt hơn phục vụ cho khai thác và phục vụ du lịch.

***Khu du lịch Thới Sơn**

Từ thành phố Mỹ Tho, chỉ cần 45 phút trên sông, du khách đã có thể đến một cù lao rộng 1.100ha mang tên Thới Sơn.

Đêm Thới Sơn thật huyền diệu với đầy trăng, gió, sóng nước menh mang. Khách có thể đi thuyền trên sông, ngắm trăng lên, hoặc cùng bạn ngồi đôi ẩm trong tiếng ca mượt mà, sâu lắng của thôn nữ.

Những ngôi nhà của 6.000 người dân Thới Sơn vẫn giữ được nét cổ kính, nguyên sơ. Điểm du lịch của nhà ông Tám Cho là một tiêu biểu về kiểu nhà xưa. Ngôi nhà của ông được xây dựng với hàng cột gỗ cặm xe; mỗi mái nhà có chín cây đòn tay bố trí theo thuật phong thủy: Kiên - Trữ - Mãn - Bình - Định - Cháp - Phá - Nguy - Thành. Trong nhà, cách bài trí cũng theo phong cách cổ với chiếc tủ thờ cấn xà cừ lóng lánh, tràng kỷ chạm trổ tinh vi, cùng với đôi liễn chạm

cầu đôi sơn son thếp vàng... Chung quanh nhà là vườn hoa cảnh với nhiều cây bon-sai được trồng tỉa công phu. Đến Thới Sơn, khách được tham quan cách làm kẹo dừa bằng phương pháp thủ công, mua những đồ mỹ nghệ, đồ dùng sinh hoạt gia đình làm từ cây dừa.

Bên cạnh chương trình du lịch sinh thái, người dân Thới Sơn còn giới thiệu với khách về văn hóa ẩm thực với các món ăn: cá nướng, lẩu cá kèo, cá lóc hấp bầu, cá tai tượng chiên xù...

***Vườn chim Vàm Hồ**

Từ thị xã Bến Tre đi 30km đường thủy hay 40km đường bộ là tới Vườn chim Vàm Hồ thuộc xã Mỹ Hòa - huyện Ba Tri.

Vàm Hồ được biết tới từ hơn 100 năm trước với cái tên Cù Lao Cá. Vùng rừng phù sa nhiễm mặn này địa hình tương đối cao - trung bình là 1,2m so với mặt biển nên chỉ bị ngập mặn khi triều cường. Xuôi dòng Ba Lai, đôi bờ ngút ngàn màu xanh của dừa nước và thế giới thực vật phong phú. Từ các loại rau màu, cây trái quen thuộc tới những loài cây hoang dại như lức, giá, sậy, ô rô, quao nước... Bận như lạc vào khung cảnh êm đềm của rừng chà là và được phủ đầy màu xanh ven dòng sông yên ả, mọi lo toan, bận rộn ngày thường tan biến hết.

Vườn chim có gần 90 loài thuộc 35 họ và 12 bộ với hàng trăm nghìn con, nhiều nhất là cò trắng, cò ngang nhỏ, cò ruồi, quắm trắng, vạc, diệc xám. Trong các cây bụi, gần vực nước là thế giới của cuộc ngục trắng, trích, củm nùm, chằng nghịch, bìm bịp, chích chòe, chèo bẻo... Chiều xuống, những đàn chim tấp nập, tíu tít về tổ làm

nên cảnh tượng thực náo nhiệt. Mỗi khi giông gió chuyển trời, chim dáo dác bay lên che rợp cả một khoảng trời. Bên trong vườn chim, kênh rạch chằng chịt rất nhiều tôm cá, chủ yếu là cá dôi, bống kèo, cua biển, tôm đất... và đó là nguồn thức ăn dồi dào cho chim thú ở đây.

***Cồn Phụng**

Khu du lịch Cồn Phụng nằm trên một cù lao, nổi giữa sông Tiền thuộc xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, ngay cửa ngõ tỉnh Bến Tre, cách trung tâm thị xã Bến Tre 12km (đường bộ) và 25km (đường sông).

Cồn Phụng có diện tích 50ha, dân cư sống chủ yếu bằng nghề làm đồ thủ công mỹ nghệ từ cây dừa và trồng cây ăn trái. Đồ lưu niệm có nhiều chủng loại từ những chiếc mặt nạ xanh đỏ, khung ảnh, chiếc xe ba gác, đèn đồ dùng cho sinh hoạt như chén, bát, muống, thìa... được tiện khắc rất công phu, đẹp mắt.

Cồn Phụng có khu Đạo Dừa rộng gần 1.500m², hiện còn giữ nguyên vẹn toà tháp nơi ông Đạo Dừa ngồi giảng kinh pháp và truyền bá đạo giáo. Toà tháp có kiến trúc lạ mắt với những mảng đắp chạm rồng, phượng được gắn bởi những miếng vỏ của bát đĩa, ấm chén; những chiếc cầu thang uốn lượn lên cao.

Đến đây du khách có thể đi xuống máy dọc cồn thăm cơ sở sản xuất kẹo dừa, lên xe ngựa thăm vườn cây ăn trái, dừng chân bên ngôi nhà dân lợp lá dừa để được ngồi ghé tre uống nước trà pha với mật ong và quất, ăn trái cây miễn nhiệt đới và nghe đồn ca tài tử.

*Biển Ba Động

Khu du lịch thuộc xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, cách thị xã Trà Vinh hơn 60km về hướng đông nam.

Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, từ Cần Giẽ xuống tới Cà Mau, là vùng biển phù sa nhưng riêng Trà Vinh có những bãi cát dài và đẹp, thích hợp cho việc tắm biển và nghỉ mát. Trong đó, nổi tiếng nhất là bãi biển Ba Động. Ba Động là tên gọi chung của một bãi cát biển dài gần 10km. Tại đây, từ đầu thế kỷ XX đã hình thành khu tắm biển, nghỉ dưỡng. Hiện nay, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và người dân địa phương đã đầu tư hình thành khu du lịch với nhiều loại hình sản phẩm tiện dụng và phong phú như tắm biển, nhà hàng, khách sạn, giải trí, quà lưu niệm...

Từ những nhà hàng, khách sạn tiện nghi nép mình trong rừng dương rì rào gió biển, khách du lịch có thể phóng tầm mắt ra phía trùng dương thăm thẳm. Ở đó có những đoàn thuyền đánh cá ngày đêm ngược xuôi cần mẫn, mang nguồn lợi vô tận của biển khơi làm giàu cho quê hương, Tổ quốc. Từ khu du lịch này, du khách có thể thưởng thức nhiều loại đặc sản biển tươi sống với giá rẻ đến không ngờ. Từ Ba Động, du khách còn có thể tham gia những chuyến du khảo tìm hiểu lịch sử khai hoang mở đất và truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm hào hùng của xã “Trường Long Hòa sắt thép”, của huyện “Duyên Hải căn cứ anh hùng” với những chiến công như huyền thoại cùng các di tích Bến tiếp nhận vũ khí từ đường Hồ Chí Minh trên biển (Cồn Tàu), khu căn cứ Tỉnh ủy Trà Vinh (Giồng Giếng),...; du khảo sinh thái với những dãy rừng ngập mặn Trường Long Hòa, Long Khánh,...; thưởng thức nhiều loại sản vật

đã trở thành đặc sản của vùng quê ven biển này như dưa hấu Ba Động, nghêu Nhà Mát, tôm sú Cồn Cù, đuôn chà là, cá kèo kho gọt, chù ụ rang me, nước mắm rươi,...

Ba Động đang là một địa chỉ du lịch ngắn ngày hấp dẫn hướng tới đối tượng đông đảo khách có thu nhập trung bình như công chức, thanh niên, học sinh, công nhân lao động cùng gia đình trên địa bàn Trà Vinh và các tỉnh lân cận. Những ngày lễ, ngày nghỉ cuối tuần, nhất là dịp Tết Nguyên đán,... cả bãi biển Ba Động như bức tranh nhiều màu sắc, sôi động, vui tươi với hàng chục ngàn khách du lịch gần xa tìm về tham quan, nghỉ dưỡng.

***Chùa Kompông Chrây (chùa Hang)**

Chùa Kompông Chrây (thường gọi là chùa Hang vì cổng chính vào chùa được thiết kế như hang động) là ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khơ-me, tọa lạc tại thị trấn Châu Thành, cách thị xã Trà Vinh gần 5km về hướng nam.

Hiện nay, chùa Kompông Chrây là một trong những ngôi chùa có nét đẹp văn hóa độc đáo ở Trà Vinh, đặc biệt là lối kiến trúc truyền thống Phật giáo Nam tông Khơ-me với các hoa văn họa tiết rất công phu. Ngôi chính điện được trang trí theo mô típ kiến trúc Ấn Độ vừa rực rỡ, vừa trang nghiêm giữa một rừng cây trâm mặc, yên tĩnh và thanh bình, nằm giữa khuôn viên hơn 2ha cây xanh, bao gồm sao, dầu, từ lâu đã là nơi trú ngụ, sinh sôi của hàng ngàn loài chim các loại. Các vị sư trong chùa vừa tu hành, học tập, nghe kinh niệm phật, vừa chăm sóc một vườn cảnh với hàng ngàn gốc cổ thụ được tạo dáng công phu lại vừa trực tiếp tham gia nghề thủ công mỹ nghệ

điều khắc gỗ, mà sản phẩm làm ra mang đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc Khơ-me.

Đến chùa Kompông Chrây con người cảm thấy như đến với một viện điều dưỡng, vì nơi đây môi trường thật thoáng mát, không khí trong lành giúp cho con người dễ thân thiết và hòa quyện cùng với thiên nhiên. Chùa Kompông Chrây luôn để lại dấu ấn tốt đẹp cho du khách mỗi lần có dịp ghé thăm.

***Làng biển Mỹ Long**

Làng ven biển Mỹ Long (nay chia tách thành xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam và thị trấn Mỹ Long), thuộc huyện Cầu Ngang, cách thị xã Trà Vinh 30km về hướng đông nam, cũng là một địa chỉ du lịch được nhiều người biết đến.

Hàng dương nằm dọc theo bờ biển gần 5km của xã Mỹ Long Nam, quanh năm mát mẻ, lồng lộng gió từ biển khơi thổi vào, thích hợp cho các hoạt động cắm trại, picnic, dã ngoại...

Cồn Nghêu là cồn cát mới nổi giữa cửa biển Cung Hầu, cách bờ biển Mỹ Long Nam chừng 3km. Khi thủy triều lên, cả cồn cát chìm trong biển nước nhưng khi nước ròng sát hàng trăm héc-ta bãi cát nổi lên giữa nắng gió. Người dân Mỹ Long tận dụng cồn cát trời cho này thành bãi nuôi nghêu cho năng suất cao, sản lượng lớn. Tuy phải phụ thuộc vào thủy triều nhưng khách du lịch vẫn ưa thích đến với Cồn Nghêu để được sống giữa biển trời và thưởng thức món nghêu luộc do tự tay mình bắt lấy.

Cồn Bần là cồn đất phù sa kết tụ mới nổi giữa cửa biển Cung Hầu, cách Cồn Nghêu chừng 5km về phía thượng

nguồn, cách bờ biển Mỹ Long Bắc chừng 2km. Cả cù lao có diện tích hơn 200ha là một bãi rừng bần nguyên sinh hoang sơ và còn chìm dưới mặt nước khi thủy triều lên. Trên tán bần quanh năm xanh mát là nơi trú ngụ ưa thích của bao loài chim muông, thú rừng. Dưới cội bần ngâm chân trong nước là môi trường cư trú tự nhiên của bao loài thủy sinh có giá trị phục vụ cuộc sống con người và tái tạo nguồn lợi thủy hải sản ven bờ. Xen lẫn trong rừng bần, nơi những cồn đất cao ráo, những người nông dân yêu lao động, thích sống cuộc đời tự do, cá nước chim trời, bằng chính đôi tay và sức lực của mình, ngày đêm lấn biển mở rừng, dựng nhà lập ấp.

Đến với Cồn Bần là đến với vùng rừng sinh thái ngập mặn tiêu biểu của Trà Vinh và du khách có thể tận mắt mình chứng kiến quá trình khai hoang mở cõi của cha ông xưa bằng chính những công việc hàng ngày của những cư dân tiên phong ngày nay trên đất cồn bãi. Mỹ Long là ngôi làng cổ ven biển với những di tích lịch sử gắn với giai đoạn “Già Long tẩu quốc” như Bến Ngự, Bãi Bùn,... cùng nghề truyền thống đóng đáy hàng khơi và lễ hội Nghinh Ông nổi tiếng. Mỹ Long cũng là vùng đất giàu truyền thống, là một trong những chiếc nôi thiêng của phong trào cách mạng vô sản tỉnh Trà Vinh.

***Giếng tiên Bảy Núi**

Vùng Bảy Núi tỉnh An Giang có hàng chục “giếng tiên”. Điều kỳ lạ là các giếng này đều nằm trên những đỉnh núi cao chót vót, ăn sâu vào lòng đá nhưng quanh năm luôn đầy nước.

Núi Ba Thê ở thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang là một trong những nơi có nhiều “giếng tiên” nhất xứ Thất Sơn. Hàng chục năm trước, khi Ba Thê còn là vùng hoang sơ, quanh chân núi đã có nhiều nhà dân sinh sống. Trong một lần lên núi, ông Mai Đức phát hiện trên sườn phía đông có một giếng đầy áp nước mát lạnh và trong vắt.

Đỉnh núi Két ở thị trấn Nhà Bàn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang cũng có một “giếng tiên” trên phiến đá cao nhất. “Giếng tiên” này chỉ rộng khoảng 0,5m, ăn sâu vào lòng đá. Càng ăn sâu, lòng giếng càng nhỏ lại nhưng không biết nước từ đâu cứ dâng lên khi vừa vơi bớt.

Những người thường xuyên đến viếng thăm vùng Thất Sơn không ai có thể bỏ qua núi Dài Năm Giếng, còn gọi là Ngũ Hồ Sơn ở thị trấn Nhà Bàn, đôi diện núi Két. Trên 5 đỉnh của núi này ở độ cao hàng trăm mét có 5 giếng nước. Còn ở Núi Cấm tại xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, khó đếm hết có bao nhiêu “giếng tiên”.

Trong đó, “giếng tiên” dồi dào nguồn nước quanh năm được người dân nhắc đến nhiều nhất là ở vồ Đá Vàng. Giếng Đá Vàng là mạch nước lớn nhất vùng.

***Bến Ninh Kiều**

Đã từ lâu, những con người Cần Thơ luôn tự hào và kiêu hãnh mỗi khi nhắc đến Ninh Kiều - nơi bờ sông nhìn ra dòng Hậu Giang hiền hòa, thơ mộng.

Bến Ninh Kiều là một địa điểm mà du khách hay tìm đến nhất, nằm bên hữu ngạn sông Hậu, ngay ngã ba sông Hậu và sông Cần Thơ, gần trung tâm thành phố Cần Thơ.

Trên bến sông luôn tấp nập tàu bè, thuyền xuôi ngược chở đầy những sản vật vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Đứng trên bến Ninh Kiều mắt ta nhìn sang Xóm Chài và hướng Cồn Ấu ở đầu vàm sẽ thấy một dải cù lao thấp thoáng cây lá, tạo cho ta niềm rung cảm dạt dào. Ngược lại nếu đứng từ bên kia Xóm Chài nhìn sang sẽ thấy toàn cảnh Ninh Kiều và phố xá rực rỡ ánh đèn soi bóng xuống mặt nước phù sa lấp lánh như rắc ánh vàng thật lung linh tuyệt đẹp giữa trời nước bao la, không khí trong lành nhờ cơn gió từ dòng Hậu Giang đưa vào.

Đến bến Ninh Kiều, du khách còn có thể tham quan các nhà hàng thủy tạ, chợ nổi trên sông, vừa thưởng thức các món ăn đặc sản, vừa ngắm dòng sông Hậu hiền hòa, thơ mộng.

***Vùng du lịch sinh thái hạ lưu sông Hậu**

Dãy cù lao xanh tươi chạy dài 60km ở cuối lưu vực sông Mê Kông chia đôi nhánh sông này thành 2 cửa đổ ra Biển Đông là cửa Định An và Trần Đề. Nơi đây có khí hậu trong lành, mát mẻ, đất đai màu mỡ, thích hợp cho phát triển kinh tế vườn và du lịch sinh thái.

Hàng năm, cứ đến ngày mừng 5 tháng 5, ngày hội của người dân đất cồn Mỹ Phước (huyện Kế Sách), hàng ngàn người từ khắp nơi rủ nhau về thăm đất cồn Mỹ Phước để thưởng thức trái cây ngọt ngào và khí hậu trong lành ở nơi đây.

Vùng du lịch sinh thái hạ lưu sông Hậu của Sóc Trăng đang được quy hoạch với những khu, điểm du lịch liên hoàn có nhiều loại hình, dịch vụ vui chơi giải trí, nghỉ ngơi hấp dẫn du khách, nhằm phục vụ khách du lịch tốt hơn.

***Nét đẹp di tích chùa Trà Tim**

Từ trên không nhìn xuống, chùa Trà Tim và sân bay Sóc Trăng như cùng nằm trên một chiếc tàu thủy khổng lồ, mà ngôi chùa nằm án ngữ ở phía mũi tàu (từ hướng Bạc Liêu), còn sân bay nằm ở phía sau.

Chẳng những là nơi thờ phụng, mà từ lâu chùa Trà Tim đã là cơ sở của lực lượng cách mạng trong những cuộc tiến đánh sân bay Sóc Trăng (1963, 1973). Đặc biệt, trong Cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, nơi đây còn là điểm tập hợp lực lượng bộ đội ta tiến vào thị xã Sóc Trăng, gây tổn thất nặng nề cho kẻ địch. Nhà chùa, Phật tử đã nhiều lần biểu tình chống chiến dịch bắt lính đôn quân và nổi dậy chống ý định dời chùa của bọn ngụy quân ngụy quyền nhằm biến ngôi chùa thành phi trường để bọn chúng mở rộng bàn đạp tấn công đàn áp phong trào kháng chiến của quân dân ta.

Ngày nay, trong công cuộc kiến thiết xây dựng quê hương, nhà chùa mở nhiều lớp học chữ dân tộc cho con em quanh chùa, vận động bà con thực hiện phương châm tốt đời đẹp đạo, đóng góp công sức xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Chùa được công nhận là nơi thờ tự văn minh, được xếp vào danh lam thắng cảnh di tích văn hóa cấp tỉnh. Mỗi năm, vào các dịp lễ Chon Chnam Thmây, Đôn-ta và các lễ hội khác, ngoài bà con người Khơ-me còn thu hút đông đảo khách thập phương đến chiêm bái Đức Phật, tham quan cảnh chùa và vui chơi sinh hoạt văn nghệ với các tiết mục đậm đà bản sắc dân tộc.

***Bửu Sơn Tự (chùa Đất Sét)**

Bửu Sơn Tự còn gọi là chùa Đất Sét, tọa lạc tại đường Tôn Đức Thắng, phường 5, thành phố Sóc Trăng. Đến đây, du khách sẽ ngạc nhiên trước tài năng và sức lao động cần mẫn của thầy Ngô Kim Tòng, người đã dồn hết trí lực trong 42 năm để tạo các tác phẩm tượng Phật, linh thú, tháp đa bảo 13 tầng ... mà thoạt nhìn không ai có thể tin rằng chúng được tạo bằng đất sét, bởi những họa tiết tinh tế đòi hỏi kỹ thuật cao.

Đặc biệt, trong chùa có 8 cây đèn cây nặng tổng cộng 1,4 tấn, trong đó có 6 cây, mỗi cây nặng 200kg, 2 cây nhỏ nặng 100kg và 3 cái đỉnh bằng đất mỗi cái cao 2m. Đi một vòng trong chùa, du khách dễ có cảm giác choáng ngợp trước hàng ngàn bức tượng lớn nhỏ lồng trong ánh sáng lung linh của 2 cây nến đắp nổi rồng phụng được thắp sáng từ khi ông Ngô Kim Tòng qua đời (1970) đến nay.

***Chùa Quan Đế**

Chùa Quan Đế nằm ven sông Bạc Liêu, thuộc địa phận xã Vĩnh Trạch, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Chùa Quan Đế là một kiến trúc đình chùa mang đậm bản sắc dân tộc Hoa. Người Hoa ở Bạc Liêu coi chùa Quan Đế như một biểu tượng văn hoá của dân tộc mình. Chùa được xây năm 1835, do ông chủ tô muối Châu Quai đứng ra vận động đóng góp. Bên trong chùa còn giữ được khá nhiều bức hoành lớn. Một số được các nghệ nhân người Hoa chạm khắc từ những năm 1865 - 1897. Ngoài ra chùa Quan Đế còn có một án thư quý giá.

Chùa Quan Đế là một trong những điểm tham quan ở thị xã Bạc Liêu.

***Tháp cổ Vĩnh Hưng**

Tháp cổ Vĩnh Hưng thuộc xã Vĩnh Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Theo quốc lộ 1A, từ Bạc Liêu hướng Cà Mau 5km, đến cầu Sập, rẽ theo lối đi chợ Vĩnh Hưng là đến tháp Vĩnh Hưng.

Tháp là di tích kiến trúc cổ duy nhất mang dáng dấp nghệ thuật kiến trúc thời Ăngko của người Khơ-me còn được bảo tồn ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Tháp Vĩnh Hưng phát hiện năm 1911, được nhà cầm quyền thời đó xếp hạng thứ 14 trong danh mục các di tích lịch sử ở Nam kỳ. Sau đó tháp còn có nhiều tên gọi khác như: tháp Lục Hiền, tháp Bhah Dhat...

Trong thế kỷ XX, các nhà khảo cổ học đã phát hiện tám bia khắc chữ Phạn ghi rõ tháng 814 tương ứng với năm 892 (sau CN) ở chùa cạnh tháp.

Tháp Vĩnh Hưng được dựng trên một doi đất, chân tháp hình chữ nhật, một cạnh dài 5,6m; cạnh kia dài 6,9m, cao 8,9m xây bằng gạch ghép khít lại (không nhìn thấy vữa kết dính). Tháp có cấu trúc khá đơn giản, có một gian hình chữ nhật, tường dày, nóc cao uốn thành vòm với một cửa chính. Trong tháp có: một bàn tay tượng thần bằng đồng; một phần thân dưới của tượng nữ thần; tượng nữ thần bằng đá xanh; tượng nữ thần Brahma mặt bằng đồng; đầu tượng Phật bằng đồng... và một số vật thờ khác.

***Kiên Hải - điểm hẹn lý tưởng của du khách**

Trên nền xanh thẳm của biển, Kiên Hải (Kiên Giang) hiện ra như một nét chấm phá ngẫu nhiên của đại dương. Kiên Hải độc đáo bởi nét đẹp duyên dáng và những bãi cát trắng mịn màng, lấp lánh với những con sóng nhẹ vỗ.

Là một trong hai huyện đảo của tỉnh Kiên Giang, Kiên Hải nằm cách thành phố Rạch Giá khoảng 30km, trải dài gần 100km đường biển với 23 hòn đảo lớn nhỏ, tạo nên cảnh quan hùng vĩ và hoang sơ.

Hòn Tre tựa như con rùa biển khổng lồ ung dung phơi mình dưới nắng, mang dáng vẻ bình yên đến lạ lùng. Phủ lên trên đảo là màu xanh của cây rừng xen lẫn với màu đỏ thắm của những quả thanh long đang độ chín bám dọc theo sườn núi phẳng lì hay màu vàng của những vườn măng cầu, xoài cát đang vào mùa thu hoạch toả hương thơm ngát một vùng. Ở đây có những bãi biển đẹp, độc đáo được thiên nhiên ban tặng như Bãi Nhà, Bãi Bắc, Bãi Bàng, Bãi Chén, Động Dừa, Đuôi Hà Bá, Hòn Đá Bia...

Địa điểm nổi bật nhất là Bãi Chén. Đây là bãi biển dài với những tảng đá tròn và to như những cái bát úp khổng lồ. Với những ai ưa thích mạo hiểm thì Đuôi Hà Bá là địa điểm hấp dẫn đầy sức cuốn hút bởi những bàn đá tự nhiên phẳng lì nhưng cũng không ít chèo leo. Ngồi nơi đây buông cần câu giải trí trong cái mát lạnh của gió biển, trong tiếng sóng vỗ âm ào dưới chân cũng là những kỉ niệm khó phai cho những ai một lần đặt chân đến đây. Còn Bãi Bàng mang một vẻ đẹp riêng. Bãi Bàng uốn mình thành một vòng cung với nước xanh trong nhìn đến tận đáy, với

những hòn đá đủ mọi hình thù. Những rặng dừa buông mình dưới cái gió lúc dịu dàng, khi mạnh mẽ mang vị mặn nồng của biển khơi.

Ở đây, bạn không thể bỏ qua việc thưởng thức những món ăn dân dã của biển như cua, ghẹ, tôm tích, hàu nướng chấm với muối tiêu chanh. Đặc biệt là món gỏi cá trích cuốn bánh tráng chấm nước mắm, bánh tráng cuốn rau rừng chấm nước mắm Hòn Sơn, cá nhám nhúng dấm, cá trích tái chanh cuốn bánh tráng... Và món quà của biển đem về làm quà biếu người thân không thể thiếu đó là nước mắm Hòn Sơn với hương vị độc đáo.

Với cảnh quan đẹp, danh lam thắng cảnh còn hoang sơ, đặc biệt là loại hình du lịch sinh thái biển đảo, sinh thái nghỉ dưỡng, Kiên Hải thực sự là điểm hẹn lý tưởng của du khách.

***Kiên Lương - non nước hữu tình**

Về Kiên Giang, du khách nên ghé lại huyện duyên hải phía tây Kiên Lương để có thể tham quan thắng cảnh đẹp hữu tình nơi đây.

Theo quốc lộ 80, từ thị trấn Kiên Lương về Hà Tiên, đến Ngã Ba Hòn rẽ trái sẽ đến bờ biển nơi có những thắng cảnh như núi An Hải Sơn, Hòn Chông, Hòn Trẹm, Chùa Hang, hang Cá Sấu, hang Mo So, làng đánh cá Ba Trại, Hòn Nghê... đặc biệt là từ đây còn có thể thấy hòn Phụ Tử.

Bãi biển Hòn Chông dài chừng 4km là một bãi biển đẹp: cát vàng, nước biển màu ngọc bích. Nếu đi bằng thuyền du lịch ra hang Giếng Tiên men theo vách núi ngắm phong cảnh biển trời, mây nước, núi rừng sẽ cho bạn cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát, lâng lâng, tiếng chuông

chùa thỉnh thoảng ngân vang giữa không gian hoang sơ tĩnh lặng.

Đến cảng Hòn Chông đi thuyền máy để ra Hòn Nghê cách đất liền chừng 20m với khoảng hơn 1 giờ hải hành. Biển mênh mông xanh biếc, bao la, phóng khoáng với lưa thưa những thuyền đánh cá thả chài, giăng lưới. Từ xa đã thấy tượng Quan Âm Bồ tát cao 25m đứng uy nghi, tự tại, sừng sững hướng ra biển cả. Biển xung quanh Hòn Nghê có rất nhiều cá. Bạn có thể câu cá thỏa sức, thường ta sẽ câu được cá kình, cá chim, cá mú đôi khi có cả cá chēm lớn,... ở những ghềnh, hốc đá ven biển.

Hòn Nghê là một hòn đảo có hệ sinh thái tự nhiên rất lý tưởng gồm có biển với nhiều tôm cá, trên rừng của đảo có rất nhiều chim chóc sinh sống, không khí trong lành, mát mẻ. Trên Hòn Nghê có Liên Tôn cổ tự, nhiều hang động thâm u phảng phất vẻ trang nghiêm và huyền bí. Một số hang động nổi tiếng như hang Phật Cô Đơn, điện Sư Tổ Đạt Ma, hang Gia Long còn nhiều điều bí ẩn, lạ lùng đi kèm với những truyền thuyết hấp dẫn...

Hang Mo So - Một sự hấp dẫn khác là đi vào trung tâm Chùa Hang. Hang khá rộng, ngoằn ngoèo, dài khoảng 40m, chỗ hẹp nhất cũng vừa ba bốn người đi lọt. Đây là một hang động thiên nhiên do núi đá vôi bị xâm thực. Trong hang có nhiều thạch nhũ, nhiều hình tượng lạ mắt, kỳ vĩ. Ở đây có hai pho tượng Phật Thích Ca đã an vị hơn 300 năm. Cuối chùa thông ra biển, đập vào mắt chúng ta là cụm Hòn Phụ Tử đứng sừng sững nhìn ra biển khơi lộng gió với những hòn đảo lớn nhỏ đẹp như tranh thủy mặc.

Hòn Phụ Tử ngày nay chỉ còn lại hòn Tử, hòn Phụ đã bị gãy đổ vào năm 2006.

Men theo con đường núi có lúc chạy sát biển, ta đến làng chài Ba Trại, xưa kia là căn cứ của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực. Ngày nay, nơi đây là làng đánh cá với cư dân bao gồm người Việt, người Khơ-me và một ít người Hoa. Họ là hậu duệ của những nghĩa quân đã từng theo ngài Nguyễn Trung Trực đánh Tây ở vùng Rạch Giá - Hà Tiên.

Khách có thể ghé tham quan hang Cá Sấu nằm sát bên đường cái chừng mười mét. Ngấn nước biển xâm thực ăn khuyết vào đá cách đây hàng triệu năm còn để lại dấu tích rất rõ. Hang chục miệng hang tròn như miệng lu hun hút, tối tăm, âm u, luồn sâu vào lòng núi đá. Theo dân gian, đây là nơi ngày xưa cá sấu biển cư ngụ và sinh sống.

Gần hang Cá Sấu có một con đường chừng 3km rẽ vào hang núi Mo So (Đá Trắng) là một hang động bị nước biển xâm thực hàng triệu năm trước khi vùng đất này còn chìm dưới mực nước biển hơn 2m. Núi Mo So hình vành khăn, giữa có một thung lũng nhỏ chừng 1.000m², cây trái sum suê và có nhiều khí. Trong lòng hang động của Mo So có những con sông ngầm chảy lượn lờ theo những hành lang, vách núi. Ta sẽ gặp nhiều thạch nhũ hình bất úp, đá tai mèo với những khoảng không gian rộng thoáng do trên vách núi có nhiều lỗ ăn thông ra ngoài. Đặc biệt, trong hang hiện nay còn có các hàng quán bán đồ ẩm thực và nước giải khát phục vụ cho khách tham quan, hành hương. Xưa kia, thời chiến tranh; Mo So là một trong những căn cứ địa vững chắc

của cách mạng khu Tây Nam bộ, các nhà thơ Lê Chí, Nguyễn Bá, nghệ sĩ nhiếp ảnh quá cố, bác sĩ Trần Minh Hữu (Chín Tần) đã từng sống, làm việc và chiến đấu nơi đây. Chung quanh Mo So còn có núi Trầu, núi Mây, núi Vôi, núi Quỳnh rất hùng vĩ và nên thơ...

***Hà Tiên - nơi hoà quyện của đất trời**

Hà Tiên lâu nay vẫn được gọi là “thập cảnh” bởi có rất nhiều cảnh đẹp khác nhau cùng vươn ra biển khơi lộng gió. Thiên nhiên đã ưu đãi cho Hà Tiên một tổng thể biển, đảo và bờ biển hài hoà ít có ở đâu quyện lẫn với nhau thiên thời - địa lợi - nhân hòa như thế.

Đó là quần thể từ thế núi cao ăn men sát mé biển; biển xanh, đảo rộng và đẹp, và cả đồng bằng cùng kết hợp thành một vùng vừa đẹp như tên gọi xứ sở Hà Tiên hơn 300 năm trước, vừa say đắm lòng người.

Đền thờ dòng họ Mạc - vào mở mang vùng đất Hà Tiên - được gọi là miếu Lệnh. Lăng Mạc Cửu và đền thờ do Mạc Thiên Tích, người thiết kế, được xây dựng khoảng từ năm 1735 - 1739. Ngôi mộ lớn nhất của Mạc Cửu có hình bán nguyệt ăn sâu vào núi. Nơi chôn hài cốt Mạc Cửu được đúc bằng đá vôi, cát, đường và nhựa ô được quý mà dân đã cách đây gần 300 năm. Ai lên đây viếng lăng dòng họ Mạc cũng thấy kỹ thuật xây đúc mộ từ hơn 200 năm trước, giờ con cháu đâu có thể vượt qua. Trên núi Lăng, phía trước hai bên mộ có hai tượng tướng cầm gươm đứng hầu bằng đá xanh. Lăng mộ Mạc Cửu được đặt đúng theo thuật phong thủy: tiền án là núi Tô Châu,

hậu chằm là núi Bình Sơn, trước lăng có dòng lưu thủy đó là Đông Hồ, phía tả là núi Bát Giác, phía hữu là núi Pháo Đài có tên chữ là Đại Kim Dự. Mặt lăng mộ quay về hướng đông, lưng tựa núi hai bên theo thế tỉ lưng an tọa. Khu mộ rất kiên cố vượt qua thời gian, nên dù gần 300 năm nhưng vẫn giữ được nét kiến trúc ban đầu, cổ kính mà trang trọng.

Con đường do tỉnh Kiên Giang mới mở chạy quanh chân núi Đền có bờ biển xanh thẳm tuyệt đẹp, nối liền đến tận khu du lịch Mũi Nai, là điểm cuối trên đất liền của biên giới Việt Nam - nơi tiếp giáp vùng biển 3 nước Việt Nam, Campuchia, Thái Lan. Trên đỉnh núi Đền, vẫn còn đó ngọn hải đăng hơn trăm năm tuổi, vẫn hàng đêm rọi sáng dẫn đường cho các con tàu từ biển đi, về.

Từ Mũi Nai ra xa bờ chừng vài trăm mét có rất nhiều đảo của quần đảo Bình Trị và Hải Tặc. Hai quần đảo này cũng là nơi du lịch rất lý tưởng trong tuyến du lịch biển - đảo. Từ ngoài biển nhìn vào mũi đất này giống hệt cái đầu của một chú nai chà nằm ngẩng ra biển. Khi tạ tắm xong mệt, dúi thì vào quán bình dân trên bãi gọi vài thứ thức ăn biển, thật khó mà chê.

Nếu nói du lịch biển, thì đây là vùng đất trời cho của Hà Tiên và cả tỉnh Kiên Giang. Đây cũng là thế mạnh mà Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Kiên Giang thấy rõ, nên hàng năm, mùa du lịch sau tháng giêng và những tháng hè, du khách từ mọi miền đến tham quan với số lượng lớn. Bây giờ đường bay từ Sài Gòn ra Phú Quốc thuận tiện, đường biển từ Hà Tiên ra Phú Quốc ngày có

mấy chuyến, nên biển Hà Tiên và các đảo Kiên Giang đang ngày một chứng tỏ thế mạnh của kinh tế biển.

***Châu Nham Sơn**

Từ thị xã Hà Tiên, du khách có thể đi một đoạn đường khoảng 7km bằng ô tô hoặc xe gắn máy theo quốc lộ 80 về hướng cửa khẩu Xà Xía, đến ngọn Thạch Động có một con đường rẽ phải. Theo con đường này đi mất hơn 1km nữa là đến Đá Dựng. Danh thắng này nằm cách biên giới Việt Nam-Campuchia 4km.

Châu Nham Sơn thật ra là tên cổ của núi Đá Dựng. Đây là ngọn núi đá vôi hình thang cân (đỉnh núi bằng song song với chân núi), có dốc đá dựng đứng. Vì vậy gọi là Đá Dựng để phân biệt với những ngọn núi xung quanh. Gọi dần thành quen và trở thành tên chính thức sau này.

Đá Dựng thật sự là một tuyệt tác mà thiên nhiên đã tạo nên để trang điểm cho Hà Tiên thêm đẹp, một vẻ đẹp vừa lộng lẫy nhưng cũng không kém vẻ huyền bí như những huyền thoại vốn có của vùng đất này. Chúng ta sẽ phải ngỡ ngàng trước phong cảnh thiên nhiên của Đá Dựng. Do bị tác động của thiên nhiên, nhất là bị xâm thực nên trong lòng núi có vô số hang động. Có hang sâu, hang cạn, hang rộng, hang hẹp. Cũng có hang ở dưới chân núi và hang ở lưng chừng núi. Nhưng hầu như hang nào cũng đẹp, một nét đẹp đặc trưng chỉ có ở núi đá vôi với rất nhiều thạch nhũ thiên hình, vạn trạng. Nổi tiếng nhất ở đây là các hang Bà Chúa Xứ với tập hợp nhiều hang thông thương với nhau, hang Trống (hay Trống Ngực) với nét đặc

biệt là khi bạn vỗ nhẹ tay vào ngực mình thì vách hang sẽ cộng hưởng và dội lại với âm thanh giống như tiếng trống. Còn hang Lầu Chuông thì có nhiều thạch nhũ mà khi gõ nhẹ vào sẽ tạo nên tiếng ngân trơng như tiếng chuông. Ở hang khác thì có thứ thạch nhũ gõ vào lại nghe như tiếng đàn đá trầm bổng.

Đến đây bạn có thể tận hưởng một thắng cảnh với thiên nhiên mang đậm nét hoang sơ, có núi đá huyền bí, chìm muông phong phú với số lượng lớn.

***Hoang sơ Hòn Mấu**

Ai đến Hòn Mấu một lần không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ của nó. Có người ví hòn đảo này như vẻ đẹp của một nàng công chúa đang ngủ. Đến đây một lần, du khách sẽ còn muốn trở lại...

Cách đất liền khoảng 90km, Hòn Mấu là một trong 21 hòn đảo thuộc quần đảo Nam Du (huyện Kiên Hải, Kiên Giang). Mất hơn 3 giờ tàu cao tốc hoặc gần 6 giờ tàu sắt, du khách sẽ đặt chân lên Cù Tron, còn gọi là Hòn Lớn vì là đảo lớn nhất của quần đảo này. Từ đây, có dò ngang là một chiếc ghe biển chuyên vận chuyển khách sang Hòn Ngang mất khoảng 30 đến 45 phút. Từ đây, du khách có thể thuê một ghe nhỏ đi qua Hòn Mấu - một hòn đảo nhỏ xinh đẹp và lý tưởng cho du lịch khám phá.

Diện tích Hòn Mấu rộng khoảng 200ha với hơn 120 hộ dân nằm liền nhau vắt ngang qua phần thấp nhất của đảo. Thiên nhiên Hòn Mấu rất đẹp. Trong số 21 hòn đảo của quần đảo này, tạo hóa có vẻ thiên vị khi ban phát cho hòn đảo nhỏ này những bãi biển tuyệt đẹp. Có đến 5 bãi

biển trên đảo. Trong đó, có 2 bãi cát trắng mịn hiếm nơi nào có được là Bãi Chướng và Bãi Nam; còn lại là ba bãi đá: Bãi Bắc, bãi Đá Đen và bãi Đá Trắng. Bãi Nam là mặt tiền của đảo. Bãi này hầu như yên ắng quanh năm, nên tàu bè đến giao thương đều dừng lại ở mặt này. Vì thế, cư dân ở đây cũng đông hơn. Dù vậy, bãi cũng rất sạch sẽ, cát trắng mịn và bãi dài. Thú vị nhất là được đắm mình trong lòng nước mát lành ở Bãi Chướng. Bãi như một cái vịnh trông như một hồ nước khổng lồ bao bọc xung quanh là những hàng dừa có trên một đời tuổi người. Bãi cát chạy dài, nước có màu xanh lam trong vắt. Ra xa hàng chục mét vẫn còn thấy đáy. Cạnh đó là hai bãi đá không ché vào đâu được. Bãi Đá Đen có nhiều loại đá đẹp. Phần lớn là đá có màu đen bóng nên người dân lấy đó làm tên đặt cho bãi đá này.

Từ bãi Đá Đen đi bộ chừng 15 phút là đến bãi Đá Trắng. Toàn bãi chỉ duy nhất một màu trắng của đá. Những viên đá nhỏ bằng ngón tay đến bằng bàn tay nằm dọc theo bãi biển. Bãi này hầu như không có cát, chỉ có đá trắng.

***Hòn Cú Tron, Kiên Giang**

Quần đảo Nam Du với 21 đảo lớn nhỏ, trong đó Cú Tron là hòn lớn nhất, thuộc huyện đảo Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, cách xa bờ Rạch Giá khoảng 83km. Nơi đây, chúng ta sẽ ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ và hùng vĩ của một cụm đảo xanh mờ giống như một thế trận vững chãi giữa trùng khơi

Muốn đến Nam Du, chúng ta có thể khởi hành từ cầu tàu Rạch Giá và chỉ mất khoảng 3 tiếng đồng hồ là tới hòn

Củ Tron, thuộc xã An Sơn, trung tâm của quần đảo. Tại đây, nhìn về phía trái là hòn Ông, trước mặt là hòn Dầu và sau lưng là hòn Ngang với nhiều hòn đảo khác nhỏ, quây quần bên nhau tạo thành một vùng non nước hữu tình.

Hòn Củ Tron nay có tên là Hòn Lớn, đẹp và thu hút nhiều du khách nhờ có nhiều cảnh quan hấp dẫn và không khi lúc nào cũng sôi động, vì đây là trung tâm của xã đảo - xã An Sơn. Tại đây cũng như Hòn Ngang, Hòn Mấu,... đa số cư dân đều sống bằng nghề đánh bắt hải sản và nuôi cá lồng bè, chỉ một số ít khai thác lâm sản, lâm rẫy và buôn bán.

Đến Củ Tron, điểm dừng chân trước tiên là bãi Chệt, vừa là bến tàu, vừa là làng chài đông đúc. Kế đến là bãi Ngự và bãi Giếng, tuy mỗi nơi mang một dáng vẻ riêng, nhưng cả hai đều hiện lên một vẻ đẹp hoang sơ và quyến rũ, hấp dẫn nhất là làng chài. Tại đây còn có một nhóm người thợ lặn chuyên ra khơi lặn sâu dưới hai ba mươi thước nước để săn bắt các loài cá quý như cá bớp, cá mú, cá ngát...

Dọc theo hai bên bờ là những bãi cát mịn màng, lấp lánh và những con sóng vỗ tràn bờ. Ngoài khơi có vô số ghe thuyền đánh bắt neo đậu và nhiều lồng bè nuôi cá giống như một chợ nổi trên sông. Kỳ thú nhất là những ghềnh đá chồng chénh cùng với những tảng đá lớn nhỏ, chồng chất lên nhau tạo thành những hình thù kỳ quái giúp cho khách tham quan càng khám phá càng hấp dẫn.

Đến với Củ Tron, ngoài việc tham quan, nghỉ dưỡng, du khách còn có dịp thưởng thức nhiều món ngon vật lạ mà ít nơi nào có, như món cá xanh xương (cá nhái) nướng bẹ chuối, các loại ốc nhảy, ốc dụn, vọp, hào sữa... mỗi món

ngon đều có những nét riêng độc đáo. Sau mỗi chuyến đi trở về vẫn còn vương mãi cái dư vị ngọt ngào của Nam Du.

Hòn Ngang có những dãy dừa cao chót vót, đây là một trong những hình ảnh được nhiều người tới đây yêu thích. Ấn tượng nhất là những ghềnh đá cheo leo nằm ở bãi Bắc và bãi Chương, những bãi biển yên ắng và sạch sẽ, gồm nhiều tảng đá hình khác lạ, độc đáo nhất là những viên đá tròn, dài đủ màu sắc, muôn hình vạn trạng nằm chồng chất lên nhau tạo nên một bức tranh thiên nhiên sống động và kỳ thú. Đi dạo trên bờ biển và ngắm nhìn công việc của con người nơi đây, một sự yên bình sáu lắng lạ lùng.

Bằng sức sống mãnh liệt của mình, suốt mấy chục năm qua, bà con ngư dân đã làm thay đổi bộ mặt Củ Tron, biến một vùng đảo hoang vu đầy huyền thoại trở thành một quần đảo sung túc, giàu đẹp và ngày càng thu hút đông đảo khách đến tham quan để hiểu rõ hơn về một vùng biển đảo bao dung, một ngư trường rộng lớn, một cái nôi đã từng cứu mang nhiều thế hệ ngư dân từ khắp mọi miền đất nước. Đến Củ Tron, chúng ta mới có dịp thấy hết nỗi gian truân vất vả của những con người đầu sóng ngọn gió, suốt đời phải đối đầu với “mặt biển chân mây”, nhưng tâm hồn lúc nào cũng phóng khoáng, chân chất, hiền hòa và giàu lòng hiếu khách.

*** Mũi Dinh Cậu**

Dinh Cậu còn có tên gọi là Miếu thờ Long Vương, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Dương Đông - Phú Quốc (Kiên Giang). Đây là một cảnh đẹp được tạo nên từ ghềnh đá và biển. Miếu thờ này được đặt trong một khung cảnh thiên

nhiên tuyệt đẹp, liên quan với đạo thờ Mẫu. Điều này chứng tỏ từ khi mở đất người Việt đã đặt chân lên Phú Quốc và đặt nền móng cho văn hóa Việt bén rễ ở vùng đảo xa này.

Đến Dinh Cậu du khách sẽ được hưởng ngoạn cảnh hoàng hôn trên biển Tây, một bức tranh tuyệt đẹp hiếm nơi nào trong cả nước có được. Mặt trời xuống thấp trên bãi Dương Đông dường như những tia nắng càng thêm vàng lung linh trên những con sóng bạc ào ạt xô bờ. Khi nắng dần tắt, bãi tắm vắng dần, cũng là lúc những chiếc thuyền câu mực thấp lên những ngọn đèn giăng kín một khung trời. Trông xa cứ như một thành phố nổi trên mặt biển.

Phía nam của Dương Đông là ghềnh Dinh Cậu, đá nổi lô nhô. Dương Đông còn là thị trấn trung tâm hành chính, kinh tế văn hóa xã hội và thương mại của huyện đảo Phú Quốc. Đây cũng là nơi có nhiều nhà thùng sản xuất nước mắm lớn nhất nước ta. Phía ghềnh Dinh Cậu, bờ biển là một vùng cát chạy dài hướng chính nam qua những ấp, xóm dân cư trù phú. Các bãi biển thì rất đẹp, cát trắng, nước trong, người lội xuống sâu đến cổ vẫn nhìn thấy bàn chân.

Trên Miếu Dinh Cậu người ta thấy cửa chính được làm bằng gỗ trên vòm cửa có ghi ba chữ Thạch Sơn Điện. Trên nóc mái có gắn hai con rồng bằng sứ lưỡng long tranh châu. Trong chánh điện có khánh thờ Chúa Ngọc nương nương và khánh thờ tượng hai Cậu cùng một đỉnh hương, chuông, đèn, trống. Hàng năm vào những ngày lễ lớn, Tết Nguyên đán, dân đảo và các chủ ghe tàu đến viếng rất đông. Đặc biệt là vào ngày 15, 16 tháng 10 âm lịch người

ta mở lễ hội. Nhờ đó, Dinh Cậu có sức hấp dẫn rất lớn đối với du khách. Mỗi năm thu hút hơn 100 ngàn lượt khách tham quan, nghỉ ngơi, tắm biển.

***Hòn Khoai**

Hòn Khoai là một thắng cảnh đẹp của Cà Mau nằm ngoài biển Đông, cách đất liền nơi gần nhất thuộc xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển chừng 15km. Đây là cụm đảo nhỏ với diện tích gần 5km².

Hòn Khoai là một đảo đá có đồi và rừng gần như còn nguyên vẹn với nhiều loại gỗ quý, nhiều nhất là gỗ sao và một quần thể động thực vật phong phú, phong cảnh thiên nhiên hoang dã luôn cuốn hút khách du quan.

Đường lên đảo uốn theo hình tròn ốc bám theo sườn đồi, cây cối mọc um tùm che rợp lối đi. Mít và xoài ở đây rất nhiều và không ít cây đã thành cổ thụ. Trên đảo còn có nhiều cây là vị thuốc chữa trị được một số bệnh. Ở đây còn có nhiều loại hoa rừng mọc xen trong kẹt đá phô đủ màu sắc. Du khách còn nghe tiếng róc rách của khe nước chảy, tiếng chim hót trong bụi cây, thật là chốn thần tiên ngoài biển cả.

Bờ biển Hòn Khoai có nhiều long tu (rong biển hình râu rồng) đóng quanh những tảng đá. Loại rong này ăn rất mát và bổ. Ở đảo còn có nhiều chim quý, ngoài những bầy chim nhạn, chim én còn có chim cao các. Giống chim này lông đen, mỏ vàng, trên mỏ lại có thêm cái mỏ thứ hai như chim hồng hoàng vậy.

Với những đặc điểm khí hậu mát mẻ, thời tiết tốt, phong cảnh đẹp, có rừng, có biển, ngày nay Hòn Khoai rất

thích hợp với các loại hình du lịch về nguồn, dã ngoại, nghiên cứu, nghỉ ngơi.

Năm 1994, Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận Hòn Khoai là di tích - thắng cảnh cấp quốc gia.

***Rừng đặc dụng Vồ Dơi - Vườn Quốc gia U Minh hạ**

Rừng đặc dụng Vồ Dơi thuộc địa phận huyện Trần Văn Thời, có diện tích 3.688ha, trong đó diện tích rừng là 3.115ha. Theo tài liệu khảo sát 1990 thì rừng đặc dụng Vồ Dơi có 78 loài thực vật thuộc 65 chi, 36 họ, trong đó có 11 loài cây có gỗ. Còn về động vật thì lớp vú có 23 loài, lớp chim có 91 loài, bò sát có 36 loài, lưỡng cư có 11 loài - đặc biệt, có nhiều loài quý hiếm như rái cá chân đỏ, trúc (tê tê)...

Khu bảo tồn Vồ Dơi nay là Vườn quốc gia U Minh Hạ tỉnh Cà Mau với tổng diện tích tự nhiên 8.286 ha nằm trên địa bàn các xã Khánh Lâm, Khánh An thuộc huyện U Minh và các xã Trần Hợi, Khánh Bình Tây Bắc thuộc huyện Trần Văn Thời. Ngoài 3 phân khu chính: bảo tồn hệ sinh thái rừng trên đất than bùn với diện tích 2.570ha, phân khu phục hồi và sử dụng bền vững hệ sinh thái rừng ngập nước diện tích 4.961ha và phân khu dịch vụ hành chính diện tích 755ha. Vườn Quốc gia U Minh Hạ 25.000ha vùng đệm thuộc các Lâm ngư trường U Minh 1, U Minh 3, Lâm ngư trường Trần Văn Thời, Trại giam K1 Cái Tàu và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng rừng ngập Minh Hải.

Mục tiêu và nhiệm vụ của Vườn Quốc gia U Minh Hạ là bảo tồn, tái tạo các giá trị về cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái và đa dạng sinh học của hệ sinh thái đất

ngập nước đặc thù, rừng tràm trên đất than bùn, bảo tồn phát triển nguồn gen các loài động thực vật quý, các giá trị văn hóa, tinh thần, di tích lịch sử... phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, tham quan, phát triển du lịch...

***Cồn Ông Trang**

Cồn Ông Trang thuộc điểm du lịch vườn quốc gia mũi Cà Mau nằm ở cửa sông Cái Lớn thông ra bãi bồi phía tây thuộc xã Viên An, huyện Ngọc Hiển. Cồn Ông Trang bao gồm 2 cồn, là điểm du lịch sinh thái, sông nước hấp dẫn.

Thiên nhiên đã ban tặng cho cửa biển Ông Trang những cồn cát được cây mắm bao phủ một màu xanh biêng biếc, trông xa như những bức tranh thủy mặc giữa bầu trời nước bao la. Gần với cồn Ông Trang là bãi bồi phía tây Mũi Cà Mau, tại đây hàng năm đất được bồi lấn ra biển từ 50 - 80m. Bãi bồi là nơi hội tụ của nhiều loài thủy sản về đây sinh sản. Mỗi khi mùa đông về du khách được ngắm nhìn hàng đàn chim di trú trên đường bay từ phương Bắc lạnh giá về phương Nam ấm áp. Đàn chim sẽ dừng chân tại đây tìm thức ăn rồi lại tiếp tục hành trình về châu Úc xa xôi. Với điều kiện tự nhiên có một không hai, bãi bồi không chỉ có ý nghĩa về kinh tế, nghiên cứu khoa học mà còn là điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách khi đặt chân đến Cà Mau.

***Sân chim trong lòng thành phố**

Công viên Văn hóa Cà Mau chỉ cách trung tâm thành phố 2km về phía tây với tổng diện tích 18,2ha bao gồm

nhiều hạng mục như: Tượng đài, vườn cây cảnh, ao hồ, cụm kiến trúc mô phỏng nơi ở và làm việc của Bác Hồ với ao cá, nhà sàn,... Ngoài ra, trong công viên còn nuôi dưỡng nhiều thú rừng, chim muông một thời có tên trong lịch sử khai phá phương Nam như: cá sấu, khỉ, kỳ đà, heo rừng, rái cá, chồn, chằng bè, giang sen, le le, vịt nước,... đồng thời cũng nuôi dưỡng một số loài thú vùng cao như: gấu, hổ, voi, beo, đà điểu,... tạo nên một quần thể sống thu nhỏ của thiên nhiên. Đặc biệt, Cà Mau vẫn đang tồn tại một sân chim trong lòng thành phố - nét đặc trưng mà không phải nơi nào cũng có được. Đó là sân chim Cà Mau, rộng 4,5ha nằm ngay trong Công viên Văn hóa. Nếu đến thành phố Cà Mau, đây sẽ là địa chỉ tham quan gần nhất và thú vị đối với mọi du khách. Ngay tại đây, du khách sẽ tận mắt chứng kiến hàng vạn chim, cò, công cọc, le le, vạc, cúm nùm,... bay sà xuống những ngọn cây đậu đông nghet. Chúng nhảy múa, âu yếm và tấu lên bản “đại giao hưởng” cho đến khi mặt trời khuất bóng. Sân chim này đã tồn tại hàng chục năm nay, luôn được địa phương bảo vệ cẩn thận, chu đáo.

***Rừng đước Năm Căn**

Cà Mau có hai khu rừng lớn nổi tiếng trong cả nước và trên thế giới. Khi nói đến rừng U Minh người ta liền tưởng đến loài cây phổ biến là cây tràm, rừng đước bạt ngàn ở Năm Căn. Rừng đước và rừng tràm nối tiếp vây quanh mũi Cà Mau từ đông sang tây, đứng thứ nhì trên thế giới về tầm quan trọng và diện tích, sau rừng ngập mặn ở cửa sông Amazon của châu Mỹ La tinh.

Rừng được Năm Căn, yếu tố về địa lý đã và sẽ có sức gây ấn tượng cho biết bao tấm lòng yêu quê hương đất nước. Vẫn là những dòng sông, con rạch chằng chịt luôn chảy cuộn cuộn, hồi hải từ con nước lớn đến nước ròng, vẫn là những ngôi nhà sàn lênh đênh ven hai bờ sông, trong ngọn rạch, vẫn là những bãi bùn nối tiếp những bãi bùn với những cánh rừng được thẳng đứng, có nơi những thân được như bó đũa vất ống, với gió rừng và mây trời, với những đêm đầy sao trên trời và lung linh trên mặt nước, với Mũi Đất âm thầm dưới chân sóng cứ lăm lăm lấn dần ra biển khơi... Tất cả những cái đó khiến vùng đất này không giống bất cứ vùng đất nào trên đất nước. Lạ lùng. Rất đổi lạ lùng bởi sức bồi đắp phù sa vô tận của rừng được Năm Căn.

***Vườn dâu Cái Tàu**

Huyện U Minh nằm cách thành phố Cà Mau hơn 50km, ở đây không những nổi tiếng về vùng đất có khu rừng tràm lớn nhất nước, với nhiều hệ sinh thái động thực vật quý hiếm mà còn có nhiều địa danh khác rất hấp dẫn du khách đến tham quan, đó là vườn dâu Cái Tàu ở xã Nguyễn Phích nổi tiếng gần một thế kỷ qua.

Đến đây, điều mà các bạn không thể không ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hết sức mộc mạc của những xóm làng rợp bóng mát của những tán lá dâu và rất nhiều loại cây ăn quả khác, tha hồ cho các bạn thưởng thức những loại cây trái của miền quê.

Bạn sẽ hết sức thú vị trước những cây dâu đã gắn bó gần cả trăm năm với Cái Tàu và nó trở thành một thứ trái cây

không thể thiếu trong sinh hoạt của mỗi gia đình ở đây. Đây là một niềm tự hào về nét văn hóa đặc sắc của vùng đất U Minh. Về với U Minh để tham quan vườn cây ăn trái, nhất là thưởng thức hương vị ngọt ngào của quả dâu chín mọng, sẽ làm cho tâm hồn du khách mát rượi và sảng khoái. Và ở Cà Mau, chỉ riêng U Minh mới có được những cảm giác đó.

Phần thứ hai

**VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG
CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

I. PHONG TỤC, LỄ HỘI ĐẶC SẮC

***Chon Chnam Thmây (lễ hội vào năm mới) của người Khơ-me**

Lễ vào năm mới của người Khơ-me, mang ý nghĩa là mừng thêm một tuổi, tương tự như Tết Nguyên đán của người Việt, với hy vọng năm mới đến sẽ đem lại những điều may mắn. Được diễn ra vào giữa tháng 4 dương lịch (tháng 3 âm lịch), không cố định ngày, hàng năm đều do các nhà thiên văn bói toán ấn định, tính theo vòng quay trái đất quanh mặt trời trong một năm sẽ định ra được ngày, giờ cụ thể trong năm đó. Đến khi có được ngày, giờ cụ thể và tới thời gian đó, bà con ăn mặc đẹp, đem nhang đèn đến chùa làm lễ đón Giao thừa, sau giờ phúc đó sẽ bước vào năm mới và được tổ chức đón tết trong 3 ngày cụ thể như sau:

Ngày thứ nhất gọi là Thngay Chon Chnam Thmây (ngày vào năm mới), bà con làm cơm đi chùa vào buổi sáng và buổi trưa để dâng đến các vị sư, được nghe các vị chúc tụng năm mới. Đêm lại, nghe các vị sư tụng kinh cầu an năm mới, cầu cho “Quốc thái dân an” và hưởng được 4 pháp của đức Phật (sống lâu, sắc đẹp, an vui và sức mạnh), rồi được nghe các vị thuyết pháp về ý nghĩa của lễ Chon Chnam Thmây và sau đó thanh niên nam nữ cùng nhau múa hát trước sân chùa.

Ngày thứ hai gọi là Thngay Von-boch cũng giống như ngày thứ nhất vẫn làm cơm đi chùa dâng đến các vị sư và lắng nghe các vị chúc tụng, cầu an, thuyết pháp giảng đạo, rồi các thanh niên nam nữ vui chơi trước sân chùa.

Ngày thứ ba gọi là Thngay Lơn-sắc (ngày thêm tuổi), mới là ngày chính cũng là ngày cuối tết, tương tự như hai ngày đầu, nhưng ngày này bà con đều đến đông đủ để làm lễ Cầu siêu cho người thân đã quá cố, để vong linh của họ sớm được siêu thoát. Buổi chiều mọi người cùng nhau làm lễ tắm tượng Phật để tỏ lòng tưởng nhớ và biết ơn đức Phật, đồng thời cũng để rửa những điều không may của năm cũ để sang năm mới vạn sự như ý. Tết Chon Chnam Thmây được kết thúc.

***Xen Đonta (lễ ông bà) của người Khơ-me**

Lễ hội được tổ chức hàng năm vào ngày 29, 30 tháng 8 âm lịch hàng năm, nhằm tưởng nhớ công ơn cha mẹ, họ hàng và người thân đã quá vãng. Lễ được diễn ra trong 2 ngày:

- Ngày thứ nhất gọi là Xen Đonta (cúng ông bà), vào ngày 29 tháng 8 âm lịch, tại mọi gia đình làm một mâm cơm thơm tất, thắp nhang đèn, mời anh em họ hàng bạn bè lại cùng cúng, khấn vái, mời những linh hồn người thân đã vãng về ăn uống.

- Ngày thứ hai gọi là Bonh Pchum Banh (lễ hội linh) vào ngày 30 tháng 8 âm lịch, ngày này là ngày hội của những linh hồn người thân đã quá cố đều hội tụ về chùa. Vì thế tất cả gia đình người Khơ-me đều làm cơm đi chùa, mời các vị sư tụng kinh cầu siêu và nhận hồng phúc mà

con cháu dâng cúng hôm nay để sớm được siêu thoát. Xen Dònta được kết thúc tại đây.

*** Óoc Om Bok (Lễ cúng trăng) của người Kơ-me**

Trong lễ hội người ta lấy cơm dẹp trộn với đường, dừa rồi vắt thành cục nhỏ kèm theo một trái chuối đưa vào miệng các trẻ em từ 2 tuổi trở lên và để cho trẻ cầu nguyện những ước mơ của mình. Ngoài ra còn mang ý nghĩa mừng cơm mới vào những ngày trăng sáng mưa gió chấm dứt, nước từ từ rút xuống, mở đầu cho một mùa khô. Đồng thời cũng để tưởng nhớ đến công ơn Mặt trăng, được người dân Kơ-me coi như là một vị thần điều tiết mùa màng nên còn gọi là “lễ cúng trăng”, được tổ chức hàng năm vào ngày 15 tháng 10 âm lịch. Trong đó có tổ chức các môn thể thao giải trí như đua ghe Ngo, thuyền bầu, các trò chơi và biểu diễn nghệ thuật truyền thống.

*** Hội đua ghe Ngo của người Kơ-me**

Ghe Ngo có chiều dài khoảng 24m, ngang 1,2m; mũi và lái đều cong, được trang trí hoa văn Kơ-me, đầu ghe vẽ hình con thú. Mỗi chiếc ghe Ngo đều có sự đóng góp công sức và tiền bạc của bà con trong phum sóc. Ghe được bảo quản ở chùa, hàng năm chỉ đưa xuống nước một lần trong ngày lễ hội vì vậy lễ hạ thủy rất công phu và tốn kém.

Trước ngày hội, mọi người đều tập dượt công phu, trước tiên là bơi trên bờ, sau đó bơi dưới nước. Người được chọn ngồi mũi để chỉ huy thường là người có uy tín trong phum sóc. Hội đua ghe Ngo thu hút đông đảo người dân trong và ngoài tỉnh tham gia trong tiếng reo hò vang dội cổ vũ cho cuộc đua.

Ngoài ra còn nhiều lễ hội khác như: Lễ Dâng y cà sa, lễ Cầu an, lễ Chúc thọ, lễ Phạt định, Phạt đàn,...

***Lễ cúng miếu của người Việt và người Hoa**

Lễ cúng miếu mang tính dân dã, cả nam nữ, già trẻ đều có thể đến cúng lạy. Lễ vật cúng kiến biểu hiện cho tấm lòng của bà con trong xóm.

Chương trình lễ cúng miếu là chương trình lễ Kỳ Yên thu gọn. Tùy theo đối tượng của miếu thờ phụng, có thể chia ra làm ba loại lễ cúng miếu: lễ cúng miếu Ông, lễ cúng miếu Cô Hồn, lễ cúng miếu Bà.

Lễ cúng miếu Ông: miếu Ông là miếu thờ các vị nam thần xuất phát từ văn hoá Hán - Việt, gồm có Quan Công, Thổ Địa, thần Nông. Nghi lễ cúng miếu Ông là nghi lễ Nho giáo, gồm có các lễ: Thỉnh Tro (thỉnh lư hương từ đền thờ chính về miếu, mang ý nghĩa thỉnh thần về dự lễ), cúng Tiên Yết, Chánh Cúng, cúng Tiên Sư, Tiên Vãng (tức là những bậc đàn anh có công với xóm ấp, những người đứng ra lập miếu). Những nơi có điều kiện có thể dùng nghi thức tế với nhạc lễ, lễ sanh,... thay vì dùng nghi thức cúng vái bình thường. Trừ những nơi thờ Quan Công phải có ba ngày vía (vía sanh ngày 13 tháng giêng âm lịch, vía tử ngày 13 tháng 5, vía hiển thánh ngày 23 tháng 6) còn các miếu thờ Thổ Địa hoặc Thần Nông chỉ có hai ngày lễ hội là lễ xuân tế hay lễ thu tế, lễ Hạ Điền và lễ Thượng Điền. Các ngày vía này thường không thống nhất mà do các địa phương quy định.

Lễ cúng miếu Cô Hồn: chương trình cúng miếu Cô Hồn cũng giống như chương trình cúng miếu Ông. Ngoài ra khi

cúng miếu Cô Hồn còn phải mời các nhà sư đến tụng kinh cầu siêu và khấn thực cho Cô Hồn. Mỗi năm có ba lễ cúng Cô Hồn: rằm và 16 tháng giêng, rằm và 16 tháng 10 và đặc biệt nhất là rằm và 16 tháng 7 âm lịch là ngày xá tội vong nhân, không thể nào thiếu được.

Lễ cúng miếu Bà: tại Vĩnh Long có nhiều miếu thờ Thất Thánh Nương Nương, Ngũ Hành Nương Nương, Thiên Hậu Thánh Mẫu, ... nhưng đều áp dụng nghi lễ cúng miếu nữ thần Thiên Yana. Chương trình cúng miếu Bà gồm các nghi thức: lễ thỉnh Đất và Nước, lễ cúng Tiên Sư, Tiên Vãng, lễ Tiên Yết, lễ Chánh Cúng. Đặc biệt, vì nữ thần Thiên Yana thuộc tín ngưỡng Chăm nên trước kia có tục mời thầy cúng đến rồi mới, múa dâng lễ. Các nghi tiết này đều có dàn nhạc lễ diễn đầu. Nhiều nơi khi cúng miếu Bà còn mời sư đến tụng kinh cầu an.

Lễ hội làng xóm ở các đình, miếu vừa mang tính chất tín ngưỡng, vừa mang tính chất tri ân, cũng là dịp để bà con xóm làng vui chơi, thắt chặt tinh thần đoàn kết. Ở khía cạnh nào đó, hình thức diễn xướng của lễ hội vừa có chức năng nghi lễ, lại vừa có chức năng nghệ thuật, đáp ứng yêu cầu hội hè của bà con trong làng, trong xóm. Bên cạnh đó, do tính chất dân dã của đình miếu ở địa phương đã khiến các lễ hội này thu hút nhiều khách đến hành hương lễ bái.

*** Lễ Kỳ Yên của người Việt và người Hoa**

Chương trình lễ Kỳ Yên thường kéo dài hai ngày một đêm, gồm có các nghi lễ chính là: lễ thỉnh sắc thân; lễ tế Thần Nông, cúng miếu, liệt sĩ; lễ Túc yết; lễ Chánh tế; lễ

cúng Tiên hiền, Hậu hiền, Hội viên quá vãng; lễ đưa sắc thần. Mục đích của lễ kỳ yên là tế thần Thành Hoàng để cầu quốc thái dân an, xóm làng thịnh vượng, no ấm.

Các đình đều thờ Tiên hiền, Hậu hiền là những người có công quy dân lập làng hoặc bỏ tiền của xây dựng các công trình phúc lợi công cộng đầu tiên để lại gương soi cho đời sau. Cho nên nói chung, lễ Kỳ Yên mang ý nghĩa là ngày giỗ hội của làng.

Các nghi lễ thường giống nhau, gồm một tiết mục dâng hương, ba lần dâng rượu, một lần dâng trà. Cuối một nghi lễ đều có một bài văn tế thay cho lời khấn, nội dung gồm những lời tán dương thần thánh và lời cầu nguyện của dân làng. Khi tế lễ phải có dàn nhạc cụ gõ nhịp gồm: mõ, chiêng, trống, chuông.

Trong thực tế, ở lễ Kỳ Yên thì phần “lễ” chiếm phần quan trọng hơn phần “hội”. Các đối tượng cúng lễ là một tập hợp thần linh đông đảo không chỉ riêng có thần Thành Hoàng bốn cảnh.

Lễ Kỳ Yên là dịp để dân làng họp mặt, bàn chuyện gia đình yên ấm, vui chơi. Xưa kia, ở các đình còn có tục cứ ba năm đáo lệ tổ chức hát bội, cúng thần giúp vui bá gia, bá tánh. Những tục lệ này nhằm thắt chặt tình cộng đồng. Còn hát xướng trong ngày lễ Kỳ Yên không phải là văn nghệ bình thường mà mang nội dung nghi lễ. Chương trình văn nghệ phải có nội dung đạo lý, kết thúc có hậu.

Lễ Kỳ Yên còn là dịp để các nghệ nhân thể hiện sự khéo léo như chằm hoa, kết quả. Buổi lễ cũng là dịp cho người làm vườn giới thiệu các loại cây trái mới, người làm ruộng giới thiệu các giống nếp ngon qua tài nữ công của

chị em phụ nữ. Tuy nhiên, tiệc tùng trong ngày lễ Kỳ Yên chỉ mang tính liên hoan, vui vẻ, hoàn toàn không có tục “chiếu trên, chiếu dưới” uống rượu nhậu nhẹt.

*** Lễ hội Đấu đèn của người Hoa**

Chùa Ông có nhiều lễ hội trong năm, nhưng tiêu biểu nhất là ngày vía Quan Thánh Đế quân được tổ chức vào ngày 26 tháng 6 âm lịch và ngày vía Thiên Hậu Thánh Mẫu được tổ chức vào ngày 23 tháng 3 âm lịch. Trong các ngày vía đó, đông đảo bà con người Hoa và dân làng địa phương đến tham dự tạo nên một không khí rất sinh động và vui tươi. Người đi lễ đều thành kính dâng hương, thể hiện ước vọng an lành, bình an trong cuộc sống. Cạnh lễ chính, Ban trị sự chùa còn tổ chức đấu giá đèn lồng, múa lân, sư, rồng, hội diễn văn nghệ... tạo được một không khí sinh hoạt văn hóa lành mạnh và sân chơi bổ ích cho địa phương.

Đấu đèn là một trong những nét văn hóa đặc sắc của người Hoa được lưu giữ và phát triển đến ngày nay. Nó có nguồn gốc từ rất lâu đời, được các thế hệ người Hoa lưu giữ và bảo tồn trong nhiều thế kỷ qua. Tục đấu giá đèn lồng thường không theo định kỳ, có khi năm ba năm không tổ chức. Nhưng cũng có nơi tổ chức hằng năm. Thông thường, tập tục này ít khi được tiến hành riêng biệt mà hay tổ chức theo một ngày kỷ niệm nào đó.

Mục đích của việc tổ chức đấu giá đèn lồng nhằm làm tăng thêm sinh khí cho các ngày lễ hội, tạo sự vui tươi, tình đoàn kết trong cộng đồng. Ngoài ra, nó còn mang ý nghĩa từ thiện. Số tiền đấu giá được đều dùng vào việc công đức như: xây nghĩa trang, trường học, giúp đỡ trẻ mồ

côi... Tục đấu giá đèn lồng thường được tổ chức vào các ngày thành lập chùa, thành lập trường, hội, các ngày vía Bà, vía Quan Thánh Đế quân... Người Hoa làm đèn lồng rất đẹp, mỗi đèn đều có tên riêng: đèn Thiên Hậu Thánh Mẫu, đèn Quan Thánh Đế, đèn Phước Đức Chính Thần... Đèn cao khoảng 60cm, chu vi khoảng 40cm, hình trụ có 6 mặt, mỗi mặt là một miếng kính, có vẽ hình phong cảnh, núi sông, mai, điều, trúc, sen... và kèm theo những câu chúc phúc bằng chữ Hán như: “Sinh ý hưng long”, “Hiệp gia bình an”, “Tài lai lộc tấn”... Sáu góc đèn là hình 6 con rồng được thếp vàng lồng lẩy, đầu chầu vào nhau, 6 đuôi rồng hơi dang ra, tạo thế chân đèn, các cạnh xung quanh đều treo tròn teng các miếng ngọc bội màu xanh và nơ màu đỏ, phía dưới cùng treo lủng lẳng một miếng thẻ bằng nhựa màu vàng ghi chữ đỏ tên từng loại đèn, phía trong gắn một bóng đèn tròn, khi đèn nóng thì lồng đèn tự động xoay từ từ. Người Hoa quan niệm: đấu được đèn, là vinh dự cho mình, cho gia đình và cho cả làng xóm. Người ta cũng tin khi đấu được đèn, rước đèn về nhà là một sự may mắn, bình an, sẽ làm ăn phát đạt...

Đấu giá đèn lồng luôn là sự kiện sau cùng của lễ hội. Khi các nghi thức của ngày lễ được cử hành xong là cuộc đấu giá đèn lồng bắt đầu. Mọi người tập trung ở chính diện của hội quán. Tất cả các đèn lồng đều được treo lên trần theo thứ tự giá khởi điểm từ thấp đến cao. Tùy theo địa phương thờ vị thần nào là chính thì giá của đèn lồng mang tên vị thần đó sẽ cao. Ngoài ra, cũng tùy thuộc vào tâm lý của từng người. Người nào thích vị thần nào thì cho giá đèn đó cao để quyết tâm đấu được. Đa phần chiếc đèn mang tên Quan Thánh Đế quân là có giá cao nhất.

Giờ đấu đèn đến, người trong hội quán của địa phương bước lên bục, giới thiệu dẫn chương trình bằng tiếng Hoa và tiếng Việt về mục đích, ý nghĩa của việc đấu đèn, cách thức đấu đèn. Người trong Ban Trị sự của Hội quán đứng ra điều khiển buổi đấu giá. Từng loại đèn được đọc tên, nêu giá khởi điểm. Một người nữa đứng kế bên, chờ đếm số lần định giá. Mọi người bàn tán xôn xao, xầm xì to nhỏ khi người điều khiển cho biết giá, mọi người hớn hở reo hò, những cánh tay nối nhau giơ lên... Cứ thế, giá mỗi chiếc đèn ngày càng được tăng cao cho đến khi không còn ai trả hơn thì chiếc đèn đó thuộc sở hữu của người đặt giá cao nhất.

Thông thường, những người tham gia đấu đèn ít khi là những cá nhân mà là một tập thể, đại diện cho một tỉnh, một xóm, một phường... Người thắng cuộc sẽ được trang trọng mời lên phía trên để nhận đèn, được xướng tên họ, quê quán, đại diện cho địa phương nào, đơn vị nào..., và người trao đèn, phần nhiều là khách mời ở các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương... Cảnh trao đèn diễn ra rất long trọng với tiếng hò reo, vỗ tay tán thưởng của mọi người. Cứ thế, buổi lễ tiếp tục diễn ra cho đến khi chiếc đèn cuối cùng được đấu xong. Giữa các lần đem đèn ra đấu giá có thể có một vài tiết mục văn nghệ để tăng thêm phần hào hứng cho buổi lễ. Và cũng để cho những cá nhân, đơn vị thua cuộc ở lần đấu trước củng cố lại niềm tin để có thể thắng cuộc ở lần sau.

Buổi lễ kết thúc, Ban quản trị hội quán tổng kết số tiền đấu giá được và thông báo số tiền đó sẽ được sử dụng vào những mục đích gì, hỗ trợ cho các đơn vị, cá nhân nào.

Người đầu được đèn không đem về nhà ngay, cũng không phải trả tiền liền, mà gửi lại ban tổ chức. Người ta ghi họ tên, địa chỉ của người thắng cuộc và cho xe đưa đèn đến tận nhà người thắng cuộc rồi mới thu tiền. Đèn thuộc về cá nhân, đơn vị nào sẽ được treo trang trọng giữa nhà hoặc một nơi tôn nghiêm nào đó, nhằm khuếch trương sự may mắn, thành đạt, vinh hoa...

Ngoài phương diện tín ngưỡng, có thể thấy rằng chùa Ông còn là nơi diễn ra những sinh hoạt văn hóa lành mạnh, giữ gìn và phát huy nét đẹp của nghệ thuật truyền thống, lễ hội, phong tục tập quán, góp phần làm cho bản sắc văn hóa Việt Nam càng phong phú và giàu đẹp.

*** Lễ hội Nghinh Ông**

Những người dân vùng ven biển tôn vinh cá Ông (cá voi) thành một vị thần rất đỗi thiêng liêng, là chỗ dựa tinh thần mỗi khi gặp sóng to gió lớn, thuyền bị đắm, con người bị hiểm nguy đe dọa. Người dân tham gia lễ hội Nghinh Ông cầu mong sóng yên, bể lặng, đánh bắt bội thu.

Lễ gồm ba phần: túc yết, nghinh Ông, tế Tiên hiền và Hậu hiền lễ chánh tế và xây châu đại bội.

Trước ngày lễ các thuyền đánh cá dù đang làm nghề ở nơi xa hay gần, đều tề tựu về bến. Điều này đã trở thành quy ước bắt buộc. Tham gia vào lễ Nghinh Ông còn có những thuyền đánh cá ở nơi khác, tỉnh khác đang hành nghề tại biển của địa phương. Các thuyền đánh cá đều chằng đèn, kết hoa rực rỡ. Ở đầu mũi thuyền, chủ nhân có bày mâm cúng gồm trái cây, xôi thịt, thường là cặp vịt luộc, chiếc đầu heo, cùng với hương hoa. Khởi đầu là lễ túc

yết với nghi thức đơn giản được tiến hành tại lăng. Mọi người dân trong vùng, từ những ngày trước đã góp tiền làm lễ cúng Ông. Đóng góp nhiều hay ít là tùy tấm lòng của từng gia chủ ngư dân, mà không có một sự bắt buộc nào, và cũng không có sự phân biệt giữa người đóng tiền nhiều hay ít, có đóng tiền hay không đóng tiền. Đêm đầu tiên của lễ hội này có một nghi thức không hoàn toàn bắt buộc, tùy theo ban tổ chức. Đó là lễ hội cầu an. Ông chánh bái và phó chánh bái quay mặt vào điện thờ khấn vái, xin sự chứng kiến của Na n Hải ngọc tôn thần. Ông phó chánh bái đội tờ số xin cầu an lên đầu, quỳ lạy. Tám nhà sư quý thành hai hàng ở phía sau, rồi đứng lên tụng kinh làm lễ cầu an cho vạn lạch. Lá số cầu an được đem đốt vào cuối buổi lễ.

Sáng hôm sau là nghi thức nghinh Ông. Nghi thức này được tiến hành với sự tham gia của đông đảo tất cả ngư dân trong vạn chài. Dẫn đầu đoàn người ra khỏi nghinh Ông gồm có ông chánh bái và phó chánh bái. Theo sau có 4 học trò lễ, 4 đào thai (2 đào nam và 2 đào nữ), 8 người mang bát bửu, chấp kích, một người vác cờ có chữ Nam Hải, bốn người khiêng long đình, hai người cầm lọng, một người vác cờ lớn, cùng với phường bát âm. Tất cả những người này khiêng long đình, cùng tất cả đồ lễ, từ lăng thờ cá Ông tiến ra cửa sông để xuống một ghe riêng đã được chọn sẵn, gọi là ghe lễ. Thông thường chiếc ghe được chọn là ghe của gia chủ song toàn nhất trong vạn, không có vướng mắc gì, làm ăn phát đạt và phải là ghe mang số chẵn, trên ghe này có một bàn bày các lễ vật, gồm một con heo quay, hai đĩa lòng heo (một đĩa sống, một đĩa chín),

một đĩa bánh hời, cùng hoa quả. Hai bên cạnh con heo quay là 12 chiếc chén (bát) cùng 12 đôi đũa. Sau ghe lễ là ghe chở đoàn múa lân. Tiếp sau hai ghe này là tất cả một đoàn ghe gồm hàng trăm chiếc của ngư dân trong vịnh lạch. Trên từng chiếc ghe đều có bày đồ lễ cúng. Tất cả cùng tiến ra ngoài biển khơi, để làm lễ rước Ông. Cả ghe lễ, ghe chở đoàn múa lân và các ghe chở ngư dân, đều có thả một sợi dây xuống nước, ở cuối sợi dây có buộc một chùm giẻ ngũ sắc. Khi cả đoàn ghe ra tới chỗ giáp nước (nơi nước sông và nước biển gặp nhau) cả đoàn ghe lượn quanh nhiều vòng. Ông chánh bái bắt đầu đọc "Ông lên vọi". Ngư dân tin rằng, năm nào đoàn ghe ra khơi nghinh Ông mà gặp "Ông lên vọi", coi như là năm đó vịnh lạch gặp may mắn, làm ăn phát tài. Trường hợp không thấy tâm tích gì sau lượn vòng nhiều bận, ông chánh bái sẽ xin keo âm dương. Nếu trong một hai đồng tiền tung lên, rơi xuống mặt đĩa mà có chiếc úp chiếc ngửa thì coi như ông Nam Hải đã chấp thuận lòng thành của ngư dân. Liền ngay đó, tức là lễ rước lên một hồi tù và vang động một vùng biển, và bắt đầu đốt pháo. Tất cả hàng trăm chiếc ghe đi sau ghe lễ đều đốt pháo theo. Sự hưng khởi tốt độ của ngư dân lúc này đã khiến tất cả các ghe chạy ào ào hỗn độn. Có ghe va chạm vào các ghe khác, không sao, người dân chấp nhận sự ồn ào và hỗn độn này. Đoàn ghe nghinh Ông nào nức quay trở về bến. Đi đầu vẫn là chiếc ghe lễ. Tới bến người ta khiêng long đình, hương án và tất cả các đồ lễ lên bờ, rước về làng. Tới làng, người chánh bái, cùng phó chánh bái khiêng bát hương vừa mang ra khơi nghinh Ông, đặt lại bàn thờ. Sau khi làm các nghi thức an vị và các thủ tục

khấn vái, lễ nghinh Ông chấm dứt. Ngư dân tin rằng ông Nam Hải đã về ngự tại điện thần, chứng giám lòng thành của họ.

Sau đó, lễ tế Tiên hiền, Hậu hiền bắt đầu. Lễ vật cúng Tiên hiền là món mặn, như mọi đám giỗ tổ tiên, gồm 4 mâm xôi (3 mâm xôi trắng, một mâm xôi đỏ). Sau một hồi chiêng, một hồi trống và nhạc lễ, ông chánh bái và phó chánh bái cùng các bồi tế dâng lễ nén và hoa. Sau đó, dâng thức ăn, dâng rượu và đọc văn tế tiên hiền xin vong hồn tổ tiên cùng các cô hồn cùng về chung hưởng.

Nghi thức xây chầu đại bội là nghi thức không cố định, nghĩa là phụ thuộc vào ban tổ chức năm ấy có mời đoàn hát hội hay không? Trước khi vào xây chầu, các đào thái lay trước điện thờ ông Nam Hải. Lễ vật tại bàn thờ lúc này là một con lợn trắng, đã mổ, cạo sạch lông, quay đầu về phía bàn thờ Ông, bát huyết đặt bên cạnh, lá mỡ chà phủ lên đầu con lợn. Người cầm chầu là ông chánh bái. Dân cúng ở trong vạn chài ngồi xem hát bội ở ngay nhà võ ca. Các đào thái hát, múa dân chúng xem, cùng với nghĩa hát cho ông Nam Hải vui lòng.

Nghi thức lễ chánh tế được tiến hành vào giữa đêm ngày 16 tháng 6 (âm lịch), vào lúc giao điểm giữa hai ngày. Sau các nghi thức thông thường như cử soát tế vật, tỵ vị, chỉnh y, ban tổ chức chọn một người có tuổi, có đức độ song toàn, được mọi cư dân trong vạn lạch kính trọng, làm nhiệm vụ khai mỗ, kế đến là nghi thức khai chiêng, rồi khai trống. Ban nhạc cụ này đều được đánh theo hồi, theo nhịp đã quy định. Khi dứt nhịp trống thì dàn nhạc lễ bắt đầu nổi lên. Ông bồi tế dâng nén, hoa cho ông chánh bái.

Ông này giơ mấy nén nhang trong tay lên ngang trán, vừa đọc vừa khấn.

Sau đó, ông thắp nhang lên bàn thờ. Theo sau học trò lễ là các đào thải, vừa đi từ trái sang phải theo chiều kim đồng hồ quanh điện thần, vừa hát những câu hát chúc thần. Tiếp theo là nghi thức dâng rượu. Các học trò lễ nhận rượu từ tay ông chánh bái bước lên dâng thần. Các đào thải vừa đi phía sau học trò lễ, vừa hát chúc thần. Sau tuần rượu thứ nhất vị chánh tế bắt đầu đọc tế văn ông Nam Hải.

Sau khi đọc tế văn xong, ông chánh tế lại dâng tiếp tuần rượu thứ hai, rồi tuần rượu thứ ba cùng lời khấn. Sau khi dâng trà, bốn đào thải vái lạy trước bàn thờ ông. Cuối cùng là nghi thức đốt văn tế. Tất cả, ban khánh tiết, học trò lễ, đào thải vái lạy Ông lần cuối. Nghi thức chánh tế kết thúc, đồng thời cũng là kết thúc lễ hội Nghinh Ông của người dân vạn lạch.

*** Lễ hội Làm chay ở Tầm Vu**

Nhằm duy trì và phát huy tập tục truyền thống địa phương, hàng năm nhân dân thị trấn Tầm Vu (Châu Thành, Long An) tổ chức lễ hội Làm chay vào thời điểm trung tuần tháng Giêng âm lịch (ngày 16 tháng 1). Đây là ngày lễ hội dân gian cổ truyền mang bản sắc riêng của nhân dân địa phương. Mục đích chính của lễ hội là khôi phục các giá trị truyền thống dân gian, cầu mong mưa thuận gió hòa, nhân dân sống trong cảnh thái bình, an tâm lao động sản xuất đạt vụ mùa bội thu.

Khu hành chính lễ chính tại đình Tân Xuân. Trước đó, thanh niên trai tráng trong vùng đã dựng sân khấu lễ hội.

Ông Tiêu diện Đại sĩ - biểu hiện cho vụ mùa bội thu được thiết kế trước khoảng một tuần. Trước khi lễ diễn ra, một đoàn người thỉnh Ông Tiêu từ Linh Phước tự về chùa Ông để một đêm sau đó rước về đài Chiến sĩ. Tại Giàn Ông Tiêu (Giàn thí thực) một con heo quay (lớn nhỏ tùy theo năm vụ mùa có bội thu) được bày ra cùng bánh trái, nhang đèn. Bên ngoài sân lễ, các hoạt động khác diễn ra sôi nổi. Dưới nước ghe đang được trang trí lộng lẫy di rước vong linh bá tánh ở sông Tầm Vu. Trên bộ thì đoàn Tam Tạng đi thỉnh kinh theo quan niệm tâm linh là nhằm đánh động yêu quái trừ tà ma, bệnh tật cho dân lành... Sau đó tất cả các đoàn tập trung về khu hành lễ chính.

Đúng 24 giờ đêm ngày 16 tháng 1 là xô giàn Ông Tiêu. Người đi lễ tranh nhau giành đồ cúng mong tìm được chút lộc đầu năm. Ai tranh được cái lưỡi của Ông Tiêu là năm đó làm ăn phát tài nên mọi người chen nhau tìm. Sau 24 giờ, mọi nghi lễ đã xong xem như bá tánh đã chứng cho tấm lòng của người dân thị trấn Tầm Vu, một tàu tổng gió sẽ đưa ra sông cho mọi thứ trở về chốn cũ.

Theo tín ngưỡng của nhân dân địa phương, tháng Giêng là tháng hội hè, vụ mùa gặt hái đã xong bà con có của ăn của để nên tổ chức cúng tế cho vong linh bá tánh. Ngày hội Làm chay đã trở thành một tập tục lâu đời để con em người Tầm Vu có dịp hội tụ cùng nhau.

• Lễ hội Gò Tháp - nét văn hoá đặc sắc

Lễ hội Gò Tháp là lễ hội lớn và quy mô nhất Đồng Tháp, tổ chức mỗi năm 2 lần vào tháng 3 và tháng 11 âm lịch. Từ 10 năm nay lễ hội Gò Tháp đã trở thành một lễ hội

tâm cơ ở các tỉnh Nam Bộ. Cứ mỗi độ lễ hội, dường như nhịp sống của người dân huyện Tháp Mười cũng khác đi, cũng hồi hả, nhộn nhịp theo từng đoàn khách thập phương từ các nơi lũ lượt kéo về với đủ mọi phương tiện: tàu, ghe, xe lam, xe khách...

Lễ hội ở Gò Tháp có 2 phần rõ rệt: phần nghi thức cúng lễ và phần hội hè. Ngoài các lễ cúng chính trong mỗi kì hội như cúng Bà Chúa xứ, cúng Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều còn có một số lễ phụ khác như: cúng Thần nông, lễ cầu an, lễ thỉnh sinh... Mỗi nội dung lễ cúng có nghi thức hành lễ không giống nhau nhưng có nét chung nhất là đều có bài văn tế do bộ lão chánh bái vừa đọc vừa diễn; kèm theo là các tiết mục lễ nghi phụ họa như: dàn nhạc lễ réo rất, dâng trà, rượu, hương... Nội dung văn tế là ca ngợi công đức của các bậc tiền nhân hay cầu khẩn đất trời cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Trong khi đó, phần hội hè có nhiều tiết mục vui chơi giải trí rất hấp dẫn như múa hát, trò chơi dân gian, hát bội, đấu võ... khiến bạn như quên đi những lo toan của cuộc sống hàng ngày để hoà vào không khí lễ hội nô nức, rộn ràng vui tươi...

*** Hội đình Định Yên**

Đình Định Yên được xây dựng vào năm Canh Tuất 1909 tại ấp An Lợi A, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp để ghi nhớ công ơn ông Phạm Văn An, người đầu tiên khai hoang lập ấp nơi đây.

Hàng năm vào các ngày 16, 17 tháng 4 và 15, 16 tháng 11 âm lịch, tại đây diễn ra lễ cúng đình rất long trọng để

tưởng nhớ ông Phạm Văn An và những người có công khai hoang, lập nên làng xã. Nếu đến thăm đình Đình Yên vào đúng dịp này, bạn sẽ được chứng kiến đầy đủ những nghi thức truyền thống của một hội cúng đình như: đội kỵ mã, đội lân, đội lính hầu, học trò lễ, chiêng, trống, nhạc, lễ...

*** Lễ giỗ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc**

Di tích cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc nằm cạnh chùa Hoà Long, ngay trong nội ô của thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Hàng năm cứ vào ngày 27 tháng 10 âm lịch, bà con xa gần ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và các nơi hội tụ về đây tổ chức lễ giỗ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc trong không khí trang nghiêm, trọng thể, đông vui như một ngày hội lớn mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

*** Hội đình Tân Phú Trung**

Cách thị trấn Châu Thành 17km, đình Tân Phú Trung tọa lạc trên khuôn viên rộng 3.000m², giữa một vùng quê trù phú, cây trái xum xuê của xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp. Là một trong những ngôi đình cổ của Đồng Tháp, đình được xây dựng vào giữa thế kỉ XIX và được vua Tự Đức phong sắc Thành Hoàng Bốn Cảnh vào ngày 16 tháng 4 năm 1858 âm lịch. Nghi thờ trước thờ Quan Thánh Đế, nghi thờ sau ở giữa thờ Thành Hoàng bốn cảnh và hai bên thờ những người đã đóng góp công lao cho đình làng.

Hàng năm, hội cúng đình được tổ chức vào các ngày từ 10 đến 17 tháng 4 âm lịch (năm chẵn) hoặc các ngày 12, 13

tháng 5 âm lịch (năm lẻ) để suy tôn Thành Hoàng và những người có công lập làng. Vào dịp này, nhân dân trong xã và các xã lân cận đến dự rất đông vui, tấp nập, cùng nhau cầu nguyện mưa thuận gió hoà, mùa màng thắng lợi. Đây là một nét đẹp văn hóa, giúp cho bà con gần gũi và đoàn kết hơn.

*** Lễ hội chiến thắng Ấp Bắc**

Ngày 2 tháng 1 dương lịch hàng năm, tại di tích xã Tân Phú, huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang. Trận Ấp Bắc là trận đánh lịch sử, bẻ gãy các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận của Mỹ. Người dân tổ chức lễ hội nhằm ghi nhớ và biết ơn các thế hệ đi trước đã dùng máu xương của mình để dành lại hòa bình cho thế hệ sau. Các năm chẵn được tổ chức quy mô lớn, có các lực lượng vũ trang và hàng vạn đồng bào tham gia, đây là dịp giáo dục truyền thống và giao lưu văn hóa.

*** Lễ hội Nam Kỳ khởi nghĩa**

Diễn ra ngày 23 tháng 11 hàng năm, tại đình Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 11 năm 1940, trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, đình Long Hưng là trụ sở của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho, lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên được treo tại đình này. Các năm chẵn, lễ hội được tổ chức quy mô lớn, có cắm trại, mít tinh, biểu diễn văn nghệ, thi làm bánh, chưng nghi...

*** Lễ giỗ anh hùng dân tộc Trương Định**

Diễn ra vào ngày 20 tháng 8 dương lịch hàng năm.

Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định tuần tiết ngày 20 tháng 8 năm 1864. Lễ giỗ được tổ chức tại đền thờ Trương Định (tại thị xã Gò Công), đình Gia Thuận (huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) với quy mô lớn, khách nhiều tỉnh hàng năm đều về dự lễ. Ở thị xã Gò Công có thêm lễ rước linh và dâng hoa tại tượng đài anh hùng dân tộc Trương Định.

*** Lễ giỗ anh hùng dân tộc Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân**

Diễn ra vào rằm tháng tư âm lịch hàng năm.

Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân bị giặc Pháp xử chém tại quê nhà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Lễ giỗ được tổ chức tại đền thờ Nguyễn Hữu Huân, thuộc xã Hoà Tịnh, huyện Chợ Gạo. Hàng năm đều có các ban ngành trong và ngoài tỉnh, nhân dân trong huyện, học sinh các trường và bà con dòng tộc về dự lễ.

*** Lễ giỗ Tứ Kiệt**

Diễn ra vào ngày 25 tháng chạp âm lịch hàng năm.

Tứ Kiệt là 4 vị anh hùng: Nguyễn Thanh Long, Trần Công Thận; Trương Văn Rộng, Ngô Tấn Đức, bị giặc Pháp xử chém ngày 14 tháng 2 năm 1871 tức ngày 25 tháng chạp năm Canh Ngọ. Lễ giỗ được tổ chức tại Lăng Tứ Kiệt (thị trấn Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Các năm chẵn, lễ giỗ được tổ chức quy mô, có các ban ngành trong tỉnh tham gia.

*** Lễ hội Nguyễn Đình Chiểu**

Lễ hội Nguyễn Đình Chiểu mang ý nghĩa văn hóa - lịch sử được tổ chức vào ngày 1 tháng 7 hàng năm

tại cụm đền thờ, mộ nhà thơ tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre với hàng ngàn người tham dự. Thường trong dịp này, có những đoàn khách của tỉnh bạn, của một số ngành Trung ương về cùng tham dự. Từ 1975 sau ngày giải phóng đến nay, chính quyền địa phương với sự hỗ trợ của Bộ Văn hóa – Thông tin đã đầu tư công sức, tiền bạc để tôn tạo khu vực này thành một di tích lịch sử có giá trị mang ý nghĩa giáo dục về tinh thần yêu nước, thương dân. Nguyễn Đình Chiểu không chỉ là một nhà thơ có tầm cỡ của nửa sau thế kỷ XIX, mà còn là một nhà giáo, một thầy thuốc giàu tâm huyết, ông là một tấm gương sáng ngời cho các thế hệ mai sau.

***Lễ hội Lăng Ông ở Trà Ôn**

Lăng Ông - theo cách gọi đã quen thuộc từ nhiều đời của người dân địa phương, là khu di tích văn hóa lễ hội đình thần, tọa lạc tại giồng Thanh Bạch thuộc ấp Mỹ Hòa, xã Thiện Mỹ, cách thị trấn Trà Ôn (tỉnh Vĩnh Long) khoảng 2km. Đây là nơi phần mộ và miếu thờ phụng để tri ân, cầu phước bởi công đức của một ông quan triều đình nhà Nguyễn là ông Nguyễn Văn Tồn. Khu lăng mộ, miếu thờ này đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích văn hóa.

Hiện nay ngày giỗ đầu tháng Giêng hàng năm, được gọi là Lễ hội Lăng Ông, mang ý nghĩa cầu phước vào những ngày xuân và quan Thống chế Điều bát Nguyễn Văn Tồn trở thành vị phúc thần của bà con ba dân tộc: Kinh, Khơ-me, Hoa.

Đây cũng là địa chỉ du lịch văn hóa lễ hội đình làng truyền thống, đã được du khách thập phương ghé đến

thường ngoạn phong cảnh, thắp hương cầu may và được xem nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật dân gian, làm phong phú thêm nhu cầu tâm thức, tâm linh và nâng cao vốn hiểu biết về văn hóa các vùng quê thuộc miệt vườn Nam Bộ.

***Nguyên tiêu thắng hội**

Nguyên tiêu thắng hội, hay lễ hội Cúng Ông Bảo, diễn ra vào ngày 14 và 15 tháng 1 âm lịch hàng năm, tại Phước Thắng cung, xã Đại An, huyện Trà Cú, cách thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh hơn 40 km về hướng tây nam.

Ông Bảo hay Bảo Sanh đại đế, theo tín ngưỡng dân gian Trung Hoa, là vị thần cai quản sức khỏe, tính mạng con người nên lễ hội Cúng Ông Bảo thu hút đông đảo bà con người Hoa ở Trà Vinh và các tỉnh lân cận về tham dự.

Nghi thức Ông Bảo về “đạp đồng lên xác” dùng dao rạch lưỡi, lấy máu vẽ bùa trong khung cảnh huyền bí, linh thiêng luôn được hàng ngàn người trẩy hội chờ đón.

***Vu Lan thắng hội**

Thờ Ông Bồn là một tín ngưỡng đặc trưng của cộng đồng người Hoa tại Đông Nam Á. Vạn Niên Phong cung là ngôi chùa thờ Ông Bồn tiêu biểu tại thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Tại đây, từ ngày 25 đến ngày 28 tháng 7 âm lịch hàng năm (Hăm lăm vào đám, Hăm tám ra giàn), diễn ra lễ hội Cúng Ông Bồn, hay còn gọi là Vu Lan thắng hội. Vu Lan thắng hội Cầu Kè có rất nhiều lễ thức mang tính văn hóa, tôn giáo nhưng độc đáo nhất, thu hút nhiều người tham gia.

Vu Lan thắng hội Cầu Kè là một trong những lễ hội dân gian tiêu biểu của cộng đồng các dân tộc ở Trà Vinh.

*** Lễ Ramadan của đồng bào Chăm Islam**

Lễ hội mừng tháng Ramadan là tháng 9 trong Hồi lịch (tính theo mặt trăng). Đây là một trong 5 tín điều bắt buộc đối với tín đồ Hồi giáo, một trong 6 tôn giáo lớn được công nhận chính thức trong cộng đồng tôn giáo tại Việt Nam. Theo nghi lễ, trong suốt tháng Ramadan, tất cả tín đồ thực hiện nhịn ăn, nhịn uống (ban ngày) để tiết chế cảm dục vật chất và đồng cảm với sự khắc nghiệt của đói nghèo.

Ngay sau tháng Ramadan kết thúc là lễ mừng Roya. Roya chỉ diễn ra trong ba ngày (từ ngày mừng 1 đến ngày mừng 3 tháng 10 Hồi lịch), nhưng với đồng bào Chăm, đó là mùa yêu thương: Ngoài việc bố thí cho người nghèo, các thành viên trong gia đình cùng nhau đi chúc mừng, xin xoá tội cho nhau...

*** Lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam**

Núi Sam nằm cách thị xã Châu Đốc (tỉnh An Giang) 5 km, là nơi có quần thể di tích lịch sử văn hoá với chùa cổ Tây An, miếu Bà Chúa Xứ, chùa Hang, lăng Thoại Ngọc Hầu...

Miếu Bà Chúa Xứ nằm dưới chân triển đông núi Sam, mặt chính hướng về núi, mặt sau tiếp giáp cánh đồng bên bờ kênh Vĩnh Tế. Từ cao nhìn xuống Miếu Bà như đoá sen xanh vươn lên khoe sắc trong vườn hoa kỳ lạ.

Miếu Bà là một di tích kiến trúc nghệ thuật có tiếng ở miền Nam, cũng chính từ ngôi miếu này đã nảy sinh ra bao truyền thuyết và lễ hội mà người đời truyền tụng.

Trong lễ vía Bà được tiến hành theo các bước sau:

- Lễ tắm Bà được tổ chức vào lúc 24 giờ đêm 23 rạng ngày 24. Lễ tắm Bà thường kéo dài khoảng một giờ, sau đó mọi người được tự do lễ bái.

- Lễ thỉnh sắc Thoại Ngọc Hầu về Miếu Bà được tiến hành vào lúc 15 giờ ngày 24.

- Lễ Túc Yết được tổ chức 0 giờ ngày 25 rạng ngày 26. Sau đó là đến Lễ xây châu.

- Lễ Chánh tế diễn ra vào khoảng 4 giờ sáng ngày 26.

- Chiều ngày 27 đưa sắc Thoại Ngọc Hầu về Sơn Lăng. Chương trình hát bộ chấm dứt. Kết thúc cúng vía Bà.

Trong dịp này còn có hát tuồng, hát bội, các hoạt động văn hoá nghệ thuật dân gian được biểu diễn như múa lân, múa mâm thao, múa đĩa chén... không kém phần đặc sắc và thu hút nhiều du khách.

***Lễ hội Hát Gi (Haji hay còn gọi Roya Hadji)**

Là lễ hội của cộng đồng người Chăm theo đạo Hồi, ở các tỉnh An Giang, Tây Ninh, Đồng Nai, thờ thượng đế Allah. Lễ được tổ chức từ ngày 7 đến 10 tháng 12 (hồi lịch) tại các thánh đường Hồi giáo. Hàng năm ở An Giang lễ hội Hát Gi diễn ra tại chùa Chăm Châu Giang xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân.

Vào ngày lễ, toàn thể tín đồ phải lắng nghe ông Khojip nói lại sự tích ngày thánh Lbrôhim. Buổi tối, tổ chức cuộc thi đọc kinh Coran và chấm giải nhất cho ai đọc hay và thông suốt. Sau phần hành lễ, người Chăm thường tổ chức các cuộc vui chơi, sinh hoạt văn hóa thể thao như ca hát,

dua ghe... Giống như Tết của người Việt, đây là dịp để mọi người thăm viếng, vui chơi và chúc mừng, cầu nguyện điều lành cho nhau.

*** Lễ hội Quán Âm Nam Hải**

Trong ba ngày 22 đến ngày 24 tháng 3 âm lịch hàng năm tại phường Nhà Mát, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, lễ hội vía Bà Nam Hải đã diễn ra rất long trọng, thu hút hàng chục ngàn lượt khách.

Lễ hội Quán Âm Nam Hải được tổ chức trang trọng và diễn ra trong ba ngày với nhiều nghi lễ truyền thống như: Lễ cầu quốc thái dân an, Phật tử dâng hương cầu an, tế Anh hùng tử sĩ, thỉnh thánh, thuyết pháp... đêm đến có chương trình văn nghệ, hát bội...

Quán Âm Phật Đài là lễ hội mang màu sắc văn hóa Phật giáo, là một trong những lễ hội văn hóa tâm linh nổi bật ở Bạc Liêu. Ngoài việc đến với lễ hội, du khách có thể du ngoạn, chiêm ngưỡng cảnh sắc thiên nhiên rất đặc thù ở vùng đất Bạc Liêu.

*** Lễ hội kỷ niệm Tao đàn Chiêu Anh Các**

Lễ hội được tổ chức vào Tết Nguyên tiêu rằm tháng giêng hàng năm, tại Lăng Mạc Cửu, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Tao đàn Chiêu Anh Các là một hình thức sinh hoạt câu lạc bộ văn thơ, được hình thành từ năm 1736, do Sĩ Lâm Mạc Thiên Tích thành lập, gồm có các hoạt động: sáng tác, xướng họa, bình phẩm thơ văn. Trong đó có tác phẩm tuyệt tác là tập thơ “Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh” bằng chữ Nôm.

II. CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

* Làng nghề dệt chiếu thảm lát Định Yên

Không chỉ là quê hương của đồng lúa, vườn cây, làng quê trù phú, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp còn là nơi có làng nghề dệt chiếu nổi tiếng ở 2 xã Định An, Định Yên, nhất là Định Yên - nơi mà 70% hộ dân theo nghề làm chiếu.

Dệt, đan chiếu thảm từ cây lát là nghề sản xuất thủ công có tiềm năng to lớn ở Đồng Tháp với lực lượng lao động sẵn có, cùng với nguồn nguyên liệu tại chỗ rất dồi dào là cây lát. Người dân Định Yên hộ nào cũng có từ 1-2 khung dệt trở lên. Nghề dệt chiếu tuy thăng trầm vất vả nhưng người dân Định Yên với nghề cha truyền con nối vẫn một lòng cần mẫn để tiếp tục duy trì và phát triển làng nghề truyền thống. Hàng năm các hộ ở đây sản xuất ra hàng triệu sản phẩm tiêu thụ khắp vùng Đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ.

Sản phẩm chiếu Định Yên có rất nhiều chủng loại, kích cỡ, mẫu mã phong phú, gồm: chiếu bông vuông hình con cò, chiếu bông đồng phòng hoa chúc, chiếu Trà Niên, chiếu trắng, chiếu hoa văn, chiếu vẩy ốc... Mỗi loại chiếu có chiều dài thống nhất là 2m, còn chiều ngang từ 1,4 - 1,6m, giá cả rất hợp lý.

Hiện nay, huyện Lấp Vò đã có những dự án thiết thực để hỗ trợ phát triển ngành nghề, xây dựng thương hiệu "chiếu Định Yên". Làng nghề dệt chiếu Định Yên cũng được quy hoạch trong đề án phát triển dịch vụ du lịch gắn với làng nghề nông thôn của huyện Lấp Vò giai đoạn 2005 - 2010.

***Nghề chế biến bánh phồng tôm Sa Giang**

Nói về đặc sản miền Tây, sẽ là thiếu sót nếu không nhắc đến bánh phồng tôm Sa Giang, Đồng Tháp. Hàng năm, con sông Tiền thơ mộng đã cung cấp cho Sa Đéc một lượng tôm cá dồi dào, nguyên liệu chính của bánh phồng tôm Sa Giang nổi tiếng khắp trong và ngoài nước.

Từ con tôm nước ngọt như tôm tích, tép mòng, tép rông... qua bàn tay chế biến khéo léo của con người đã trở thành bánh phồng tôm Sa Giang, sản phẩm truyền thống đặc trưng của địa phương Đồng Tháp. Bánh được làm từ bột, thịt tôm xay nhuyễn và một ít hạt tiêu giã nhỏ. Các thành phần nguyên liệu sau khi trộn với nhau sẽ được nhồi vào những chiếc túi vải dạng hình ống dài. Sau khi hấp chín, người ta cắt ra từng lát tròn mỏng rồi đem phơi khô. Những chiếc phồng tôm nhỏ đó đem chiên giòn với dầu ăn nóng, bánh sẽ nở to ra, có độ giòn, xốp, béo ngậy.

Hiện nay có nhiều loại bánh phồng được sản xuất, không chỉ đơn thuần là từ tôm, khá đa dạng như: bánh phồng cá, bánh phồng mực, bánh phồng cua v.v... được người tiêu dùng ưa chuộng về chất lượng, bảo đảm tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Các sản phẩm này không những được ưa chuộng trong nước, thêm vào đó đang đẩy mạnh xuất khẩu sang nước ngoài và khẳng định thương hiệu bánh phồng Sa Giang.

***Nghề làm bột ở Sa Đéc**

Thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp là một trong những đầu mối trung chuyển lương thực lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long và là địa phương nổi tiếng với làng

nghề làm bột gạo, làng nghề này được hình thành và phát triển từ nửa thế kỉ nay.

Với lực lượng lao động đông đảo và sản lượng bột hàng năm lớn, làng bột Sa Đéc là nơi cung ứng chủ yếu cho nhu cầu tiêu thụ của Thành phố Hồ Chí Minh và khắp vùng Đông, Tây Nam Bộ, xuất khẩu ra cả các nước Đông Nam Á.

Sản phẩm bột gạo ở đây được chia thành 2 loại: bột tươi, ướt, được cung cấp trực tiếp cho các nhà máy, cơ sở chế biến thực phẩm; bột khô dùng để dự trữ, chế biến dần. Từ bột gạo, người ta chế biến ra hàng chục mặt hàng thực phẩm rất hấp dẫn, không thể thiếu trong đời sống hằng ngày như phở, hủ tiếu, bún, các loại bánh, các sản phẩm ăn liền...

Bột lọc Sa Đéc còn nổi tiếng với bí quyết sản xuất gia truyền, độc đáo. Các thực phẩm được chế biến từ bột lọc Sa Đéc có chất lượng tuyệt vời, dai mà mềm, thơm ngon đặc trưng, khiến bạn ăn một lần nhớ mãi.

Hiện nay, nhà máy bột Bích Chi ở số 45 quốc lộ 80 thị xã Sa Đéc là nhà máy sản xuất bột lớn nhất tại Đồng Tháp, với sản phẩm mang nhãn hiệu “bột Bích Chi” đã có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước từ những năm trước 1975, ngày đang khẳng định thương hiệu của mình.

***Nghề làm nem ở Lai Vung**

Huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nổi tiếng khắp vùng đồng bằng Nam Bộ với nghề làm nem truyền thống. Nằm ở phía bắc sông Hậu, làng nghề làm nem ở Lai Vung được hình thành hơn 60 năm nay và là một trong những làng

nghề lâu đời nhất ở địa phương, nằm trong số gần 30 làng nghề được tỉnh Đồng Tháp công nhận.

Đặc sản nem Lai Vung từ lâu đã nổi tiếng với hương vị ngon đặc biệt. Nghề làm nem cũng lắm công phu, làm ra một chiếc nem phải trải qua rất nhiều công đoạn. Thịt làm nem là thịt heo đưa vào cối đá quết nhuyễn, da heo được lạng nhỏ thành từng miếng. Trộn lẫn các thứ thịt, bì, tiêu, ớt, lót kèm lá vông xong người ta gói lại bằng lá chuối tươi để từ 3 đến 4 ngày cho lên men ở nhiệt độ khoảng 27-30°C. Nem làm ngon và đúng cách phải đủ 8 phần thịt, 2 phần bì, thịt lợn phải tươi, gia vị phải cân đối, gói thật đều tay.

Một khi đã tới địa phận Đồng Tháp hẳn bạn không thể quên mua vài chục nem Lai Vung về làm quà cho bạn bè và người thân.

***Làng nghề dệt chiếu Long Định**

Ở xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp trước đây và hiện nay luôn giữ được nghề dệt chiếu cha truyền con nối và phát huy được thương hiệu chiếu Long Định trên thị trường cả nước. Nghề dệt chiếu ở đây tồn tại trên dưới 50 năm. Theo thời gian cùng sự phát triển của cuộc sống xã hội và thương trường, chiếc chiếu Long Định vẫn luôn khẳng định chất lượng và tên tuổi. Sau khi được tỉnh công nhận làng nghề và đầu tư cơ sở hạ tầng làng nghề, chiếc chiếu Long Định thật sự trở thành nguồn thu nhập chính trong đời sống của người lao động, hàng chục ngàn chiếc chiếu được đem ra thị trường vào mỗi năm, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trong vùng.

***Làng nghề đóng tủ thờ**

Làng nghề nằm tại xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Theo những bậc cao niên cố cựu ở đây, nghề đóng tủ thờ đã được hơn một trăm năm. Hiện nay, nghề đóng tủ thờ ở đây ngày càng phát triển, tạo thành một làng nghề nổi tiếng. Trên những chiếc ghe chài, tủ thờ của xã Tân Trung được chở đi bán ở khắp nơi; và được khách hàng rất ưa chuộng. Thương hiệu "tủ thờ Gò Công" xuất hiện từ khi đó.

Hiện nay, làng nghề đóng tủ thờ xã Tân Trung làm ăn ngày càng phát đạt. Sản phẩm không chỉ được tiêu thụ mạnh trong nước; mà còn xuất khẩu ra nước ngoài. Đặc biệt, tủ thờ Gò Công đã được bài trí rực rỡ và tôn nghiêm tại đền thờ các Vua Hùng ở tỉnh Phú Thọ và đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại quê của Người ở làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

***Làng nghề bánh phồng mì**

Nằm tại xã Đông Hòa Hiệp và khu 4 thị trấn Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong những ngày nắng tốt và vào dịp cận Tết Nguyên đán cổ truyền sẽ thấy không khí quết và làm bánh phồng sôi động ở cả làng. Được Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng, điện, đường, trạm cấp nước khép kín, bà con lao động trong làng nghề rất phấn khởi làm ăn. Hàng năm, làng nghề sản xuất và cung cấp số lượng lớn bánh phồng mì cho thị trường trong nước, nhiều nhất là trong dịp Tết Nguyên đán và cũng là địa chỉ du lịch tham quan nghề thủ công truyền thống của các tour du lịch lý hành quốc tế.

*** Nghề làm nón**

Trên địa bàn huyện Châu Thành còn có tới 3 làng nghề nữa cũng có truyền thống lâu đời và có thương hiệu nổi tiếng trên thị trường trong và ngoài nước. Các làng nghề: làng nghề nón bàng buồng Thân Cửu Nghĩa, làng nghề tiểu thủ công nghiệp Tân Lý Tây và làng nghề tiểu thủ công nghiệp - nón bàng buồng Tân Lý Đông. Ba làng nghề này trước nay có đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của địa phương và đem kim ngạch ngoại tệ về cho đất nước thông qua việc xuất khẩu trực tiếp cho khách hàng nước ngoài như hiện nay.

*** Làng nghề bún bánh và hủ tiếu Mỹ Tho**

Hủ tiếu Mỹ Tho một thương hiệu nổi tiếng của đất và người Mỹ Tho trên 50 năm qua cho đến tận ngày nay. Hạt gạo được làm ra từ đồng đất Gò Cát, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho đem đi làm bột rồi chế biến thành hủ tiếu thì rất ngon, rất dai và thơm. Làng nghề bún bánh và hủ tiếu Mỹ Tho xuất hiện từ đây cho đến nay và không ngừng phát triển, giữ lấy hương vị quê nhà, thương hiệu của sản phẩm và là món ăn không thể thiếu đối với bao người xa gần dùng làm điểm tâm hàng ngày.

*** Làng nghề đan lát Phú Lễ, huyện Ba Tri**

Theo những người ở làng thì nghề này đã tồn tại không dưới trăm năm. Thế nhưng, không ít hộ làm nghề này vẫn xác định đây là nghề phụ, để họ tranh thủ thời gian nhàn rỗi kiếm thêm thu nhập sau những giờ làm việc đồng áng, chăn nuôi.

Sản phẩm đa dạng về chủng loại và mẫu mã, kích cỡ như: bọ, bung, rổ, rế, cần xé, lơ, lóp, nơm cá. Hiện nay chính quyền địa phương đang tập trung chú trọng mở rộng và đa dạng hoá loại hình đan lát như: tạo sản phẩm lưu niệm, phục vụ du lịch, lễ hội văn hóa truyền thống. Đây cũng là một trong những hình thức duy trì và đẩy mạnh văn hóa làng nghề truyền thống ở Phú Lễ nói riêng và Ba Tri nói chung (Phú Ngãi, Phước Tuy, Tân Xuân) một cách có hiệu quả, từ đó càng góp phần ổn định kinh tế, mang lại công ăn việc làm ổn định cho người dân, và quan trọng hơn là không để mai một đi một làng nghề truyền thống.

***Bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc**

Hiện nay mỗi lái các tỉnh hàng ngày vẫn về Mỹ Lồng (xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre) nhận bánh rồi tỏa đi khắp nơi.

Bánh Mỹ Lồng nổi danh nhất là loại bánh tráng dừa vừa béo vừa xốp, vừa đặt lên lò than đã tỏa hương thơm lừng. Thứ bánh tráng dừa đó, dân Mỹ Lồng chia làm ba loại, bánh đặc biệt có sữa, trứng gà, dừa; bánh ngang chỉ có dừa không sữa; bánh sữa không dừa... Công việc của nghề làm bánh tráng bắt đầu từ lúc ba giờ chiều là ngâm bột, nạo dừa. Khuya đến xay bột, ép nước cốt, gấn sáng tráng bánh đi phơi. Nói thì đơn giản, nhưng để có một cái bánh tráng vừa tròn, vừa mỏng đều phải nhờ bàn tay khéo léo và biết bao giọt mồ hôi... Lúc trước, bánh tráng Mỹ Lồng được làm từ gạo địa phương, pha thêm nếp cho có độ

dẻo vừa phải. Về sau, bánh Mỹ Lồng còn có thêm loại bánh nem (bánh tráng cuốn) vừa mỏng, vừa dai, vừa tay cuốn. Loại bánh nem này hiện có mặt ở rất nhiều các nhà hàng sang trọng chốn thị thành.

Từ Mỹ Thạnh đi tiếp về hướng Ba Tri 10km, gặp ngã ba có bày bán thật nhiều dừa, rẽ tay phải chưa đầy cây số là về đến Sơn Đốc.

Chỉ với ba, bốn lò bánh trong vòng vài chục năm trước đây, bánh phồng Sơn Đốc vẫn giữ vững được truyền thống và danh tiếng của mình. Trong cả thế kỷ trước, tám bánh phồng Sơn Đốc thơm lừng, vừa ngọt, vừa giòn, vừa bùi vừa béo vẫn là thứ quà mà trẻ nhỏ ở những vùng quê miền tây trông đợi khi bà, khi mẹ đi chợ về. Bánh phồng Sơn Đốc nổi danh hơn cả cũng với thứ bánh phồng dừa ngọt, dù bây giờ có nhiều loại khác như bánh hành, bánh mặn... Có lẽ làm bánh phồng còn cực hơn cả bánh tráng. Nguyên liệu chính được làm từ nếp, nhưng phải đồ thành xôi, cho vào cối "quết" nhuyễn cùng với các phụ liệu khác, rồi mới cán mỏng đem phơi.

Ngày càng phát triển, đó là niềm vui chung và lớn nhất của làng nghề Mỹ Lồng, Sơn Đốc. Số lượng những lò bánh cứ ngày một tăng lên, càng ngày càng có nhiều máy móc, phương tiện khoa học kỹ thuật đưa vào phục vụ cho nghề truyền thống...

Người làm bánh Mỹ Lồng đã có dịp tham quan những làng nghề bánh tráng ở Củ Chi, Trảng Bàng, để học hỏi kinh nghiệm công nghệ... Dân Mỹ Lồng đã đầu tư cơ giới hóa giúp làm bánh nhanh hơn, đều và hiệu quả hơn.

***Làng gạch ngói, gốm mỹ nghệ tỉnh Vĩnh Long**

Trong 11 làng nghề “đúng tiêu chí” quy định, Vĩnh Long đã có tới 8 làng gạch ngói - gốm mỹ nghệ. Nhiều nhất ở huyện Mang Thít, rồi đến Long Hồ, thị xã Vĩnh Long.

Nếu làng nghề gạch ngói có lâu, thì “vương quốc gốm” nằm vắt bên dòng Cổ Chiên trẻ hơn, chỉ ngoài 20 năm tuổi. Gốm đỏ Vĩnh Long là kết tinh từ bàn tay lao động cần cù, sáng tạo và nguồn sét đặc trưng vùng châu thổ. Gốm đỏ đã tạo nên làng nghề mới hiện đang lớn mạnh, sôi động và trở thành một trong những sản phẩm xuất khẩu mũi nhọn của tỉnh, với hơn 23.000 lao động.

Đến làng gốm, dọc tỉnh lộ, xe tải đủ loại nằm chờ hàng, công nhân thì tất bật khuân khuân, vác vác. Trong xưởng, thợ in, xu, chà cần mẫn làm việc. Vài nghệ nhân ngồi đăm chiêu “vọc đất”, tìm ý tưởng cho mẫu gốm mới: một nét phá cách, một tác phẩm trừu tượng, hay một thôn nữ miệt sông nước trong trăng và thánh thiện? Yêu đất, người thợ đến làng nghề gốm đỏ để mưu sinh, để “vượt lên chính mình”, để ở lại đây và để yêu nhau nữa. Sức sống của làng nghề mới bắt đầu từ đây.

***Nước mắm rươi**

Từ ngàn xưa, khi công nghiệp chế biến nước mắm chưa có, cư dân ở Trà Vinh tự chế biến các loại nước mắm để dùng. Các loại nước mắm (dùng làm nước chấm) này gồm có: nước mắm cá (nguyên liệu từ những con cá như: cá lóc, cá sặc, thuộc loại cá đồng, cá cơm, cá mè gà, cá đối, cá kiền, thuộc loại cá biển), nước mắm tôm (nguyên liệu từ con tôm - loại dẹt), nước mắm ruốc (làm bằng con ruốc). Đặc biệt có

loại nước mắm mang tính đặc trưng ở Trà Vinh là nước mắm rươi (làm bằng con rươi), rất được dân ưa chuộng.

Rươi là một loài sên đất. Chúng sống dưới mặt đất thuộc vùng nước mặn, ngập mặn, cập theo sông rạch, bãi bồi ven biển. Hình dạng con rươi nhỏ chừng cây diêm quẹt, dài từ một tấc rưỡi trở lại, thân mềm nhũn. Khi còn sống con rươi mang màu máu tươi, trong suốt. Rươi là một loài động vật tự sinh sản trong tự nhiên, không phải mất công nuôi dưỡng. Nhưng khi chế biến chúng thành nước mắm thì lại là loại nước mắm có giá trị thơm ngon bậc nhất, nước mắm cao cấp, cho ta lượng đạm cao, nhiều bổ dưỡng và hấp dẫn khẩu vị.

Công thức chế biến nước mắm rươi của cư dân ở đây cũng đơn giản thôi. Trung bình cứ một đôi rươi bằng 40 lít khi mới vớt lên, pha 8 lít muối hột cộng 20 lít nước lã, u trong lu hoặc trong mái dầm, rồi đem phơi nắng khoảng 10 đến 15 ngày là ăn được. Điểm lưu ý là khi con rươi bị phân huỷ, nổi giề trên mặt lu nhưng đặc biệt là đám ruồi lẩn không hề dám bén mảng tới. Đúng ngày ăn được ta vớt lớp xác nổi trên mặt thì thấy nước mắm hiện ra một màu vàng óng của mật ong. Đó là nước mắm cốt, ngon nhất, bốc lên mùi thơm dịu. Ta chỉ cần vắt thêm vào miếng chanh, dầm tí ớt là có thể dùng làm nước chấm cho các loại thức ăn là rất ngon miệng, thậm chí chan cơm nguội ăn cũng rất ngon. Đó là ngày xưa, còn hiện nay, do nguyên liệu khan hiếm và trong một chừng mực nhất định, nước mắm rươi đã trở thành hàng hoá trong nền kinh tế thị trường, người tiêu dùng không được ăn loại nước mắm cốt đậm đặc nữa, mà người ta pha chế kém chất lượng, đã làm giảm đi giá trị loại nước mắm đặc trưng, cao cấp này.

***Làng cốm dẹp Ba So**

Làng cốm dẹp Ba So nằm tại xã Nhị Trường, Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Người dân Khơ-me làm cốm từ nếp mùa, thơm ngon, sản xuất quanh năm với sản lượng lớn và ổn định, trở thành món ăn đặc sản cung cấp cho các thị trường khắp Nam bộ.

Nếp nguyên liệu làm cốm dẹp phải là nếp đầu mùa vừa chín tới nhưng vẫn còn hơi “non hái”, để giữ lại chút sữa ở đầu hạt nếp. Nếp sau khi thu hoạch được phơi dưới nắng nhẹ buổi sáng cho vừa se se khô. Sau đó rang lên đến khi cháy xém vỏ trấu, bốc lên mùi thơm nhẹ nhẹ. Tiếp theo công đoạn xát, giã bỏ lớp vỏ bên ngoài hoàn tất là chúng ta đã có được món cốm rất ngon và hấp dẫn.

Tuy nghề cốm không đòi hỏi tay nghề kỹ thuật cao nhưng khi đã đi vào sản xuất chuyên nghiệp, người dân làng nghề Ba So cũng có một số cải tiến. Đáng chú ý nhất là việc cải tiến chiếc cối và đôi chày. Chiếc cối ngày xưa có lòng lõm hình phễu đã được thay bằng chiếc túi vải hình tròn có đường kính chừng hơn 20cm, sâu khoảng 15cm, miệng và đáy được cố định bằng hai chiếc khung sắt, đặt trên mặt trụ phẳng cố định. Đôi chày được thay bằng đôi chày mới với mặt chày được cắt thật phẳng. Trong thao tác, cô gái ngồi chỉ cần lắc nhẹ và đều chiếc túi vải theo nhịp mà hai chàng trai đứng giã liên tục, sao cho nếp nguyên liệu gom lại, không văng ra ngoài. Mặt chày thật phẳng nên đều đặn lên mặt đế cũng thật phẳng làm cho cốm giã dẹp rất đều, trông đẹp mắt, ít phế phẩm mà năng suất lại cao hơn nhiều so với bộ cối - chày truyền thống.

Từ chỗ là món ăn lên mùa, là phẩm vật dâng cúng thần linh của người Khơ-me, cốm dẹp dần dần được cộng đồng các dân tộc ở Trà Vinh ưa chuộng và sử dụng một cách phổ biến. Cốm dẹp mua về, được các bà nội trợ sàng sảy lại cho thật sạch, rồi rưới thật nhẹ một lớp nước dừa cho cốm mềm lại, sau đó trộn đường và dừa nạo (ngon nhất là dừa rám). Cốm dẹp trộn dừa tuy là một món ăn đơn giản, dễ chế biến nhưng ngon và hấp dẫn. Chừng hơn thập kỷ trở lại đây, cốm dẹp được xếp vào hàng đặc sản của vùng đất Trà Vinh, có mặt quanh năm ngoài chợ, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng cũng như nhu cầu làm quà biếu tặng lẫn nhau. Thậm chí, ở các tỉnh lân cận và cả Thành phố Hồ Chí Minh, cốm dẹp Trà Vinh cũng được bày bán như một loại hàng hóa có “thương hiệu”.

***Rượu Xuân Thạnh**

Rượu Xuân Thạnh do một số gia đình trong cùng một dòng tộc tại ấp Xuân Thạnh, xã Hòa Thuận, Châu Thành nắm giữ bí quyết và sản xuất bằng gạo nếp mùa truyền thống cùng bài men gia truyền. Rượu Xuân Thạnh cao độ, sủi tăm trong vắt, hương vị nồng nàn và không gây khó chịu cho người lỡ vui quá chén.

***Làng chế biến tôm khô Vĩnh Kim**

Tôm khô Vĩnh Kim (xã Vĩnh Kim, Cầu Ngang) được chế biến từ con tép bạc đất đặc hữu vùng nước lợ (nhất Vĩnh Kim, nhì Hậu Bôi) trở thành đặc sản nổi tiếng khắp vùng nhưng ngon nhất, uy tín nhất vẫn là “Tôm khô bà Hai Khâm”. Tôm khô bà Hai Khâm đều, thân đỏ, khô chắc

có chất lượng vượt trội so với sản phẩm cùng loại từ các địa phương khác.

***Điều khắc trên gốc danh mộc**

Ngành gỗ mỹ nghệ điêu khắc trên gốc đại thụ thuộc hàng danh mộc tuy đã có từ lâu, nhưng ở An Giang có lẽ nó chỉ mới được đánh thức mạnh mẽ từ khi đời sống kinh tế của một bộ phận người dân trở nên khá giả.

Từ những thân gỗ đã khai thác, người ta dùng phần thân để xẻ ván, đóng bàn tủ, làm nhà ... Riêng phần gốc cây vừa cứng vừa sần sùi, chẳng ai còn muốn ngó tới, đến chẻ làm củi cũng còn khó. Đây mới chính là thứ tài sản quý giá nhất đối với người điêu khắc mộc. Từ đây người nghệ nhân sẽ miệt mài phác thảo, thi công để cho ra người con tinh thần của mình, với những nét nghệ thuật độc đáo, tuyệt mỹ.

Trong tương lai, khi ngành Du lịch An Giang có những bước tiến xa hơn, có thể thấy được đây là nhóm nghề cần được đầu tư để mang lại hiệu quả kinh tế cho địa phương cũng như một bộ phận người lao động và nghệ nhân làng nghề, từ việc chế tác, chào bán sản phẩm cho du khách hoặc trang trí nghệ thuật ở các khu, điểm du lịch...

***Làng lụa Bảy Núi**

Ẩn chứa trong những phum sóc của đồng bào Khơ-me ở miệt Bảy Núi là những giá trị văn hóa truyền thống lâu đời với những làng nghề nổi tiếng. Một trong những làng nghề ấy chính là nghề dệt lụa ở ấp Srây-Skoth, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Nghe dệt của người Khơ-me Srây-Skoth có gần 100 năm nay. Nhờ có vùng đất giồng cát dưới chân núi và nguồn nước xanh trong trời cho, người dân ở đây đã phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm và ươm tơ dệt lụa. Sản phẩm là những chiếc xà-rông, khăn trang trí trong chùa, trong gia đình, hay những nghi thức tôn giáo. Nét hấp dẫn lớn nhất của lụa Srây-Skoth Khơ-me chính là các trang trí hoa văn độc đáo. Lụa dùng cho trang phục thường được dệt những hoa văn hình vuông, tròn hoặc đa giác đều. Lụa dùng làm thảm, rèm, bức trướng... dệt khó hơn nhiều với kỹ thuật "chằng hung" (mà người dân quen gọi bắt bông dâu). Thường các chùa thích những bức rèm có hoa văn hình voi, ngựa, rồng..., đó cũng là những linh vật của người Khơ-me. Để cho ra đời một tấm lụa tốt, người phụ nữ Khơ-me phải buộc, nhuộm nhiều lần trong hằng tháng trời, theo những hình hoa văn được tính toán kỹ lưỡng trước khi dệt. Chính vì thế mà tạo ra sự đa dạng, tinh tế cho những tấm xà-rông chất lượng cao... Đây quả là những bàn tay khéo léo thực thụ, truyền hồn vào những sợi tơ tằm tạo nên những sản phẩm tinh tế, đặc sắc... Đây chính là nghề giúp cho đồng bào Khơ-me nơi đây xóa đói giảm nghèo.

***Làng nghề đục đá mỹ nghệ**

Làng nghề vốn có từ 200-300 năm nay, toàn huyện Thoại Sơn có 7 trại tiểu thủ công mỹ nghệ bằng đá, với sản phẩm chủ yếu: Cối xay, cối đâm, cối vuông đủ kích cỡ, chưng hương, mộ bia Tàu, quách lớn nhỏ. Ngoài ra, còn có hình muông thú như: Sư tử, kỳ lân dùng để làm vật trang trí hay trưng bày...

Từ đá, nghệ nhân làng đá mỹ nghệ Thới Sơn đã thổi vào đó tâm hồn của con người, cho ra những sản phẩm được trau chuốt đến từng chi tiết. Quá trình này diễn ra ở nhiều công đoạn, và có cả những công đoạn vất vả, nhọc nhằn nhưng niềm hạnh phúc trước một tác phẩm đã hình thành, thái độ ngưỡng mộ của người thưởng thức đã giúp cho người dân làng nghề mỹ nghệ này ngày càng gắn bó với công việc của mình. Mặc dù để duy trì nghề, họ phải chạy tìm mua đá nguyên liệu ở tận núi Cấm, hòn Sóc, với chi phí vận chuyển khá cao.

***Mắm Châu Đốc**

Làng nghề mắm ở núi Sam Châu Đốc, tỉnh An Giang có nhiều loại mắm nổi tiếng thơm ngon đặc biệt và rất được du khách ưa chuộng. Nhờ đó, thương hiệu mắm Châu Đốc ngày càng được giới thiệu, quảng bá rộng rãi ra khắp các miền đất nước, làm cho món ăn dân dã ngày nào nay bỗng chốc danh tiếng lẫy lừng...

Mắm Châu Đốc là một thứ "đặc sản của đặc sản", được chế biến từ sự tổng hợp các loại thực phẩm chỉ được thiên nhiên ban tặng riêng cho vùng này. Đó là đường từ cây thốt nốt xanh tươi của vùng đất núi, là chất cám gạo lúa thơm của những cánh đồng màu mỡ phù sa và dĩ nhiên là kết hợp với nguồn thủy sản thiên nhiên phong phú, cuối mùa nước là bắt đầu mùa mắm.

Ngày nay các công đoạn làm đã dần được cơ giới hóa thay thế thủ công, đồng thời đảm bảo vệ sinh và chất lượng. Nguồn cá nguyên liệu phải tăng hơn trước đến hàng mấy mươi lần, nên sản lượng cá tại chỗ chỉ đủ cung ứng

trong một vài tháng đầu. Sau đó thì những mối hàng từ các miệt vườn xa hơn như Nông trường Sông Hậu (Cần Thơ), Cao Lãnh (Đồng Tháp) hoặc một số tỉnh lân cận đổ về, nhất là nguồn từ Campuchia.

Nhờ ưu thế chỉ sử dụng nguồn thực phẩm tự nhiên, được chế biến theo phương thức truyền thống, không chứa các hóa chất phụ gia độc hại, mắm Châu Đốc đạt các tiêu chuẩn về giá trị dinh dưỡng và được ngành Y tế công nhận là một sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm. Hiện tại nhiều hộ làm mắm còn kết hợp giữa phương thức truyền thống với tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại, để chế biến ra các loại sản phẩm đa dạng hơn, và có thể để lâu mà vẫn không thay đổi chất lượng, hương vị. Hiện sản phẩm mắm Châu Đốc đã có mặt ở hệ thống siêu thị trong cả nước và được xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài

***Bánh tráng Thuận Hưng**

Thuận Hưng là một xã nông nghiệp nằm ở hướng nam của huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Trải qua bao thăng trầm, hàng trăm năm qua, hạt gạo Thuận Hưng vẫn dẻo thơm và vì vậy nghề làm bánh tráng ở đây vẫn tồn tại không bị mai một.

Theo những người lớn tuổi ở địa phương, nghề làm bánh tráng đã hình thành từ hơn 60 năm trước. Mới đầu chỉ có vài hộ làm bánh, chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người dân tại địa phương trong dịp Tết cổ truyền. Dần dần, nhiều người biết tiếng tìm đến đặt hàng, các lò bánh ngày càng mọc lên nhiều và phát triển mạnh trong khoảng 10 năm gần đây. Hiện nay ấp nào trong xã cũng có lò làm bánh.

Đến Thuận Hưng mùa này, đâu đâu cũng thấy cảnh người dân trong xã làm bánh, phơi bánh. Những vỉ bánh phơi thành từng hàng thẳng tắp trong nắng, chờ bánh khô, bà con gỡ ra ép thẳng xếp thành từng chục chờ bán hàng đến lấy. Bánh tráng Thuận Hưng có 4 loại: bánh mặn, bánh lạt, bánh nem và bánh dừa. Bánh mặn là bánh để nhiều muối, dẻo và giữ được lâu hơn so với bánh lạt. Bánh lạt giòn hơn. Bánh nem là bánh có kích cỡ nhỏ. Bánh dừa là bánh có pha thêm nước cốt dừa và mè. Mỗi loại bánh cũng có nhiều kích cỡ khác nhau, nhỏ nhất hơn 3 tác và lớn nhất (bánh đại) gần 4 tác.

Bánh tráng Thuận Hưng không chỉ được tiêu thụ ở thị trường nội địa mà đã xuất ngoại tận Campuchia. Bánh tráng Thuận Hưng được ưa chuộng bởi chiếc bánh mịn đều, dẻo thơm, đặc biệt là rất đều, trăm chiếc như một. Mới đây, làng bánh tráng Thuận Hưng được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ công nhận làng nghề và là một trong những sản phẩm du lịch phục vụ Năm Du lịch Quốc gia Mè Kông - Cần Thơ 2008.

Du khách đến Cần Thơ, thăm làng nghề Thuận Hưng thường mua nhiều chục bánh tráng dẻo, dai, mỏng về làm quà. Bánh tráng có thể ăn kèm với rất nhiều món. Thông thường nhất là bánh tráng nhúng cuốn với thịt luộc hay nem chả kèm rau sống, hoặc cuốn với cá hấp, tôm chiên, mực luộc...

***Làng đan lợp Thới Long**

Tại xã Thới Long (Ô Môn - Cần Thơ) có làng đan lợp bắt tép (dụng cụ bắt con tép), là phương tiện kiếm sống

trên sông nước không thể thiếu của hàng trăm ngàn người dân vùng lũ Đồng bằng sông Cửu Long trong mùa nước nổi hàng năm. Sự tinh tế, tỉ mỉ, của người thợ trong từng công đoạn đan lợp tép từ khâu đập vành, chẻ nan, bện hom, dệt khung cho đến khâu khâu, ráp thành cái lợp hoàn chỉnh. Các sản phẩm làm ra rất dân dã nhưng không kém phần tinh xảo.

***Làng đóng ghe xuồng**

Làng đóng ghe xuồng Ngã bảy Phụng Hiệp hình thành rất sớm ở Đồng bằng sông Cửu Long thuộc thành phố Cần Thơ.

Vào những năm 1940, làng nghề Phụng Hiệp chỉ đóng ghe xuồng phục vụ dân chài lưới, đi câu, vận chuyển lúa gạo, thủy sản, trái cây.... Đã có hàng trăm hàng ngàn xuồng câu, ghe xuồng ra đời từ nơi đây lênh đênh trên sông nước Cửu Long.

"Xuồng Cần Thơ", loại xuồng năm lá mà dân miền Tây quen thuộc xuất xứ từ chính làng nghề này.

***Làng hoa Thới Nhứt**

Làng hoa Thới Nhứt thuộc xã An Bình có từ 100 năm nay, nhộn nhịp sôi động vào những ngày giáp Tết.

Lúc đầu chỉ khoảng 10 hộ trồng chủ yếu vạn thọ, cúc mâm xôi, thược dược, mai các loại... nhưng bây giờ có đến hàng trăm hộ phát triển thêm nhiều giống hoa nhập khẩu mới khá độc đáo như cúc Indônêxia, vạn thọ Pháp, xương rồng Thái, hướng dương, lan... và đặc biệt là mai ghép các loại.

***Bánh Pía - lap xưởng Sóc Trăng**

Khi đến Sóc Trăng từ hướng Hậu Giang qua để tham quan các khu du lịch, đến cửa ngõ huyện Châu Thành, du khách sẽ bắt gặp ngay hàng loạt cửa hàng bánh pía, lap xưởng. Chỉ tính riêng thành phố Sóc Trăng đã có trên 80 cơ sở sản xuất với hàng ngàn tấn hàng hoá cung ứng cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh mỗi năm. Hệ thống siêu thị lớn - Saigon Coop cũng đã đặt lên quầy những hộp lap xưởng có xuất xứ từ Sóc Trăng bên cạnh các thương hiệu có tiếng: Vissan, Cầu Tre, Long Phụng...

Các cơ sở sản xuất bánh đã liên kết lại với nhau thành lập Hiệp hội và cùng giúp nhau trong sản xuất, thông tin thị trường. Bên cạnh đó, Sở Công thương đã xây dựng một thương hiệu chung cho sản phẩm bánh pía - lap xưởng Sóc Trăng, từ đó các thành viên Hiệp hội sử dụng thương hiệu chung để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm.

***Làng nghề đan bằng Phú Mỹ, Kiên Giang**

Đồng cỏ bằng Phú Mỹ - Vĩnh Điều huyện Kiên Lương (tỉnh Kiên Giang) là một vùng ngập nước nguyên thủy còn sót lại của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với đặc trưng là nhiễm phèn nặng, giàu hữu cơ, ngập theo mùa và thực vật thích nghi chủ yếu là cây cỏ bằng. Đây là đồng cỏ bằng tự nhiên lớn nhất và ít bị xáo trộn nhất còn lại của Nam bộ.

Đồng cỏ bằng đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của nhân dân trong vùng. Sống giữa một vùng đất phèn mặn, đồng bào Khơ-me nơi đây đã kiên nhẫn biến cỏ bằng thành hàng hóa với các sản phẩm sinh hoạt và mỹ nghệ mang lại nguồn thu nhập đáng kể. Tuy nhiên trước

đây nghề đan đệm bằng chỉ tồn tại như một thứ công việc làm thêm của người phụ nữ Khơ-me tại địa phương vào thời điểm nông nhàn. Hàng làm ra bán giá rẻ, khó tiêu thụ do không có điều kiện mở rộng thị trường. Hiện nay được sự giúp đỡ của chính quyền và một số tổ chức khác, thị trường đang được mở rộng, tăng thu nhập cho người dân.

Công việc đan lát các sản phẩm từ bàng khá nhẹ nhàng nhưng đòi hỏi sự khéo léo, rất thích hợp cho cả phụ nữ và trẻ em tham gia. Họ làm ra các sản phẩm rất đa dạng như: đệm, túi xách, đồ gia dụng... Những sản phẩm làm ra hoa văn rất tinh xảo mà vẫn mang “cái hồn” của đồng quê chân chất. Những đường nét hoa văn cứ lần lượt hiện dần lên dưới đôi bàn tay khéo léo của các nghệ nhân làng nghề. Người đan bàng không những làm hàng theo mẫu mã sẵn có mà còn tự mày mò nghiên cứu, cải tiến và thiết kế cho ra các sản phẩm với mẫu mã mới lạ, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Nghề đan bàng đang mở ra nhiều triển vọng vì thị trường xuất khẩu đang mở rộng trong lúc địa phương dư thừa khá nhiều lao động trẻ. Hiện nay đời sống của nhân dân vùng đồng cỏ bàng ngày càng được nâng lên rõ rệt, bộ mặt nông thôn đang từng ngày khởi sắc.

***Nghề nắn nôi ở Hòn Đất**

Nằm ở trung tâm huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có một làng nghề truyền thống, đó là nghề nắn nôi, chuyên tạo ra những sản phẩm bằng đất nung như: cà ràng, nôi, om, ơ, xoong, chảo...

Xuất hiện vào cuối những năm 20 của thế kỷ XX, vị sư tổ của làng nghề là người Khơ-me, về sau người Việt đã học được nghề này. Nghề nắn nổi là một thuật ngữ chứa một khái niệm chung chỉ công việc tạo ra các sản phẩm làm từ đất nung.

Cũng như bao nơi khác, nguyên liệu dùng để nắn nổi là đất sét, phải có đủ các tiêu chuẩn như dễ đánh bóng, chịu nhiệt cao, tính kết dính cao... mà loại đất này có sẵn trên địa bàn huyện. Để hoàn thành một sản phẩm bằng đất phải qua nhiều công đoạn, công đoạn đầu là nắn hay còn gọi là tạo hình vì tất cả các sản phẩm đều có khuôn (khung) bằng gỗ hoặc bằng đất nung, đến công đoạn vỡ, do đất ướt chứa nhiều nước nên sản phẩm mới đầu thường biến dạng, đòi hỏi người làm phải có kỹ thuật vỡ bằng các thanh tre, sau đó là công đoạn làm bóng, tạo hoa văn để sản phẩm được nhẵn bóng hoàn chỉnh. Nếu được chứng kiến các công đoạn làm mới thấy để có được sản phẩm như ý đòi hỏi người thợ phải có kỹ thuật cao, bàn tay phải uyển chuyển, mềm mại, sáng tạo.

Sau một tuần lễ, các sản phẩm được phơi khô và có thể đưa vào nung, gọi theo tiếng nhà nghề là “đốt nổi”. Công đoạn đốt nổi khá đơn giản nhưng phải là người có nhiều kinh nghiệm trong nghề, trước kia cũng có nhiều thợ đốt nổi chuyên nghiệp đi đốt thuê nhưng đến nay ai cũng có thể đốt được. Trước khi “nung” người thợ phải sắp mọi sản phẩm lên mặt đất, chèn rơm hoặc cỏ khô vào các sản phẩm, phía trên lớp rơm có một lớp củi tràm. Người ta thường tiến hành đốt vào lúc ban đêm để dễ theo dõi lửa cháy cho đều. Thông thường, các loại sản phẩm “nặng lửa”

được đặt ở trung tâm, loại “nhẹ lửa” sắp ở chung quanh để sản phẩm không bị sũng hoặc chín quá.

Trước sự phát triển của kim loại, nhiều vật dụng đã thay thế các sản phẩm bằng đất nung nhưng nghề nắn nồi ở Hòn Đất vẫn tồn tại và được nhiều người biết đến.

***Lò nghề hầm than**

Theo các nhà nghiên cứu, nghề hầm than và đóng dáy trên sông là những nghề thủ công có mặt từ lâu đời ở Năm Căn - Cà Mau.

Muốn hành nghề hầm than, nhất thiết phải có lò, xây lò là cả một nghệ thuật. Đến nay, công việc này đều phải nhờ đến những người thợ giỏi, có chuyên môn, nhiều kinh nghiệm tại địa phương làm. Vật liệu xây lò là gạch thẻ và đất bùn. Lò hầm than có hình bầu tròn như chiếc nón cối úp trên đất.

Củi hầm than là củi được. Nhưng loại này hiện nay rất hiếm. Khi vô lò, củi được dựng đứng chồng từng lớp lên nhau. Củi càng chồng khít, thì chất lượng và sản lượng than thu được càng cao. Đến sát nóc, người ta chừa ra một khoảng trống vài tấc để chứa dưỡng khí. Sau khi hoàn tất việc chất củi, trong những ngày đầu, người thợ chỉ được đốt lửa ngọn. Dân gian gọi là “lửa dương”. Thân lò bị nung nóng hấp cho củi trong lò tiết ra nước làm cho củi khô. Thời gian này kéo dài hay ngắn tùy theo củi khô hay ướt. Ba đến bốn ngày sau, người đốt lò nhìn vào khói bay ra để biết củi còn hay hết chất nước. Khi thấy hết khói trắng, người đốt lò không đốt củi nữa, mà chỉ dùng sức nóng trong lò. Kế tiếp, người thợ thu hẹp cửa lò lại, dùng “lửa

âm" (lửa trong tàn tro) giữ nóng cho lò ở nhiệt độ nhất định. Hơi nóng trong lò bốc lên nóc, rồi dội trở xuống chân lò. Củi bắt đầu thành than, phía trên trước, sau đó chín dần xuống dưới. Giai đoạn này, khói tỏa ra màu ngũ sắc trông rất đẹp mắt. Sau sáu đến bảy ngày, khói màu ngũ sắc bắt đầu chuyển thành xanh biếc. Lúc này, mùi khói chuyển từ hăng khét khó ngửi, sang mùi thơm như khoai lang nướng. Vậy là than đã chín.

Hiện tại, nghề than đang khôi phục mạnh mẽ, thông qua sản xuất tập trung, có kiểm soát chặt chẽ của chính quyền và ngành chức năng. Theo đó, việc hình thành các dịch vụ du lịch đi kèm càng trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Đây là cơ hội thuận lợi để khách du lịch tìm hiểu thêm một nghề truyền thống độc đáo của vùng đất Cà Mau.

III. NHỮNG MÓN ĂN ĐẶC SẮC

***Đặc sắc văn hóa ẩm thực Long An**

Tới Long An, người ta nghĩ ngay đến gạo Nàng Thơm Chợ Đào, kể đến là dưa hấu Long Trì và rượu Gò Đen, lẩu mắm và không thể không kể tới mắm còng và lạp xưởng Cần Giuộc.

Nằm ở vùng hạ lưu sông Vàm Cỏ, Cần Giuộc có nhiều bãi bồi với các loại cây nước mặn như đước, tràm, sú, vẹt... Từ những sản vật trên những bãi bồi, người dân địa phương chế biến thành những món ăn dân dã mà đặc sắc, có dịp ăn

một lần sẽ nhớ đời, đặc biệt nhất là mắm còng mừng năm. Mắm còng có hai loại, mắm còng sữa nguyên con và mắm còng mặn. Mắm còng mặn màu đen, mùi khá nồng dùng để làm nước chấm ăn với các món cuốn. Mắm còng mặn không có màu sắc bắt mắt bằng mắm tôm chà Gò Công nhưng vị ngon thì không hề kém cạnh. Trong bữa tiệc của gia đình, chén mắm còng đặt cạnh đĩa bún trắng, cá lóc nướng trui và đĩa thịt ba rọi xắt mỏng thì sẽ nhanh chóng trở thành “tâm điểm” hấp dẫn. Người dân địa phương dùng mắm còng mặn kèm với nhiều món ăn khác như thịt vịt luộc chấm mắm còng... Mắm còng sữa nguyên con được bắt đúng vào ngày mừng năm tháng năm âm lịch lại là món ăn đặc biệt, chỉ có khách quý mới được mời. Mắm còng sữa không chỉ dùng để ăn kèm với thịt luộc, chuối chát rau thơm mà còn là thức ăn tuyệt vời với cơm nguội.

Đến Cần Giuộc, hỏi mua “đặc sản”, bạn sẽ được giới thiệu món Lạp xưởng được làm bằng ruột heo tươi. Đây là một sản phẩm truyền thống của vùng đất này. Khách đến Cần Giuộc vào mùa tết thường mua rất nhiều lạp xưởng mang về làm quà cho người thân.

Lạp xưởng Cần Giuộc nổi tiếng ngon bởi vì người ta đã chọn những miếng thịt heo nạc, tươi và còn nóng ngay sau khi mổ đem xay, ướp. Nếu sành ăn, khách có thể mua được loại lạp xưởng ngon nhất - đó là loại được lấy ruột từ những con heo trên dưới 80kg, cạo mỏng như một lớp nylon để làm bao ngoài. Đặc biệt lạp xưởng ở đây được sấy chứ không phơi - người làm lạp xưởng phải canh lửa riu riu từ 10-12 tiếng để lạp xưởng khô đều và se lại, nhờ vậy,

lạp xưởng Cấn Giuộc ngon và để được rất lâu, không bị phà mùi dầu. Bên cạnh lạp xưởng tươi, Cấn Giuộc còn nổi tiếng với lạp xưởng tôm. Lạp xưởng tôm được chế biến từ những chu tôm đất loại lớn và còn tươi nên có màu vàng đỏ tự nhiên nhìn rất đẹp mắt. Khi nướng, lạp xưởng dậy mùi thơm của tiền sơ khi ăn có vị ngọt đậm, không ngấy.

***Bông diên điển - đặc sản mùa nước nổi**

Ai đã từng đến miền Tây vào mùa nước nổi thì không thể không biết đến nổi canh chua bông diên điển. Bông diên điển giờ đây đã trở thành đặc sản “cây nhà lá vườn”, được chế biến thành nhiều món ăn ngon mà những người con quê hương nếu có đi xa sẽ còn lưu giữ mãi trong ký ức.

Giản dị nhất là người ta nấu một nồi mắm kho, nhúng bông diên điển và một vài loại rau sống khác vào là đã có ngay một món khoái khẩu. Hoặc một cách làm đơn giản khác mà rất ngon là người ta dùng nó làm dưa.

Thế nhưng quen thuộc với người dân miền Tây hơn cả chính là nổi canh chua bông diên điển nấu với cá linh hay cá rô đồng, mà nếu nấu với búa hoặc cơm mẻ lại còn ngon hơn.

Bông diên điển còn được dùng để xào tép, làm nhân bánh xèo và nhiều món khác được làm từ bông diên điển để lại ấn tượng khó phai cho người ăn.

***Cháo đậu xanh nấu với rắn hổ đất**

Đồng Tháp Mười nổi tiếng có nhiều rùa, rắn. Khi bắt được rắn hổ đất, dùng nước sôi cạo vẩy thật sạch. Mổ sạch chặt rắn thành từng khúc dài khoảng tấc tây, đem hầm cho nhừ mới vớt ra. Sau đó, đổ gạo và đậu xanh vào nồi nước

hầm rần. Chao chín nếm vừa miệng, xe thịt rần hồ dất nhỏ như thịt gà, trộn chanh, rau răm. Múc mỗi tô cháo cho vào một ít thịt rần, có rắc tiêu, hành trộn đều, ăn đến đâu mát đến đó vì cháo đậu xanh rần hồ dất có tác dụng làm mát gan, giải nhiệt, vừa ngon vừa giàu dinh dưỡng.

*** Dồi lươn rim nước cốt dừa**

Đây là món ăn khoái khẩu của người dân vùng Đồng Tháp Mười. Dồi lươn có hương vị đặc trưng của nước dừa, hành và đậu phộng, thơm, béo rất hấp dẫn. Lươn được làm sạch. Dùng dao sắc cắt phần thịt ở phía cổ lươn mà không làm đứt rời da lươn, đảm bảo da được liền từ đầu tới đuôi.

Thịt lươn băm nhuyễn rồi trộn với thịt nạc, nắm mèo, bún tàu cũng đã được băm nhuyễn cùng với gia vị, đường, nước mắm, tiêu sọ để nguyên hạt. Dùng thìa nhỏ trộn đều và múc hỗn hợp thịt băm cho vào đây da thân lươn đã lột ra trước đó như làm dồi lợn, dồi chó. Độn thịt xong khoanh tròn nguyên con lươn đặt vào nồi lấy củ hành tàu lột bỏ vỏ lụa, cắt đứng làm tư nếu là hành nhỏ, hoặc làm tám nếu là hành to xếp lên trên.

Đổ nước cốt dừa ngập thân lươn rồi bắc lên bếp, để lửa liu riu. Khi nước cốt dừa sôi lên vài lượt thì nêm gia vị, đường, nước mắm cho vừa ăn, xong nhắc xuống múc ra đĩa rắc đậu phộng giã giập lên trên.

*** Bún gỏi già Mỹ Tho**

Bún gỏi già có chung nguyên liệu là mắm cá. Bún gỏi già phải nấu chung với me, mới cho ra vị nước lèo chua chua ngọt ngọt ăn không ngán là vì vậy. Đặc biệt, nó chỉ

ăn chung với tép là ngon nhất. Tép bạc, tép lột, hay tôm sú lột đều được cả. Những con tép đỏ au, được lột vỏ kỹ càng trông hấp dẫn. Bún gỏi già chua chua ngọt ngọt ăn ghém với rau muống và bông chuối bào,... nhưng nó ngon nhờ hẹ. Nếu không có cọng hẹ nào thì cái tô bún của bạn coi như bỏ đi. Thêm nữa phải có nước chấm đặc biệt nó là nước cốt mắm cá linh nguyên chất, rất thơm và có vị ngọt đậm đà.

*** Cá bống dừa**

Cá bống dừa thịt ngọt, ướp nước mắm ngon, kho tiêu bằng tộ hay nồi đất, hương thơm nức mũi. Có người thích kho sả ớt, hay nấu canh với lá bồ ngót, ướp hương... cơm đã no còn thêm. Luộc cá rửa thịt nấu nồi cháo hành, tiêu cũng ngon. Rồi còn món xỏ lụi nướng trui hoặc nhúng bột chiên cặp rau thơm chấm nước mắm chanh, ớt... Muốn lạ miệng thì um nước cốt dừa, phủ trên là dot mì, chum lửa riu riu vừa chín tới, ăn một lần khó có thể quên.

*** Hủ tiếu Mỹ Tho**

Hủ tiếu ngon nhất phải là loại làm bằng gạo Gò Cát - đặc sản như Tàu Hương, Nàng Thơm chợ Đào, đây là vùng trồng lúa thơm địa phương của xã Mỹ Phong, ngoại thành Mỹ Tho.

Ngón gia truyền không ai chịu hé răng. Hơn kém nhau còn tùy thuộc vào nồi nước lèo. Về cơ bản, chất ngọt của nước lèo từ xương ống hầm kỹ, thịt và tôm khô nướng, cùng một số nguyên liệu, gia vị đặc trưng, được các đầu bếp gia giảm theo khẩu vị khách hàng của mình. Dù hàng quán khu vực Cầu Quay - Mỹ Tho tềnh toàng, thực khách

vẫn cứ nướm nượp. Thậm chí, trong cẩm nang của nhiều hãng du lịch lữ hành quốc tế giới thiệu hẳn tên những hiệu ăn nổi tiếng của nơi đây.

*** Mắm còng xứ rẫy Gò Công**

Có hai loại mắm còng. Một loại mắm còng chế biến nguyên con như kiểu mắm tôm chua xứ Huế. Loại này chế biến từ con còng lột. Mắm còng lột mà ăn với bún, thịt phay, rau sống, chuối chát hoặc làm gỏi đu đủ tưởng như trên thế gian này không có cao lương mỹ vị nào sánh bằng. Còn một loại mắm khác cũng chế biến từ còng nhưng quy trình, vật liệu cũng khác và đậm đặc như mắm ruốc. Khi ăn, thêm vào đó chanh, ớt, đường, gia vị, sẽ cho một thứ nước chấm tuyệt hảo. Loại nước chấm được pha chế theo cách này hợp nhất là chấm thịt ba rọi luộc ăn với bún. Để có loại mắm này, người ta bắt còng về rửa sạch, lột bỏ mai, yếm, ướp với muối, cơm nguội theo một tỷ lệ thích hợp sau đó đem quét. Quét xong mới vắt nước cốt và phơi nắng cho đến khi nào nước cốt ấy keo lại như mắm ruốc là được.

*** Sam biển Gò Công**

Ở vùng biển xã Vàm Láng, Tân Thành, huyện Gò Công Đông có đặc sản khá hiếm - sam biển. Với hình thù lạ mắt: vỏ cứng như mai cua, mình tròn dẹt, đường kính độ gang tay, tám chân càng nhỏ dưới bụng, phần đầu là mũi nhọn ba cạnh rất linh hoạt dài cỡ 20cm. Khoảng từ tháng 10 cho tới tháng 2 âm lịch, sam bắt cặp phôi giống và sau đó sam cái mang bụng đầy trứng nhỏ như hạt tiêu đợi ngày sinh nở.

Sam trứng phổ biến nhất là món nướng. Đốt bếp than gáo dừa, đặt ngửa sam rồi trở đều tới khi chín vàng, mùi

thơm đặc biệt lan xa. Chuẩn bị sẵn buổi chua tách múi, củ cải thái nhỏ ngâm giấm, rau thơm gồm húng cây, răm, đậu phộng rang đập giập, hành phi, nước mắm chanh, tỏi, ớt. Lật ngửa con sam nóng hổi, tách yếm bỏ ruột, dùng dao bén rạch bụng sẽ thấy trứng đầy ắp, vàng ươm bắt mắt. Phần thịt sống lưng và sát đuôi dai, ngọt. Dùng muỗng nhỏ múc trứng vào chén riêng, thêm gia vị tùy thích. Trứng sam béo, thơm, nhiều đạm, ngon miệng và rất bổ dưỡng.

Ngoài ra có thể sam chặt miếng to nấu canh chua với bạc hà, rau nhút hoặc đậu rồng, rau om, hoặc luộc.

***Món mọn Bến Tre**

Bên cạnh nguồn chất bột là nguồn chất đạm. Đất đai, sông nước, biển Bến Tre là một kho dự trữ dồi dào về chất đạm, đặc biệt chất đạm từ tôm cá, cua, sò. Bến Tre quả là dồi dào và phong phú, một nguồn dinh dưỡng quan trọng đối với đời sống con người.

Về mặt chất béo, Bến Tre có thể mạnh về dừa so với nhiều địa phương khác. Bên cạnh nguồn mỡ động vật, dầu dừa, nước cốt dừa, cơm dừa nạo thường có mặt ở nhiều món ăn trong bữa cơm, trong các loại bánh, chè ngọt. Có hơn 50 món ăn và chè ngọt được pha chế với chất béo của trái dừa.

Thường thì, ngoài cơm có nhiều thức ăn mặn, thịt kho hay cá kho, cá khô nướng, bát dưa chua và chén mắm... Buổi chiều, sau khi về nhà, tắm rửa xong xuôi, họ mới lo bữa cơm chiều thường gồm nhiều món hơn, đủ chất hơn: có canh, có xào, rau luộc với một món mặn. Buổi trưa, khi mặt trời đã ở đỉnh đầu, họ về tạm nghỉ để tránh cơn

nướng cháy da cho đến 1 giờ 30 hay 2 giờ chiều lại ra đồng làm tiếp cho đến khi mặt trời lặn mới chịu nghỉ tay. Trong lúc nghỉ trưa, họ thường tổ chức bữa ăn phụ. Nếu ở trong nhà thì có thể dùng hoành hơn, với thức ăn nóng: một nồi cơm nếp, hay là một nồi khoai luộc, hay là một nồi chuối luộc, một nồi mít non, hay sakê hầm dừa cùng với một đĩa bánh lá mía chấm nước cốt dừa "thắng bông con". Nếu là nghỉ tạm trưa ở ngoài đồng, trong vườn cây thì bữa ăn phụ là những thức ăn đem theo được bày trên mấy tàu lá chuối đặt dưới gốc cây, hay trên bờ cỏ. Những ngày mùa bận rộn, bà con nông dân cũng thường tổ chức ăn cơm ngoài đồng. Có khi là cơm nguội mang theo với mấy con mắm sống cộng với mấy trái bầu chua, mấy dọt vừng, dọt búa, vài trái ớt tươi, dăm ba lát gừng sống. Một bữa ăn "điền dã" với chừng ấy thứ cũng đủ no nê và chắc bụng, để người nông dân có thể tiếp tục công việc gặt hái cho đến suốt ngày.

***Món mắm**

Bến Tre không nhiều cá đồng như Long An, An Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Cà Mau nhưng không thiếu những thủy sản, hải sản để chế biến nhiều loại mắm ngon. Mắm còng Châu Bình (Giồng Trôm) đã đi vào ca dao, mắm rươi Bình Đại (còn gọi là nước mắm rươi) ăn một lần rồi nhớ mãi. Mắm tép chua trộn với đu đủ sắp chín xắt nhỏ, trộn với các gia vị gừng, tỏi, ớt là đặc sản của miệt vườn. Mắm tép, mắm còng ăn với bún và thịt ba rọi luộc, hay thịt nướng kèm với rau sống, giá thì quả là tuyệt. Mắm có loại để ăn sống như mắm nêm, mắm ruốc, mắm ba khía, mắm cá đồng thái, mắm ruột, mắm tép, thường được kèm với

gừng, ớt, tỏi để ban khu mùi tanh, đồng thời để cân bằng âm dương. Có loại mắm chung (hay chần) lên rồi mới ăn và thường kèm theo thịt heo băm nhuyễn và một gia vị nào đó. Mắm kho với cá tươi, thịt heo nhiều mỡ, có khi với cà tím xắt lát và ăn với rau mọ om, rau thơm làm ghém đây là món ăn dân dã rất phổ biến.

***Bánh xèo Vĩnh Long**

Người dân Vĩnh Long từ nông thôn đến thành thị đều thích món bánh xèo. Bánh xèo tùy mỗi nơi có cách chế biến khác nhau đôi chút.

Nhìn chiếc bánh xèo giòn thơm đầy ngũ sắc, màu đỏ của ớt, màu trắng của sắn, màu vàng của bột, màu xanh của đậu, màu đen của thịt vịt. Đặc biệt, ăn bánh xèo phải đầy đủ các loại rau đồng quê, như: lá cách, lá diều, dọt xoài non, cải bẹ xanh, dọt chiết, dọt cóc, rau thơm... Dùng tay xếp rau và bánh thành cuộn tròn, chấm nước mắm chua và thưởng thức thì miễn chê.

***Cá bống kho liêu**

Cứ vào tháng 6 - tháng 7 âm lịch miệt đồng bằng Nam Bộ vào mùa mưa thì cá bống trứng xuất hiện. Chúng sống bám theo những giề lục bình trôi lênh bênh trên sông rạch theo con nước lớn, ròng. Cá bống trứng này nhỏ con, lớn lắm chỉ bằng ngón tay út.

Cá bống bắt về để vào rổ dùng lá chuối tươi chà xát cho sạch nhớt rửa sạch đem hong nắng cho ráo nước, trộn ít muối cho thấm con cá, bắt cái ổ đất lên bếp lửa, để một ít mỡ và đường thắng lên thành nước màu, tiếp đó cho cá vào

o đất, lấy dừa trộn đều, nêm đường và bột ngọt cho vừa ăn, đặc biệt cá được kho với nước mắm đồng, không dùng nước mắm cá biển. Khi kho để lửa cho riu riu khi nước vừa cạn tưới thêm mỡ hoặc dầu ăn rắc tiêu cho thơm là được. Ăn cơm với cá bóng trứng kho tiêu thật ngon tuyệt, đậm tình quê hương phù hợp với đời sống dân dã.

• Cá linh

Khi mùa nước nổi dâng lên bông điên điển nở vàng rõ thì cũng bắt đầu mùa cá linh. Cá từ thượng nguồn sông Tiền lên đồng để đẻ. Cá linh lúc này nhỏ bằng đầu mút dừa gọi là cá linh non, cá linh thuộc loại cá trắng, thân nhỏ, vảy nhuyễn mềm, cá linh non thịt ngọt, mềm và béo, món ăn làm từ cá linh rất phong phú. Khi nấu món không cần đánh vẩy, lấy mật ra, chỉ cần rửa sạch là được.

Cá linh kho: Kho khô với hành, tiêu, kho với mía lau hoặc nước dừa tươi. Mía lau chẻ mỏng xếp dưới đáy nồi, lấp cá linh lên trên (trước đó ướp cá linh với tiêu, bột ngọt, nước mắm vừa mặn). Còn nếu kho cá linh với nước dừa tươi, thì sau khi cá thấm đủ gia vị thì ta đổ nước dừa vào, cá phải ngập đều trong nước, lửa riu riu vừa tàn thì ta đã có nồi cá linh kho thơm nức mùi đặc trưng không thể lẫn với các món khác. Món này ăn với cơm nóng gạo đầu mùa thì không cần bình phẩm thêm.

Lẩu chua điên điển cá linh: Nước lẩu được hầm trái me non, nêm đường, ớt, sả, bột ngọt, mắm muối cho vừa ăn, nước sôi đều ta để cá linh vào, cá chín vớt ra rồi mới để bông điên điển, bông súng, ngò gai, ngò om vào sau, món ăn với cơm hoặc bún đều ngon. Chanh với nước mắm trong

dầm-ớt hiểm là đúng điệu “Canh chua diên điển cá linh. Ăn chỉ một mình thì chẳng thấy ngon”.

Cá linh non chiên bột cuốn bánh tráng: là món ăn thôn dã mộc mạc có từ rất xa xưa, món này mùi vị rất ngon, rất riêng khiến người ăn khó quên. Món này phải ăn ngay sau khi vừa mới chiên giòn cùng với nước mắm chua, cay và rau thơm.

Lẩu mắm cá linh: Loại lẩu mắm này dùng ngay mắm cá linh và cá linh tươi. Về gia vị, ngoài các loại gia vị thông thường đặc biệt phải có cà tím và nấm rơm để cho ngọt nước. Khi ăn chắc chắn phải kèm theo các loại rau như cải dất, rau dứa, bông diên điển, bông súng, rau nhút, đậu rồng, củ nèo, dọt sộp, bắp chuối, chuối non xắt nhuyễn trộn rau thơm... ăn với bún, kèm một xí để làng quê là ngon tuyệt.

Món cá linh dễ kiếm, rẻ tiền, ngon miệng, gần gũi với người dân miệt sông nước.

***Cá lóc nướng trui**

Nướng trui không bao giờ để cá lên vỉ, bên dưới hừng hực than hồng, như nướng những thức ăn khác mà phải nướng lửa. Ngon lửa rơm, nếu làm khác đi, miếng cá sẽ mất thơm, không còn hương vị cá nướng trui.

Chẻ một que tre tươi, chuối nhọn một đầu xiên suốt từ miệng đến đuôi cá, cắm đứng thẳng xuống đất, phủ rơm khô trùm lên cá châm lửa đốt. Cái khéo và tay nghề người nướng cá ở chỗ dù nướng bao nhiêu con, tất cả đều chín một lượt, vẩy cá cháy đều đặn, mùi thơm quyến rũ bốc lên sau khi ngọn lửa vừa tàn như thế mới đạt yêu cầu.

***Cá lóc kho nước dừa**

Cá lóc có thể chế biến thành nhiều món ăn ngon, nhưng có lẽ “án tượng” nhất là món cá lóc kho nước dừa, một “đặc sản” của Vĩnh Long được nhiều thực khách ưa thích.

Cá tươi được làm sạch, cắt đôi, ướp nhẹ một ít gia vị như: nước màu, muối, đường, bột ngọt, tiêu, gốc hành tươi giã nhuyễn.... Bắc nồi nước dừa xiêm tươi lên bếp lửa than hồng, nước sôi, ta nhẹ nhàng để cá vào cho lửa riu riu. Khi kho chỉ để nước ngập vừa mình cá, cá được trải đều không chồng lên nhau, thêm ít gia vị sao cho vừa miệng, sau một thời gian có tiếng ục ục sôi ta tro bể cho cá chín thấm đều, tất cả hòa quyện thành một mùi thơm đặc trưng đủ sức chinh phục tất cả mọi người.

***Cá cháy**

Thị trấn Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long nằm ở ngã ba sông. Thời nay, ít người còn biết Trà Ôn một thuở nổi danh nhờ cá cháy. Cá cháy tựa tựa như cá mè, nhưng thịt ngọt và ngon hơn nhiều. Người khó tính thích ăn cá cháy theo kiểu xắt từng khoanh mỏng nấu mỡ. Người sành điệu thì khoái để nguyên con, chất rơm nướng.

Gỏi cá cháy là món cầu kỳ dành riêng cho dân nhậu. Món gỏi này phải có đủ các thức rau ghém, rau thơm, chuối chát, khế chua để cuốn chung với thịt cá cháy bằng bánh tráng Mỹ Lồng, phải có nước chấm chế riêng biệt cho nó.

Món bình dân là canh chua cá cháy nấu với bông so đũa và đậu rồng. Bởi khi gió chướng bắt đầu thổi thì cũng là lúc so đũa đơm bông, đậu rồng kết trái. Kể ra trời đất cũng khéo chiều người.

Nhưng cá chấy quý nhất, mắc nhất, vẫn là hai buồng trứng của nó. Con cá nặng chừng ba, bốn ký, hai buồng trứng vàng hươm, vừa thơm, vừa ngọt, mùi vị ăn xong nhớ đời. Dân Sài Gòn thuở xưa tới mùa cá chấy thường tìm xuống Trà Ôn, ăn cho đã mấy hôm, rồi giá nào cũng mua cho được mấy con đem về làm quà biếu bạn bè.

*** Dừa sáp**

Dừa sáp là loại đặc sản chỉ duy nhất có tại Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Trái dừa sáp trông như bao trái dừa bình thường khác nhưng khi bổ ra bên trong cơm dừa đặc quánh như sáp. Cơm dừa sáp có tỷ lệ tinh dầu và hàm lượng dinh dưỡng cao, chế biến các thức uống giải khát như sinh tố rất ngon.

***Bò bảy món núi Sam - Châu Đốc (An Giang)**

Bò bảy món tuy đã nổi tiếng từ lâu, nhưng không được bày bán trong nhà hàng hoặc các quán địa phương, chỉ có một vài cửa hàng chuyên một trong 7 món đó. Chẳng hạn, tại chợ Châu Đốc có quán cháo đầu bò nổi tiếng. Muốn thưởng thức đặc sản này thì phải chịu khó đến làng Vĩnh Tế trong những dịp lễ lạt, cưới hỏi, giỗ, tết...

Bò bảy món gồm những món mà người thợ nấu lành nghề nào cũng phải biết: lòng bò luộc; bò đun, bánh hỏi; cháo đầu bò; bò khía bánh mì; bò xào lá vang; bò bít tết hoặc lúc lắc.

***Bún nước kèn An Giang**

Muốn thưởng thức món bún nước kèn thì phải đến Châu Đốc (An Giang) mới được thưởng thức mà chưa ai biết tên gọi của nó có nghĩa gì.

Để có một tô bún nước kèn ngon, cần phải có cá lóc đồng, hành tỏi phi vàng, bột cà ri, đinh hương, bông tai dế, quế, bột cá vào xào chung với thịt cá, nêm thêm gia vị vừa ăn rồi cho nước cốt dừa vào, rải một chút ớt bột lên mặt, để lửa liu riu. Sắp xà lách, bắp chuối, giá, quế vào tô, gấp bún trải lên trên, sau cùng chan nước lèo vào, xăm xấp. Một tô bún hấp dẫn để thưởng thức.

***Dưa xoài non An Giang**

Xoài non chọn giống Cát Chu, ngâm muối rồi xả nước phèn chua cho giòn. Xoài rim đường cát trắng, phơi nắng một ngày, rồi cho vào lọ ngâm kèm ớt sừng trâu. Loại dưa này giòn, mang vị chua chát lẫn độ ngọt đậm đà của đường, muối. Dưa xoài non là đặc sản dân dã tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Cần miếng dưa xoài non vừa giòn vừa hơi có vị chua chát chớ, không còn vị chua ái của xoài non. Lăn trong đó có vị ngọt của đường, mằn mặn của muối.

***Khô cá tra phồng**

Một trong những đặc sản nổi tiếng của Châu Đốc (An Giang).

Cá tra, người ta nắm chặt đuôi, cầm cây to đập mạnh xuống đầu cá. Không làm vậy, đuôi cá vẫy đập xuống nền gạch sẽ khiến khúc này bị bầm đỏ, khô không đẹp và miếng khô mất ngon. Sau khi cắt đầu, lấy hết ruột gan và mỡ, phần còn lại được ngâm trong nước 4 - 5 tiếng đồng hồ sau, cá nổi lên, vớt ra, xẻ, lóc bỏ xương rồi ngâm nước muối bão hòa. Khi nước muối ngấm, ngâm thêm lượt nước phèn

chua để ruồi nhặng dừng bu rồi đem phơi vừa nắng. Nếu phơi quá nắng khô bị “lộc”, mỡ từ thịt cá cứ tươm ra mãi, giảm ngon và mất ký. Nếu phơi thiếu nắng, miếng khô còn tanh mùi cá, không thơm.

Khô cá tra phòng chỉ chiên chứ không nướng như các loại khô khác. Để có miếng khô chiên phồng, giòn thơm và béo, người ta chiên bằng nước. Cho chút nước vào chảo, đun sôi, cho miếng khô vào. Khi nước cạn, trở qua trở lại vài lần là miếng khô nở phồng lên, vàng hươm, thơm, giòn và béo khi ăn.

***Bánh tét lá cẩm**

Bánh tét lá cẩm Cần Thơ có hương vị riêng rất đặc biệt. Nếp để gói bánh phải là loại nếp thơm và dẻo được ngâm với lá cẩm để có màu tím tự nhiên, sau đó nếp phải được xào qua với nước cốt dừa nấu trong thời gian từ 4 đến 5 giờ đồng hồ mới chín. Nhân dành cho loại bánh tét lá cẩm này cũng hết sức phong phú, gồm đậu xanh, mỡ heo, nạc heo và cả Lạp Xưởng.

Khi bánh chín, bên trong thớ gạo nếp màu tím thẫm là một chút màu vàng của đậu, một chút trắng trong của mỡ heo, một chút nâu sậm của thịt nạc và một chút đỏ tươi của Lạp Xưởng.

***Chè bưởi Cần Thơ**

Đầu tiên người ta đưa vỏ bưởi tươi ra gọt kỹ hết lớp vỏ ngoài cùng. Lại bóc sạch lớp vỏ tươi bên trong, chỉ giữ lại phần vỏ trắng và dai ở giữa. Vỏ bưởi được nhồi nhiều lần trong nước muối để làm hết vị the và đắng. Sau đó, chúng

được nhồi trong nước lã, xả đến khi nào nhai thử thấy không còn hơi hướm của vỏ bưởi mới thôi.

Sau khi rửa nước, vỏ bưởi được xắt thành hình sợi, vuông cạnh, vừa tầm như sợi bột khoai. Đưa vào nấu với nước đường tinh, chóc sau đã thành nguyên liệu cho món chè. không hiểu sao trước đây chỉ Cần Thơ mới có. Ăn chè bưởi, thực khách sẽ thấm biết ơn những người mẹ và người chị, những người tạo nên giây phút thăng hoa khi hương vị một vùng đất thấm qua lưỡi đến tận hồn người.

***Đặc sản cá sủu xứ cù lao**

Cù lao Tân Lộc, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ có cá sủu, loại cá vảy nhỏ, ướp muối thật mặn thường được dân miền Tây gọi là "cá mặn" hoặc "hầm di". Hầm di chỉ cần chiên là đã ngon lắm rồi. Cầu kỳ hơn thì chưng cách thủy với gừng xắt sợi, thịt ba rọi băm, nếu tăng cường đậu hũ, nấm rơm và tôm nữa thì càng thêm ngon. Hai món này ăn với cháo trắng hoặc cơm nóng đều ngon cả.

Mùa xoài, cá sủu đem kho lạt băm xoài, giảm trái ớt sừng trâu hoặc ớt hiểm xanh ăn rất ngon. Nếu được chấm với bông súng, bông điên điển hoặc dọt xoài thì hương vị còn tăng lên gấp bội. Cá sủu khứa xéo hai bên hông, muối sả ớt chiên; cá sủu nấu canh chua... đều hấp dẫn.

***Nem Cái Răng Cần thơ**

Món quà mà nhiều người dân Cái Răng hay tặng khách phương xa chính là món nem chua nổi tiếng của quê nhà. Việc tìm mua món đặc sản này cũng rất dễ dàng: chỉ cần đi xe 15 - 20 phút từ trung tâm thành phố Cần Thơ đi

về phía Nam chừng 5km, vừa qua cầu Cái Răng là đã đến “làng nem”. Nem chua Cái Răng cùng nem Lai Vung, là hai đặc sản khá nổi tiếng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hai loại nem này có hương vị khác nhau: nem Lai Vung nhiều bì, vị chua ngọt, màu đỏ hồng, hơi dai thì nem Cái Răng nhiều thịt hơn bì, vị chua thanh, không dai, bệu ngọt. Đa phần nem Cái Răng được gói bằng lá vông nem hoặc lá chùm ruột, bao lá chuối ngoài cùng. Nem Cái Răng lâu chua, nhưng khi đã chua thì có mùi thơm của lá chùm ruột, lá vông nem, lá chuối tươi thấm vào ruột, ăn có vị thơm thơm.

***Ốc nướng tiêu Cần Thơ**

Bạn bè, khách quen xuống Cần Thơ thường được đãi ăn ốc nướng tiêu. Vài năm gần đây, Cần Thơ có đến mấy chục điểm bán món ốc nướng tiêu với những mùi vị đặc trưng khác nhau.

Theo cách thứ nhất ốc được luộc sơ cho bong vẩy rồi bỏ lên lửa than nướng, vừa nướng vừa bỏ nước mắm đã làm sẵn gia vị như tiêu, tỏi, bột ngọt... khi thấy nước bên trong con ốc sôi lên, hơi cạn xuống thì cho vào đĩa lót rau răm thơm phức. Ốc nướng như vậy rất vừa ăn, hơi cay, vừa ngọt mặn, vừa giòn, ăn thật rồi mà húp nước ốc thì rất tuyệt.

Cách thứ hai ốc được nướng tươi sống (đã được rửa nước cho sạch) trong lúc nướng cho nước mắm, gia vị vào, nướng cho đến khi hơi khét vỏ thì mùi thơm của nó càng hấp dẫn hơn, khi ăn rất giòn.

*Thác lác cườm Hậu Giang

Nhiều người nói rằng: “Đi du lịch Hậu Giang mà không ăn được cá thác lác cườm coi như thiếu sót lớn”. Ở hầu hết các nhà hàng, tiệm ăn lớn ở Hậu Giang đều có các món ăn được chế biến từ cá thác lác. Người dân Hậu Giang lâu nay coi cá thác lác là món đặc sản rất đáng tự hào của tỉnh nhà.

Sau khi làm sạch cá, người ta dùng sống dao hoặc vật cứng dần dọc theo chiều dài cá rồi dùng dao cứa ngang theo thân, cách nhau độ 5cm để gia vị mau thấm, ướp nước sả, phơi nắng độ nửa giờ mới đem chiên. Khi cá gần chín mới rắc sả băm nhuyễn vào để sả không bị khét.

Cá thác lác cườm ở Hậu Giang còn rất được các bà nội trợ “tín nhiệm” khi được chế biến thành chả. Thường chả cá có bán sẵn ngoài chợ, mua về, thêm thịt heo nạc băm nhỏ theo tỷ lệ 3 cá/1 thịt, đều tay quét với chút bột ngọt, muối, tiêu xay, hành lá xắt nhuyễn, bắc chảo chiên vàng là các ông đã có món nhậu ngon, còn trẻ con thì có món mặn “không chê vào đâu được” để ăn cơm.

Chả cá thác lác nấu canh rau tần ô là một món ăn quen thuộc rất “bắt” trong bữa cơm. Còn trên các bữa tiệc sang trọng, chả cá đang hoàng “sánh vai” cùng nhiều hải sản cao cấp khác trong các món lẩu. Tuy nhiên, chỉ ở món lẩu cá thác lác thì “vai trò” của nguyên liệu này mới được thể hiện đúng mực. Chả cá mua về, dùng muỗng quét đều tay cùng các loại gia vị kể trên nhưng không thêm thịt heo. Nồi nước dùng được nấu bằng xương heo hầm lấy nước ngọt, nêm nếm vừa ăn. Loại rau thích hợp nhất với lẩu này là khổ qua bào mỏng.

Cá thác lác cườm, khóm Cầu Đúc và bưởi Phú Hữu đã làm nên “cái riêng” của Hậu Giang trong muôn vàn cái chung của ngành du lịch Đồng bằng sông Cửu Long.

***Lạp xưởng Sóc Trăng**

Lạp xưởng, phiên âm từ tiếng Hoa “Lạp Xéng”, là một trong những món ăn do người Hoa ở Sóc Trăng chế biến. Lạp xưởng ngày nay là món ăn ưa thích của nhiều người. Nó hiện diện ở mọi lúc, mọi nơi từ những bữa ăn trong gia đình đến những bữa tiệc sang trọng. Hiện nay, ở Sóc Trăng ngoài lạp xưởng được chế biến bằng thịt heo người ta còn chế biến lạp xưởng bằng chất liệu tôm và cá.

***Bánh pía Sóc Trăng**

Bánh pía (Pía tiếng Hoa cũng có nghĩa là bánh) do người dân ở Sóc Trăng chế biến dần dần được Việt hoá thành loại bánh quen thuộc của mọi người. Bánh pía hình tròn, đẹp, có nhiều lớp da mỏng bao lấy phần nhân đậu xanh (hoặc khoai môn, mít các loại), lòng đỏ trứng vịt muối... Lớp vỏ lụa mỏng dính, tróc đều, vì vậy một vài nơi người ta còn gọi bánh pía là bánh lột da. Bánh pía Sóc Trăng không khô cứng như các loại bánh ở các vùng, miền khác mà mềm, có vị ngọt mà thanh. Đặc biệt mùi sấu riêng quyến với đậu xanh, dầu ăn... dễ kích thích vị giác của người thưởng thức.

***Bánh cống**

Bánh cống là món ăn do người Kinh Nam Bộ sáng chế. Tên gọi bánh cống phát sinh từ chiếc cống, một dụng cụ bằng kim loại không rỉ, hình nón cụt, miệng loe, có cán

cầm để chiên. Bánh công được bán ở rất nhiều nơi thuộc khu vực này nhưng nổi tiếng nhất vẫn là bánh công Đại Tâm - huyện Mỹ Xuyên (Sóc Trăng) bởi bánh có độ giòn, độ xốp vừa phải, rất thơm, lại có màu vàng ươm bắt mắt. Nguyên liệu chính gồm bột gạo, nước cốt dừa, đậu xanh, thịt heo, tép đất, tẩm với gia vị

***Y Sốt Trăng - Đặc sản của người Hoa**

Y, viên bột tròn, nhỏ, màu trắng đục là món đặc sản của người Hoa ở Sóc Trăng. Kích thước y to hơn bột báng và được làm từ tinh bột khoai lang trắng.

Y nấu chè với “kia chứa” (khoai rừng) và đường cát trắng. Kia chứa rửa sạch, lột vỏ, bào miếng nấu chung với y có tác dụng giải nhiệt. Chén chè y thanh nhả, kia chứa giòn giòn tương phản viên y dai dai mềm mại. Trong người đang nóng bức, ăn chén chè y vào là thấy mát mẻ ngay. Trời nóng, ăn chè y thêm vài cục nước đá, mát rượi. Trời lạnh, ăn chè y nóng, ấm cả người. Y lớn to cỡ trái tắc đem nấu với thịt làm món mặn giống như nấu bánh canh.

Vào các ngày rằm lớn hoặc Tết Trung thu, Tết Nguyên đán... người Hoa hay nấu chè y cúng tổ tiên rồi cùng nhau ăn với ý nghĩa đoàn viên, may mắn. Trong đám cưới, cô dâu chú rể cũng được ăn chè y như lời cầu chúc vẹn tròn hạnh phúc.

***Xá bấu ngọt xứ Trà Nho - đặc sản Vĩnh Châu, Sóc Trăng**

Nghề làm xá bấu ngọt ở Vĩnh Châu (Sóc Trăng) hiện đang phát triển mạnh mấy năm gần đây, ngoài nghề làm

củ cải muối truyền thống địa phương, hiện đã có hàng chục hộ chuyên làm xá bầu ngọt (củ cải trộn đường, ướp gia vị) - là món ăn đặc sản "mới" được khách hàng trong và ngoài tỉnh ưa chuộng.

Củ cải trắng được chọn lựa kỹ lưỡng sau công đoạn chọn củ, rửa sạch, cắt đều cỡ tám phân rồi chẻ tư, ướp muối xong, phơi độ hai nắng; cầm thử thấy còn ẩm, nhưng dịu vừa tay thì đem trộn đường cát mịn, theo tỷ lệ thích hợp, ủ vài bữa cho đường ngấm thấm là được. Ngoài ra, để tăng thêm hương vị, các cơ sở còn trộn thêm gừng, riềng non hoặc ướp ngũ vị hương tùy theo khẩu vị riêng của khách.

***Bánh gừng - bánh truyền thống của người Chăm và Khơ-me**

Trong cộng đồng người Chăm cũng như người dân tộc Khơ-me ở Đồng bằng sông Cửu Long, bánh gừng là loại bánh truyền thống độc đáo được dùng trong những ngày lễ hội, Tết cổ truyền... Bánh gừng, tiếng Chăm là Harginònnya, còn người Khơ-me ở Sóc Trăng thì gọi Num-Khơ-Nhây. Gọi tên vậy vì bánh có hình dạng củ gừng. Bánh được làm từ loại nếp lớn, trắng đục, và trứng gà và nắn bột thành chiếc bánh có hình củ gừng, rồi mang chiên và thắng với đường cát.

Trong phong tục Chăm, bánh gừng có mặt trong các lễ hội quan trọng. Đặc biệt nhất là Tết Ka tê, lễ cưới.

***Cá bống sao - đặc sản Cù lao Dung, Sóc Trăng**

Cù lao Dung có loại cá bống sao có đốm xanh, da lấm tấm những chấm trắng li ti như nhiều ngôi sao. Thịt cá

bống sao màu đỏ, săn chắc hơn thịt cá lóc nên rất ngon. Người ta thường dùng cá kho tiêu hoặc kho khô, địa phương gọi là "kho chồn". Cá bống sao kho chồn ngon nhờ lá gan của nó lớn gần bằng bụng. Vị nhân nhẩn đáng, bùi bùi của gan cá, cộng với mùi nồng hăng thơm ngát của rau cải vườn tạo nên dư vị khó quên. Cá bống sao kho sả ớt mới ngon, nhưng tuyệt vời hơn nếu được kho với mỡ heo và một chút nước cốt dừa, đun sánh lại. Để món ăn đậm đà bản sắc văn hóa ẩm thực Nam Bộ, người ta làm sạch cá ướp với một số gia vị phù hợp để kho như đường, nước mắm, bột ngọt, nước màu... nhưng không thể không có gia vị chủ lực là sả ớt.

***Cốm "đẹp"**

Thông thường, khi người miền Nam nói tới món cốm này thì gọi là cốm "đẹp" vì đây là lối phát âm của người miền Nam nhưng thật ra phải gọi là cốm "giẹp" mới đúng.

Cốm đẹp được làm từ lúa nếp vừa đỏ đuôi, còn ngâm sữa và hạt nếp mềm dẻo. Lúa nếp vừa gặt xong được rang trong nồi đất, mỗi lần rang chỉ vài ba lon, đến khi hạt vừa giòn là bỏ vào cối bông, sau đó dùng chày gỗ để quết. Hạt nếp được quết đẹp thì sang qua nia, sấy cho hết trấu, rồi đem sàng để có được loại cốm ngon nhất.

***Bánh xèo Giồng Nhãn, Bạc Liêu**

Bánh xèo ở đây hấp dẫn bởi bột bánh xèo chỉ - nghĩa là mềm, dẻo vừa độ, quện mà không dính hết khi được xay bằng cối đá. Lại nữa, bánh ngon còn nhờ được tráng

khéo, cần miếng nào, chỗ nào cũng nghe vỏ bánh nổ giòn trong răng. Nhưng bánh được làm bằng thịt nạc, tép bạc, đậu xanh, giá, củ sắn và hành tây. Tép xù này khỏi nói, vị ngọt mặn ngất ngây vị giác. Được vậy nhờ vị mặn biển Bạc Liêu. Rau sống trồng đất giống giòn thơm, với xà lách, cải xanh, húng quế, diếp cá, rau húng... Rồi chén nước mắm được pha chế khéo, vừa mặn, chua vừa ngọt vừa nồng cay vị tỏi ớt... Thường thức bánh xèo Giồng Nhân sẽ “nhứt xứ” khi nhấp ly rượu nhàn độc đáo của địa phương.

***Cá mú Hòn Nghê**

Từ tháng chạp đến tháng ba, ở Hòn Nghê (Kiên Lương, Kiên Giang) mặt biển bãi Nam giăng kín lồng bè nuôi cá mú.

Đến biển Hòn Nghê, du khách có dịp thưởng thức những con cá mú sao còn tươi rói với nhiều cách chế biến khác nhau như kho tiêu, nấu chua, chiên giòn, hấp hành, xào chua ngọt... nhưng món mà các du khách thường nhớ mãi đó là món cá mú sao tiềm thuốc bắc đặc biệt hấp dẫn. Thịt cá mú rất thơm ngon, được ưa chuộng hàng đầu trong các loài cá biển vì thịt trắng, ngọt, dai. Lớp da cá béo giòn sần sật, màu thịt trắng phau, cá còn được làm gỏi, nấu cháo... và món ăn càng ít gia vị càng giữ được hương vị gốc.

Ngoài món hấp thuốc bắc, cháo cá mú cũng được dân sành ẩm thực “đề cử” vào danh sách các món ăn thượng hạng miền biển. Người ta dùng gạo hoặc tám ngon để nấu cháo. Khi gạo nở, cháo chín, người ta cho cá để nguyên con hoặc cắt khúc vào, nêm nước mắm, hành tây, hành lá, cần tây, tỏi phi. Nồi cháo có thêm nấm rơm lại càng ngon.

Múc chén cháo nóng vừa thổi vừa húp, gấp thêm miếng cá ngọt lừ, chấm vào chén nước mắm hòn cay nồng vị ớt trên bờ biển lồng gió, chắc hẳn chuyến đi của bạn càng thêm thú vị.

***Nấm tràm - đặc sản Đảo Ngọc, Kiên Giang**

Những cánh nấm chổng nở, chổng tàn, vị ngọt đắng xen lẫn, phảng phất chút hương đất trời phương Nam...

Nằm ở cực Nam của đất nước, Phú Quốc được tôn vinh là Đảo Ngọc phương Nam. Với biết bao phong cảnh tuyệt đẹp còn nguyên sơ, những đặc sản độc đáo như nước mắm, hồ tiêu... và nấm tràm là một trong những đặc sản độc đáo.

Cách chế biến món ăn từ nấm tràm cũng đơn sơ, mộc mạc. Nấm tươi được nấu với hải sản như tôm, cá, mực. Nấm khô thì xào với bào ngư hoặc hải sâm. Có thể nấu nấm tràm với thịt gà, thịt lợn và trứng.

Món gà giò luộc vừa chín tới, cho nấm tươi mới hái vào. Nồi nước luộc gà sẽ trở thành món súp nấm thơm lừng. Thịt gà thì được xé nhỏ chấm muối ớt ngon ngọt. Nhưng ngon nhất lại là những chén nước súp nấm nóng hổi. Nấm vừa chín ăn giòn, xốp càng nhai càng thấy vị ngậm ngậm đắng. Uống nước súp vị của nấm và gà lúc này mới thấy hết được cái đắng của nấm tràm.

Nấm tràm xào với tép bạc, thịt ba chỉ, tôm, mực đều là những món ăn hấp dẫn. Ở biển đảo Phú Quốc, nếu bắt được con cá rựa hoặc cá nhồng, người dân nhất định sẽ lấy thịt làm chả cá nấu với nấm. Trước khi múc ra tô, người ta đập một vài quả trứng vịt vào. Vị đắng của nấm hòa trong

vị ngọt của con cá rựa, cá nhồng và vị béo của lòng trắng lòng đỏ trứng rất lạ miệng.

Giản dị như canh nấm tràm với tôm tươi và rau tập tàng. Nếu có thêm khoai lang, tô canh càng thêm thú vị. Ngoài việc làm canh thêm bùi, khoai lang còn giải chất độc có trong nấm. Cháo nấm tràm cũng là món ngon đặc sắc. Chỉ với ít tôm tươi, thịt ba chỉ, thêm thịt bò, hành, tiêu, ớt, bạn sẽ có một nồi cháo bảo đảm ngon, cay, đồ mồ hôi vì nóng.

Có thể bạn sẽ thấy hơi khó ăn, nhưng lại có người vì cái vị đắng mà thích món nấm tràm. Sau khi thưởng thức món nấm mà nhâm nhi nước trà, vị đắng của nấm lại càng đậm lưu trong vị giác.

***Tả-pí-lù**

Sở dĩ có cái tên nghe là lạ, hay hay như vậy là vì đây là món ăn có nguồn gốc từ cộng đồng người Hoa di cư ở U Minh Thượng. Nguyên nghĩa tiếng Hoa của từ "tả-pí-lù" là ăn ngẫu nhiên ngay trên lò nấu. Thực chất, đây chính là món cá tái.

Người ta chọn cá to, nhiều thịt để thái thành từng miếng mỏng. Cá nguyên liệu thường dùng nhất là cá lóc, cá trê, đôi khi cũng sử dụng luôn cả cá rô, cá sặc bướm loại lớn. Những miếng cá này được nhúng trong nồi nước đang sôi có thành phần cơ bản là dấm, nước dừa tươi có nêm gia vị. Miếng cá sẵn lại, chuyển sang trạng thái tái thì được vớt ra ăn ngay, không để chín hoàn toàn, vì nếu quá chín, lúc đó thịt mềm, bở ra như đã bị luộc, mất ngon.

Ăn cá tả-pí-lù phải có nước mắm vừa mặn, lại phải có hậu vị giòn ngọt, chua chua, thơm thơm và cay nồng và

nhiều rau, phần lớn rau là các loại mọc ven bờ mầu, chân ruộng mới gặt hái xong như rau cóc, tàu bay, chân vịt, muống đồng,... không phải loại dùng để ăn sống.

***Ba khía muối**

Rừng ngập mặn ở Cà Mau, nơi nào cũng có ba khía, nhưng nổi tiếng xưa nay vẫn là ba khía Rạch Quốc.

Trước khi ăn, ba khía được ngâm với nước cơm rồi đổ bỏ phần nước này, sau đó xé làm hai, làm tư, rồi làm tám. Giã ít tỏi, vài khúc ớt, đường cát, nước cốt chanh. Chanh được nặn vào tỏi, ớt và đường, bỏ hạt, quấy cho tan đều, rưới lên ba khía. Giấc trưa, đói bụng chẳng còn món nào ngon hơn ba khía với cơm nguội.

Lấy vỏ ba khía (thường là chứa nhiều gạch, vàng tươi, thơm lụng) rồi dùng đũa lùa cơm vào đầy vỏ, trộn đều cho hết gạch rồi trút ra chén. Một chén cơm trộn chừng ba vỏ ba khía là vừa. Chưa hết, trong các ngoe ba khía đều chứa một bấp thịt nhỏ (như đùi ếch). Nhai dập cả ngoe cũng được, nhưng không ngon. Hãy dùng răng cắn đứt 2 đầu của "đùi thịt" này, sau đó để giữa hai hàm răng hút mạnh, như hút ốc len. Bấp thịt đùi ba khía chạy vào miệng vừa mặn mặn, cay cay, chua chua, ngọt ngọt... một hương vị rất đáng nhớ.

***Vọp nướng chấm muối tiêu**

Món ăn này vừa mang hương vị đặc biệt, vừa mang niềm vui bất tận cho khách tứ phương. Cà Mau bây giờ rất hiếm vọp, vì nó trở thành món ăn quý hiếm. Lựa loại

vọp ta, rửa sạch, để ráo nước, sắp vào đĩa. Gia vị gồm muối tiêu chanh thêm bột ngọt, các loại rau cải. Lò than cháy đều, đặt lên bàn, để vỉ nướng lên trên, đặt vọp lên vỉ, có thể nhiều con cùng một lúc. Khi tiệc đến lúc nào hứng thì món vọp nước sẽ làm cho rôm rả hết ý. Lúc vọp há miệng là vừa chín tới, ăn rất ngọt, để lâu sẽ chín quá, khô nước, thịt dai, nhạt.

***Lươn um lá nhàu**

Người Trung Quốc gọi con lươn là "Sâm đất". Thật vậy, ăn lươn um với lá nhàu, vừa bổ, vừa mát, vừa ít đau lưng. Loại lươn cỡ 2-3 con một ký, làm sạch. Lót cọng sả đập dập ở đáy xong, xếp thêm ít lớp lá nhàu (rửa sạch) rồi khoanh lươn tròn trong xong cho gọn, bắc lên bếp. Đổ nước cốt dừa vào, đun sôi để lửa hơi nhỏ cho lươn mềm. Đậu phộng rang vàng giã nhỏ, tương tàu vắt bớt nước tán nhỏ, cho cả hai vào nửa chén nước cốt dừa (nước nhất) thêm vào một ít muối, sả, ớt (hăm nhỏ), bột ngọt để làm nước chấm. Khi thấy da lươn bị nứt, lấy dừa bẻ, lươn gãy là vừa ăn, đừng để quá chín. Múc lươn um ra tô, để lá nhàu phía dưới, khoanh lươn gọn trong tô, chế lên vài ba muống nước cốt dừa (nước nhất), rải đậu phộng rang giã nhỏ lên trên. Mùi thơm và vị béo của lươn um lá nhàu, thưởng thức một lần, thật khó quên.

***Đặc sản hàu ở Hòn Đá Bạc**

Hòn Đá Bạc nổi tiếng với món hàu biển. Hàu biển có mặt ở nhiều nơi nhưng theo nhiều thực khách sành điệu,

chỉ có hàu ở Hòn Đá Bạc là ngon nhất, bổ dưỡng nhất, đặc biệt là 3 món sau:

Hàu nướng: Tách ra một lớp vỏ, phi hành mỡ tỏi vào lớp vỏ còn lại có thịt hàu, nướng dưới lửa than hồng, hương thơm ngào ngạt, cho từng con vào miệng, béo ngậy, quên thôi.

Hàu tái chanh bồ tát: Thịt hàu bóc hết vỏ, cho vào đĩa nước đá rồi gấp từng con ra chén, cho xì dầu, chanh, bồ tát vào trộn đều, đưa vào miệng sẽ thưởng thức được hương vị thơm, ngọt, béo hòa lẫn với vị cay làm tê đầu lưỡi của thực khách.

Hàu nấu cháo: Các loại cháo, súp nấu bằng hải sản đều ngon, nhưng cháo hàu là ngon hơn cả, ít có một loại hải sản nào bì kịp.

Đến Hòn Đá Bạc, ngoài món ăn đặc sản là hàu biển, du khách còn có thể thưởng thức thêm món cá nâu, cá mú nướng hoặc luộc cơm mẻ còn tươi nguyên mua từ những thuyền câu của những “lão ngư” bênh bồng xa xa quanh chân hòn.

***Ốc len xào dừa**

Ốc len đây là loại đặc sản chỉ riêng có vùng rừng ngập mặn chứ không phải nơi nào cũng có. Đặc biệt ốc len vùng Đất Mũi, Tân Ân, Rạch Gốc mới ngon, vì vùng này còn nhiều phù sa và rong rêu, tảo mọc trên các thân cây đước, cây mắm.

Ốc được rửa sạch rồi còn phải hòa nước muối loãng trong, đổ ốc vào ngâm vài phút. Dùng dao chặt đuôi ốc, khi chặt đuôi ốc cũng phải khéo, nếu phần bỏ đi mà nhiều quá thì ăn rất khó. Ốc chặt đuôi xong rửa lại một

lần nữa cho sạch rồi cho vào rổ để ráo nước “dào”, đổ vào xoong trộn ít lát gừng xắt mỏng, cho nước ngập xăm xấp. Sau đó, bắc lên bếp và phải chụm nhỏ lửa, khi ốc đã chín, trước lúc múc ra tô để ăn thì đổ thêm nước cốt dừa làm tăng độ béo của món ăn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Văn hóa - Tư tưởng Trung ương, *Vấn đề dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, H.2002.
2. Phan Hữu Dật, Ngô Đức Thịnh, Lê Ngọc Thắng, *Sắc thái văn hóa địa phương và tộc người trong chiến lược phát triển đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, H.1998.
3. *Việt Nam đất nước con người*, Nxb Giáo dục, H.2004
4. *Non nước Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, H.2008.
5. *Việt Nam, 63 tỉnh thành và các địa danh du lịch*, Nxb Lao động, H.2009.
6. Đặng Việt Thủy (chủ biên), *Hỏi đáp về một số thắng cảnh nổi tiếng ở Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, H.2009.
7. *Hỏi đáp về văn hóa ẩm thực và trang phục truyền thống các dân tộc Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, H.2009.
8. Nguồn tài liệu của Cổng thông tin điện tử các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, website của Tổng cục Du lịch, website của Bộ Thông tin - Truyền thông,...

MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất	KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÁC DI TÍCH, DANH THẮNG CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	7
I	Điều kiện tự nhiên	9
II	Đặc điểm kinh tế - xã hội	18
III	Đặc điểm dân tộc, tôn giáo	22
IV	Di tích lịch sử	34
V	Danh lam thắng cảnh	109
Phần thứ hai	VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	149
I	Phong tục, lễ hội đặc sắc	151
II	Các làng nghề truyền thống	175
III	Những món ăn đặc sắc	197

ĐỒNG BẰNG
SÔNG CỬU LONG
VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI

Chịu trách nhiệm xuất bản: PHẠM BÁ TOÀN
Chịu trách nhiệm bản thảo: NGUYỄN DUY TUỜNG
Biên tập: TRẦN VĂN QUANG
Trình bày: NGUYỄN TRUNG MINH
Sửa bản in: BÍCH NGỌC
Bìa: NGÔ TRỌNG HIỂN

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

23 Lý Nam Đế Hà Nội.

ĐT: (04) 38455766; Fax (04) 37471106

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Số 8 Nguyễn Bình Khiêm - Quận 1

ĐT (069) 667452 - (08) 39111563; Fax: (08) 39111563

Cơ quan đại diện tại Thành phố Cần Thơ:

Phủ trương 31 - đường Cách mạng tháng Tám

ĐT: (069) 629905 - (0710) 3814772; Fax: (0710) 3814772

Cơ quan đại diện tại Thành phố Đà Nẵng:

Số 15A Duy Tân - Quận Hải Châu

ĐT: (0511) 6250803 - Fax: (0511) 6250803

Bắt đầu in: Quý I - 2010 In xong và nộp lưu chiểu: Quý I - 2010

Khổ sách: 14.5 x 20.5

Số trang: 228

Số xuất bản: 1128 - 2009/CXB/11 - 259/QĐND

In và đóng sách tại: Công ty CP in vật tư Ba Đình, Thanh Hóa

Số in: 407

Số lượng: 1.050 cuốn

TÂY BẮC

vùng đất,
con người



ĐÔNG BẮC

vùng đất,
con người



ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

vùng đất,
con người



BẮC TRUNG BỘ

vùng đất,
con người



NAM TRUNG BỘ

vùng đất,
con người



TÂY NGUYÊN

vùng đất,
con người



ĐÔNG NAM BỘ

vùng đất,
con người



ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

vùng đất,
con người



101112402



819350751919976

Giá: 36.000đ